

Mỗi tác giả
Một tác phẩm

chất ngọc

vũ hạnh

tuyển truyện ngắn



nhà xuất bản trẻ

Vũ Hạnh

Chất Ngọc

vietmessenger.com

Tâm sự của người cầm bút

Năm 1946, sau khi cách mạng tháng Tám thành công đem lại độc lập cho đất nước thì thực dân Pháp - được đế quốc Mỹ viện trợ - đã quay trở lại để mong tái chiếm Việt Nam. Sau chín năm chiến đấu, ta đã buộc Pháp ký kết Hiệp định Genève, tạm thời chia đôi Nam, Bắc để sau hai năm sẽ có cuộc tổng tuyển cử quyết định chế độ cho đất nước. Nhưng liền sau đó, Pháp giao miền Nam cho Mỹ để trừ nợ. Đây là thời kỳ đất nước rơi vào tình trạng chia cắt với nhiều xáo trộn tòi tệ và đẫm máu nhất.

Ngày ấy, sống ở miền Nam, tôi có nhiệm vụ sử dụng ngòi bút góp phần đấu tranh cho sự giải phóng quê hương. Ngoài một số truyện chứa đựng nội dung phê phán chế độ được viết theo lối cổ kính - để tránh lười kéo kiểm duyệt - tôi nghĩ các truyện viết về đồng quê và rừng núi sẽ được người đọc thị thành ưa thích vì những màu sắc xa lạ. Như vậy phải có văn phong đa dạng phù hợp với từng thể truyện, và đây có lẽ cũng là sở trường của tôi, sở trường vốn là kết quả của nhiều biến cố - hay nói đúng hơn là những bầm dập - mà tôi đã phải trải chịu từ lúc ấu thơ đến tuổi trưởng thành. Từ một gia đình giàu có nhất vùng, tôi đã phải sống trong cảnh nghèo nàn, từ một bà mẹ tiểu thư, con của một vị thượng quan - tiến sĩ ở trong Ngũ Phụng Tề Phi - tôi đã phải sống với những di ghê thất học, và không kể mấy lần tù cùng bốn chế độ đã phải trải qua - chỉ tính tới thời Mỹ Diệm - tôi chẳng những sống nhiều năm giữa chốn phồn hoa đô hội, còn dành thời gian không nhỏ cho vùng rừng núi hoang vu đến miền cát trắng hoang sơ. Những bất thường ấy, ở trong cuộc sống, có thể giúp tôi tìm được giọng điệu khác nhau cho mỗi thể truyện.

Khi viết *Bút máu* theo lối cổ kính, vào năm 1958, như một tuyên ngôn đối với chính mình, đồng thời để phản ứng lại đội ngũ bồi bút đông đảo thời ấy, tôi mượn tên anh Vũ Hạnh để làm bút hiệu - đó là người bạn đồng hương, vừa là bạn tù, đồng thời là một chiến sĩ tuyệt vời - để tăng thêm phần trách nhiệm của mình đối với ngòi bút. Sau ngày Giải phóng, một cô bạn văn ở ban đối ngoại của Hội Nhà văn Liên Xô cho biết *Bút máu* từng được dịch ra tiếng Nga, song vì

tôi không biết ngoại ngữ này nên không tìm giữ bản dịch, chỉ giữ mỗi truyện *Chất ngọc* được một tạp chí ở Mỹ - *Southeast Chronicle* - dịch và đăng tải ở số 70-71.

Để thử viết một truyện nông thôn - là *Miếng thịt vịt* - tôi đã khai thác cảnh nghèo cùng cực ở một miền quê, sát cạnh làng tôi, trước thời Cách mạng, và sau khi đăng trên tờ *Bách Khoa*, tôi nhận được lời nhắn gửi trên một nhật báo - của kịch tác gia nổi tiếng là Vi Huyền Đắc - mời tôi đến gặp tại nhà, vì tôi bấy giờ còn sống lang thang, không có chỗ ở cố định. Ông đón tiếp tôi niềm nở, tỏ ra thích thú câu chuyện tôi viết, vì ông cho rằng có nhiều kịch tính. Truyện *Miếng thịt vịt* là bước mở màn cho một tình bạn vong niên hết sức đậm đà giữa ông và tôi, kéo dài cho đến ngày ông từ giã cõi đời.

Viết về núi rừng, tôi có khá nhiều vốn sống và truyện *Mùa xuân trên đỉnh non cao* chỉ là một kỷ niệm nhỏ trong thời chống Pháp khi tôi xin được nghỉ dạy để gia nhập đội Văn nghệ Thanh niên xung phong lên phục vụ trên chiến trường Tây Nguyên, và *Cuôi ba dùm* là sự ghi lại, theo lời kể về các phong tục tuyệt vời của những đồng bào miền núi.

Khi Mỹ kéo quân ồ ạt sang xâm lược Việt Nam thì sự hiện diện của quân đội Mỹ và đám chư hầu đã làm xã hội miền Nam xuống cấp trầm trọng về mặt tinh thần. Thực trạng đó thể hiện trong các truyện ngắn *Người chồng thời đại*, *Mụ Tư Cò* để mong ghi lại chút gì về sự sa đọa của một giai đoạn ở trong sinh hoạt đô thị miền Nam.

Tôi chỉ xin nhắc lại đôi kỷ niệm về một số truyện có mặt trong tuyển tập này, chứ không làm một hồi ức về cái quãng đời cầm bút mà tôi trải qua với nhiều sự cố và nhiều ngục tù.

Vũ Hạnh
11.1.2011

Mùa xuân trên đỉnh non cao

Mặt trời đỏ lói như một cục máu, có vẻ vội vàng trụt xuống sau đỉnh núi cao. Hiệp bước khập khiễng trên con đường dốc nhấp nhô, kêu lên một cách thảm thiết:

- Đi chậm một chút các người! Định bỏ thằng này cho cạp nhai sao?

Sự thực là cả ba người đi trước lê chân rất là chậm chạp. Cả ngày hôm ấy họ chỉ ăn một bữa cơm với muối vào khoảng nửa buổi, và phải lượn lỏi băng rừng, leo núi, không dám nghỉ trưa chỉ sợ mặt trời vội tắt mà chưa đến được Đất Tó. An, người khỏe nhất bọn, đứng trên đầu dốc áp người vào một thân cây, quay nhìn trở lại, hét to:

- Gấp lên, ông cụ! Chỉ sợ cạp xơi luôn cả bốn mạng đó thôi.

Khánh, người trưởng đoàn, ngồi xuống mô đá ven đường nói bằng một giọng mệt nhọc:

- Chờ nó một chút. Thằng ấy khó tính lắm mà.

Rồi anh nhăn mặt, duỗi thẳng hai chân để tìm một phút nghỉ ngơi, ngả người dựa cái ba lô vào một vách đá thờ từng hơi dài. Dừng tiến lại gần bên Khánh, ngồi xuống rất là nặng nề, chậm rãi lấy khăn lau lớp mồ hôi chan hòa trên mặt. Một lát, Hiệp nhăn nhó tới, xanh xao, cạp choạng như một con bệnh, giương hai con mắt lơ dờ:

- Gần đến nơi chưa?

An đáp:

- Sắp tới nơi rồi. Lên đây mà nhìn.

Anh chỉ về phía bên kia sườn núi:

- Chỉ một phần ba khâu rửa là đến buôn rồi, tha hồ ăn hút. Đi ta!

Hiệp phều phào đáp:

- Gần đến thì đi làm gì cho vội, nghỉ một chút đã.

Nói xong anh nằm ngửa ra, dựa mình trên cái ba lô, duỗi thẳng hai tay trên đất, nhắm nghiền đôi mắt. An lại ngồi xuống ở trên đầu dốc, vòng tay ôm lấy đầu gối, đưa mắt nhìn về phía chân trời xa.

Ánh nắng cuối cùng như tái nhạt dần, gió núi xào xạc rung động ngàn cây đem những hơi lạnh từ lòng thung lũng chuyển đi khắp nẻo thâm u.

An giục:

- Đi thôi! Tối rồi!

Hiệp không mở mắt, rên rĩ:

- Nghỉ một chút đã!

An cần nhắc:

- Đa số mà cứ phục tùng thiếu số cách này thiệt là đảo lộn dân chủ rồi đó. Lên đây mà xem. Một phần ba khâu rửa không phải là gần. Buôn còn xa lắm, các ngài.

Khánh và Dụng cùng ngồi thẳng dậy vịn nhau đứng lên. Khánh lấy cây gậy gõ vào chân Hiệp, giục giã:

- Dậy nào, đi thôi!

Hiệp hé đôi mắt, rồi nhắm nghiền lại.

- Đi ta! Tối rồi!

Hiệp lại mở mắt trân trân nhìn một lát nữa rồi mới một nhọc ngồi lên:

- Ủ, thì đi.

Nói thế nhưng anh vẫn không nhúc nhích. Khánh bảo Dụng:

- Đỡ nó đứng lên, kéo nó muốn sụm bà chè rồi kìa.

Hai người lại kéo tay Hiệp, nâng anh ta dậy hết sức khó khăn.

An nói chớ xuống:

- Ai bảo tính chuyện xông pha rừng núi mà còn vợ con làm gì, để cho gối mỗi chân chồn sớm vậy.

Khánh cười gượng gạo:

- Ấy, cái gốc của loài người là cứ tưởng mình sống nguyên một chỗ.

Dụng cũng cố gắng nói đùa một câu cho bớt mệt nhọc:

- Trước kia, nếu biết có ngày mình phải sống lì trên núi thế này thì cố giữ vẹn tiết trinh để mà bây giờ gá nghĩa với một cô Thượng.

Hiệp cất tiếng cười "hê hê" một cách khó nhọc nhưng không bước tới được một bước nào. Khánh bảo:

- Nào, chia bớt gánh nặng cho Hiệp kéo nó nằm vạ ở đây thì khốn. Đưa khẩu súng này cho cậu ba An. Tháo ruột tượng gạo cho tôi. Còn cái mền kia, đưa cho cậu Dụng.

An đeo hai khẩu súng trường vội vã đi trước, dáng điệu lồm lỉ. Khánh và Dụng đi gần bên nhau thỉnh thoảng quay lại như thúc giục Hiệp. Anh này vẫn nhăn nhó, lữ khử nhấc bước như một con bệnh đi về địa ngục.

Giữa cái khung cảnh núi rừng đang chìm dần vào hoàng hôn bỗng Khánh nói lớn:

- Còn mười ngày nữa là Tết đấy nghe!

Dụng hỏi:

- Chúng mình định sẽ ăn Tết ở đâu?

Khánh đáp:

- Có lẽ phải nghỉ lại ở Đất Tó, mồng năm mới lại lên đường.

Hiệp nói bằng giọng khàn khàn:

- Đồng bào Thượng du đâu có Tết nhất mà ăn với uống. Chuyến này lại hưởng mùa xuân cơm muối, thềm thịt bỏ cha!

Sau câu nói ấy, dáng điệu của Hiệp lại càng thiếu nỗ lực thêm lên và bước chân anh có vẻ rã rời hơn trước. Bốn người lại cùng im lặng lê những bước chân nặng nề, mỗi người theo đuổi ít nhiều ý nghĩ xa xôi để quên bớt nỗi khó nhọc.

Họ đến cửa buôn thì khắp núi rừng đã nhuộm một màu xám ngoét. An vừa tiến lên đầu ngõ bỗng đứng sững rồi quay ngoắt lại, kêu lên:

- Nguy rồi!

Tiếng kêu đầy ý tuyệt vọng làm cho ba người đi sau hốt hoảng cùng dừng cả lại. Khánh hỏi:

- Sao đó?

An bước trở xuống, mặt anh căng tối hằm lại trong bóng đêm về:

- Cầm vào.

Dụng tiếp:

- Có chắc vậy không?

- Sao lại không chắc! Đồng bào gài lá trên cổng đó kia, chắc mình đến giữa vụ mùa nào rồi.

Và lần này An ngồi phịch xuống đất, tháo vôi ba lô khỏi vai:

- Chỉ còn một cách là nằm lăn kên ra đây ngủ đói đêm nay.

Hiệp cũng ngồi xuống, không nói nên lời, có vẻ hết sức đau khổ. Mọi người im lặng để nghe lòng mình xao xuyến lo âu. Bao nhiêu hy vọng ăn no ngủ ấm thế là tan tành, và những ước mơ nghỉ ngơi trên ngôi nhà sàn sáng rực ngọn lửa đêm dài sau một ngày đường vất vả, bây giờ như ánh nắng chiều tắt ngấm sau dãy non xa.

Hiệp bỗng nói lớn:

- Kéo đại vào thôi, chẳng lẽ nằm đây chịu chết hay sao?

Khánh cười gằn:

- Nằm đây chưa chắc đã chết, nhưng muốn chết sớm thì cứ kéo vào.

- Thế thì làm sao?

Trầm ngâm một lát, Khánh đáp:

- Buôn đã có dấu cấm kỵ thì không một người lạ nào có thể vào được. Chúng ta phải chờ, nhưng không biết đợi cho đến ngày nào. Chỉ còn một cách, hãy đi trở lại...

Hiệp kêu:

-Trời ơi! Tôi chịu chết thôi.

An bồng thờ dài:

- Sức đâu mà đi bây giờ?

Dụng cũng rầu rĩ:

- Bụng đói, trời đêm, làm sao mà bước?

Khánh nói:

- Cố nhiên là không làm sao trở lại đường cũ. Nhưng tôi biết rõ cách đây không xa có một buôn nhỏ từ lâu đã bị bỏ hoang, chúng ta hãy tìm về đó nghỉ tạm xem sao.

Giọng anh trở nên cương quyết:

- Chỉ còn có mỗi một con đường ấy mà thôi. Ngồi đây để trời tối sụp thì hết đường đi, cũng không cách nào đề phòng được loài thú dữ. Đề nghị anh em có bao nhiêu sức còn lại, thì ráng mà bước. Nào, ta đi.

o o o

Khi bốn người mò mẫm lên được ngôi nhà đầu tiên mà họ tìm gặp thì họ nhào ngựa trên lớp sàn tre, không kịp tháo rời ba lô ra khỏi đôi vai. Họ cũng không nhận được rõ ngôi nhà rộng, hẹp bởi vì bên trong tối mịt, và ở bên ngoài đêm đã phủ xuống mênh mông. Họ cũng chẳng hiểu vì sao đến được tận nơi, nếu không phải do một sức thôi thúc lạ lùng đẩy họ bước tới như những xác chết còn được điều động bởi sự hút dẫn ma quái khác thường. Khánh đã dẫn đầu cả bọn và chính anh cũng không tin là mình nhớ rõ con đường. Anh bươn nhào tới, vấp té nhiều lần khá nặng, rồi lại đứng lên lao mình về trước, không kịp nhận thấy một đau đớn nào. Bây giờ anh nghe toàn thân nhức nhối, hình như da thịt bị cào rách cả và cái đầu gối bên phải tê liệt hẳn đi. Nhiều lần anh cố nhấc tay để sờ vào đấy nhưng không nhấc nổi, chỉ máy động mấy ngón tay rất nhẹ rồi giữ yên lặng một chỗ để nghe một mối thấm mềm ở trong xương tủy. Lâu lắm anh mới quơ dần cánh tay về phía đầu gối, và anh cảm thấy ran rát, ướt đầm. Có lẽ là máu, mà có lẽ đấy cũng là mồ hôi, vì khắp mình anh ướt đầm mồ hôi. Anh nghe hơi thở mệt nhọc của

người nằm cạnh và tiếng ú ớ rời rạc, đoán chừng là Hiệp, nhưng không muốn gọi, vì anh cứ chực thiếp đi sau mỗi lúc chợt tỉnh giấc.

Cả ba người kia từ lúc bươn bả theo Khánh cũng không còn kịp suy nghĩ gì nữa. An cũng nhào té nhiều lần như Dụng và cả hai người không biết là mình có bị vết thương nào không. Chỉ riêng có Hiệp, con người có vẻ mệt mỏi nhất bọn, thì lại tỏ ra tỉnh táo, nhanh nhẹn hơn cả trong chuyến "hành quân" cấp tốc vừa rồi. Tuy vậy, vừa ngã mình xuống là họ ngủ vùi mê mệt và sau một giấc nặng nề, dần dần tỉnh thức để nghe tứ chi bải hoải và sự nhức mỏi làm cho rữ liệt châu thân.

Người cất tiếng nói đầu tiên là An. Anh hỏi giữa khoảng tối tăm dày đặc:

- Có ai tỉnh dậy đó chưa?

Tức thì cả Khánh và Dụng cùng đáp một lượt:

- Dậy rồi.

Khánh hỏi:

- An đấy à? Nằm đâu?

An đáp:

- Không biết là nằm ở đâu. Chắc không phải dưới âm phủ.

Khánh hỏi tiếp:

- Hiệp ở đâu rồi? Hiệp ơi!

Hiệp ú ớ mấy tiếng rồi húng hắng ho trước khi trả lời mệt nhọc:

- Có lẽ tôi sốt rồi các anh ơi...

Và Hiệp lại rên hừ hừ, miệng nói lảm nhảm nhiều câu dấp dính vào nhau không rõ những gì. Cả bọn lại nằm yên lặng. Lát sau, một vài giọng ngáy khò khè vang lên. Không biết cách đó bao lâu, Dụng bỗng giật mình tỉnh giấc. Anh kêu:

- Anh Khánh!

Không nghe tiếng Khánh đáp lại. Dụng gọi thêm lần thứ hai:

- Anh Khánh!

Khánh vẫn nằm im mê mết. Dừng nghe một sự yên lặng nặng nề khủng khiếp và nếu không có tiếng ngáy gần gũi thì anh tưởng mình hoàn toàn cô độc giữa chốn hoang vu. Theo các lỗ trống gió núi về khuya hắt vào hơi lạnh từng luồng tê buốt và anh co quắp mình lại, nhưng vẫn không tìm được chút ấm nào. Bên ngoài muôn ngàn tiếng động âm thầm bí mật xạc xào theo cơn gió vút, anh tưởng nghe được tiếng thác ào ào từ xa, tiếng mang *tác* ở nơi nào gần gũi, tiếng loài rắn độc gáy từng hồi dài quanh quần đùi đây. Anh gượng ngồi dậy nhiều lần nhưng vẫn không sao ngồi được. Cuối cùng, anh quờ tay về phía Khánh, đập mạnh vào bạn, kêu to:

- Anh Khánh!

Khánh choàng tỉnh giấc:

- Gì đấy?

- Lạnh quá!

Khánh nói bằng giọng yếu ớt:

- Ừ, lạnh lắm.

Tiếng An rời rạc tiếp theo:

- Lạnh cóng hết người rồi đây.

Và giọng của Hiệp rền rĩ:

- Lạnh không chịu nổi, các anh em ơi.

Tất cả bốn người đều cảm thấy lạnh nhưng không một ai có thể gượng dậy để nghĩ một cách đối phó. Họ cùng hiểu rằng càng khuya trời càng lạnh lẽo, cộng với đói và mệt thì đến một lúc nào đó họ sẽ không còn cựa quậy được nữa. Lại thêm thừa dịp tắm tới muối đói có thể tha hồ hút máu và bốn cơ thể xanh xao của họ ngày mai sẽ thành cơ sở độc quyền của sốt rét rừng. Những nỗi lo ấy đều làm cho họ xốn xang nhưng họ chỉ biết đợi chờ một kẻ nào khác ngồi thẳng dậy bật được lửa là họ có thể ngồi lên. Hai chân của An quơ lại phía Khánh gập hai chân Khánh cọ quậy như cổ di chuyển, và khi

cánh tay của Dụng duỗi ra trườn về phía An thì bàn tay anh áp vào một cái mặt người. Anh vuốt lên má và nghe nổi gồ cái xương khá cao của một khuôn mặt hốc hác. Dụng hỏi:

- Ủa, anh Khánh đây à?

Khánh cười rất nhẹ trong bóng tối dày:

- Không, mặt hoa da phấn của cô tiểu thư nào đấy.

Dụng cũng gượng cười:

- Có sao tiểu thư lại trôi giạt về phương này?

- Chẳng biết, số trời định vậy.

Cả bọn vẫn còn thói quen là thường liên hệ câu chuyện trong lúc nhọc mệt đến các vấn đề nam nữ và một đôi lời bông đùa giễu cợt kiểu ấy có cái tác dụng kích thích bản năng để họ bớt sự chán nản.

Khánh đưa tay lên nắm lấy bàn tay của Dụng, cảm thấy rất rõ hơn bao giờ hết tình trạng gầy gò xương xẩu của bạn. Anh lại nghĩ đến thái độ tự nhiên nhưng không kém phần thâm trầm của Dụng rồi liên tưởng đến tác phong mạnh bạo, ngay thẳng của An, tinh thần tính toán chi li của Hiệp... Anh thấy mỗi người có mỗi tâm tính khác nhau, hoàn cảnh khác nhau lại chung cuộc sống vất vả với mình và anh xúc động trong lòng. Anh đặt tay Dụng xuống sàn, rồi gượng ngồi dậy. Đầu anh nhức như búa bổ, chung quanh đảo lộn, quay cuồng. Sờ soạng một lát khá lâu, anh mới lấy được bật lửa và một mẩu nến. Ngón tay cái anh run run ấn mạnh vào chiếc bánh xe nhiều lần mà vẫn không sao phát được ánh lửa đủ bén vào cái tim mồi. An đã ngồi dậy, xán lại:

- Nào, đưa cho tay này thử coi. Đây bật cú một cho xem.

Khánh quay người lại để đưa quẹt máy cho An nhưng vẫn bật thêm liên tiếp nhiều lần. An đỡ lấy, mần mò sửa lại tim, vặn thêm đá rồi bật một cái khá mạnh, tiếp một cái nữa.

Dụng kêu lên:

- Cú hai, cú ba rồi đấy. Đưa mình quẹt cho.

Anh trườn tới, giằng lấy bật lửa, loay hoay một lát rồi cố sức quẹt liên hồi, nhưng lửa vẫn không bén cháy. Không khí chờ đợi ánh sáng thu hút mọi người và ai cũng thấy nôn nả một cách khó chịu. Nhưng Hiệp đã ngồi lên được, nói bằng một giọng khàn khàn:

- Bây giờ thì đến phiên tôi, đưa đây.

Hiệp lại loay hoay một lúc khá lâu, ba người nghe anh mở nắp, thổi phì phụp trong quẹt máy. Sau cái quẹt mạnh, ánh lửa rục lên, lèo xèo bốc to trên một cái mồi khá lớn.

An gục gặc đầu, nhận xét:

- Gặp phải tay nghiện thuốc lá có khác.

Khánh vội vàng thấp ngọn nến và rọi chung quanh. Trong ánh sáng chập chờn bốn người thấy rõ một ngôi nhà sàn khá rộng và dài, có nhiều lỗ hổng ở hai bên vách.

Anh bảo:

- Dầu đạn đầy nhá.

Hiệp nói:

- Lục soát xem có gì ăn được không.

Khánh đáp:

- Cả buôn đã bỏ theo giặc từ lâu lắm rồi, đừng hòng kiếm chác được gì. Hình như ngoài vườn có một số mít, nhưng cũng không chắc có trái.

Khánh cầm ngọn nến xuống sàn và thấy vết máu đặc quánh ở đuôi. Anh gượng cười, bảo:

- Hư căng rồi đây.

Rồi anh nhăn mặt kéo ống quần lên. Một lớp da bị cuốn theo phoi một mảng thịt đỏ loét. Anh cúi thối nhẹ và hơi xuýt xoa nhưng nhận thấy đã chú ý quá nhiều đến mình, anh ngả đuôi xuống, quay hỏi mọi người:

- Có ai thương tích gì không?

An đáp:

- Tôi trật gân chân.

Dụng tiếp:

- Tôi chưa nổi nào.

Hiệp rên nho nhỏ rồi nói:

- Tôi thì tứ chi rũ liệt.

An hỏi:

- Có bị thương không?

Hiệp lù rù đáp:

- Chắc không.

Khánh bảo:

- Bây giờ có hai vấn đề trước mắt là đói và lạnh. Đói thì có gạo, có muối nhưng chưa có nước. Suối ở cách đây không xa nhưng phải trèo xuống một cái dốc sâu.

An nói:

- Đã khuya quá rồi, đành nhịn luôn vậy.

Dụng tiếp:

- Đồng ý.

Khánh hỏi:

- Còn Hiệp? Có chịu được không?

Hiệp nằm ngửa ra sàn đáp:

- Thôi thì nhịn vậy chứ biết làm sao?

Khánh nói:

- Chắc là trong nhà còn lại củi khô, nếu không thì ta rút lấy một phần sàn nhà để chụm đống vậy. Nào, mau lên kéo nền sắp tàn.

Họ phải hì hục một lát khá lâu mới đốt lên được ngọn lửa. Và khi ánh sáng phản phật chói sáng căn nhà tung ra hơi ấm chan hòa, bốn người cùng ngồi sát lại quanh bếp và thấy yên tâm hơn trước. An xòe hai tay hơ trên ngọn lửa, mỉm cười:

- Ước gì chúng ta có được ít trái bắp già.

o o o

Sáng hôm sau, mặt trời lên đã khá cao, bốn người mới ngồi dậy được. Công việc đầu tiên là đi lấy nước nấu cơm. Khánh và An bước đi khó khăn nên Dụng và Hiệp phải lo liệu lấy. Khi tụt xuống cái dốc cao, Hiệp nửa đùa nửa thật bảo Dụng:

- Nếu trật xương chân hay là một miếng thịt đùi có lẽ sung sướng hơn nhiều.

Dụng cũng cảm thấy khó khăn, mệt mỏi trong khi tuột dốc, tự nhiên lòng sinh oán hận không đâu, nhưng khi nghe Hiệp nói thế anh liếc nhìn Hiệp rất nhanh và giữ vẻ mặt lầm lì, không trả lời lại.

Lấy nước xong, Dụng chia số ống lồ ô ra làm hai phần và mang ba ống của mình về trước. Anh thấy ghét Hiệp lạ lùng, muốn nói một câu cho hả tức nhưng không tìm ra câu nào cho hợp ý mình. Anh lại thấy An tự phụ một cách khó chịu, còn Khánh thì giỏi che đậy để mà điều khiển mọi người. Trong lòng hậm hực, anh cố gắng vượt khỏi dốc cho mau nhưng hai đầu gối run run chỉ chực khuỵu xuống. Vừa leo tới đỉnh anh ngồi trên một tảng đá để nghỉ, thấy Hiệp lom còm leo lên, vẻ mặt nhăn nhó:

- Nguy quá, tôi té lộn nhào giữa dốc, đổ hết nước rồi.

Dụng nín lặng một lát, cảm thấy cơn giận sôi sục trong lòng. Tuy thế, đến phút cuối cùng anh chỉ nói được một câu, mượn ý của Hiệp lúc nãy:

- Vậy thì đổ sạch hết nước có lẽ khỏe khoắn hơn nhiều.

Và anh vội vàng đứng lên, tuy trong thâm tâm còn muốn nghỉ thêm lát nữa. Anh nhìn vẻ mặt của Hiệp, thấy Hiệp vẫn cứ trơ trơ như không có gì đáng phải bận tâm, Dụng bèn nói thêm:

- Ai cũng đổ sạch thì nhịn cho xong.

Rồi anh vội vã lê bước về buôn.

Hiệp ngồi ngấm nhìn lơ đãng chung quanh và anh thấy Dụng đã ám chỉ mình một cách rõ rệt. "Nhưng lấy chứng cứ gì để bảo mình không làm đổ nước? Lấy chứng cứ gì?" Thật là khó lòng mà bảo rằng anh có một dụng tâm bất chính đối với anh em. Vả lại, anh mệt mỏi quá chứ nào anh có lười biếng cho đành! Chỉ vì anh không lờ da, trệt gân như những kẻ khác nên anh mới phải khổ nhọc thế này. Hiệp thấy mình không đến nỗi tệ lậu, nhưng khi vác mấy ống tre không có một giọt nước nào anh cũng cảm thấy ngượng ngùng. Anh đứng tần ngần nhìn xuống dòng suối xa xôi, dốc núi có vẻ cheo leo hiểm trở, rồi lững thững về.

Dụng đang ngồi bên bếp lửa với An và Khánh nói chuyện rì rầm nhưng khi thấy Hiệp thì họ nín bặt. Hiệp làm bộ không chú ý:

- Uống quá, mát toi ba ống nước đầy giữa dốc. Các anh xem thử, nếu thiếu thì tôi sẽ đi lấy thêm.

An cho thêm củi vào bếp, đáp bằng một giọng lững lờ:

- Thôi được, nếu hết thì đến phiên tôi hay là anh Khánh.

Thoáng thấy một ý chia rẽ đã được biểu lộ rõ ràng qua lời tường thuật của Dụng và giọng mát mẻ của An, Khánh cố mím một nụ cười hòa giải:

- Việc gì mà phải cố chấp như vậy. Cậu Hiệp mà còn cố gắng đi được thì giúp đỡ cho anh em càng tốt chứ sao.

An cho câu ấy thật là thâm độc để gài cho Hiệp phải quay lại suối một lần thứ hai, nếu nước thiếu thốn và anh cảm thấy bằng lòng. Nhưng Hiệp lại hơi khó chịu, nghĩ Khánh đoán mình đổ nước dưới dốc cho nên mĩa mai như vậy. Còn Dụng lại cho rằng Khánh điêu ngoa, nói vậy để bắt Hiệp đi lấy nước thay mình. Bốn người ngồi quanh bếp lửa trong một không khí hết sức nặng nề, hình như bao nhiêu thành kiến, bao nhiêu giận dữ nghi ngờ từ lâu bị dồn đẩy lại một bên bây giờ được dịp tháo tung sau nỗi vất vả đói khát kéo dài

làm cho lý trí rối rời không còn đủ sức chế ngự. Giữa sự im lặng chán nản, Khánh cố tạo giọng vui vẻ:

- Nếu mang những bộ mặt đói thế này mà đi hỏi vợ thì chắc chắn không có ma nào thèm.

An nói:

- Nhưng mặt của Hiệp thì trông bảnh bao đấy chứ! Con nhà có khác. Các cô thiếu nữ thường thích những hạng con giống cháu dòng.

Hiệp trả lời lại:

- Thằng này đã có vợ rồi, khỏi lo. Chỉ lo cho hạng khỏe mạnh chưa vợ, chưa con, lúc nào cũng hăng tiết vệt.

An cau mặt hỏi:

- Thế nào là hăng tiết vệt?

Hiệp cười khẩy:

- Ấy, cũng bắt chước người mà nói cho vui, chớ đâu có hiểu mình nói thứ gì.

Khánh kêu lên:

- Thôi đi! Các cậu trẻ con lắm nghe! Kìa, cơm đã sôi rồi, "liệu mà bớt lửa một đời không khê".

Sau khi Dụng dụi tắt lửa để vằn nồi cơm thì Khánh nói tiếp:

- Tưởng phải nói cho các cậu ý thức về cảnh ngộ mình. Số gạo mang theo chỉ còn ăn được ba ngày, mỗi ngày hai bữa. Nhưng ở Đất Tó thì không biết được bao giờ mới hết cấm kỵ, cứ xem cái chòm lá tươi hôm qua thì phải ước độ chừng mười ngày nữa.

An nói:

- Ở đây rảnh rồi chẳng phải làm gì, mỗi ngày ăn một bữa vậy.

Dụng tiếp:

- Như thế cũng chỉ được có sáu ngày.

Khánh nói:

- Lúc này hai cậu đi xuống dưới suối lấy nước thì tôi có gắng lội chung quanh buôn, tìm thấy năm sáu trái mít.

Hiệp vội vàng hỏi:

- chín chưa?

- Không, mít già.

Hiệp thở dài:

- Rủi chưa!

Khánh bảo:

- Phải nói là may mới phải. Ở trong cảnh ngộ bọn mình, mít chín đâu có quý bằng mít già. Chúng ta luộc mít mà ăn với cơm, nếu cứ mỗi bữa nấu hai phần mít và một phần gạo thì chắc có lẽ kéo được mười ngày.

Sau bữa cơm trưa ngon lành ăn với muối và mắm ruốc, bốn người loay hoay dọn chỗ để ngủ thì Khánh bèn nói:

- Hồi hôm, chúng ta thật là liều lĩnh quá đáng, ngủ không canh gác đề phòng gì hết. Bây giờ thì tôi bắt đặt mỗi người phải gác ba giờ. Phiên đầu là của anh Hiệp. Nào, vặn đồng hồ lại, mười hai giờ rưỡi đấy nghe. Ba giờ rưỡi gọi An dậy rồi đến phiên Dụng. Tôi ngủ dài hơn các cậu thì tôi sẽ gác về khuya, và gác luôn cho năm giờ.

- Thế không ăn chiều hay sao? - Hiệp hỏi.

- Thôi, cho qua cơm chiều vì được ngủ rồi. "Kẻ nào được ngủ, kẻ ấy đã ăn", tục ngữ có câu như vậy.

- Nhưng ngày mai có thêm mít phải ăn đủ hai bữa chứ?

- Có lẽ như vậy... Tốt hơn là đợi ngày mai sẽ nói về chuyện ăn uống ngày mai. Chỉ biết là mai không có ngủ ngày nữa đâu.

An ngủ một giấc bỗng nghe nóng ran cả mặt và choàng tỉnh dậy. Ánh nắng xuyên qua lỗ đạn khoét sâu trên tường chiếu thẳng vào anh, khiến anh chói lòa, không mở mắt được, phải lăn mình qua nơi khác. Anh nghe trong người bần thần khó chịu và xem đồng hồ thấy

gần ba giờ. Chỉ còn nửa giờ là đến phiên anh. Anh muốn ngồi dậy uống một viên thuốc phòng sốt nhưng cứ thẫn thờ nhìn lên trần nhà, nghĩ ngợi lan man không trỗi dậy được. Lát sau, anh sực nhớ là từ lúc tỉnh dậy đến giờ không trông thấy Hiệp. Anh bèn ngồi lên, nhìn xuống sân buồn. Chung quanh là cảnh hoang vắng, tiêu điều. Anh đứng dậy, nhón chân ra khỏi gian nhà, leo xuống bậc thang ọp ẹp. An lê bàn chân đau nhói, khắp khiễng đi quanh mấy dãy nhà sàn vắng lặng, lỗ chỗ vết đạn, soi mói nhìn vào bên trong nhưng vẫn không thấy bóng Hiệp. Từng ngọn gió đuổi lá khô xào xạc trên những thềm đất từ lâu không có dấu người. Vắng những sinh hoạt, cả buồn giống như một đám nhà mồ lạnh lẽo. Đoán chừng Hiệp xuống dưới suối, An định trở về, nhưng một ý nghĩ tò mò xui anh đi về phía dốc. Cúi nhìn, anh chỉ thấy dòng nước chảy rộn ràng, đôi chỗ đã ửng sáng vì ánh nắng chiều dọi xuống. Nơi bờ đá nhẵn mòn - chỗ lấy nước ngày nào của dân buồn - không có bóng Hiệp. An đứng tần ngần giây lâu rồi lại lững thững trở về. Khánh và Dụng vẫn ngủ mê mết, nhưng Hiệp, người có phận sự canh gác giấc ngủ anh em thì lại biến dạng. Quá lâu như thế, hẳn không phải Hiệp đi việc tiêu hóa ngoài rừng. Hiệp không xuống suối, vậy thì đi đâu? An xem đồng hồ thấy còn độ năm phút nữa đã đến phiên mình mà chưa gặp Hiệp, lấy làm sốt ruột hết sức. Anh định đánh thức hai người bạn dậy, nhưng sau một thoáng nghi ngờ, anh bèn bước về sau buồn, khắp khiễng leo lên bờ đất trở ra một khu vườn rậm. An mới vạch bụi tiến về phía mấy cây mít đã thấy Hiệp nhai ngồm ngoàm đi lại. An ngửi thấy mùi mít chín vắng vắng. Anh hỏi xằng:

- Anh đi đâu vậy?

Hiệp nuốt vội vàng rồi đáp:

- À, đi tiêu. Anh đi đâu vậy?

An thấy vẻ mặt của Hiệp có vẻ thỏa mãn của một con người no đủ và anh khó chịu lạ lùng. Anh vừa quay lại, vừa đáp trong nỗi tức giận cố nén:

- Tôi tìm anh về để anh đánh thức tôi dậy kéo tới giờ rồi.

Hiệp tăng hăng cho sạch giọng rồi nói:

- Sao quá lo xa như vậy? Lo nhiều nó già người đi. Nếu tôi quên kêu thì anh cứ ngủ, chứ thiết thòi gì?

An đứng lại:

- Sao không thiết thòi? Không thiết cho tôi thì chẳng thiết cho anh sao?

Hiệp đáp lớn:

- Việc gì mà thiết? Tôi canh gác cho anh em kia mà!

- Hừ, canh gác! Đi chơi trong rừng chứ canh gác gì?

- Sao anh biết tôi đi chơi?

- Tôi tìm anh nửa giờ rồi.

- Phận sự của anh là ngủ, chứ đi tìm tôi làm gì?

- Nhưng tôi không thấy anh gác!

- Anh ngủ thì thấy sao được?

- Nhưng mà tôi thức.

- Ai bảo anh thức? Tôi làm thế nào cho tròn phận sự thì thôi.

Và Hiệp nói tiếp, có vẻ mỉa mai:

- Gác để anh thấy thì gác nổi gì? Tôi leo lên trên cao này, ngồi vào một nơi kín đáo...

- Ở trên ngọn mít...

- Ừ, ở trên ngọn mít. Để canh cho các anh ngủ.

- Và để ăn mít.

- Thì ngồi trên mít tất phải ăn mít, chứ ăn thứ gì?

- Nhưng ăn một mình như vậy thì khó coi lắm.

Hiệp làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Việc gì mà khó coi? Ờ hay, nói lạ chưa kìa! Tôi thấy một trái mít chín đã bị loài dơi, loài chồn xơi hết, sót đâu mấy múi lủng lẳng nơi

cùi. Tôi nghĩ nếu bỏ thì phí của trời, mang về thì chia không đủ lại làm các anh thèm khát thêm khổ. Thôi thì mình ăn miếng thừa của loài dơi, chồn cho... tiện.

Hiệp đá vào một bụi cây bên đường rồi tiếp:

- Nếu biết anh giận như vậy thì tôi đã mang về rồi.

An tức lắm, nói lớn:

- Anh tưởng tôi dơ đến thế kia à? Sao anh không nghĩ rằng tôi dậy sớm, muốn đi tìm anh nói chuyện cho vui? Sao anh lại không nghĩ tốt về tôi mà cứ xét đoán người khác theo cái bao tử của mình?

Hiệp ôn tồn đáp:

- Thế sao anh không nghĩ tốt về tôi? Sao anh không tin những lời tôi nói? Anh xem, tôi có làm hại gì ai không nào? Thôi, đúng ba giờ rưỡi rồi đây, tôi giao phiên gác cho anh.

Nói xong, Hiệp leo lên sàn, dọn một chỗ nằm rồi trùm chăn lại.

Câu chuyện ăn mít An không kể lại cho Dụng và Khánh, bởi vì sau khi Hiệp đi ngủ rồi anh ngồi ngay ở đầu nhà nghĩ lại những lời của mình vừa nói mà thấy ngượng nghịu thế nào. Hình như anh không còn là mình nữa, anh khác hẳn với ngày nào và cả bốn người cũng không còn ai giống ai rõ rệt như trước. Họ có vẻ tốt bằng những cố gắng bực dọc, và sự thiếu thốn, mệt mỏi mỗi ngày càng làm cho họ ít lời thêm lên.

Đến ngày thứ năm thì cả bốn người đều thấy không sao ăn nổi mít già nấu chung với cơm và dù đói lắm họ cũng nuốt những miếng mít lèo tèo điểm những hạt cơm một cách uể oải, khổ sở khác thường. Khánh cầm miếng mít chấm vào mắm ruốc nở một nụ cười méo xệch, cố gắng khôi hài:

- Chúng ta giống như con nhà cứng dưỡng, cứ tới bữa ăn thì lại ề ọet, nhưng đỡ một nỗi là đến cuối cùng vẫn cứ sạch chén, sạch nồi.

Hiệp vừa cắn mít vừa nói:

- "Chả" này không được ngon đâu. Ngày mai phải đổi món khác. Chúng ta ăn món cá chiên hay là thịt hầm mới được.

Nói xong anh cười hô hô, vẻ mặt nhăn lại một cách thảm hại. Dụng làm lì ắc, đầu óc nghĩ ở đâu đâu nhưng mỗi lúc nhai xong anh phải cố gắng hết sức mới nuốt trôi lọt, cổ họng đau nhói như sứt trên những vết thương. Anh vẫn nghe trong lòng mình có sự oán giận ngấm ngấm, nhưng cũng không rõ vì đâu, tại sao, và thích giữ sự yên lặng để khỏi nói lên những điều phiền bức. An ăn xong miếng cuối cùng, nghiêng cái nồi lại, vét những hạt cơm còn sót chìa ra trước mặt mọi người:

- Có ai tráng miệng nữa không?

Khánh cười:

- Thôi, ăn đi. Cái kiểu "mời, lạy trời đừng ăn" ấy, trông rõ lắm mà.

Hiệp tiếp:

-Tôi nhớ thằng em thứ tư của tôi ở nhà, một lần nó làm nước chanh để uống thì bọn em nó bầu lại chung quanh. Nó làm thỉnh, cầm những miếng đường, không lấy dao cắt, nhưng đưa vào miệng cắn cho thật nhỏ, rồi nhả vào bát nước chanh. Xong, nó khuấy cho đều và thân mật mời lũ em một cách thật là rộng rãi. Nhưng lũ em nó lắc đầu ngoay ngoáy, tuy thềm nước chanh hết sức, nhưng gớm nước miếng ông anh dính ở trong đường.

An cho Hiệp mĩa mai mình, chìa hai tay ra:

- Chắc tôi không thể sắp chung vào loại anh em của cậu Hiệp được vì tôi ăn uống cũng hợp vệ sinh. Trước khi ăn cơm bao giờ tôi cũng rửa tay, và không phải là gặp gì cũng bốc, bạ gì cũng ăn.

Nói xong, An thấy hả hê và Hiệp quay mặt nhìn đi nơi khác. Dụng và Khánh cũng gắng cười để tạo không khí dễ dãi, hầu tránh các sự va chạm chứ không hiểu rõ những ý thâm kín giữa An và Hiệp. Đến lúc mang đồ đi rửa, An nói một cách quả quyết:

- Ngày mai tôi sẽ cho các anh ăn, đổi món, không phải nói đùa đâu nhé.

Khánh nói theo:

- Chung quanh vùng này không có rẫy hoang, đừng hòng đi hái bắp già hay đi bới đào khoai sót.

An nói vọng lên:

- Không đâu, món ăn của tôi đặc biệt hơn nhiều.

Sáng hôm sau, ăn trưa xong, An cầm dao, xin với anh em để đi vào rừng. Dụng muốn đi theo nhưng An lắc đầu:

- Ở nhà có công việc khác, tôi đi một mình đủ rồi.

Khánh dặn:

- Cắm đi xa đấy.

An cười:

- Chân cẳng thế này đi xa sao nổi.

- Nhưng qua khỏi suối cũng đủ cạp nhai xương rồi.

- Đừng lo, tôi đem hai quả lựu đạn.

Mọi người nhìn An khập khiễng tiến vào trong núi, phỏng đoán nhiều cách khác nhau. Xế chiều, vẫn chưa thấy An trở về. Ai cũng lo lắng nhưng không nói lên ý nghĩ của mình, sợ nói trắng ra như có điều gì tàn nhẫn. Cuối cùng họ tuột xuống sàn, mỗi người tìm đến một ngả vào rừng đứng ngóng. Khánh nén đau ở gối, cố leo lên một ngọn cây, nhìn vọng khắp nơi. Khắp nơi chỉ thấy cây rừng trùng điệp, đá núi cheo leo, khói bốc lơ mờ tỏa lên từ các lũng sâu. Anh thấy trong người bồn chồn, thầm trách mình quá dễ dãi, khinh thường bất trắc. Anh nhớ lại bao nhiêu việc đã qua, trách mình chủ quan, sơ suất và tự hỏi mình tại sao có thể ngu ngốc như vậy. Anh lẩm bẩm: "Thực là vô trách nhiệm quá! Bậy quá!" nhưng không biết phải tìm An về ngả hướng nào.

Hoàng hôn xuống dần, nắng chiều lui mãi, lui mãi sau đỉnh non xa. Gió lạnh thổi lại rờn rợn, hun hút qua mấy dãy nhà hoang vắng. Bỗng Dụng reo lên:

- An kìa!

Khánh quên cả cái chân đau, nhào lại chỗ Dụng. Hiệp cũng bươn bả chạy đến. An ở sườn dốc tiến lên, dáng đi lảo đảo như người say rượu. Khánh kêu:

- Trông An đi kìa, xuống đỡ mau lên.

Và anh cố gắng bước tới nhưng Dụng rồi Hiệp đã vượt đi trước. An vừa thấy Dụng, buông tay, thả rời một xâu măng dài và ngã vào Dụng khiến anh này suýt té ngã. Khắp người của An mồ hôi đầm dề, miệng thở hồng hộc, cặp mắt lờ đờ của kẻ đuối sức. Hiệp vừa cúi xách xâu măng thì Dụng đã kêu:

- Đưa cho anh Khánh, giúp tôi một tay đây này.

Hai người dìu An một cách khó khăn, và Khánh phải giúp một tay mới đem được An lên nhà.

Nằm xuống, An đã mê man bất tỉnh. Khánh lau mồ hôi cho An, hỏi dồn:

- An! An! Sao vậy?

Anh gọi to hơn. Một lát, An mở cặp mắt ngơ ngác, ú ớ trả lời:

- Tôi bị... rít cắn.

Ba người suýt cười nhưng ghìm lại được. Khánh hỏi gặng lại:

- Rắn hay rít?

An phều phào đáp:

- Rít.

Rồi anh nhướn cổ và ba người thấy dưới gáy một chỗ sưng to, đỏ ửng. Hiệp cười:

- Ngỡ là cọp cắn, ai ngờ lại rít.

Nhưng An đã trợn mắt lên, cặp mắt trắng dã của người sắp chết. Rồi An run bắn toàn thân, giật tay, đập chân như bị điện giật. Miệng anh thở ra phì phì sùi cả nước bọt, và cả ba người xúm lại cố đè

anh xuống, giữ lấy tay chân nhưng anh vẫn cố lặn lội xô đẩy ba người, kêu lên một cách khó nhọc. Khánh thét to:

- An bị nhiễm độc của loài rít lớn ở trong tre rừng. Mau lên! Châm máu ở đầu ngón tay thử xem!

Hiệp là người phụ trách thuốc men nên vội chạy đi đem hộp thuốc lại. Trong hộp chỉ có mấy gói kí ninh, một ve thuốc đỏ, mấy ống hồi dương. Anh nghe lời Khánh nắm chặt bàn tay của An, lấy kim châm vào đầu ngón cho máu rỉ ra nhưng khi thả xuống thì An vẫn cứ vùng vẫy, lặn lội, mắt trợn ngược lên, thở nấc từng hồi. Dụng cố giữ chặt hai chân hung hăng của An, nói trong hơi thở hỗn hển:

- An bị hành quá như thế, e chết mất thôi. Hãy cho một mũi hồi dương xem sao!

Thực ra, không còn thuốc nào khác nữa. Hiệp lại vội rút ống tiêm - nấu sẵn không biết bao nhiêu ngày rồi - chích gấp cho An một mũi. Nhưng An vẫn cứ lặn lội, vùng vẫy mỗi lúc càng thấy mệt nhọc hơn lên.

Dụng hồi hã bảo:

- Cho một mũi nữa đi nào!

Hiệp lại chích thêm một mũi, nhưng nỗi đau đớn của An không hề giảm bớt mấy may. Những cơn vật vã của anh lại càng mệt mề - nặng nhọc. Ba người vừa cố giữ An vừa ngược nhìn nhau bối rối. Khánh hỏi:

- Còn môn ngoại khoa nào không?

Rồi anh kêu lên:

- À, rệp! Tôi nhớ ra rồi. Bị rắn độc cắn thì cho uống rệp.

Hiệp cãi:

- Đây là rít mà!

- Rắn cũng như rít chứ gì. Gấp lên, tìm ít con rệp.

Dụng và Hiệp nhìn nhau ngỡ ngác. Tìm đâu những thứ của độc, bây giờ được xem như là thuốc quý để cứu mạng người? Mấy dây nhà sàn vắng ngắt, vắng tanh, bắt đầu tối lại khi hoàng hôn xuống chắc khó có thể cung cấp được con rệp nào. Dụng nói như mếu máo:

- Hãy đốt lửa lên! Không có người ở làm sao mà tìm được rệp?

Khánh phải ngồi choàng qua người của An để giữ lấy cánh tay kia cho Hiệp đốt lửa. Anh giục giã:

- Tìm xem trong cái ba lô thử nào! Tôi nhớ như trong ba lô anh Hiệp có rệp đấy mà.

Hiệp vội xách ba lô lại bên lửa và anh căng từng mí vải để tìm. Cuối cùng anh reo lên:

- Có đây!

Khánh mừng rỡ:

- Có rồi hả? được mấy con?

- Hai con.

- Ít quá, tìm thêm.

- Lục lọi khắp rồi nhưng không có nữa.

Dụng nói:

- Hể có hai con chắc phải có nhiều nữa chứ!

Câu ấy mọi ngày có thể tạo dịp nở những trận cười nhưng trong cảnh ngộ bấy giờ không ai có thể nghĩ đến mua vui. Hiệp hơi nhếch mép nhưng anh kịp thời nén lại. Khánh bảo:

- Bóp cho dập ra, bỏ vào trong ca, cho một ít nước, mau lên.

Hiệp vội làm theo, cố nạy miệng An để đổ chút nước hơi hám ấy vào. An giãy giụa, thở phì phì, rồi nuốt ực cả. Nhưng anh vẫn giật liên hồi, có vẻ gần như kiệt lực, quằn quại trước phút cuối cùng. Khánh dấm mồ hôi, nói như tuyệt vọng:

- Cố nhớ xem còn cách gì nữa không?

Hiệp có vẻ tự lự rồi hỏi:

- Nhưng mà xưa nay rít cần đâu có nguy hiểm như vậy?

Dụng cũng tiếp lời:

- Ủ, dù rít có lớn cũng không nhiễm độc như thế. Hay là...

Nhưng anh không tìm ra được nguyên nhân nào khác. Bỗng Hiệp nói to:

- Đúng rồi! Hồi trưa An ăn mắm ruốc, phải không?

Dụng và Khánh cùng đáp:

- Có đấy!

- Đúng rồi. Rít cần. Tôi đã có nghe nói đến một lần. Ăn thứ mắm ruốc mà bị rần cần thì độc mạnh lắm.

- Liệu chữa được không?

Hiệp gật đầu:

- Được, được.

Rồi anh vội vàng chạy lại chỗ để ruột tượng, đổ gấp số gạo ra cái mo cau. Anh tặc lưỡi:

- Gạo còn ít quá, sợ không đủ cám.

Khánh hỏi:

- Cám à? Vậy thì lấy hết số ruột tượng không, lật ngược nó lại, vò nát cho cám dính ở trên vải rút ra.

Hì hục một lát, Hiệp đã hòa được nửa ca nước cám. An đuối lấm rồi, anh giật chậm hơn nhưng rất mệt mề. Hiệp đổ nước từ từ vào miệng An, anh ừng ực nuốt hết. Như một phép lạ, khi Hiệp rót giọt cuối cùng vào giữa đôi môi hé mở thì An từ từ dịu đôi mắt lại, hơi thở êm dần và toàn thân anh chuyển động nhẹ nhàng rồi nằm im hắc như người ngủ thiếp. Khánh lau mồ hôi, nói trong nỗi mừng nghẹn ngào:

- Cậu Hiệp giỏi thật, không ngờ một chút cám vụn mà cứu được một mạng người.

Một lát, An mở mắt ra, nhìn khắp mọi người có vẻ xa lạ rồi cười một cách ngây dại. Khánh bảo:

- Ngủ đi!

An ngoan ngoãn nhắm mắt. Lát sau, anh ngáy đều đặn. Dụng cúi nhìn An rồi nói:

- Trông nụ cười và đôi mắt cậu An vừa rồi thì chưa diệt hẳn nọc độc trong người. Nếu mình có thêm ít cám thì quý chừng nào!

Khánh lê lại chỗ xâu măng, co tay xách lên có vẻ nặng nề, rồi bảo:

- Thế này mà An bị đau còn cố mang về cho chúng mình ăn, có tội nghiệp không?

Hai ngày sau đó, phần cơm đều dành cho An nên cả ba người chỉ ăn có mít. Họ gầy rạc hẳn và không còn muốn suy nghĩ gì nữa. Nhất là Hiệp, anh cứ nằm lì một chỗ giường mất thao láo, ít nói và ít trả lời. Một buổi sáng, Khánh dậy sớm, bảo Dụng và Hiệp:

- Các cậu trông An để tôi đi lên Đất Tó xem thử thế nào.

Dụng nói:

- Anh để tôi đi, chân anh còn đau kia mà.

Khánh đáp:

- Cậu không biết đường, đi mất công lắm.

Dụng nài:

- Tôi đi cho biết đường với.

- Thôi, ở nhà. An thì chưa mạnh, còn Hiệp đã muốn nhuộm bệnh rồi đó.

Anh chống cây gậy, cố lê chân đi. Nửa chiều, Khánh về, có vẻ hết sức mệt mỏi. Vết thương đêm nào ở nơi đầu gối bây giờ rướm máu. Dụng hỏi:

- Lại té ở đâu phải không?

Anh đáp:

- Vấp ngã nhẹ thôi, chẳng hề hấn gì.

Nhưng khi ngồi xuống, anh nhăn mặt lại rất lâu. Hỏi qua sức khỏe của An, Khánh nói:

- Độ ba ngày nữa, chúng ta mới có thể lên Đất Tó. Hôm nay đã gần cuối năm, tôi muốn đi kiếm ít gạo về cho chúng ta ăn uống no nê để lấy lại sức. Nhưng mà không vào buôn được. Đồng bào lên rẫy xa quá, chiều tối mới về, không thể nào gặp. Ngày mai là ba mươi rồi.

Hiệp lẩm bẩm:

- Đã ba mươi rồi!

Dụng nói:

- Ngày nào của chúng ta đây cũng giống y như ngày nào, nói chuyện ba mươi mồng một làm gì cho phiền.

An nằm yên, nghe ba người bạn nói chuyện, ngược về phía họ, nói bằng một giọng run run:

- Hôm kia, tôi thực đại đột, bỏ đi quá xa, không chịu nghe lời mấy anh dặn trước. Lại ham hái mấy mứt măng mà cứ đi mãi. Nhưng khỏi ngọn núi sau buôn, tôi có nhìn thấy một cái xóm nhỏ ở trên chót đỉnh, ta thử đến đó xem sao, biết đâu lại chẳng có gì để ăn trong ba ngày nữa. Hôm nay chỉ còn một nắm gạo thôi. Rau rừng và mít làm sao mà ăn nổi nữa?

Cặp mắt của Khánh sáng lên. Nhưng cúi nhìn xuống chân mình anh lại ái ngại. Dụng nói:

- Ngày mai, anh để tôi đi.

Khánh lắc đầu:

- Anh đi một mình không tiện.

- Sao lại không tiện? Anh để tôi đi. Ngày mai, anh để tôi đi.

Khánh nhìn vẻ mặt cương quyết của Dụng và anh làm thinh.

Đi khuất khỏi buôn, Dụng thấy tro rơi lả lùng giữa chốn núi rừng vắng vẻ. Anh hơi hối hận về cái ý định lên đường và thấy hồi hộp, lo âu về mọi bất trắc mà anh tưởng tượng có thể xảy ra. Dụng lại có dịp nhận thấy mình quá suy yếu đến nỗi mỗi lần trèo dốc, anh thở hào hển, đầu nặng, tai ù, cặp mắt không còn trông rõ đất trời. Anh lại ngồi nghỉ rồi lại cố gắng đứng lên. Sang được triền núi bên kia, Dụng thấy ở trên đỉnh cao chót vót trước mặt một xóm nhà nhỏ như lời An nói. Anh vui mừng, tự giục giã mình nhanh bước, nhưng vẫn không đi mau được bao nhiêu.

Dụng phải đi qua nhiều ngọn đồi nhỏ để tiến dần lên đỉnh cao. Mỗi khi xuống dốc anh lại gặp một dòng suối trong veo và anh dốc nước vào mặt cho tỉnh người lại. Càng đi, Dụng thấy cảnh trí thay đổi rõ rệt, khí trời mát mẻ êm dịu mặc dầu ánh nắng vẫn chiếu bao la. "Đây là một ngày cuối năm tươi sáng", anh tự nhủ mình như vậy, và có cảm tưởng lạc loài vào chốn Bồng Lai. Lá cây dài, mượt, loang loáng, chập chờn, theo đà ngọn gió phơ phất nhẹ nhàng. Có những tiếng chim ríu rít, và anh đoán là những giống chim lạ không thể tìm gặp bất cứ nơi nào trong chốn rừng rú Trường Sơn. Dụng hơi ngạc nhiên thấy mình tự nhiên khỏe lại và nỗi nhọc mệt leo dốc không còn nặng nề như lúc ra đi. Anh hái nhiều hoa ở sát bên mình gài lên khắp người và rất sung sướng thấy trên bước đường vắng sơn không có những giống dây leo chằng chịt, những bụi gai rậm um tùm, những lớp lá mục ẩm ướt, oi nồng dòn chất tự biết bao đời, đất sống của loài sơn vượn.

Hình như đỉnh núi cao quá nên được chan hòa trong lớp khinh - thanh và cả cỏ cây đều đượm nhuần vẻ tươi mát. Bao nhiêu rác rến bụi bặm có lẽ thường xuyên đã được nước lũ từ cao dội về hố thẳm, lũng sâu cho nên mặt đất sạch sẽ, phơi bày xen giữa các cây những khoảng sáng sửa như mời mọc nằm. Dụng lại có ý mừng thầm cho sự may mắn của mình, nghĩ rằng bao năm sống ở núi rừng bây giờ mới tìm gặp được một khung cảnh mới, hoàn toàn khác lạ với bao nhiêu cảnh trải qua. Niềm vui khiến anh đủ sức rẽ cây vạch lá lên cao.

Xế trưa thì Dụng đã thấy bóng người lố nhố trong buôn và những tiếng cồng, tiếng mõ vang dậy. Anh náo nức bước vào buôn.

Mấy con nai lớn thui xong đang nằm nghiêng ngửa giữa vạt đất trống chung quanh đồng bào Thượng du, kẻ ngồi người đứng làm thành mấy lớp vòng tròn.

Họ không đông lắm, người nào trông cũng khỏe mạnh, rắn chắc, nét mặt vui vẻ hồn nhiên. Khi thấy Dụng vào, nhiều cụ già buông vôi rượu cần ngẩng lên nhìn với dáng điệu đón chào, những người trai trẻ dừng nhảy theo nhịp cồng, mõ chờ đợi, các em bé nhỏ rời khỏi vú mẹ giương những cặp mắt đen láy, tròn đẹp, ngơ ngác và mấy cô thiếu nữ nhìn nhau, nhoẻn một nụ cười như ngầm trao đổi với nhau về người khách lạ. Dụng bắt gặp một không khí tự nhiên thân mật từ đầu nên mạnh dạn tiến vào, đến gần một bậc đã có tuổi, vóc dáng khỏe mạnh ngồi giữa các cụ mà anh đoán chừng là ông chúa làng. Anh phải thay đổi tiếng nói ba lần và dùng thổ ngữ Mnông ông cụ mới hiểu. Anh nói về nỗi vui mừng của mình được gặp đồng bào, tỏ ý muốn đổi một số thực phẩm. Đoạn anh giở mấy áo ấm của anh và Khánh, hộp quẹt, ca nước... đem theo thay thế bạc tiền. Ông chúa làng cười:

- Hãy vui vẻ đã. Uống rượu, ăn thịt cho no cái bụng đi đã.

Dụng ngồi phệt xuống vạt đất, bên cạnh ông cụ. Ông vẫy tay ra hiệu. Đoàn trai, kẻ cồng, người mõ, nhịp nhàng, ưỡn ẹo nhảy quanh.

Những bộ lông rắn chắc, đầy thịt quay sang phía tả, lắc sang phía hữu, trong khi đôi chân lò cò, khắp khững cùng với đôi tay khuỳnh lại, co giật như diễn tả được niềm vui nức nở trong lòng, giữa một cuộc đời vật lộn không ngừng để mà thủ thắng đối với thiên nhiên. Cuộc vui kéo dài, trong khi một số cụ già cắt xẻo thịt nai ra những miếng lá, thì những cô gái lẳng xăng, ríu rít nấu nước, chia muối vào trong từng phần. Dụng hỏi một cụ ngồi cạnh:

- Nai gì vậy kia?

- Nai săn đấy. Trai làng săn về hồi sáng nay mà. Sữa soạn ăn uống đi thôi.

Khi mọi người nhập tiệc, Dụng cũng được kể trong sổ thực khách.

Không ai tỏ ra ngờ vực bàn tán về anh và cũng không ai tỏ ra oán ghét hay là mừng rỡ. Anh đến và anh thành người trong buôn ngay từ phút đầu. Dụng ăn những miếng thịt nai chấm muối cất đầy trên lá, uống nhiều rượu cần, rồi nghĩ đến mấy người bạn ở dưới xa kia đói khát, cảm thấy trong lòng nao nao.

Ăn xong, trời đã chiều. Ông chúa làng dắt anh đi lại đám trai trẻ nói cho họ biết vì sao anh tìm đến buôn và ai cũng đều nhìn anh mỉm cười, gật đầu. Ông bảo:

- Vào nhà nghỉ đã, sáng ngày mới đi về được.

Rồi ông nói to:

- Ai được người khách ở đây? Ai thấy trước nhất?

Dụng hơi ngạc nhiên về câu hỏi khá kỳ quặc ấy. Làm sao mà biết ai thấy trước nhất khi anh đi vào giữa lúc buôn đang tụ tập, mọi người cùng nhìn rõ anh? Dụng đâu phải là một con chim nhỏ, một cành hoa rừng, hay một cây kim bé chút? Nhưng anh ngạc nhiên xiết bao khi thấy một ông cụ già, một bà cụ già và một cô gái kêu lên:

- Thấy trước đấy mà.

Ông chúa làng có vẻ lo nghĩ vì gặp phải một trường hợp khó xử. Ông quay sang Dụng:

- Muốn về nhà ai?

Dụng muốn về nhà cô gái vì cô trông thực ngây thơ, hiền lành. Ông chúa làng hỏi:

- Muốn về nhà cô gái à?

Anh đáp:

- Muốn lắm, nhưng cũng muốn về nhà của bà mẹ, nhà của ông cha này nữa.

Mọi người đều cười. Bà cụ vui vẻ:

- Về nhà tôi đi. Nhà cô Min Ray ở bên tôi đấy. Ông cụ Pay Khoan cũng ở gần bên đấy mà.

Dụng gật đầu, ra về chịu ớn rồi đi theo bà. Anh lên một dãy nhà sàn khá dài có gần cả trăm thước tây, nghe mùi cay nồng của những râu thuốc phơi khô treo từng dãy dài. Bà cụ bảo anh ngồi xuống bên bếp. Lấy ra một bó thuốc lớn, bà bảo:

- Hút đi.

Anh phì phèo nhả khói cảm thấy tươi vui, sảng khoái. Không khí của miền núi cao và vẻ thân mật trong sự tiếp đón làm cho sự sống trong người của anh như thay đổi hẳn. Hầu như bệnh hoạn, đói kém, âu lo không hề có mặt ở nơi chót vót của đỉnh non này. Anh hỏi bà cụ:

- Buôn gì đấy mí?

- Buôn Pu Tha.

- Núi Pu Tha đấy à?

- Ừ, Pu Tha đấy.

Bà cụ vào trong, anh thấy bóng bà loay hoay dọn dẹp. Một lát bà khệ nệ bưng ra nào chuối, cam, những quả xoài rừng bé nhỏ, vàng óng và nhiều trái cây chín đỏ mà anh chưa hề biết đến. Bà đặt ở trước mặt anh:

- Ăn đi. Ăn cho hết đi.

- Mí cho nhiều quá, ăn làm sao hết?

Bà cụ mỉm cười nhìn anh chăm chú như được săn sóc một người thân yêu. Vừa lúc đó cô gái và một anh thanh niên bước vào, cả hai chào anh bằng một nụ cười vui vẻ. Người con gái dáng điệu nhanh nhẹn, da ngăm ngăm đen, có đôi mắt sáng và một khuôn mặt dịu dàng. Chị ngồi xuống sát bên anh, hỏi rất tự nhiên:

- Tên là gì à?

- Dụng đấy.

Chị cố ép lưỡi, lặp lại tên anh và cất tiếng cười dòn tan. Dụng cũng cười theo, rồi hỏi:

- Tên gì?

- Y Meng

- Y Meng con của mí à?

Chị gật đầu. Dụng nhìn người trai rồi hỏi:

- Em Y Meng đây phải không?

- Ừ, em đây. Có dễ thương không?

- Dễ thương lắm. Giống hệt Y Meng như hai giọt nước.

Chị lắc đầu:

- Không giống nhiều đâu. Nó là đàn ông kia mà.

Rồi chị bảo anh:

- Hãy ăn đi chứ!

Dụng lắc đầu:

- Để dành đem về cho anh em tôi. Họ ở dưới kia không có gì để ăn cả.

- Ăn đi, còn có nữa mà.

- Có nữa, tôi cũng đem về. Tôi đã được ăn thịt nai, được uống rượu cần, được hút thuốc lá, họ nào có được gì đâu?

- Anh tốt lắm đấy.

Rồi chị quay sang người em:

- Kiu à, tốt lắm phải không?

Kiu gật đầu:

- Ừ, tốt lắm, tốt đấy.

Dụng vội vàng nói:

- Chẳng tốt gì hết, Kiu à. Anh em lo lắng cho tôi, tôi lo lắng cho anh em, vậy đó. Ai cũng nhờ ai cả thôi.

Y Meng có vẻ nghiêm nghị:

- Lo cho anh em là tốt đấy chứ. Tôi cưới anh nhé?

Dụng hoảng hốt nói:

- Sao lại cưới tôi?

Y Meng thản nhiên trả lời:

- Tôi ưng anh mà.

- Sao ưng gấp vậy?

- Anh tốt đấy.

- Không, tôi xấu lắm.

- Đã bảo tốt mà!

- Tôi nghèo lắm kia.

- Nghèo thì Y Meng nuôi. Y Meng có rẫy, có trâu, có gà. Này, đi xem rẫy Y Meng!

Chị lôi tay anh kéo dậy. Dụng ngoan ngoãn theo, trong lòng có một nỗi vui ngơ ngác. Ra khỏi nhà, anh bảo:

- Gọi Kiu đi với.

- Nó là đàn ông, nó phải ở nhà coi heo.

Y Meng dắt tay anh, qua mấy dãy nhà. Nhiều người đàn ông ngồi hút thuốc ở bậc cửa nhìn xuống mỉm cười vui vẻ. Một cụ già hỏi:

- Ưng lấy rồi à?

Y Meng đáp:

- Ừ, ưng rồi.

- Người ta có ưng nhiều không?

- Ưng chưa được nhiều lắm đâu. Còn đi xem rẫy đã chứ.

Cụ già cười rất hồn nhiên, nói theo:

- Ưng nhiều đi thôi, cho buồn ta được đông người.

Dụng theo Y Meng đi về một phía bờ dốc. Nắng chiều đã nhạt, rây xuống cây lá xanh mượt một màu vàng dịu. Không khí mát lạnh nhưng anh không cảm thấy mùi gây gấy ớn người như ở những chốn núi rừng anh đã trải qua. Đi cạnh Y Meng thấy chị tuy nhỏ hơn anh khá nhiều nhưng anh lại có cảm tưởng mình là cô gái đi theo một gã đàn ông. Anh tự nhủ: "Mình là cô gái quá mới, không biết mắc cỡ chút nào".

Y Meng dừng lại, chỉ tay về một đỉnh xa có những vạt rẫy vàng sẫm lấp lăm vệt xanh, chị nói:

- Rẫy đấy, cưới rồi Y Meng sẽ đưa lên rẫy.

Dụng ngơ ngẩn nhìn, cảm thấy cả một cuộc đời êm đềm trước mắt. Anh tưởng tượng mình sẽ lấy Y Meng, sống một cuộc sống bình dị, đơn giản ở chốn cỏ cây khuất lấp, gạt bỏ mọi sự phiền toái trên đời...

Y Meng kéo tay của anh sát vào người chị rồi rẽ vào một lối khác. Hai người đi đến một dòng suối trong. Chị bảo:

- Nước này mát lắm, rửa đi.

Anh vốc nước, cảm thấy tê lạnh, gượng gạo rửa mặt rồi theo Y Meng lội qua bên kia. Dụng ngạc nhiên thấy rừng ổi tươi tốt, trái chín mọc đầy, trắng nõn, buông cành trĩu xuống là sà mặt đất. Anh bàng hoàng tưởng mình đi vào một thế giới huyền hoặc không có trên cuộc đời này. Anh đứng sững, nhìn quanh, khi Y Meng vỗ vào lưng bảo đi, anh mới sực tỉnh. Anh quờ tay trước mặt mình và các ngón tay của anh lút sâu vào trong những trái ổi chín rục mềm, tỏa ra mùi hương đậm đặc. Hai người đi vào sâu thêm và Dụng nghe tiếng vỗ cánh rần rật của vô số chim qua các lá cành. Nhiều con mải mê mổ vào những trái ổi chín không sợ bóng người, tưởng chừng có thể chụp bắt rất dễ. Rừng ổi mênh mông, hai người đi mãi. Dụng vừa ăn ổi vừa nghĩ đến những bạn ở dưới núi bây giờ chiều xuống

đang nằm bên bếp ước ao những chén cơm đầy, và thăm tiếc rẻ cho họ không được may mắn như mình.

Y Meng đưa anh ra khỏi rừng ổi và rẽ sang một lối khác gần hơn để trở về nhà. Chị hỏi:

- Ưng lấy Y Meng nhiều chưa?

Dụng đuổi hai chân trên sàn, đáp lại:

- Ưng nhiều lắm rồi.

Chị lại gần, vỗ lên má anh, cười rất vui vẻ:

- Tốt đấy.

- Nhưng mà...

- Gì à?

- Tôi phải trở về dưới ấy, có nhiều anh em đang chờ.

- Bao giờ mới lên?

- Xong việc, tôi lên.

- Có lâu lắm không?

- Lâu lắm.

- Lâu chừng nào kia?

- Không biết rõ được. Sợ đến lúc nàng Y Meng già như bà mí vậy đó.

Y Meng cau mày, có vẻ buồn bã.

Dụng tiếp:

- Tốt hơn, đừng chờ đợi tôi làm gì.

Y Meng lắc đầu nhẹ nhàng, cặp mắt ngó về nơi xa, rồi nói:

- Không chờ gì đâu. Lâu quá đi mà, chịu không nổi được.

Chị nhìn chăm chăm vào anh, nói tiếp:

- Tốt với anh em mà không tốt với Y Meng, ghét lắm. Có ưng lấy Min Ray không?

Dụng kêu:

- Không đâu! không đâu! Tôi nào có quen Min Ray! Không ai tốt bằng Y Meng, xong việc rồi tôi sẽ lên, tìm thăm Y Meng.

- Chờ ba mùa lúa thôi đấy.

- Ừ, chờ tôi ba mùa.

- Đến nhà Min Ray chơi không? Min Ray dễ thương lắm mà.

- Thôi, tôi ngồi gần bên Y Meng, ngày mai tôi về.

Y Meng làm lì vẻ mặt, không nói năng gì. Dụng nằm xuống sàn, sát bên bếp lửa đã được Kiu đốt cháy rực. Anh nhìn ra ngoài thấy trời tối lại, những ngọn núi mờ dần chìm trong màn đêm dày đặc mênh mông. Anh thiếp đi trong giấc ngủ nhẹ nhàng. Khi anh chợt tỉnh thấy bên mình một mo xôi khá lớn, mấy xâu thịt nướng và chén nước muối. Bà mí, Y Meng và Kiu ngồi cạnh một bếp gần đấy quay lại nhìn anh. Bà mí bảo anh:

- Ăn đi rồi ngủ cho khỏe.

Anh ngồi dậy, mời mọc mọi người, ai cũng lắc đầu, trả lời: "No rồi". Dụng với tay rút lấy bốn miếng mo cau phơi trên giàn bếp, đặt trước mặt mình, chia xôi, chia thịt ra làm bốn phần đều nhau. Rồi nói: "Phần của mí đấy, của Y Meng đấy, của Kiu nữa đấy".

Ba người nhìn anh có vẻ cảm động, bà mí nói:

- Tốt lắm.

Y Meng nhìn anh chăm chú, rồi quay sang mẹ, nàng bảo:

- Tốt nhiều đấy chứ?

Bà mí gật đầu:

- Tốt nhiều.

Rồi lại bảo anh:

- Ăn cho hết đi. Đừng để còn lại, không tốt.

Dụng ngồi xếp bằng, nhai xôi và thịt một cách thông thả, chậm chạp. Mỗi lần anh ngước nhìn lên, đều gặp Y Meng chăm chăm nhìn anh như quan sát một vật lạ mà nàng ưa mến. Tuy hơi ngượng nghịu nhưng anh cảm thấy một niềm thích thú của kẻ tự nhiên biến thành nhỏ bé hẳn lại.

Quá no, Dụng cũng cố ăn hết phần xôi thịt của mình. Khi Kiu đem nước cho anh, Y Meng rời khỏi nhà sàn. Một lát, chị về, theo sau nào cụ Pay Khoan, Min Ray và nhiều người nữa trong buôn, mỗi người trai trẻ trong tay đều có mang theo một cây đàn dài và những ống tre lồ ô đục thông các mắt để dẫn tiếng đàn. Mọi người quây quần bên anh, nói chuyện vui vẻ, giữa những tiếng đàn, tiếng hát kéo dài dằng dặc như tiếng suối nguồn bất tận...

o o o

Mỗi lần quay lại, Dụng vẫn nhìn thấy những người trong buôn đưa tay vẫy vẫy như kêu gọi anh. Anh cũng vẫy lại nhiều lần, rồi cố bước mau để khỏi kéo dài những phút tiễn biệt ở cách xa nhau như vậy. Xuống một dốc dài quay lại không thấy buôn nữa, Dụng mới ngồi nghỉ và lau những giọt mồ hôi đầm dề trên trán. Anh đã ráng hết sức mình để gánh số nếp, số thịt về cho anh em và dành để lại bao nhiêu trái cây ngon lành. Dân buôn không nhận đồ vật anh đem lên đổi, vui vẻ cho anh những thức đồ ăn cần dùng tùy theo sức gánh của anh. Anh thầm tiếc đã sống quá vội vàng những giờ êm ả trên đỉnh Pu Tha và mong có dịp sẽ trở lại đây nhiều ngày hơn nữa. Khi ngước lên, anh thấy mặt trời đã vượt quá cao trên nền chói ửng, vụt nhớ hôm nay là ngày đầu năm. Anh đã được hưởng giao thừa trên đỉnh Pu Tha, trong một không khí đầm ấm, hồn nhiên của những con người hầu như không hề biết Tết, nhưng suốt cuộc đời là một mùa xuân bất tận. Đầu năm nay, anh mang những món quà tặng đặc biệt từ đỉnh non cao về với cuộc đời thiếu thốn, đầy những âu lo khắc khoải hàng ngày. Anh lại lên đường, mong chóng gặp mặt anh em để họ được hưởng những sự no đủ, đợi đến ngày một cùng về Đất Tó. Khi về gần đến buôn cũ, anh đang hào hển leo dốc đã thấy Khánh bước khắp khểnh xuống đón.

Khánh giằng lấy gánh, nở một nụ cười rất lâu, không kịp hỏi anh gì hết rồi khập khểnh bước. Dụng ríu rít kể cho Khánh cuộc đời trên đỉnh Pu Tha mà anh vẽ lại như một cuộc sống ước mơ. Pu Tha, theo như ý Dụng, là chốn thần tiên, là một nếp sống mà cả nhân loại kiếm tìm. Con người luôn luôn no đủ, không hề dối trá, che đậy, ăn ở với nhau một cách giao hòa, thân mật, còn gì đáng khát thèm hơn? Khánh chăm chú nghe không nói một lời, nhưng đến gần nhà anh bảo:

- An và Hiệp mừng lắm đấy nghe, nhưng đừng nói nhiều về cái cuộc đời cậu vừa trải qua mà họ khát thèm.

Dụng cúi đầu bước, dần dần cảm thấy Khánh đã có lý khi dặn dò anh như vậy. Anh không thể nào làm những người bạn của anh cảm thấy chán nản khi nghĩ về cuộc đời đầy thiếu thốn của mình. Và anh nghĩ rằng mình phải chuẩn bị một câu trả lời.

An, Hiệp ngồi chờ anh nơi bậc cửa, cặp mắt mỗi người sáng lên trên những khuôn mặt tóp gầy, héo hắt. Họ run rẩy đỡ gánh đồ bằng những điều bộ giữ gìn của quý và không đợi Dụng kịp ngồi xuống sàn, đã hỏi:

- Thế nào? Mùa xuân trên ấy ra sao?

Dụng nhìn hai người, thấy vẻ hâu hấu thèm ăn ở trên mặt họ - và đó cũng là hình ảnh vừa qua ở nơi mặt anh - rồi đáp:

- Cũng như bao nhiêu nơi khác mà mình đi qua. Chẳng có tốt nhất gì cả. Đồng bào thiếu thốn, đói khổ, sống trên những chiếc nhà sàn rách nát, tiêu điều. Nhưng họ sẵn sàng chia sẻ cho mình, không chịu đổi chác gì hết.

Nét mặt của An có vẻ trầm ngâm, dịu lại và Hiệp cũng mất dáng điệu hớn hờ ban đầu. Dụng ngược nhìn Khánh, thấy Khánh cau mày, nhìn anh có vẻ trách móc. Dụng hơi ngơ ngác thì Khánh vội bảo:

- Hãy nấu một nồi xôi lớn ăn đã!

Mấy người hì hục vo nếp, đốt lửa và khi bếp hừng hực cháy, Khánh mới chậm rãi nói tiếp:

- Lúc này, vì thương anh em ở nhà khổ sở nên cậu Dụng đã nói dối. Mình nghĩ, việc gì mà phải nói dối như vậy? Tưởng nên tìm hiểu sự thực cho rõ ràng hơn. Mình đã từng sống trên những buôn cao, khí hậu mát mẻ, cây cối xinh tốt lạ lùng. Đồng bào cũng no đủ lắm và vui vẻ lắm. Người ta sẵn sàng cho chúng ta ăn bất cứ lúc nào, và không bao giờ ta phải lo sợ đối trá, lường gạt lẫn nhau vì một chén gạo, manh vải. Cho đến tình yêu, cũng thực giản dị, khỏe mạnh lạ thường. Nhiều cô sẵn sàng yêu ta, chết sống với ta vì ta biết điều, hiền hậu, chứ không vì ta có nhiều bạc tiền, địa vị hay là một thứ nhãn hiệu nào khác. Ở đây hình như chỉ có suối reo, chỉ có tiếng hát, chỉ có mùa xuân. Nhưng mà...

Khánh bỗng dừng lại, nhìn anh em rồi tiếp:

- Đó là mùa xuân của thời hoang dại, cổ sơ không còn phải là mùa xuân của chúng ta nữa. Anh em nghĩ xem, làm sao có thể sống như cây cỏ không hề băn khoăn vì mục đích gì? Làm sao bọn mình có thể yêu đương đơn giản bằng những thèm khát tầm thường không nâng tình yêu lên khỏi rung động bản năng thấp kém? Chúng ta cần yêu để tạo một sự hòa điệu tâm hồn, một sức cảm thông đầy những xây dựng, hy sinh cho một sự nghiệp. Và bao nhiêu điều hiểu biết sẵn có, bao nhiêu ao ước tương lai ấp ủ ở trong tâm não của mình, làm sao ký thác vào trong câm lặng, hoang vu? Đồng bào miền núi của ta phải chịu cuộc đời như vậy vì họ chưa thoát khỏi một tình trạng sinh hoạt còn nhiều ràng buộc thiên nhiên. Còn ta, ta không thể nào trở lại cuộc đời như thế.

Khánh dần hai tiếng "trở lại" và kéo dài ra. Lời nói có đà khiến anh hăng hái tiếp theo như trong một buổi thuyết trình đại hội:

- Họa chăng vì phút chán nản nào đó trước những khổ nhọc của đời, ta không tự chủ được mình nên có tư tưởng lẫn trốn, hướng về cảnh đời nghĩ làm yên vui của chốn sơ khai. Nhưng chắc chúng ta khó lòng chấp thuận cảnh ấy quá một tuần lễ. Mùa xuân chúng ta chỉ có thể tìm thấy trong cuộc sống này, trong những nỗ lực hướng về một cuộc đời khác cao hơn, đẹp hơn, trong đó mọi người với ta cùng được chung hưởng những kết quả của khoa học, của một tinh thần tổ chức nhân đạo và lý trí hơn.

Anh dừng lại, nói nhỏ và chậm:

- Tôi nghĩ đến sự chịu đựng của anh em mình để làm cho tròn nhiệm vụ, nghĩ đến tình thương ở giữa chúng ta, nghĩ đến xâu mắng của anh An, chén cám của anh Hiệp, gánh nếp của anh Dụng và tôi tưởng đấy mới là ý tình của một mùa xuân thực sự.

An nói:

- Anh Khánh, anh cố quên những tình ý của anh hay sao?

Hiệp cúi đầu xuống có vẻ trầm tư không nói năng gì.

Dụng liếc nhìn Khánh, thở một hơi mạnh rồi tiếp:

- Phải rồi, mùa xuân của mình không thể tìm thấy trên đỉnh non cao. Mùa xuân thật sự của ta ở trong cuộc sống này đây, và dưới đồng bằng...

Mọi người im lặng, ngược nhìn về chân trời xa, vệt núi xanh nhạt, mờ mờ. Thoáng chốc giữa tiếng sôi sục trong nồi và tiếng củi cháy, họ nghe như có tiếng pháo, tiếng cười, tiếng nói từ miền quê xa vọng lại liên hồi.

Dương đảo

Từ năm thứ ba của triều Mân Vương, xã hội kể như có sự đảo ngược. Đó là đàn bà lấn sân, uy hiếp đàn ông một cách trầm trọng.

Ngay trong cung cách sinh hoạt, các bà cũng chiếm đoạt dần những gì mà bọn đàn ông xưa nay làm nghĩ là của riêng mình, và bắt đàn ông học đòi trở lại những gì chị em đã chán chê rồi. Chẳng hạn, từ thời cổ đại phụ nữ vốn để tóc dài, cột lại rồi thả lúc lắc theo kiểu đuôi ngựa, còn đàn ông thì độc quyền "húi cua", tức cắt tóc ngắn. Nhưng nay thì đã có sự đảo lộn: tóc của các bà hót cao vồng lên trên ót, còn nhiều được rửa lại để tóc dài và cũng cột chùm, thả đuôi leo ngoe, tỏ ra hí hửng như mới phát minh được cái mới lạ. Dễ thấy hơn nữa, là cách ăn mặc. Ngày nào, các bà mặc phủ kín đùi, lỡ để lộ ra một chút da non là thấy xấu hổ sượng sần cả mặt, và dành quần cụt - còn gọi là quần xà lỏn - cho giới mày râu. Nay thì đàn ông bám chặt lấy thứ quần dài để cho các bà chiếm dụng quần cụt, thậm chí rất cụt đến nỗi không thể cụt hơn, lại đi nghênh ngang giữa chốn phố phường theo đúng kiểu cách chào hàng hiện đại. Còn về chuyện ngồi, thì xin miễn bàn. Các bà ngày nay không khép đôi chân, cũng không chịu khó tréo mảy cho nó yên ổn, lại dang cả hai chân ra, kể cả khi ngồi thu hết cặp cẳng lên trên ghế đá, giữa chốn công viên, có vẻ thách thức bàn dân thiên hạ.

Nhưng điều đáng nói là chuyện trong nhà. Các bà luôn cho là mình có lý, có quyền, nói năng hơi lớn, lên lớp hơi nhiều, thường tuyên bố rằng đối với đàn ông chị em luôn phải đề cao cảnh giác để khỏi nếm lấy quả lừa. Vì vậy, những thứ đàn ông kiêu hãnh, nghênh ngang, ra vẻ ta đây, giờ kể như đã tuyệt chủng. Chỉ còn một hạng lấm lét, e dè, luôn luôn ở trong tư thế đối phó mà mình cảm chắc lấy phần thất bại.

Trong hoàn cảnh ấy, có một ngư dân tên là Trần Thân, hiền lành, nhẩn nha, vì không chịu nổi vợ nhà nên đã nhiều phen có ý quyền sinh, song vào phút chót lại thấy tiếc rẻ cuộc sống còn nhiều cá mắm, bèn muốn tìm phương cách khác. Hồi ấy, chưa có cánh cửa ly

dị như một lối thoát an toàn, và thật gọn nhẹ nên Trần Thân bèn nghĩ cách trốn khỏi tay vợ, theo như sách xưa đã dạy: "Ba mươi sáu kế chỉ có cách chạy là cách xịn nhất". Nhưng chạy đi đâu? Đó là vấn đề. Bởi khắp trên mặt đất liền, dẫu anh trốn chui trốn nhủi nơi đâu thì bà xã cũng kịp thời phát hiện và lôi cổ về. Bấy giờ, nỗi khổ sẽ càng mười phần bi thảm.

Cuối cùng, Trần Thân chợt nhớ một lần đánh cá ngoài khơi anh bị bão lớn giạt vào một hòn đảo nhỏ. Hòn đảo xanh tươi, phong cảnh kỳ thú đặc biệt và rất hoang vu như chưa có ai từng đặt chân đến. Chỉ có ra được ngoài ấy, mới có cơ may thoát được vợ nhà.

Thế là nửa đêm Trần Thân lén dậy, đặt một tờ giấy viết sẵn mấy chữ "Vĩnh biệt từ đây" rồi nhẹ nhàng ra khỏi nhà, đến ngay bờ biển có giấu cất sẵn các thứ nhu dụng, lên chiếc ghe con, gióng buồm ra đảo.

Đặt chân lên đảo, Trần Thân thấy mình như lên được miền Cực Lạc. Thôi thì từ đây không còn bị ai làm tội, làm tình. Được sống, mà khỏi đối phó với người gần gũi, là thần tiên rồi. Anh ta chạy từ đầu đảo xuống dưới cuối đảo la hét huyên thiên, hét cười lại nói, hét nói lại chửi, vung tay múa chân, tuyên bố đủ điều kỳ lạ mà nếu có ai nghe thấy cũng nổi da gà. Nhưng ở nơi đây, chỉ mỗi mình anh, chẳng phải sợ gì. Cá, ốc có đầy quanh đảo, cây trái rậm rạp, trĩu cành, đất tốt trồng gì cũng dễ sinh sôi, và điều tuyệt vời là không còn nghe vợ tố, vợ tụng, ca kệ, nhĩ nhằng. Buổi sáng, Trần Thân ra một mớ đá nói to tát cả những gì bấy lâu ẩn chứa trong lòng nhưng vì sợ vợ nên không dám nói. Buổi trưa, anh vào nằm trong hang đá lằm nhằm một mình bao nhiêu ý nghĩ của anh đối với vợ nhà. Buổi tối, bên ngọn lửa hồng, anh lại một mình thổ lộ tất cả ý nghĩ của anh về giới phụ nữ.

Ba ngày sau đó, Trần Thân rơi vào trạng thái im lặng. Nói, là để cho người ta nghe, và anh đã nói cho chính anh nghe chán chê cả ba ngày rồi. Nay thì còn có ai đâu để mà nói nữa? Trần Thân bắt đầu cảm thấy một nỗi cô đơn. Và anh chợt hiểu: cô đơn lớn nhất của nhân loại này là không được nói.

Thế thì phải làm sao đây? Gấp rút tìm người đồng điệu để mà chia sẻ tâm tình. Trần Thân lấy mấy chai mắm, chai dầu đã cạn, rửa sạch rồi viết tờ thư nhắn gửi đàn ông khắp xứ - những ai sợ vợ, giận vợ, chán vợ - hãy theo bản đồ chỉ dẫn mà đến đảo này. Xong, anh nhét nút kỹ, ném chai xuống biển, để nhờ sóng gió đưa đi.

Và điều kỳ diệu xảy ra. Chỉ trong thời gian rất ngắn, đã có vô số đàn ông tấp nập kéo tới. Con số lên đến gần một ngàn người. Không khéo đảo sẽ bị nạn nhân mẫn đàn ông. Bây giờ có một tập thể đông đúc như vậy, cần phải tổ chức, sắp xếp đội ngũ không thì sẽ gây hỗn loạn, bởi lẽ nhiều anh bị vợ đàn áp lâu năm đã có triệu chứng tâm thần phân liệt, một số nửa khùng nửa điên cười khóc thất thường, một số bị trầm cảm nặng, suốt ngày chỉ ngồi im lặng như đá, cạy răng cũng không nói được một lời. Dĩ nhiên, về chuyện ăn uống thì vẫn còn nhiều nhiệt tình.

Trần Thân được toàn thể bầu lên là đảo trưởng. Anh chọn ba chục đảo phó để làm phụ tá, vì có nhiều phó thì cái người chánh xem như là có quyền hơn. Rồi chia đủ thứ ban bộ để khai thác đảo, phần lo săn bắt thủy sản, phần lo trồng trọt, phần lo chăn nuôi. Về mặt duy trì trật tự, trị an thì có đội ngũ đề phòng các tay điên khùng quấy rối, mặt khác cũng phải canh chừng quanh đảo đề phòng phụ nữ tấn công. Dầu ở giữa chốn biển khơi xa xôi, song kẻ sợ vợ vẫn không vì vậy mà hết sợ được.

Đồng thời đảo cũng khuyến khích các môn giải trí để cho cơ thể cũng như tinh thần được sự giải tỏa, bởi sống xa vợ các anh đàn ông dễ bị ức chế gây ra mạnh động mà cứ tưởng lầm là cái bản lĩnh của kẻ yêng hùng. Hai môn được khuyến khích nhất là môn bóng đá và môn đồ vật mà giới đàn ông nhiều năm ngộ nhận là môn thể thao riêng của giới mình. Không có quả bóng đích thực, người ta lấy các giẻ rách quấn tròn và đá với nhau xem cũng ra trò. Đồng thời đảo cũng mở một cửa hàng để các dân nhậu có thể đến uống rượu để thả cửa, miễn là có cá, có củi để mà trao đổi. Rượu này do một ban bộ gồm nhiều chuyên viên chế cất trong một hang đá, song dầu họ có nhiệm vụ chở rượu ra quán nhưng không mấy khi thực hiện đúng kỳ, bởi lẽ sau khi nấu xong họ thường nốc say bí tỉ và lăn ra ngủ

như chết. Đó cũng là điều mà khi phải sống với vợ, họ thường bị sự cần nhằn, tiến đến chửi rửa - từ sự chửi ngắn lẩn sang chửi dài - dẫn đến chén bát bể sạch. Cùng sống trên đảo với những đồng loại toàn là đực rửa, người ta khám phá ra rằng áo quần cùng với các mốt thời trang chỉ là sản phẩm phát sinh do sự đối phó với người khác giới. Bởi thế, ở đây ăn mặc là chuyện không cần bàn đến. Có gì mặc nấy, và nếu không có cũng chẳng sao cả. Lại càng mát mẻ!

Nói chung, ở một quần thể chỉ toàn nam giới, lại mang tâm lý sợ vợ, có biết bao nhiêu là chuyện quái đản, buồn cười không thể kể hết trong một truyện ngắn. Để củng cố sự ra đi của mình, mỗi tối thứ bảy thường có cuộc tập hợp lớn để cùng nói xấu phụ nữ, cụ thể là nói xấu vợ, cho hả cơn tức bấy lâu. Nói riết, hết chuyện, người ta lại đặt điều ra, khiến ông đảo trưởng lấy làm kinh ngạc vì nhận thấy rằng đàn ông cũng có bộ óc hư cấu hết sức dồi dào. Và khi cần phải nói xấu người khác, họ tỏ ra có năng lực phi thường.

Sinh hoạt ở đảo cứ thế tiếp diễn, cho đến ngày nọ có một sự cố. Câu chuyện khá dài, song xin tóm lược như sau:

Thời ấy, một trong những nghề hót được bọn bạc, đó là buôn lậu, làm các hàng giả và ra làm quan. Điều này khiến cho khá nhiều kẻ sĩ hăm hở đi học, thậm chí đút lót quan trên để mua đề thi với một giá cao đáng có cơ may chiếm được bảng vàng. Trên tinh thần ấy có gã Mai Trầm, người huyện Thanh Nê, mặc dù học dốt cũng xách khăn gói hăm hở ra chốn kinh kỳ. Đến bến Bạch Phố gã thuê chiếc thuyền để đi đường sông cho được thanh nhàn. Đi được năm ngày, chủ thuyền hết gạo, cạn nước, ghé lại gần chợ Liên Châu lên bờ mua đồ tiếp tế. Mai Trầm ngồi trong thuyền, nghe ở trên bến có tiếng người nữ hát rất não nuột, giọng thánh thót, tiếng dịu ngọt đến mê lòng người. Khi chủ thuyền về, gã hỏi:

- Người nào hát hay vậy kìa?

- Xin thưa, đó là cô gái hát dạo, nghe đâu chồng bị giam trong ngục tối, nàng phải làm nghề xướng ca kiếm tiền độ nhật để đến kinh kỳ kêu oan cho chồng.

- Hãy gọi nó đến cho ta.

Chủ thuyền ra đi, chốc lát đã dẫn người ca nữ về. Mai Trầm thoát nhìn, đã thấy mê mẩn. Thế ra ngoài cái giọng ca diễm lệ, nàng có nhan sắc mặn mà khác thường. Gã bảo:

- Hãy ngồi xuống đây, nói cho ta rõ sự tình.

Cô gái cho biết tên là Từ Ly, họ Đào, lấy chồng là một nông dân tên Bái, họ Vương. Vì thấy quan trên tham nhũng, lộng hành, chồng nàng đã cùng bè bạn lên tiếng chống đối, lập tức đã bị bắt giam vào ngục. Nàng đã tìm kiếm khắp nơi không gặp mặt chồng, nay lên kinh đô kêu oan. Ngặt vì đường xa, tiền ít, phải hát để kiếm đồng tiền độ nhật. Mai Trầm gật gù:

- Cũng may cho nàng là ta đang trên con đường về chốn kinh kỳ ứng thí. Vậy cho nàng đi theo ta.

Từ Ly cúi đầu cảm tạ, lui về sau ghe.

Đêm ấy, Mai Trầm cho gọi Từ Ly và bắt nàng phải cùng gã vui vầy chẵn gối. Từ Ly cự tuyệt. Mai Trầm đưa một nén vàng. Từ Ly lắc đầu. Y đưa hai nén. Từ Ly nghiêm mặt:

- Ông tưởng tôi có thể bán danh dự và thân xác tôi để lấy vàng sao? Cho dầu ngàn lượng vàng ròng cũng không mua được danh tiết tôi đâu.

Mai Trầm cả giận, đáp lại:

- Ca nữ mà còn làm bộ chề tiền.

Từ Ly trả lời:

- Dầu là ca nữ phải sống xó chợ đầu đường nhưng tôi cũng được giáo dục tôn trọng đồng tiền chính đáng do công sức mình làm ra, chứ không đem bán thân mình. Chỉ bọn tham quan lại nhúng, thấy tiền tối mắt, mới làm những chuyện ô danh.

Mai Trầm quát to:

- Đừng có nhiều lời. Mai đây thi đỗ, làm quan ta có vô số tì thiếp xinh đẹp gấp mười, gấp trăm nhà người. Sá gì một gái có chồng tha phương cầu thực!

Qua ngày hôm sau, thấy ở đằng xa có một đảo nhỏ, gã hỏi chủ thuyền:

- Hòn đảo gì vậy?

- Thưa là đảo hoang. Xưa nay, trái đường ít ghe lui tới nên không đặt thành tên gọi. Gần đây nghe có một số đàn ông chán đời đến đó tu hành.

- Vậy hãy ghé lại.

Chủ thuyền tuân lời, cho thuyền cập vào một bờ đá hẹp. Mai Trầm đưa hai đồng tiền và cái chai nhỏ, bảo người chủ thuyền:

- Hãy sai cái con mắt dạy lên tìm mua rượu cho ta.

Đội Từ Ly vừa đi khuất sau một lùm cây, Mai Trầm ra lệnh:

- Cho thuyền đi thôi.

- Nhưng còn cô gái...

- Mặc kệ xác nó. Đó quả là đồ vô dụng, đem theo chỉ thêm gai mắt. Để nó sống chung với bọn tu hành trên đảo, thử có an toàn danh tiết hay không.

Chủ thuyền không nỡ bỏ rơi một người phụ nữ cô đơn ở giữa biển khơi, có vẻ chần chừ thì Mai Trầm quát:

- Ta đã thuê trọn thuyền này thì ta là chủ, muốn cho ai đi là tùy ở ta. Hãy lên đường ngay!

Và thuyền lướt sóng ra khơi.

Từ Ly lặng lẽ men theo triền đảo đi tìm quán rượu. Khi đến đầu dốc, quay lại, thấy thuyền chạy xa biết mình đã bị bỏ lại nơi đảo hoang này. Không còn cách nào khác hơn, nàng lại tiếp tục tìm vào bên trong, hy vọng gặp được nhà của ngư dân. Đang cúi đầu bước và nghĩ về thân phận lưu lạc của mình, bỗng nghe một tiếng rú lên:

- Trời ơi!

Nàng dừng bước lại. Sau một mòm đá có người đàn ông đang đứng nhìn nàng lom lom, mắt mở trừng trừng trong một dáng vẻ kinh ngạc

tốt cùng. Cuối cùng, anh ta lắp bắp:

- Đàn... bà phải không?

Từ Ly gật đầu, thầm nghĩ: "Có lẽ đây là một gã điên khùng".

Nhưng gã đã hốt hoảng bảo:

- Ấy chết! Nàng đừng bước tới kẻo mà mang họa vào thân. Ở đây đã có nghiêm luật: hễ gặp phụ nữ thì phải quăng ngay xuống biển để tránh đại nạn.

Từ Ly nói qua cảnh ngộ của mình, rồi than:

- Thế tôi phải làm sao đây? Chẳng lẽ ở đâu tôi cũng phải gặp những bọn đàn ông ích kỷ, hồ đồ vậy sao? Ở trên mặt biển là phường dân loạn ác nhân, còn trên mặt đất là lớp cuồng điên tàn bạo. Nếu không vì cảnh chồng tôi tù tội hàm oan chưa được giải tỏ, thì tôi sẵn sàng làm mồi cho cá ở chốn biển khơi chứ nào thiết sống giữa chốn trần gian đầy ô nhục này.

Người đàn ông lộ vẻ xúc động, đáp lại:

- Ta chưa gặp ai xinh đẹp lại có tấm lòng chung thủy kiên cường như nàng. Vậy để ta tìm cách gì giúp nàng thoát cảnh hiểm nguy. Bây giờ hãy nghe lời ta tạm núp vào trong hang đá trước mặt. Đến tối, ta sẽ mang quần áo đến để nàng cải trang mà về ẩn trú nơi cái hàng quán mà ta đã được phân công điều hành.

Từ Ly không cách nào khác là phải nghe theo. Đến gần nửa đêm, Lý Hải - tên người chủ quán - đem đến cho nàng quần áo đàn ông, một khăn vấn đầu và chút lọ nôi để bôi lên mặt cho ra con người lam lũ. Họ cùng đi con đường tắt về quán. Tới đây, Lý Hải đưa nàng vào một buồng nhỏ phía sau và đem cơm nước cho nàng. Gã bảo:

- Hãy cứ suốt ngày nằm yên trong đó, đừng có thắp thoáng ra ngoài.

Gã còn cẩn thận đặt vào bên trong hai cái chậu nhỏ, để người đàn bà giải quyết đầu ra cho bản thân mình.

Từ đó mỗi ngày hai lần gã đem cơm nước vào cho Từ Ly. Ban đầu nàng còn lo sợ nhưng sau thấy gã luôn tỏ thái độ nghiêm cẩn và

kính trọng nàng nên mới yên lòng. Song phải giam cầm như thế cho đến bao giờ? Một hôm, Từ Ly nói lên nguyện vọng của mình:

- Kính thưa ân nhân, tôi được sống yên nơi đây là một điều may mắn lớn song cứ nghĩ đến nỗi oan chồng tôi chưa được giải tỏ thì không làm sao có thể an lòng. Mong ngài giúp tôi rời khỏi chốn đảo hoang này thì tôi xin nguyện suốt đời không quên ơn ngài.

Lý Hải đáp lời:

- Ta đã nghĩ đến điều này từ ngày đầu tiên gặp nàng. Từ lâu ta cứ nghĩ rằng đàn bà là kẻ nhà trời sai xuống để mà dẫn vật đàn ông, nay gặp được nàng thấy quả là mình lầm lớn. Xinh đẹp, lại không con cái, nàng rất có thể làm lại cuộc đời một cách an lành, đâu phải đem thân lặn lội chịu nhiều gió bụi, đọa đầy để mà vì chồng giải nỗi hàm oan. Song nàng không ỷ tài, sắc của mình để làm hoen ố cái đức của người phụ nữ trung trinh, ta xin bái phục. Nay ta đang đóng chiếc bè để giúp đưa nàng về chốn đất liền, hãy gắng chờ đợi. Và ta sẽ đi với nàng, giúp nàng tìm gặp được chồng.

Từ Ly ôn tồn:

- Ngài quá lời khen, song tôi chỉ là một kẻ tầm thường cố gắng giữ trọn đạo người đó thôi. Nếu có chiếc bè, tôi liệu có thể một mình chèo chống, khỏi phiền lụy ngài rời đảo.

Lý Hải bèn nói:

- Gặp một phụ nữ như nàng, ta không thấy còn có lý do nào để ở lại đây. Chỉ mong giúp nàng đoàn tụ, là ta vui rồi. Ngoài ra cũng phải thú thật điều này: nếu lỡ chồng nàng không còn ở trên thế gian thì ta xin được chung sống với nàng.

Từ Ly đáp lại:

- Đa tạ lòng ngài đã chiếu cố đến con người bèo bọt như tôi. Nếu rủi ro tôi trở thành góa phụ thì xin được ở ba năm phục tang cho chồng, mới dám nghĩ đến đền ơn cứu mạng của ngài.

Lý Hải không giấu được sự cảm động:

- Cho dầu đợi nàng năm năm, mười năm ta cũng vui lòng.

Từ Ly mỉm cười:

- Ngài không sợ thiếp già sao?
- Một người cao quý không bao giờ già.

Từ Ly im lặng, rồi nói:

- Nhưng ngài đã phạm cái lỗi mà đa số kẻ đàn ông vẫn thường mắc vào.

- Cái lỗi gì vậy?

- Là trong những phút xúc động, hứng khởi, đàn ông thường quên mất vợ ở nhà. Ngài nên nghĩ đến người đang chờ đợi mỗi mòn ngày ngài về lại quê xưa.

Lý Hải im lặng, cảm thấy bối rối, thẹn thùng. Lát sau mới nói:

- Cái chính là ta phải giúp đỡ nàng. Mọi việc, về sau, xin để cuộc đời sắp xếp.

Hôm sau, một bạn thân của Lý Hải là Trọng Thìn nhân ra vườn sau hái mấy cọng ngò vào thêm gia vị cho bữa ăn nhậu, lại đi tắt qua ngôi buồng phía sau. Bỗng gã khịt mũi kêu lên:

- Lạ kìa! Có mùi đàn bà!

Lý Hải kịp nghe, chạy đến:

- Thôi đừng nói nhảm! Làm gì có đàn bà ở đây?

Trọng Thìn vẫn cứ khìn khịt, rồi bảo:

- Ta đã sống với phụ nữ trên mấy mươi năm, đâu có làm được. Phàm trong tạo vật cái gì cũng có mùi riêng của nó, không thể lẫn lộn vào đâu. Hễ gừng thì có mùi gừng, mà quế thì có mùi quế, con cọp có mùi khác với con trâu, đàn ông có mùi khác với đàn bà. Chỉ những lỗ mũi đặc biệt mới không nhận thấy cái hương vị riêng của từng loại một.

Rồi gã la lên:

- Rõ ràng gần đây hẳn có đàn bà! Có thể chị em đã lén đột nhập vào đây để mà ám hại chúng ta cũng chưa biết chừng! Để ta lục soát

trong căn buồng này xem sao.

Lý Hải hoảng quá, bấm gã kéo ra phía sau, thú thật mọi điều. Trọng Thìn đòi được gặp mặt Từ Ly mới chịu nín thinh. Khi thấy mặt nàng, gã bỗng sững sờ, chỉ nói:

- Tội nghiệp cho nàng!

Rồi gã bước ra. Lý Hải khẩn khoản:

- Mong bạn thương tình, đừng có tiết lộ cho ai biết rõ điều này.

Trọng Thìn gật đầu một cách khẳng khái, ra về trong nỗi xúc động khó tả. Nhưng suốt đêm ấy, gã không ngủ được. Gần sáng, gã bèn gọi người bạn thân tên là Huỳnh Tâm kể lại sự việc hôm qua, với lời dặn dò khẩn thiết là đừng tiết lộ cho ai biết được việc này.

Một sự bí mật đã có đến ba con người nắm giữ, cũng giống như một con chim nhốt trong chiếc lồng có ba cửa mở. Do vậy, một thời gian ngắn, gần nửa dân đảo đã biết là có một người phụ nữ được giấu trong chiếc buồng nhỏ của quán Lý Hải. Ban đầu mọi người xem đó như là chuyện lạ, sau thấy ngờ vực, rồi sinh ghen tị. Bởi anh đàn ông nào cũng nghĩ rằng chỉ mình mới là con người lý tưởng của các cô gái xinh đẹp, còn những đực rựa nào khác đều là bất xứng. Do đó, một thời gian sau toàn đảo đều biết sự bí mật này.

Đảo trưởng giận lắm, coi đây là biến cố lớn vì đã vi phạm kỷ luật hàng đầu của đảo, cho năm chục người cầm đu gươm giáo đến vây nhà quán vào lúc sập tối, bắt cả Từ Ly cùng với Lý Hải dẫn về nhà việc của đảo nơi có một sân rộng đốt đồng lửa lớn, chung quanh dân đảo đã được tập hợp đông đủ.

Mở đầu, đảo trưởng tuyên bố lý do, kết tội Lý Hải đáng bị bắt giam nhin đói mười ngày dưới một hầm đất sau khi chịu đánh đúng ba trăm gậy vì tội đồng lõa với kẻ gieo họa, còn nàng Từ Ly thì phải bị trói và ném xuống biển. Trước khi thi hành bản án, để cho có vẻ dân chủ, đảo trưởng cho cả hai người được tự biện hộ. Lý Hải cho rằng cô gái không phải là vợ của bất cứ ai trên đảo, nên không thể xem cô như kẻ thù, hơn nữa cô là nạn nhân của một đàn ông, nên cô đáng thương hơn là đáng tội. Ngoài ra Lý Hải cũng đã đóng bè để

cô ra khỏi nơi này - hiện bè vừa mới đóng xong - là cốt để giữ vững sự bình yên của đảo. Nếu Lý Hải bị xử phạt, thì hầu hết người trên đảo cũng phải xử phạt như vậy, vì họ đều cùng giữ chung sự bí mật này trước khi bị một vài kẻ tiết lộ.

Những lời nói của Lý Hải khiến cho mọi người bối rối và cùng ngồi im, không biết phải nên phản ứng thế nào. Lý Hải nói tiếp:

- Hơn nữa, xin mời quý vị nghe người đàn bà nói rõ về mình. Quý vị sẽ thấy người đó đáng thương, hay là đáng tội.

Đảo trưởng ra lệnh cho nàng Từ Ly trình bày sự tình. Nàng tỏ thái độ cung kính và rất điềm nhiên ra giữa đám đông, cúi đầu chấp tay thi lễ trước các chức sắc của đảo, rồi với một giọng dịu dàng, truyền cảm, kể lại sự việc của mình. Chồng bị bắt oan khi đã đứng lên bênh vực lẽ phải, sai nha những lạm vét sạch bạc tiền khiến cha mẹ chồng buồn khổ nên lâm bệnh nặng, qua đời, nàng bỗng con nhỏ đi gõ cửa quan, ngày tháng dãi dầu sương nắng, đứa con đã bị tử thần cướp đi. Lang thang đây đó, nàng phải hát dạo kiếm tiền để ra kinh đô kêu oan cho chồng. Vì không chiều theo thú tính của một kẻ sĩ ác ôn, nàng bị bỏ rơi trên đảo.

Khi nàng Từ Ly dứt lời, tất cả đều chìm trong sự yên lặng kỳ lạ. Có vài tiếng khóc sụi sụi đâu đó vang lên. Họ không ngờ được gặp gỡ một người đàn bà chẳng những xinh đẹp mà còn cao cả đến vậy. Đồng thời họ nhận thấy rằng, hóa ra tất cả nỗi khổ đa dạng mà người đàn bà chịu đựng đều do chính bọn đàn ông gây ra. Một tay diễn viên sân khấu vì quá sợ vợ mà chạy ra đây, nghe Từ Ly nói đã phải làm nghề hát xướng kiếm ăn qua ngày bèn tìm cách để phá tan không khí bi thương và trầm uất ấy, nên đã phát biểu:

- Để chứng thực cho lời nàng vừa kể, nàng hãy hát lại một đoạn nào đó cho chúng ta nghe xem nào!

Từ Ly cúi đầu, tỏ ý tuân lệnh, rồi cất tiếng hát rất là não nuột:

Vượt trăm ngàn ngục nhân gian

Tìm đâu cho thấy mặt chàng thì thôi

Con thơ như ngọc tan rồi

Mẹ cha khuất bóng, còn đôi đứa mình.

Đưa tay vuốt tóc còn xanh

Bạc đầu riêng vẫn để dành cho nhau.

Nàng vừa dứt lời, tiếng khóc bỗng nổi vang lên ở trong đám người chung quanh. Đảo trưởng cố nén mình lại để giữ thể diện, cuối cùng bật khóc to hơn mọi người. Phần vì thương cảm cho cảnh ngộ nàng, phần vì từ lâu vốn bị ức chế do sống xa vợ nên đây là dịp để cho các đấng mày râu giải tỏa nỗi lòng.

Cuối cùng, đảo trưởng phán rằng:

- Cảnh ngộ người đàn bà này thật là đáng thương, thay vì trừng phạt theo luật, ta cho hưởng sự khoan hồng. Ngay trong đêm nay, phải rời khỏi đảo. Chỉ cần một người áp tải đi về đất liền.

Lố nhố hàng chục, rồi đến hàng trăm và gần như mọi người ngồi chung quanh đều đưa tay lên xin đi với người đàn bà. Đảo trưởng lại phán:

- Kẻ nào nhìn thấy người đàn bà trước, kẻ ấy phải có nhiệm vụ dẫn độ.

Như thế, Lý Hải được chọn vào nhiệm vụ này. Anh ta bước ra, xin nói vài lời:

- Để cho đảo được an lành, tôi sẽ đưa ngay Từ Ly vượt biển sau khi quý vị ra về. Song tôi thừa thiết đôi điều: chính sự gặp gỡ người đàn bà này giúp tôi suy nghĩ để nhận thấy rằng xưa nay đàn ông đã gây quá nhiều nỗi khổ cho giới đàn bà. Nếu họ có phản ứng lại, cũng vì chúng ta quá quắt, chứ không phải họ có một ác tâm. Nay người đàn bà như nàng Từ Ly bị chính bao nhiêu đàn ông gây hại, thế mà đàn ông chúng ta lại đi tìm chỗ lẫn tránh, thật là quá đối phũ phàng. Nghĩ cho tận cùng thì dốc toàn lực ra để bênh vực, chăm sóc chị em đến trọn cuộc đời chúng ta, vẫn là chưa đủ. Chính vì lẽ ấy, tôi xin được phép vĩnh viễn ra đi khỏi đảo để trở về với đất liền, trở về với những trách nhiệm đang réo gọi mình.

Lý Hải nhìn thấy mọi người gục đầu như đang suy nghĩ. Đảo trưởng cũng không nói một lời nào. Lý Hải đến đất Từ Ly rời khỏi đám đông, vội quay về quán gom góp một ít vật dụng cần thiết, rồi cùng xuống bè, chèo gấp ra khơi vì sợ các vị trên đảo bất thần đổi ý.

Câu chuyện về sau thế nào thì không được nghe kể lại một cách rõ ràng. Chỉ biết, vài ngày sau đó, trên đảo người ta dần dần biến mất, còn ông đảo trưởng là kẻ ở lại cuối cùng. Nhưng rồi ông cũng ra đi vì cả dân đảo cùng ba chục vị đảo phó đã không còn nữa.

Các sách ghi lại chuyện này, căn cứ vào những đàn ông tập trung ở đảo, nên gọi tên là Dương Đảo, bởi dương là tiếng dành riêng cho lớp đực rựa, song trong dân gian người ta vẫn hiểu dương còn có nghĩa là dê, nên quen gọi là đảo dê.

1990

Chất ngọc

Ở đất Hào Dương có gã Sầm Hiệu sống nghề cày cuốc, tính tình thẳng thắn nhưng rất thô lỗ, cọc cằn. Trong buổi tụ họp đông đảo nếu Sầm mở lời cười đùa thế nào cũng làm mất lòng trên ba bốn người là ít. Tính Sầm lại vốn ghét sự làm thinh, thấy gì trái ý thì nói chẳng nề nang gì nên đám bạn bè nhiều kẻ xa dần. Con gái trong thôn chưa chồng kể cũng khá nhiều vậy mà Sầm không bắt tình được với cô nào. Hễ Sầm mở lời chòng ghẹo thì y như các cô đều háy nguyệt, ngúng nguẩy bỏ đi. Nhiều cô gặp Sầm, vội vã rẽ ngang đường khác. Cha mẹ của Sầm già nua, thấy con lớn tuổi mà vẫn nằm ngủ một mình lấy làm thương lắm, thường mượn mai mối dò hỏi nhiều nơi nhưng vẫn không một nơi nào ưng thuận. Một hôm đi thăm quê ngoại trở về, Sầm ghé qua núi Trúc Sơn, thấy ngôi cổ mộ của Lý Thiên Vương cỏ mọc um tùm bèn ngồi nhổ cỏ. Xế chiều, dọn cỏ gần xong bỗng thấy một cô gái từ hốc núi đi ra, tay xách giỏ rau. Thấy Sầm, cô gái bèn nói:

- Con cháu bất hiếu dữ ha! Đã bao năm nay mới thấy tìm đến nhổ cỏ!

Sầm tròn đôi mắt tròn xoe, quát rằng:

- Nói thế mà chẳng ngượng mồm! Ta vốn họ Sầm, nào thân thích gì với họ Lý đâu? Nhưng Thiên Vương đây là người lính già đã hơn mười lần đuổi giặc để cho thôn xóm bình an, chẳng may lại bị giặc giết, thế mà chẳng có một ai quét dọn mộ phần, để cho gai bám bụi lùm như nơi hoang địa. Ngày nay hỏi chúng ta đây được sống yên ổn thì ai chẳng tự xem mình như là con cháu Thiên Vương mà còn phân chia dòng họ? Người vốn là dân vùng này, tuy rằng phụ nữ nhưng chẳng lẽ quên anh hùng, đâu cứ ngồi đợi kẻ ở xa đến dọn cỏ thế này? Hay người cho rằng chỉ có mộ phần của hàng tướng lãnh mới đáng hương trầm khăn vải mà khinh nắm đất của hạng sĩ tốt vô danh?

Cô gái đặt bó rau xuống, chấp tay ôn tồn:

- Thiếp xin chịu lỗi đã dấm lỡ lời xúc phạm, nhưng dù không phải là người vùng này, hằng năm vào tiết thanh minh thiếp cũng đến đây dọn cỏ cho người dưới mộ. Nếu không, nơi đây gai đâm bụi lùm đã giăng phủ kín mất rồi.

Sầm vội kêu lớn:

- Thế thì ta lỡ lời rồi! Thật ta ngu hơn một con heo nhỏ! Mong nàng coi như ta không có nói lời nào.

Nói rồi phủi tay, cấp nón chuẩn bị lên đường. Cô gái nép bên vệ cỏ, nhường bước cho Sầm:

- Trời đã xế chiều, rước chàng đi trước kéo đàn bà đợi ở nhà.

Sầm cười rất to:

- Ta chưa có vợ, làm gì mà có đàn bà đợi chờ?

Cô gái tỏ ý ngạc nhiên:

- Lớn tuổi thế này mà chưa có vợ thật sao? Hay là chàng quyết ở vậy một mình?

Sầm đáp:

- Dại gì mà ở một mình! Ta cũng thích cưới vợ lắm, nhưng đã dò hỏi nhiều nơi mà các cô gái thấy đều một mực chối từ.

Cô gái bèn hỏi:

- Chê chàng điều gì?

- Chê ta ăn nói vụng về khó nghe.

Cô gái mỉm cười:

- Lấy nhau đâu phải vì nơi chót lười đầu môi.

Rồi nàng e lệ nói tiếp:

- Nếu chàng không chê thiếp xấu thì xin vì chàng sửa đắp nâng khăn.

Sầm không giấu được mừng rỡ, la lên:

- Hay lắm! Ta cũng có nghĩ điều ấy, nhưng sợ nói ra lưỡi vấp gai chông của thái độ nàng.

Cô gái bật cười:

- Bây giờ chàng nói rất hay rồi đó.

Cô gái tên là Chúc Anh, họ Diệp, ở Hoàng gia trang, cách quê Sầm Hiệu hơn chục dặm đường. Mồ cô cha mẹ, nàng ở với một người cô, hết lòng hiếu thảo. Ông bà thân sinh Sầm Hiệu khi nghe tỏ rõ tình đầu hãy còn nghi hoặc, nhưng sau cho người dò hỏi biết được sự thực thì lấy làm mừng. Sau lễ dạm hỏi, Sầm Hiệu năng đến thăm viếng Chúc Anh, hai bên rất là ý hiệp tâm đầu. Mùa xuân năm sau, song thân Sầm Hiệu chuẩn bị lễ cưới cho con thì gặp dịp quan Tổng trấn Hào Dương ra lệnh tuyển mộ thanh niên gia nhập vào đội phòng vệ, vì lẽ tình hình trong trấn càng ngày càng bất ổn. Sầm Hiệu từ giã cha mẹ và nàng Chúc Anh lên đường. Quan Tổng trấn này họ Trầm, tên là Chính Hiệp, tên nghe rất tốt mà người rất dữ. Tay quan lúc nào cũng vung vẩy con roi sắt, miệng quan gào thét như khạc gươm đao, nhân dân đứng trước mặt quan ai cũng run sợ cúi đầu. Quan thích như thế nhưng dân chẳng ai lấy thể làm thích.

Từ khi quan về Hào Dương thì cảnh đói khổ càng tăng, trộm cướp mọc lên như nấm. Quan bèn cho in nhiều sách thánh hiền, tung ra khắp nơi cốt để ổn định nhân tâm. Sách không ai đọc vì đa số dân đều không biết chữ. Những người biết chữ thì không có đủ thì giờ xem sách. Một số có thì giờ xem, thấy sách nói toàn những chuyện xa xôi, bèn sinh bực tức muốn đi ăn cướp.

Quan bèn lập ra một đội Phòng vệ để đàn áp nhân dân. Bệnh không chịu chữa từ gốc nên chặn chỗ này lại phát chỗ kia. Gặp năm trời làm thiên tai, nước sông Bạch Hà tràn lên sáu dặm ngâm mùa suốt một tháng trời, dân chúng cả miền Trà Lý phải hái rau cỏ ven núi mà ăn. Kịp đến vụ thuế, quan bắt dân nộp, tiếng dân kêu trời như bọng. Xã trưởng bị quan dồn vào thế bức, thất cổ mà chết. Quan truyền cho lính Phòng vệ kéo về Trà Lý bắt trói những chủ gia đình đem về hạ ngục. Khi đội Phòng vệ sắp sửa lên đường, Sầm Hiệu ra trước mọi người nói to:

- Chúng ta nhất quyết không đi!

Quan bèn nạt lớn:

- Kẻ nào trái lệnh thì ta chặt đầu!

Sầm Hiệu vẫn cứ la to:

- Chặt đầu thì chặt, dân đói thì dân phải kêu, không thể bắt dân giam vào ngục được.

Quan thét:

- Phản tặc! Mày không biết mày là lính nhà quan hay sao mà dám cãi bướng!

Sầm Hiệu ngẩng cao đầu, giậm chân, trợn mắt cãi lại:

- Ta ăn hột gạo quan cho nhưng lúa gạo ấy chính là do dân làm lưng khổ cực mới có. Bọn ta thật sự là lính nhà dân đấy thôi. Khi nào quan cùng với dân một lòng một dạ thì ta là lính nhà quan. Nay quan hại dân thì quan là đồ phản tặc, ta quyết chống lại.

Tổng trấn hạ lệnh đao phủ chặt đầu. Bọn đao phủ thấy Sầm Hiệu mặt đỏ bừng bừng, mắt trợn tròn xoe, vành môi mím lại trong một khí phách kiêu dũng lạ thường, thấy đều khiếp sợ không dám lại gần. Quan phải đòi chặt đầu luôn cả bọn, chúng mới xông vào bắt trói Sầm lại rồi đem cột vào cây trụ, khai đao. Lạ thay, chém trên mười nhát mà đầu Sầm vẫn trơ trơ. Đao phủ thấy đều khiếp sợ, xanh xám mặt mày. Quan bèn nạt lui mọi người, rút thanh bảo kiếm chém liên ba nhát nhưng hễ mỗi lần lưỡi gươm bén đến da cổ thì hình như bị sức mạnh lạ lùng bật tung trở lại. Quan cũng thất sắc. Sầm Hiệu tuy bị quỳ gối trói sắp ké vào cột trụ nhưng đầu vẫn cứ ngẩng cao, cả mắt cả miệng đều biểu lộ sức phần nộ mãnh liệt lạ thường.

Quan bỗng nảy ra độc ý, truyền bắt cha mẹ của Sầm, cả nàng Chúc Anh về dinh rồi truyền cho lính xử trảm. Khi bọn đao phủ đem thanh kiếm còn dính máu khoa lên trước mặt thì Sầm Hiệu chột thất sắc cúi gục đầu xuống, nhưng rồi lại ngẩng đầu lên. Lưỡi gươm chém vào da thịt, máu tuôn xối xả từng dòng nhưng đầu vẫn không chịu

rụng. Quan truyền chặt đầu những người chống thuế ở thôn Trà Lý vừa mới giải về. Lạ thay, lưỡi gươm dính máu nhân dân chạm vào da cổ thì đầu Sầm Hiệu cũng rơi xuống đất.

Tổng trấn hạ lệnh ném xác Sầm Hiệu xuống biển. Trời rất giá buốt, mưa tuôn dầm dề, nửa đêm mấy người thuyền chài lặn xuống mò xác rồi đem vào chôn dưới núi Hào Sơn. Mấy ngày sau đó, không ai bảo ai mà trên mộ phần luôn luôn có đặt hoa quả hương trầm. Ngôi mộ mới đầu nhỏ bé, nhưng mỗi một người đến thăm bỏ vào nắm đất, nhiều ngày ngôi mộ trở nên cao lớn uy nghi. Ban đầu, người ta còn đi cúng lễ lén lút, lần lần người ta kéo đến khấn vái ngang nhiên, biến ngôi mộ phần của Sầm thành nơi hiển địa. Ngôi mộ càng lớn, tên tuổi Sầm Hiệu càng được lan xa, kỷ niệm của Sầm ở nơi lòng người càng thêm sâu đậm.

Tổng trấn biết sự tình ấy lấy làm giận lắm, truyền cho khai quật mộ Sầm để lấy hài cốt hỏa thiêu. Khi quân đào xuống thì xương cốt Sầm đã rời rã từ bao giờ, hòa tan với đất thấm vào cây cỏ, chỉ còn một khối ngọc hồng như kết tinh lại máu huyết uất hận từ tim.

Quân đem khối ngọc về trình Tổng trấn. Vốn có máu tham, quan truyền rửa ngọc rồi đem cất kỹ trong nhà. Tối đến, quan thấy ánh sáng tỏa khắp gian phòng. Nhìn vào khối ngọc quan bỗng giật mình thấy khuôn mặt Sầm hiện lên, phừng phừng lửa giận, mắt tròn xoe, nhưng hai vành môi trễ xuống trong một nỗi niềm thương cảm vô biên. Tổng trấn khiếp sợ, mồ hôi tuôn vã như tắm, vội vàng nhét ngọc vào rương, khóa kỹ, nhưng ánh sáng vẫn chiếu ngợp cả phòng. Thâu đêm quan không ngủ được, giật mình thắp thỏm nhiều phen, cứ vừa chớp mắt là thấy khuôn mặt dị thường của Sầm hiện rõ.

Mờ sáng, quan truyền quân lính đem ngọc ném xuống một vực biển sâu. Tối đến mặt bể sáng tỏ một vùng. Ánh sáng rực rỡ lóng lánh xuyên từng lớp nước, chói rạng hào quang, những người thuyền chài mò xuống để tìm khối ngọc. Ngọc không thể giữ làm món của riêng được truyền đi khắp và những kẻ nào ao ước được gặp mặt Sầm bây giờ náo nức tìm xem ngọc quý. Nhìn đến khuôn mặt, thấy niềm thương cảm đọng ở bờ môi và lửa giận phừng phừng trên đôi

mắt, ai cũng chan hòa giọt lệ. Giọt lệ rơi trên khối ngọc làm cho chất ngọc sáng tỏ lạ lùng. Nước mắt dội xuống càng nhiều, ngọc càng sáng chói. Tiếng đồn càng xa, quan Tổng trấn lại thêm một phen nổi trận lôi đình. Quan liền hạ lệnh tịch thu viên ngọc, lần này không phải giữ lại để làm của quý mà truyền đao phủ đập tan.

Bao nhiêu sức búa vẫn không lay chuyển khối ngọc. Búa càng nện, ngọc càng lì, người ta tưởng chừng như qua tiếng búa nện xuống vang vang nghe được giọng nói căm hờn của người lính trẻ. Tổng trấn nhớ lại thanh gươm vấy máu ngày xưa. Và khi lưỡi gươm còn động chất máu nhân dân vừa chém thẳng xuống, ngọc vỡ tan thành mảnh nhỏ trăm muôn. Ở trong mỗi mảnh hồng ngọc lưu ly lại có bóng hình Sầm Hiệu cùng với nỗi giận niềm thương ở trên cặp mắt, đôi môi.

Từ đây, bao nhiêu mảnh ngọc lại được truyền đi trong khắp dân gian. Thiên hạ lưu giữ ngọc ấy làm một bảo vật để gửi lại cho đời sau. Ngày nay có nhiều người lính còn mang trong lòng chất ngọc lưu truyền, chất ngọc tượng trưng cho sự kiên quyết bảo vệ lẽ phải và lòng thiết tha yêu mến nhân dân.

Câu chuyện mất ngựa

Gần tết Nhâm Ngọ, ông Thất Cừ ở kinh đô về, cỡi con ngựa ô tuyệt đẹp. Một tối, ông ghé nghỉ lại quán trọ bên đường, sáng dậy thì con ngựa ông biến mất. Dò theo các dấu chân ngựa, ông Thất tìm đến một ngôi nhà nhỏ ven rừng. Ngôi nhà xác xơ cô độc, khiến ông nghĩ tới sào huyệt bọn cướp. Lúc đó trời đã đứng bóng, ông Thất bụng đã đói mềm. Ông tới sát vách, ghé tai nghiêng mắt nhìn vào bên trong. Gian nhà trống trải chỉ có mỗi chiếc giường tre ọp ẹp, trên đó một người nằm ngủ say vùi, tiếng ngáy kêu ồn như tiếng cưa gỗ. Ông Thất gọi cửa, hồi lâu, người kia mới bừng tỉnh giấc. Dụi mắt, vươn vai, anh ta lảo đảo bước ra, chống cửa mời ông Thất vào.

Ông Thất vội nói:

- Tôi đến đây làm phiền anh, là vì tôi mất con ngựa trong đêm vừa rồi.

Chủ nhà, một người gầy ốm, với đôi mắt sáng và chiếc miệng nhỏ nhìn xéo ông Thất mà không nói một tiếng nào.

Ông Thất lại tiếp:

- Kể đã sơ suất bị trộm lấy mất đồ vật phải chịu thiệt thòi. Đáng lẽ thì tôi không được quyền hỏi đến anh, nếu không nhìn thấy dấu ngựa của tôi đi vào nhà này.

Người kia vẫn trầm ngâm một lúc lâu, rồi chậm chạp nói:

- Kể ra đôi mắt của ông khá tinh, nhìn ra được dấu chân ngựa trên nửa ngày đường bụi cát không phải là chuyện dễ dàng. Vậy xin hỏi thiệt: bây giờ ông muốn thế nào?

Ông Thất đáp ngay:

- Muốn chuộc lại con ngựa ấy.

Người chủ nhà đáp:

- Chậm quá. Ngựa đã bán rồi.

- Bán ở nơi nào? Tôi sẽ tìm đến.

Người chủ nhà nhú mày, bảo:

- Ông có sẵn tiền nên mua ngựa khác mà dùng, chuộc làm gì thêm phiền phức.

- Nhưng đó là con ngựa quý, tôi đã nuôi lâu. Vật đã quen người không thể nhất đán xa lìa mà không tìm cách thu hồi trở lại.

- Chắc là ông chưa ăn trưa?

- Thú thật là chưa. Quanh đây không tìm thấy quán xá nào.

- Còn ít cơm nguội và mắm để dành buổi chiều. Ông có thể ăn đỡ đói.

Chủ nhà lại xuống lúi húi dọn cơm. Ông Thất ngồi nhìn căn nhà vắng vẻ, trống trải, nghĩ ngợi lan man về người đã lấy trộm ngựa của mình. Nhưng quá đói lòng nên khi chủ nhà vừa bưng cơm lên, ông không đợi mời tới tiếng thứ hai, cầm đĩa ăn liền. Bữa cơm quá mức thanh đạm nhưng chưa bao giờ ông Thất ăn ngon như vậy. Uống một bát nước chè tươi để thêm no bụng, ông ngả lưng ra trên giường, gối đầu trên chiếc gối gỗ, lim dim tìm giấc ngủ trưa.

Thiếp được một giấc nên thấy đã bớt nhọc mệt của chuyến đi tìm vạt vả từ sớm, ông bèn ngồi dậy. Chủ nhà ngồi im dưới đất, dựa lưng vào cột, phì phèo một điếu thuốc lớn. Ông Thất xăng giọng:

- Thế nào, con ngựa tôi đâu?

Chủ nhà nhìn ông, trả lời:

- Đã nói bán rồi.

Ông Thất hùng hỏ đứng lên, nói lớn:

- Tôi bảo cho tôi chuộc lại kia mà.

Chủ nhà vẫn cứ ngồi yên không đáp. Ông Thất giận dữ la lên:

- Hay thật! Người đã ăn cắp ngựa quý của ta, đã chịu thú nhận như vậy, rồi khi ta thấy cảnh người nghèo đói muốn bỏ tiền ra chuộc lại,

người vẫn làm thình là nghĩa lý gì? Coi thường luật pháp như nhà người đây là quá lắm rồi.

Chủ nhà bỗng cười to lên, đáp lại:

- Ông đừng nổi nóng, vô ích. Đáng lẽ ông phải hiểu rằng ta không thèm chối chuyện ăn cắp ngựa từ đầu, bởi ta không phải là hạng chuyên nghề ăn cắp. Nếu cần nói cho ra lẽ, thì dấu chân ngựa của ông vào đây chưa phải là bằng chứng chắc để ông nhất quyết là ta ăn trộm. Ai cấm kẻ gian cỡi con ngựa quý của ông ghé vào xin nước, xin cơm như ta sẵn sàng để thết đãi ông vừa rồi?

- Nhưng ta bảo thật: ta cần con ngựa, dù phải trả bằng giá nào.

- Vậy thì ông cứ tự tiện tìm ngựa, nào ai có cản ngăn đâu?

Ông Thất không nén được giận, nhảy đến toan nắm lấy cổ người kia kéo dậy thì gã gạt tay ông ra, chồm lên:

- Được lắm. Người thắng nổi ta, thì cho người lại con ngựa.

Hai người hăm hở xông tới, hươ quyền đánh nhau. Trong ngôi nhà chật, họ phải áp tới loạn đả và ban đầu còn tỏ chút dè dặt để dò sức nhau, dần dần chính sự va chạm cơ thể mạnh mẽ khiến họ được đốt nóng lên, quyết ăn thua đủ.

Nhưng hai đối thủ thật là cân sức nên sự thắng bại khó quyết định được. Họ im lặng tấn công nhau, dùng các ngón nghề thành thạo để giành ưu thế. Ông Thất tinh thông võ nghệ nhưng các đòn đánh không nhanh, không chắc như người chủ nhà, ngược lại các thế đánh của chủ nhà đều bị ông Thất ngăn chặn. Cuộc đấu kéo dài khá lâu, hai đối thủ đã mệt nhoài và đến một lúc họ dừng tay lại để thở.

Người chủ nhà nói:

- Vậy thì ông chưa thể lấy lại con ngựa quý.

Ông Thất đáp lại:

- Được lắm. Ta sẽ tiếp tục.

Cả hai lại xông vào cuộc giao đấu. Bây giờ ông Thất quyết dùng các ngón độc hiểm để hạ tên trộm gan lì, nhưng tất cả ngón bí truyền

của ông vẫn không thể nào quật ngã được hắn. Có lúc ông dùng song phi tới tấp theo kiểu liên hoàn tưởng quật được gã, nhưng lúc ông toan áp đến khóa chặt gã nằm dưới đất thì gã đã lanh hơn một con sóc trườn mình nhồm dậy hươi cả song quyền vào bụng của ông. Càng giao đấu, ông Thất nhận thấy gã ăn trộm ngựa là tay bản lĩnh cao cường và gã không dùng một ngón đòn nào thật là ác độc để triệt hạ ông.

Họ đánh đến chiều thì mệt rũ rời. Hai người chỉ còn thủ thế nhìn nhau, chờ đợi đối thủ sơ hở để tấn công. Bên ngoài hoàng hôn xuống mau giữa chốn rừng cây vắng vẻ và tiếng bìm bịp, chào mào kêu vang trong các bụi rậm, nhón nhác đón chờ đêm tối. Trong nhà, hai người không còn nhìn rõ nhau nữa. Đó là hai cái bóng đen vờn nhau, tiếng thở hào hển mỗi lúc mỗi vang to hơn. Cuối cùng, gã chủ nhà bảo:

- Trời đã tối rồi, chúng ta hãy nghỉ tay đã. Tôi còn phải lo cơm nước cho hai chúng ta.

Ông Thất không mong đợi gì hơn cuộc hưu chiến. Ông buông tay, đến ngã người trên chiếc giường, kéo áo lau lớp mồ hôi đầm dề trên mặt. Người chủ nhà chậm chạp xuống bếp thổi lửa, đốt một bó đuốc dầu chai cắm giữa gian nhà. Đoạn hì hục nấu cơm tối. Ông Thất thiếp đi một giấc mê mệt rồi nghe gọi dậy. Chủ nhà đã đặt mâm cơm dưới đất, cạnh ngọn đuốc sáng và mời ông lại. Trên chiếc mâm gỗ cũ kỹ chỉ có chén nước mắm lớn, một ít rau rừng luộc chín, cạnh một nồi cơm.

- Mời ông dùng tạm bữa cơm nghèo khó. Chắc ông đã quen với món cao lương, khó lòng dùng mãi các thứ đồ ăn thanh đạm thế này.

Ông Thất cố giữ vẻ mặt tự nhiên, đáp lại:

- Chủ nhà có lòng cho ăn là tốt lắm rồi.

Và ông ngồi lại, ăn khá ngon lành. Vừa im lặng nhai cơm nóng với món rau rừng chấm mắm, ông tự hỏi thầm: "Quái, sao tên trộm sống nghèo khổ thế này? Món tiền bán ngựa vừa rồi hắn đã làm gì?"

Hai người ngồi ăn, không ai nói chuyện với ai lời nào. Cơm nước xong rồi, ông Thất lại giường ngồi nghỉ. Chủ nhà đã vắn cho ông một điều thuốc lá khá lớn đặt trên chiếc đĩa, để ở đầu giường. Đợi cho ông Thất hút tàn gần nửa điều thuốc, gã nói:

- Bây giờ đã tối, cơm nước đã xong, ông muốn chúng ta tiếp tục đấu nữa hay là chờ đợi ngày mai?

Ông Thất yên lặng suy nghĩ, rồi móc túi bạc đặt ở trên giường. Ông nói:

- Dù có đấu sức suốt cả đêm nay, ta chắc cũng không làm sao phân được thắng bại với anh. Coi như là tài võ nghệ không sao giúp ta đoạt được lại con ngựa quý. Vậy ta bằng lòng đem tiền để chuộc, anh cứ ra giá cho xong. Ngặt con ngựa ấy là vật kỷ niệm cha ta lưu lại, nếu không ta cũng sẵn sàng cho đứt luôn anh, chẳng phải mất tiền chuộc lại làm gì.

Gã chủ nhà đáp:

- Tôi không phải sống bằng nghề trộm đạo. Ông coi, một tên trộm cướp không phải cực khổ thế này. Một con ngựa quý của ông cũng đủ cung cấp rượu thịt cho tôi suốt mấy tháng trường, can chi lại ăn rau rừng với mắm cho khổ tấm thân. Nhưng nghề đồn gỗ của tôi không lấy gì làm thông thả.

Ông Thất bèn hỏi:

- Vậy ngựa tôi đâu?

Gã chủ nhà đáp:

- Được rồi, ông cứ ngủ lại. Ngày mai ông sẽ có ngựa cỡi về.

Ông Thất do dự giây lát, rồi hỏi:

- Anh không phải là trộm cắp, sao lại có ngựa để giao cho ta?

Gã chủ nhà có vẻ buồn, trả lời:

- Chính tôi là kẻ ăn cắp, nhưng tôi không sống bằng cái nghề này.

- Ta thực chưa hiểu ý anh thế nào...

Gã chủ nhà đi tìm chiếu, trải dưới nền đất cạnh cây đuốc sáng và nằm dài ra phì phèo thuốc. Ông Thất cũng nằm trên giường nghiêng nhìn phía gã, chờ đợi một câu trả lời.

Lâu lắm không thấy gã nói tiếng nào, ông bèn gọi hỏi:

- Sao anh không chịu lấy món tiền chuộc của ta?

Gã chủ nhà đáp:

- Lấy để làm gì? Tôi mến tài năng và đức độ ông nên phải nói hết sự thật để cho ông nghe.

Và gã bắt đầu kể chuyện.

Gã có một người bạn là thợ rừng bị cây ngã đè ở trong hốc núi. Nhà nghèo, bệnh nặng, bạn gã không sao chạy nổi thuốc thang. Cảm thương cảnh ngộ của bạn, gã tìm mọi cách giúp đỡ nhưng không biết phải xoay xở thế nào. Biết tên Chánh tổng trong vùng thích ngựa, gã nảy ý kiến ăn cắp một con ngựa tốt để bán cho y. Một tối, tìm đến quán trọ bên đường, gã bỗng gặp con ngựa ô của ông Thất Cừ. Nghĩ rằng người cỡi ngựa quý không phải là hạng nghèo nàn - lấy mất, thì tìm mua ngựa khác - gã đã lén vào trong chuồng giữa lúc đêm khuya, mở dây, dắt ngựa ra đường, cỡi phóng như bay. Sáng đến, đem bán cho tên Chánh tổng lấy đúng năm trăm quan tiền. Cả số tiền ấy, gã đã đem giúp người bạn nghèo khổ lâm nguy.

Người chủ nhà tiếp:

- Tối nay, tôi sẽ giở trò trộm đạo một lần thứ hai để mang ngựa về cho ông.

Ông Thất bèn nói:

- Rất tiếc là ta không còn đủ số năm trăm quan tiền. Túi bạc mà ta mang theo chưa đến nửa phần giá ấy. Nếu có, ta sẽ giao hết cho anh đem chuộc lại con ngựa kia cho khỏi ân hận trong lòng.

Người chủ nhà ngồi dậy, nhìn ông Thất Cừ với một vẻ mặt xúc động rồi tiến đến gần bên ông, chấp tay thưa rằng:

- Xin cảm ơn ngài. Thực là ít có một người hào hiệp như ngài. Dù có đủ số tiền ấy, ngài giao tôi cũng chẳng dám nhận lãnh. Một là viên Chánh tổng kia mua được ngựa quý, giá hời, lão đâu chịu cho chuộc lại. Cửa tốt vào được trong kho nhà giàu, để gì đã được buông ra mà không đem lại món lời gấp chục, gấp trăm. Hai là tôi không muốn người bạn tôi phải chịu ơn ngài. Anh ta nghèo khổ nhưng rất trong sạch, lại quá khí khái đâu muốn nhận tiền của kẻ lạ mặt. Bởi ngài chuộc ngựa là coi như cho gia đình anh ta cả món tiền kia.

Ông Thất Cừ nói:

- Sao lại không thể coi đó là tiền mà ta cho mượn dài ngày?
- Mượn mà biết không trả được, có khác gì là xin xỏ hay cướp giật đâu. Ông đừng bận tâm. Khuya nay, tôi sẽ lên vào bắt lại con ngựa cho ông. Viên Chánh tổng kia giàu quá, lấy bớt năm trăm quan tiền cũng chẳng hề gì. Trong khi người ta lâm nạn, chờ chết, đến van xin nó cũng chẳng có được đồng nào.
- Nhưng viên Chánh tổng có biết rõ mặt anh không?
- Cũng ở trong vùng, biết nhau rõ lắm.
- Vậy anh lấy lại ngựa rồi, hẳn gã phải nghi ngờ anh, đâu có sống yên đây được.
- Từ tối, tôi có nghĩ đến điều này. Chắc tôi sẽ phải trốn đi nơi khác.

Ông Thất đỡ gã chủ nhà cùng ngồi xuống giường với mình, thân mật nói rằng:

- Một người tốt lòng với bạn như anh, bao giờ cũng tốt với những bạn khác. Mong rằng tôi sẽ được anh coi như là bạn, kể từ đêm nay.
- Xin cảm tạ ngài.
- Đừng gọi bằng ngài. Chúng ta đã là anh em, cứ gọi nhau bằng thứ bậc ở trong gia đình. Tôi là thứ năm. Còn anh thứ mấy?
- Dạ, tôi thứ tám.
- Chú Tám, nếu chú liệu không thể sống ở đây được nữa hãy về quê anh mà cùng nương tựa với nhau, đừng e ngại gì.

Ông Thất nói rõ quê quán, chức vụ của mình cho người bạn mới hiểu rõ. Chủ nhà tỏ ra hết sức xúc động trước tấm lòng tốt của khách. Cả hai chuyện trò khá lâu, cho đến gần khuya thì ông Thất giục:

- Chú hãy nằm nghỉ giây lát rồi chúng ta cùng lên đường.
- Không, anh để tôi đi một mình.
- Đâu được. Chú đã cho biết nhà viên Chánh tổng hào sâu, thành dày, gia đình đông đảo, chú đi một mình có thể gặp sự khó khăn. Chúng ta đã là anh em, lẽ nào lại để chú đi vào nơi nguy hiểm một mình.

Ông Tám cảm động trước những lời nói chí tình, đáp lại:

- Đã làm phiền anh, còn nhọc đến anh làm gì. Em phải chịu phần trách nhiệm đem con ngựa về.

Ông Thất nghiêm sắc mặt bảo:

- Chú nói như vậy, anh không bằng lòng. Anh có bổn phận với chú, đừng nên thắc mắc bận tâm gì hết.

Ông Tám đáp lời:

- Vậy thì mời anh lên đường, vì còn xa lắm. Nghỉ ngơi e lại trễ mất.

Cả hai cùng giắt vào mình một thanh đoản đao, uống thêm ngụm nước chè nguội rồi tắt đèn, mở cửa, đi vào đêm tối. Ông Thất im lặng theo sau người em kết nghĩa, nghĩ thấy mọi sự xảy ra là một run rủi kỳ lạ, đã đưa đẩy ông, một người lương thiện có chút phẩm trật ở trong làng nước thành một kẻ trộm, và ăn trộm chính con vật của mình.

Sang đầu canh ba thì cả hai người đi tới một vùng đất cao, cây cối rậm rạp. Ông Thất nhìn được trong bóng đêm dày tòa nhà sừng sững trước mặt, chung quanh có thành lũy cao.

Ông Tám ghé vào tai ông, bảo nhỏ:

- Đây là nhà viên Chánh tổng, dinh cơ của lão nằm trên sườn đồi, nhìn xuống phía trước là đồng ruộng lớn. Tất cả ruộng đất ở đây

đều thuộc về lão.

Ông Thất nghĩ thầm: "Làm Chánh tổng như tên này có khác gì làm vua đâu. Hẳn là mồ hôi, xương máu của dân bị nó vơ vét cuốn hút đã quá nhiều đời nên mới có một sản nghiệp lớn lao như thế". Ông Tám bảo thêm:

- Anh nên cẩn thận. Bây giờ phải lội qua một hào sâu mới đến chân thành. Leo được tường rồi, phải qua mấy dãy sân rộng mới đến khu vực nhà ở. Chó săn của lão nhiều lắm mà gia đình cũng đông đảo.

- Thế chú biết rõ chuồng ngựa của lão nằm ở đâu không?

- Dạ không. Mua bán vật gì chỉ đến gặp lão ở tiền đường kia, không phải tìm phúc đâu có vào trong ấy được.

- Chúng ta sẽ tìm, đừng ngại.

Hai người lặng lẽ cởi đồ, đội lên đầu, rồi cùng men xuống bờ hào, nhẹ nhàng lội qua vùng nước lạnh buốt và sang được bờ bên kia. Mặc quần áo xong, cả hai men theo bờ tường đi về phía sau. Theo sự suy luận của ông Tám thì các cửa hậu bao giờ cũng kém kiên cố hơn là cửa tiền và chỉ có bằng lối ấy mới lọt vào bên trong được. Tới nơi, cả hai hợp sức dùng dao mới đẩy bật được cánh cửa. Hai người lách vào, bò rạp xuống đất men theo bờ tường bên trong để tìm chuồng ngựa. Cứ được một quãng, ông Tám lại ghé tai sát xuống đất nghe ngóng. Khi vừa đến sau một dãy nhà dài, có lẽ là dãy kho thóc, ông Tám vội ngồi thụp xuống và kéo ông Thất ngồi theo. Có tiếng người đi và tiếng chó hực, gầm gừ, đánh hơi người lạ. Giây lâu, không thấy động tĩnh gì nữa, cả hai lại cùng nhồm dậy, lom khom bước tới. Đêm tối làm cho họ bước khá chậm. Cuối cùng, ông Tám ghé sát ông Thất, bảo nhỏ:

- Đến chuồng ngựa rồi.

- Thật hả? Sao biết?

- Có tiếng ngựa hí, tiếng chân đạp trên nền đất.

Ông Thất áp tai xuống đất nghe ngóng hồi lâu:

- Quả chú tài thật.

Hai người lần mò đi một quãng nữa, quanh co qua các dãy nhà. Mùi rơm cỏ, mùi phân, bao nhiêu là mùi ẩm mốc bốc nặng trong đêm giúp cho lỗ mũi hai ông thay thế được cặp mắt nhìn một cách khá rõ. lát sau họ đến chuồng ngựa. Nhẹ nhàng, ông Tám lấy dao nạy cửa. Nhiều tiếng ngựa hí vang lên trong đêm tối dày.

Ông Thất kéo ông Tám lại:

- Chú gác ngoài cửa, để tôi đi vào. Ngựa tôi quen chủ, tôi dễ tìm hơn.

Ông Tám vâng lời. Đứng im một lát cho bày ngựa bớt nao động và cặp mắt quen bóng tối dày đặc bên trong, ông Thất rón rén đi vào. Quả con ngựa ô đánh hơi được người chủ cũ, nện móng đi độp và hí vang lên. Ông Thất vỗ nhẹ trên lưng con vật:

- Ta đây. Ta đến đưa con về lại với ta.

Con ngựa vung đầu, đập chân, ngoay ngoáy mình mẩy ra tuồng vui vẻ gặp được chủ cũ. Tháo vội dây cột, ông dắt nó đi ra ngoài. Bỗng trước mặt ông, một người xuất hiện. Ông hỏi:

- Chú Tám đó hả?

Một giọng gái ngủ trả lời:

- Tám, chín gì nào. Bầy to gan thật, dám ăn trộm ngựa cụ Chánh...

Ông Thất lợi dụng bóng tối, đánh ngay một quyền vào bụng dưới gã. Người kia kêu ối một tiếng, ôm ruột, gập người cúi xuống. Ông Thất đã nhanh như cắt, nhảy tới ôm vật gã xuống, đề lên, chiếc đùi chặn lấy cổ họng, sờ soạng tìm khăn nhét vào họng gã:

Người kia ú ớ:

- Xin đừng giết tôi... Tôi là đầy tớ trong nhà.

- Im đi, ai muốn giết mày làm gì... Tao chỉ cần lấy ngựa thôi. Chiều nay thấy thằng Chánh tổng mua được con ngựa đẹp quá, tao mượn cớ chơi ít lâu, khi nào có dịp ghé lại tao sẽ giao trả.

Ông nghĩ một chút lại tiếp:

- Nhưng cái đó còn tùy ở túi tiền mua rượu của tao. Hề Thiên Vương này dư tiền uống rượu thì tao chẳng tiếc gì ngựa mà không trao trả...

Khi ông Thất nói đầu gối của mình để nhét khăn vào họng gã, gã run rẩy nói:

- Xin ông...

- Cái gì?

- Xin ông trói tôi thật chặt và bỏ tôi vào góc chuồng...

- Sao mày lại muốn trói chặt?

- Ông có trói kỹ thì ông Chánh trừng phạt tôi nhẹ hơn. Không vậy, ông Chánh lại tưởng tôi thông đồng với bọn cướp.

- Tao không phải cướp!

- Dạ, tôi không có ý nói thế. Xin ông...

- Được rồi, nằm im, tao sẽ làm theo ý mày.

Sau khi trói chặt, ôm gã bỏ vào một xó, ông Thất tháo khăn nhét vào họng gã, dắt ngựa ra ngoài.

Rồi cả hai người vòng ra ngoài thành tìm đến cầu treo bắc qua hào nước, hạ xuống. Dắt ngựa qua khỏi, ông Thất bảo ông Tám cùng leo lên và trên con ngựa thiếu yên cương, hai người phi gấp về nhà.

Đến nhà thì trời hừng sáng. Ông Tám nhảy vọt xuống ngựa, nói liền:

- Gia đình của thằng Chánh tổng không thiếu gì đũa trước kia là tay trộm đạo có tài. Nó sẽ dò theo dấu ngựa tìm đến nơi đây rất sớm. Để em thối gấp cơm ăn rồi anh lên đường.

Ông chạy xuống bếp lo cơm. Ông Thất theo xuống phụ lực, rồi hỏi:

- Vậy chú làm sao ở yên nơi này?

- Thưa anh, em sẽ liệu cách đối phó.

- Không được. Chú nên theo về quê anh cùng sống cho vui. Đến dịp ra kinh, anh sẽ tìm cách để tiến cử chú.

- Em xin cảm ơn lòng tốt của anh. Nhưng em còn người bạn cũ bị cây rừng đè vẫn chưa bình phục, không thể xa được. Khi nào em liệu khó sống nơi đây sẽ đến tìm anh.

Mỗi duyên gặp gỡ giữa hai người ấy khởi sự là vậy. Trước khi lên ngựa ra về, ông Thất cầm tay người em kết nghĩa, bảo rằng:

- Em ráng giữ mình, đừng nghi ngờ sự chân thật của anh. Chúng ta đã là anh em, còn hơn cả ruột thịt đó.

Rồi ông tạm biệt, lên đường về quê.

Khi ông Tám dọn chiếc giường, thấy gói bạc ông Thất còn trên đầu nằm. Ông thật bối rối không biết làm sao đuổi theo cho kịp để trao lại cho ông Thất. Ông cũng không dám mở ra để xem, vì ông nghĩ rằng bạc ấy chẳng phải của mình, lại là của người mà ông kính mến, làm mất dấu vết không chỉ thương tổn đến ông mà còn xúc phạm đến anh mình nữa.

Nhưng một cuống lá khá dài thò ra từ gói bạc ấy. Kéo chiếc lá lên, ông đọc thấy dòng chữ nhỏ, có lẽ viết bằng gai nhọn, như sau: "Muôn sự của chung". Ông Tám cúi đầu, hiểu ý người anh kết nghĩa của mình.

Mấy năm về sau, đến khi người bạn thợ rừng qua đời, ông Tám mới dời đến ở cạnh làng ông Thất là miệt Bàu Nai. Ông vỡ đất hoang làm ruộng, không chịu ở nhờ ruộng đất của người anh mình, những lúc rảnh rỗi dành nhiều thì giờ thăm viếng hầu hạ ông anh. Tuổi già càng làm cho đời sống họ thiên nhiều về mặt tinh thần, do đó tình anh em lại càng đậm đà nhiều hơn.

Một đêm, ông Thất Cù nhận lời mời của người quen ở xã Long Hồ, đến dự tiệc rượu. Giữa lúc chén uống đang nồng thì có một người trong đám bỗng hỏi ông ta:

- Xin vô lễ với ông Thất, chẳng hay ông còn nhớ những chuyện cũ hay không?

Ông Thất đáp lời:

- Chuyện cũ có trăm ngàn thứ, có thứ đáng nhớ, có thứ nên quên. Chẳng hay ông muốn nói đến chuyện gì?

Người kia đáp lại:

- Chuyện này chắc hẳn là ông không thể quên được, trừ phi ông muốn quên đi.

Ngừng lại một chút, người kia nói tiếp:

- Ông còn nhớ Lý văn Hổ hay không?

Ông Thất nhíu trán, suy nghĩ, cố lục lại trong ký ức:

- Lý văn Hổ à? Là ai? Ta không nhớ rõ được con người ấy.

Người kia lại nói:

- Phải rồi, ông đã muốn quên.

- Không, ta chẳng muốn quên. Ta không thể nhớ đó thôi.

Người kia im lặng, nốc từng ngụm rượu khá lớn. Mâm tiệc trở thành khó chịu vì cái không khí mập mờ của sự khiêu khích bắt đầu. Ông Thất chăm chú nhìn kỹ người kia qua đôi mắt đã chấp chóa hơi men, cố lục lại trong ký ức vẫn không nhìn thấy được gì hơn nữa. Thời gian đã phủ một tấm màn lớn như lớp sương mù dày đặc ngăn che quay về dĩ vãng xa mờ.

- Quả tình ta không nhớ được tên ấy là ai.

Câu nói có vẻ ôn tồn của ông rơi giữa mâm rượu bỗng làm người kia ngẩng mái đầu lên, quắc đôi mắt sáng, nhìn ông một cách hằn học.

- Thật tình là ông đã quên Mươi Hổ phải không?

Ông Thất gật đầu:

- Đã quên. Ta có sợ gì phải chối nhớ lại cái tên không buộc cho ta bận lòng. Mươi Hổ là ai, anh cứ nói ra.

Hơi rượu làm ông bốc nóng, ông tiếp:

- Mươi Hổ hay trăm ngàn hổ, cũng vậy mà thôi.

Rồi cười ha hả:

- Cũng đều là hổ, chứ có khác gì!

Người kia đặt mạnh cốc rượu xuống chiếu, nói lớn:

- Ông đừng khinh mạn, xúc phạm cha ta!

Ông Thất ngạc nhiên:

- Ủa? Tên của thân sinh anh à? Làm sao mà ta biết được điều ấy?

Người kia vội rời chiếu rượu, đứng xuống chống nạnh, gườm nhìn ông Thất. Chủ nhà vội can:

- Thôi, thôi đây là tiệc vui. Xin đừng gây nên những chuyện đáng tiếc.

Ông Thất để ý giọng nói của gã chủ nhà không có chút nhiệt tình nào, chùng như đó chỉ là câu chiếu lệ mà thôi. Bất giác trong một thoáng mau, ông Thất chợt nhớ là trong dĩ vãng họ có nhiều mối tị hiềm nhưng được thời gian làm cho phai mờ, như những bãi sinh đã được cát lấp và trên cát ấy người ta tưởng rằng có thể trồng được những loài hoa đẹp. Nhưng đó chỉ là loài hoa ảo tưởng.

Người kia nghe chủ nhà nói, gằn giọng đáp lại:

- Được rồi, ta sẽ ra khỏi nơi đây, để mà hài tội tên già.

Giọng nói mạnh mẽ của gã đối với chủ nhà cũng có vẻ gì giả tạo. Ông Thất nghĩ rằng có thể họ đã ăn ý cùng nhau trong một âm mưu hãm hại ông chăng? Nhưng chất men nồng bốc cháy hừng hực trên đầu, mọi ý đề phòng nhường bước cho lòng phẫn nộ, ông thấy căm giận cực độ vì lời xúc phạm của kẻ gây chuyện, nên cũng bước ra khỏi chiếu, hét lên:

- Mày đừng vô lễ. Ta muốn biết mày cố tình gây chuyện là vì lẽ gì? Cha mày với tao nào có quen biết gì với nhau đâu?

Gã kia hần học:

- Mày đã đánh chết cha ta, rồi ném xác dưới bờ hào, còn nhớ hay không?

Ông Thất chợt thấy bàng hoàng. Trong cuộc đời huấn luyện ngựa cho vua, ông đã lỡ tay đánh chết một người. Đó là một tên ăn trộm ngựa quý của vua đem về bán lại cho các nhà giàu ở những miền xa, hẻo lánh. Hành vi trộm đạo của gã là một xúc phạm lớn lao đối với quyền uy thiên tử và cũng là một thử thách số sòng đối với những người có phần trách nhiệm như ông Thất Cừ. Ông đã để tâm dò xét nhiều ngày và một đêm kia, ông đã bắt gặp thủ phạm. Hai người đấu sức quyết liệt và cuối cùng tên ăn trộm bị ông quật ngã. Trong lúc tuyệt vọng, gã đã tự vẫn để khỏi bị những cực hình giày vò và để gia đình khỏi bị liên lụy. Không ai biết gã là ai, quê quán nơi nào. Tên trộm đã chết, được đem vớt xác ngoài thành, rồi bị treo lên lơ lửng đôi hôm trước khi chôn lấp.

Bây giờ, thì con trai hấn xuất hiện nơi đây, mang mối căm thù dồn chứa từ ba bốn mươi năm rồi. Chắc gã còn phải lớn lên, còn phải tầm sư học đạo, còn đợi cho triều đại kia sụp đổ và đợi cơ hội đến gần ông Thất. Căm thù đã lớn như cây cổ thụ và muốn đơm bông kết trái bây giờ.

Cũng có đôi lần ông Thất áy náy về sự nặng tay của mình, nhưng lòng tự ái của một kẻ có quyền uy như ông đã sớm xua đuổi ra khỏi tâm hồn một điều thắc mắc kiểu đó. Ông gào to lên:

- À, ra mày là con của tên ăn trộm ngày xưa. Mày muốn những gì?

Gã kia trợn mắt:

- Mày phải đền tội!

Ông Thất hét to:

- Tội gì? Tao không đánh chết thằng cha của mày. Nhưng dù có đánh chết được một tên đạo tặc như vậy, tao cũng hả dạ.

Về mặt người kia tối sầm hẳn lại, có lẽ phần nộ của gã lên đến cực điểm. Gã đứng câm lặng tuồng như giận dữ làm cho lời nói nghẹn ngào. Giây lâu, gã mới cất tiếng phều phào:

- Nếu người có lòng sám hối, biết quỳ lạy ta thì ta tha mạng. Bằng không thì hãy đến bìa rừng này.

Quỳ lạy người trẻ hơn ông, và là con của một kẻ đạo tặc, làm sao có thể nghe những lời hỗn xược ấy mà không lòng lộn lên được? Kẻ kia đã để ông uống rượu say rồi nung chín muối tự ái của ông cho ông choáng váng mới hạ độc thủ đó chẳng? Tự nhiên, ông Thất cũng cảm thấy nổi lo sợ. Tuổi già đã đánh mất niềm tự tin khi phải đối đầu chướng ngại.

Ông quay nhìn các người quanh mâm rượu. Đó toàn là những người quen, điểm vài khuôn mặt thân hữu và đôi mặt lạ. Ông chờ đợi họ một lời can ngăn và tốt hơn nữa một lời bênh vực. Nhưng họ thấy đều im lặng, một sự im lặng đồng lõa chứ không phải là kết quả của lòng sợ hãi.

Ông Thất cảm thấy lạc loài, cô độc. Thế ra những người từng tỏ ra trọng vọng ông, những người từ trước đến nay từng khâm phục ông, nay lại chối bỏ đột ngột sự tín nhiệm ấy là vì lẽ nào? Cuộc đời có lẽ đã đổi thay rồi và các giá trị mà ông khoác vào từ trước hẳn đã suy giảm rồi chẳng? Nhưng gã đối thủ của ông như hiểu được nỗi bàng hoàng đang làm xáo động hồn ông, gã nói một cách khinh bỉ:

- Người đừng tưởng rằng giữ ngựa cho lũ vua quan là đáng kính nề hơn những người ăn trộm ngựa.

Ông Thất quát mắt:

- Nhà ngươi không được xúc phạm...

- Xúc phạm! Xúc phạm đến ai? Đến người hay là đến lũ vua quan? Thôi đi, chuyện đó xưa rồi. Nhưng còn mối thù của ta thì không bao giờ cũ được. Hãy ra ngoài này, không thì ta kéo cổ ngươi đi ra tức khắc.

Ông Thất lão đảo ra ngoài bìa rừng. Đêm trăng, cỏ ướt đầm sương lốm đốm điểm bạc. Ông nghe lạnh dưới đôi chân, lạnh khắp mặt mày. Lòng căm hờn của kẻ kia đã dựng ông thành đối thủ của nó. Đáng lẽ thì ông không chịu giao đấu, nhưng tự ái và danh dự đã tổn thương rồi, không thể im lặng, không thể chối từ, và điều chắc chắn đối thủ của ông không cho phép ông được quyền từ chối.

Họ đã im lặng đánh nhau dưới ánh trăng soi vàng vạc. Những ngón quyền đánh trúng mặt làm cho ông Thất bưng tỉnh, và ông tìm lại phong độ đã mất ít nhiều trong những năm qua.

Đối thủ của ông tuy còn trẻ và mang cảm hờn sôi sục nhưng tỏ ra rất bình tĩnh, gã đánh những đòn quyết liệt nhưng có tính toán. Chừng như gã biết là phải đối phó với một hạng người như thế nào rồi. Cả hai vờn nhau, sử dụng quyền cước và tất cả ngón bí truyền đã học tập được. Nhưng rồi ông Thất không chịu nổi một đối thủ lợi hại như vậy. Khi ông bị đánh ngã quy xuống đất, vừa toan lồm cồm trỗi dậy thì bàn chân gã đã đạp lên giữa mặt ông. Ông lại ngã ngửa người ra, chịu bàn chân ấy ấn mạnh đầu ông xuống cỏ rất lâu tưởng chừng nghẹt thở. Đất cát dẻo quánh hơi sương chà xát trên lớp da mặt nhăn nheo do bàn chân kia đem tới đã phủ một màn ô nhục lên con người ông. Nằm yên trong sự thảm bại đau đớn, ông chờ đợi một cái chết giáng xuống vội vàng.

Nhưng ông đợi đã khá lâu mà không nghe động tĩnh gì. Ông Thất hé mắt và thấy đối thủ đứng im nhìn ông một cách lặng lẽ. Chắc hẳn bây giờ gã mới tìm thấy kết quả của sự báo thù héo hắt, nhỏ nhoi không biết chừng nào. Rồi gã từ từ rời bàn chân ra khỏi cái đầu bạc, nói giọng chán nản:

- Bây giờ ta có giết mày cũng được, nhưng cái mạng mày nào nghĩa lý gì! Mày bảo trước kia đã không đánh chết cha ta, thì nay ta cũng không đánh chết mày.

Rồi gã lặng lẽ quay lưng đi thẳng vào rừng. Hồi lâu ông Thất mới ngồi dậy nổi, bởi những đau đớn thể xác cùng với đau đớn tinh thần thật quá nặng nề.

Khi ông loạng choạng đứng lên, ông thấy chung quanh vắng lạnh mênh mông như cõi nhà mồ rộng lớn.

Ông về đến nhà thì trời gần sáng. Không rửa sạch vết cát bùn lấm đầy mặt mũi, ông gọi một đứa cháu gái sang tìm ông Tám ở mạn Bàu Nai.

Ông Tám đến ngay buổi sáng hôm ấy. Cầm lấy bàn tay gầy guộc của em, ông Thất nghẹn ngào kể lại sự việc, rồi tiếp:

- Thằng Mười Hở đó trước kia đã phải tự vẫn vì sợ cực hình. Anh đây không thể sống nổi, vì sợ một cực hình khác đau đớn hơn nhiều, đó là nỗi nhục trong chuỗi ngày tàn. Hãy nghe đây lời anh dặn: Em đừng tính chuyện phục thù, vô ích. Em đã già rồi, mà hấn còn trẻ, lại thêm tung tích của nó không biết về đâu. Dù sao cũng là câu chuyện có vay có trả, trên cuộc đời này.

Rồi ông uống chén độc dược, lìa đời. Và cuộc sống đã làm xong một cuộc tính sổ, trong muôn ngàn chuyện đang được kết toán hàng ngày.

Ông Tám chôn cất anh xong, thu xếp việc nhà của anh cho được mọi phần yên ổn, rồi lâm bệnh nặng. Ông không chịu dùng thuốc thang gì hết, mặc dù người nhà đã cố ép nài, lặng lẽ đi theo người anh kết nghĩa về cõi đời khác.

Cuôi ba dùm

Những ngày sắp dời lên mạn Đông Đường, được biết đồng bào Thượng miền ấy có tục *Cuôi ba dùm* ¹ là tôi bắt đầu ăn ngủ không yên.

Thực ra, trong thời gian sống giữa chốn núi rừng hoang vu, lạnh lẽo, thỉnh thoảng tôi cũng mơ tưởng đến những hình bóng nhẹ nhàng của các cô gái ở chốn quê hương. Nhưng sau những lần vọng tưởng như thế, kiểm điểm trở lại tôi thấy mình chẳng yêu một cô nào rõ rệt, bởi vì rõ rệt chẳng có cô nào yêu tôi rõ ràng. Tôi biết nguyên nhân sâu xa sự thiệt thòi này là tại những khi đến gần phụ nữ, tôi thường làm bộ ta đây là bậc đàn anh, lên mặt dạy bảo những điều phải trái. Khi người ta là... cấp trên, chuyên môn nói chuyện đạo đức thì thật khó lòng hạ xuống cầu xin cấp dưới một chút ân huệ ái tình. Rốt cuộc, cấp dưới trở thành một thứ cấp trên rất cao, đến nỗi tôi không tin chắc có ngày mình sẽ đạt tới.

Nhưng không phải chỉ mình tôi gây ra cho tôi sự tình cô độc mà còn tại các cô nữa. Hình như hầu hết các cô miền xuôi đều không thể hiện chân thành, giản dị ý nghĩ của mình. Vì vậy, những người không sành về khoa tâm lý như tôi, khó lòng chiều ý các cô cho được lâu dài. Lại thêm, hễ có một cô gái vừa lớn là y như ở hàng xóm hoặc một góc đường đều túc trực sẵn một chàng trai trẻ để mà cười tình và trao lá thư duyên. Cho nên tôi không chắc rằng người mà tôi yêu có thực trong trắng tâm hồn, hay là trong khi yêu tôi nàng vẫn lẫn lộn với kẻ xóm giềng nào đó.

Tôi cứ cho rằng đến nông nỗi này có lẽ mình chỉ yêu được những cô gái Thượng mà thôi, vì tôi nghe nói phụ nữ miền Thượng bao giờ cũng rất giản dị và rất chân thành. Do những lẽ đó, ngày lên miền núi tôi vẫn ước ao gặp gỡ một cô gái Thượng thật đẹp để mà có dịp báo thù gián tiếp các cô miền xuôi, nhưng hình như tôi lên chốn núi rừng không nhằm mục đích đi tìm đàn bà, cho nên tháng ngày trôi qua tôi chỉ gặp toàn một thứ đàn ông. Thỉnh thoảng, có gặp một ít thú dữ.

Đến khi được biết sẽ lên nghỉ ngơi nhiều ngày tại mạn Đông Đường và các cô gái miền này thường *Cuôi ba dùm* nghĩa là nằm ngủ thân ái với người khách lạ - thì tôi bắt đầu nhận thấy núi rừng không phải chỉ là vất sên hút máu, đèo dốc cheo leo, thác nước ồ ạt tuôn đi không kể tháng ngày.

Lên đường lần này tôi tỏ ra rất hăng hái, y như một người theo đuổi trước mắt lý tưởng cao siêu. Nhưng đến cái dốc thứ chín, thì tôi cảm thấy rõ rệt qua cặp đầu gối rằng mỗi một món tình yêu chưa đủ khuyến khích con người. Tới lúc bước vào cái buôn đầu tiên, gặp hai cô gái đã già ngồi bên suối nước, phô cặp vú sệ gần như chấm cái váy cụt nhạt màu, giương mắt đục lờ nheo nheo nhìn tôi rồi nở nụ cười ngây ngô giới thiệu cả hai hàm răng đã cà mòn nhẵn thì tôi ngơ ngác, và loay hoay mãi vẫn không nhớ thẳng gốc nào đã từng mơ ước kết duyên với cô gái Thượng.

Chúng tôi hạ trại dưới chân một ngọn núi lớn, cạnh con sông nhỏ nước chảy lờ đờ luôn luôn chờn vờn những bầy muỗi rừng. Ở lưng chừng núi là một cái buôn khá lớn, điểm những nét vàng lố chỗ giữa nền xanh sẫm. Mỗi sáng, mỗi chiều, khói lam vượn ra từ các đỉnh dốc, quện trên sườn cao, rồi tan chìm trong sương mờ, y như những nỗi mơ mộng của tâm hồn tôi xóa nhòa trong một ý sầu ngan ngát dâng lên từ khắp núi rừng.

Một chiều, tôi đang lặn lội tìm nguồn một dòng suối nhỏ, chợt nghe tiếng hát vang lên ở giữa rừng sâu. Tôi không biết được câu hát nói gì, nhưng giọng mềm dẻo, thỉnh thoảng ngập ngừng ngắt quãng, thu hút lấy tôi như chất nhựa cây chập vào một chiếc lá khô. Dần dần tôi quên nguồn suối đi tìm và lạc bước vào một vùng khác lạ có nhiều mô đá cheo leo rải rác dưới chân dốc núi. Khi gặp tiếng hát thì tôi sững sốt dừng lại. Một cô gái Thượng đang ngồi rửa rau bên một vũng suối. Không biết có người đến gần, cô vẫn say sưa ngồi hát, đầu cúi thấp xuống soi mình dưới nước, lắc lư nhẹ nhàng, hòa nhịp với bàn tay đang chao qua chao lại từng mớ rau rừng. Tôi ngồi bên này dòng suối, gần như đối diện với cô, yên lặng rất lâu như thế để quan sát một hiện tượng chưa từng bắt gặp trong đời từ trước đến giờ. Cô nàng bé nhỏ, da ngăm ngăm đen, vóc người tròn trịa, gọn

gàng trong một tấm đồ và chiếc cà *tiu* xanh đậm, có một vẻ đẹp hết sức... núi rừng. Lời hát hình như ứng khẩu tuôn ra do nỗi dào dạt từ trong đáy lòng theo một khuôn khổ âm điệu có sẵn tự bao nhiêu đời, nên nghe miên man như không bao giờ dứt được. Tôi đã từng nghe nhiều cô người Kinh ca hát, nhưng hoặc con người không hòa hợp với bài hát, hoặc bài hát không hòa hợp với khung cảnh, thông thường người hát không giữ được vẻ tự nhiên khiến ta có cảm tưởng chứng kiến một sự trình diễn rời rạc về con người ấy, còn những bài hát chỉ là cái cớ phụ thuộc. Ở đây, cây rừng, nước suối, gió ngàn và người con gái với cả tiếng hát đều là một sự hòa điệu thâm trầm. Tôi có cảm giác đó là lời ca xuất hiện từ thuở tinh khôi, một sự thổ lộ của núi của rừng như phát tiết ra từ trong hốc đá, khe sâu, từ trong lòng đất mênh mông thăm thẳm... Tôi ngồi yên lặng, cặp mắt mờ dần bóng hình cô gái để cho thính giác đưa về một cõi hoang vu chập chờn sắc màu man rợ, giữa một không khí u uất lá già ủ mục ngàn năm. Rồi những tiếng chim lạ lừng cất lên, dòng thác ồn ào tuôn xuống, tiếng cồng, tiếng mõ, tiếng chiêng từ đâu bùng dậy, le lói ánh hồng bếp lửa rừng khuya...

Đột nhiên tiếng hát dừng lại, cả cái sinh hoạt bao la của chốn núi rừng như chìm hẳn xuống hố sâu. Cô gái chợt trông thấy tôi, ngừng tay khuấy nước, cặp mắt bỗng sáng long lanh. Cô hỏi vọng sang:

- Làm gì thế?

Tôi cười, trả lời:

- Ngồi nghe núi rừng ca hát.

Cô hơi ngẩng lên, ngậy nhìn giây lát, có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì. Rồi cô mỉm cười, cúi xuống, quờ tay chao mớ rau rừng, dường như đã quên cả người đang ngồi trước mặt. Xong việc, cô đứng lên, tay xách giỏ rau thoăn thoắt leo lên dốc đá, về buôn. Tôi im lặng đi theo một quãng dài, rồi dừng bước lại, buông khuâng tự hỏi đi đâu?

o o o

Từ đấy, bóng hình người con gái Thượng luôn luôn ám ảnh hồn tôi. Những giấc mơ đã chết tiệt ngày nào bây giờ dần dần sống lại. Tôi

tin tưởng rằng một dịp nào đó sẽ gặp được người con gái trên buôn, và tôi sẽ ngủ thân ái một đêm với nàng.

Tôi vốn không quen phân tích tâm tư để hiểu vì sao tôi lại khát khao mãnh liệt như thế. Chắc rằng ngoài lòng ham muốn cuồng nhiệt và sự tò mò của tuổi thanh niên, tôi còn bị người lớn tuổi đầu độc bằng cái quan niệm phổ biến cho rằng trình độ từng trải về một nơi nào phải được chứng minh bằng sự tiếp xúc với người đàn bà bản thổ. Với số người này, hình như linh hồn của một dân tộc bao giờ cũng bị kẹp trong đôi vế đàn bà. Nếu chưa thật sự mở được quyển sách hai trang ấy ra, thì dù quan sát bao nhiêu thắng cảnh, ngâm đọc bao nhiêu tác phẩm địa phương cũng vẫn chưa am hiểu gì về địa phương ấy. Do đó tôi cứ ngại rằng ngày sau, khi về đồng nội nói chuyện đường rừng, lỡ ai sốt sắng hỏi tôi đàn bà miền Thượng thế nào thì chắc tôi sẽ xấu hổ mà đáp ứng rằng không biết. Cái ý định ấy càng ngày càng nung nấu ở trong tôi đến một cường độ không sao tả được. Tôi không bao giờ tự hỏi ý định như thế, nếu thực hiện được, sẽ gây tác hại thế nào. Sức mạnh tinh thần của đồng bào Thượng là lòng tin tưởng phong tục. Đồng bào miền Thượng bám vào phong tục như những dây leo bám lấy thân cành, như loài hổ dữ nường vào hang đá. Tôi há chẳng biết kẻ nào xúc phạm tập tục miền rừng là phải chuốc lấy oán hờn trọn kiếp đó sao? Tôi chẳng đã học từng phong tục một, như học hỏi từng ngón võ hộ thân trong rừng phong tục um tùm chẳng chịt của đồng bào Thượng đó sao? Cái gì đối với đồng bào miền Thượng cũng có thể thành cấm kỵ thiêng liêng: một nhánh lá tươi cắm ở đầu buôn trong mùa gặt hái còn có giá trị ngăn cản hơn ngàn lớp cửa gài bằng khóa sắt; một cái xoa nhẹ thân yêu trên đầu đứa bé có thể coi như xúc phạm bàn thờ và làm bật lên bao nhiêu tia mắt thù hằn; một thân cây lụi dùng làm gậy chống trên đường, một chút quế thơm phòng vệ những khi bệnh hoạn, lỡ mang vào tận trong nhà thì chẳng khác gì đã dẫn theo loài ma quỷ, khuấy lên bao nhiêu căm hờn...

Tôi đã nghĩ nhiều về điều ấy qua khá nhiều đêm thức ngủ chập chờn. Nhưng lòng nhiệt nồng của tuổi thanh niên khiến tôi hoài nghi phong tục có thể cưỡng lại ý thức tò mò lòng trong sức mạnh dục tính. Từ đấy, tôi cố học tập tiếng nói đường rừng. Không biết những

người theo đuổi lý tưởng cao siêu khi học tiếng của nước ngoài thì phải chăm chỉ ra sao, chứ tôi thì chỉ vì chút mục đích xin ngủ một đêm mà đã hết lòng ra công đèn sách. Bạn hữu không biết thâm ý của tôi, đều khen tôi có ý thức "nghiên cứu văn hóa miền Thượng", còn tôi, tuy đã tự hiểu rõ ràng, vẫn cho rằng mình đang chuẩn bị "tham khảo giá trị nhân bản ở trong phong tục của các chủng tộc đồng bào..."

Nhiều lần, nhân dịp anh em lên tiếp xúc trên buôn, tôi muốn đi theo để mong gặp lại cô gái hôm nào, nhưng vẫn không sao đi được, vì bận nhiều công việc khác. Thế rồi, y như mọi lòng ham muốn và mọi đợi chờ trên cõi đời này đều cũng có dịp toại nguyện, một hôm, vào độ cuối năm, chúng tôi được lệnh lên buôn tổ chức đêm vui.

o o o

Buôn trông gần gũi nhưng khi đến nơi thì trời tối mịt, mặc dù tôi đã khuyến khích mọi người lên sớm để cho "đồng bào" khỏi phải nhọc lòng chờ đợi.

Một số anh em liên lạc đã lên từ trưa bố trí công việc. Toàn buôn nhóm họp đông đủ chung quanh một đống lửa to bốc cháy ngùn ngụt giữa vạt đất lể, chiếu sáng một vùng rộng lớn, soi rõ khuôn mặt từng người. Trong khi anh em xếp đặt các màn ca kịch thì tôi len lỏi đi tìm con người bên suối hôm xưa. Khuôn mặt tròn trịa thơ ngây của nàng nổi bật giữa các cô gái nên tôi không phải mất công lòng kiếm. Tôi lại gần nàng, nhìn nàng một phút, cố tình cho nàng có đủ thì giờ để nhận ra tôi. Thấy nàng cứ mãi ngây nhìn, tôi hỏi:

- Có nhớ tôi không?

Nàng bỗng mỉm cười, gật đầu. Nhưng cặp mắt nàng vẫn cứ giương nhìn, tỏ vẻ không hiểu. Tôi bèn hỏi tiếp:

- Xin lỗi... tên là gì à?

Nàng cười:

- Y Sao...

- Y Sao! Tên hay quá há!

Tôi đứng yên, loay hoay lục lọi trong óc tìm những tiếng gì thích hợp để ghép thành câu nói chuyện cùng nàng. Nhưng một hồi chiêm vang lên. Đêm vui bắt đầu. Suốt mấy giờ liền tôi vẫn không quên thỉnh thoảng đưa mắt tìm nàng và thấy nàng vẫn ngồi y một chỗ, vẫn cười hồn nhiên, long lanh cặp mắt ngồi trong ánh lửa. Tôi cố đóng trọn vai trò của mình, lòng không được vui vì nôn nao sợ những gì toan tính từ lâu đêm nay không thực hiện được. Đến khi mãn cuộc, ngọn lửa đã tàn chỉ còn tro lại một đồng than hồng to lớn. Thay vội quần áo, tôi chạy đi tìm Y Sao. Nàng cùng một số chị em xúm xít bên lửa, tíu ta tíu tít đun nước, nướng bắp. Ánh than hồng hực tỏa sáng lên người các cô gái Thượng ước đầm mồ hôi, trông có vẻ gì cổ quái lạ lùng. Y Sao nhanh nhẹn bỏ bắp trên lớp than hồng trải rộng và nàng dùng tay thoăn thoắt lật trở nhíp nhàng từng trái, gan lì thành thạo một cách khác thường. Tôi lại gần nàng, kêu lên:

- Y Sao! Dùng cây gắp chứ. Nóng tay lắm kìa!

Nàng ngẩng lên cười rồi lại cúi xuống rất nhanh, tiếp tục công việc và đáp:

- Không có nóng đâu.

Muốn chứng thực thêm lời nói của mình, lần này nàng dùng tay lại rất lâu trên từng trái bắp, trước khi lật trở cho nó chín đều. Rồi nàng chồm sang bên cạnh, đưa hai bàn tay nhỏ nhắn của mình nhắc lấy nồi nước đang sôi sùng sục trên một bếp lửa ngùn ngụt, đặt xuống một bên, rồi lại đặt lên như cũ, giữa những lưới lửa dử dần như muốn nuốt lấy tay nàng. Tôi kinh ngạc đứng yên tưởng mình chứng kiến những trò biến hóa của bà phù thủy. Cuối cùng, tôi lại buồn rầu nghĩ rằng da thịt chai lì như vậy phỏng nàng còn biết xúc cảm là gì!

Lát sau, tôi lại tự trách mình quá lo xa và rồi vui vẻ ngồi xuống bên nàng:

- Y Sao!

- Gì à?

- Xem kịch thế nào?

- Hay lắm.

- Thế ai hay hơn hết đây?

- Ai cũng hay cả.

- À...

Tôi lại ngồi im, không biết mình phải nhập đề thế nào. Sau cùng tôi hỏi một cách lúng túng:

- Y Sao này...

- Gì à?

- Nướng bắp để làm gì thế?

- Để ăn...

- Cho tôi ăn nhé?

- Ủ, cho các anh ăn.

- Nhưng cho tôi thật nhiều nhé?

- Ủ, đói thì ăn nhiều. Có đói lắm không?

- Đói lắm, nhưng này...

- Gì à?

- Tôi mến Y Sao lắm.

Nàng cười vui vẻ:

- Y Sao cũng mến các anh lắm.

Con đang gần đến, nếu dừng bước lại thì hóa xa xôi, tôi bèn đánh bạo nói tiếp:

- Đêm nay tôi ngủ nhà Y Sao nhé?

Y Sao gật đầu.

- *Cuôi ba dùm* nhé?

Y Sao lại gật, mỉm cười tự nhiên, cúi xuống nướng bắp.

Thế là nàng chịu, *Cuôi ba dùm moi măn* 2 với tôi rồi! Không ngờ câu chuyện dễ dàng như vậy. Nhiều khi ta chạy hàng chục vòng tròn vô

ích chung quanh chỗ ngồi dọn sẵn từ lâu.

Suốt buổi tiệc bắp vui vẻ thân mật, tôi làm bộ điệu rất là uể oải, đợi khi giải tán ra về bèn báo cáo trong người khó ở xin được ngủ lại trên buồn. Anh em ai cũng ân cần khuyên tôi ngủ lại để mà giữ gìn sức khỏe. Có người cho rằng tôi vốn nhiệt tâm đối với văn hóa miền Thượng, ngủ lại một đêm cũng là dịp tốt để nâng cao trình độ ít nhiều.

o o o

Nằm bên bếp lửa chờ đợi Y Sao, tôi cẩn thận bôi trên mũi nhiều dầu cù là, nghĩ rằng mỗi dân tộc đều có mùi riêng mà chỉ tiếp xúc vội vàng về mặt vật chất không đủ tạo nên hòa hợp dễ dàng. Một lát, Y Sao từ một gian nhà bên cạnh bước ra, miệng nở nụ cười tươi vui khác thường. Nàng đã thay chiếc *cà tiu* mới tinh còn hôi nồng mùi lá nhuộm, và mặc một chiếc áo chến may rất đơn giản bằng thứ vải thô điểm những sọc chỉ xanh đỏ còn tươi nguyên màu, có lẽ là áo dùng trong dịp lễ. Nàng trải xuống sàn ghép bằng những ống lồ ô đập dẹp một tấm chiếu dày dẹt bằng các thứ dây sợi lấy trong các vỏ cây rừng và bảo tôi nằm. Xong, nàng nhẹ nhàng nâng đầu tôi lên, kê vào một chiếc gối mây thắt rất công phu. Tôi nằm yên, ngoan ngoãn, mặc nàng sắp xếp, y như đứa bé nghe theo lời chị. Nhưng khi nàng lấy một tấm *dồ* rộng còn mới phủ lên mình tôi, thì tôi kêu lên:

- Y Sao ngủ với tôi chứ?

Nàng cười, gật đầu.

- Thế tôi không thích đắp đâu.

- Khuya lạnh lắm mà. Đắp đi, đắp đi.

Nàng nói dịu dàng, có vẻ như lời nài nỉ.

Tôi đáp:

- Ngủ với Y Sao, tôi không thấy lạnh.

Rồi tôi gỡ tấm *dồ* ra.

Nàng lại ôn tồn:

- Đắp đi.

Rồi nàng lại kéo *đồ* để đắp cho tôi.

- Y Sao chưa đi ngủ à?

- Ngủ chứ. Có đói cái bụng không đấy?

- Không đói. Chỉ ửng ngủ với Y Sao đó thôi.

- Có khát nước không?

- Không khát, chỉ ửng ngủ với Y Sao đó thôi.

- Hút thuốc lá chứ?

- Hút thuốc không thích bằng nằm ngủ với Y Sao.

Những ngày sống giữa núi rừng tôi đã tìm thấy trong cái thú *tút xà reo* ³ một nguồn an ủi lớn lao. Đó là lãng quên, vừa là tưởng nhớ, đó là ít nhiều hơi ấm trong cảnh lạnh lùng, ít nhiều khuấy động giữa chốn vắng vẻ... nhưng bây giờ đây khói thuốc làm sao quyến rũ được tôi.

Y Sao loay hoay sửa soạn bếp lửa. Nàng tém gọn lại rồi rút một mớ củi khô thêm vào cho lửa sáng hồng rực rỡ hơn lên. Hình ảnh bếp lửa chính là hình ảnh của mối nhiệt tình nung nấu trong tôi.

Bây giờ, có lẽ đêm đã về khuya. Qua khung cửa hẹp tôi thấy bên ngoài tối đen dày đặc mênh mông, thỉnh thoảng lập lòe điểm sáng của bày đom đóm. Tôi tưởng nghe trong yên lặng âm thầm núi rừng xao xuyến trời dậy gom góp muôn ngàn sinh lực biến đổi sự sống để cho ngày mai dưới ánh mặt trời muôn cảnh thêm lá tươi non, muôn vật thêm màu lông mới.

Gia đình Y Sao có lẽ ngủ yên từ lâu. Ban nãy khi nàng chưa đến, tôi thấy hai người hiện ra ở phía cuối nhà, một bà cụ già, một người trai trẻ, ý hẳn là mẹ và anh của nàng - cả hai nhìn tôi gật chào, cười rất thân mật rồi biến mất sau tấm liếp.

Tôi muốn bảo với Y Sao hát cho tôi nghe, như tôi đã từng được nghe nàng hát hôm nào, để cho đêm vui thực sự hoàn toàn. Nhưng biết rõ mình không đủ bình tĩnh chờ đợi bất cứ một sự kéo dài nào nữa, tôi hối thúc nàng:

- Khuya rồi, Y Sao!

Y Sao gật đầu:

- Ừ, khuya rồi, ngủ đi.

Và nàng nhanh nhẹn nằm xuống bên tôi.

Bây giờ tôi chỉ còn nghe quả tim của tôi liên hồi đập trong lồng ngực và hơi thở tôi gấp rút, nặng nề. Đầu óc vẫn vũ những mớ cảm giác rối loạn, tôi không biết rõ mình đang nghĩ ngợi những gì. Tôi thoáng nhớ lại những quyển tiểu thuyết mô tả tâm trạng của người đàn ông khi nằm cạnh người đàn bà và tôi nhận thấy không có quyển nào nói đúng tâm trạng của tôi lúc này.

Từ khi Y Sao nằm xuống bên cạnh thì tôi bàng hoàng nằm yên giây lâu, không chút cử động. Sau cùng, định thần trở lại, tôi mới thấy rõ cái vẻ kỳ dị của việc tôi làm. Nhưng các công trình nghiên cứu, tổ chức, vận động của tôi lâu nay không phải để được nằm yên bên cạnh một cô gái Thượng. Nếu chỉ có thế thì tôi nên lựa bất cứ một khúc gỗ nào thật tốt ngoài rừng đem về ôm ngủ có lẽ yên ổn hơn nhiều!

Tôi bèn bỏ tay qua người Y Sao, kéo nhẹ cho nàng xích lại thêm gần:

- Y Sao...

- Gì à?

- Tôi thương Y Sao nhiều lắm.

- Y Sao cũng thương các anh nhiều lắm.

- Sao lại các anh? Nhiều thế?

Y Sao vẫn đáp nhẹ nhàng:

- Ừ, nhiều lắm.

- Y Sao chẳng hiểu gì cả! Tôi bảo Y Sao... chỉ thương lấy một mình tôi.

Y Sao giương mắt ngạc nhiên:

- Sao thế?

Tôi làm thính, không biết trả lời cách nào cho Y Sao hiểu tình yêu là sự ích kỷ riêng của hai người. Nhưng tôi chợt nghĩ giữa tôi và nàng chưa hề có gì chứng tỏ là tình yêu thì làm sao nói cho nàng hiểu được những điều đơn giản mà phức tạp ấy? Vả lại, tôi không thông thạo tiếng nói của nàng, trình bày những điều khuất khúc tâm tình là việc khó khăn. Mới biết học nhiều ở trường mà thiếu một môn tiếng Thượng cũng có hại thực. Sau cùng, bắt chước ông bà từ đời thái cổ, tôi dùng bàn tay thông ngôn tình ý của mình.

Bắt đầu tôi thử vuốt ve đôi má Y Sao. Y Sao mỉm cười hết sức dịu dàng. Tôi hạ lần tay đặt trên ngực nàng. Tôi nghe tim nàng đập mạnh, người nàng tỏa ra hơi nóng khác thường. Khi bàn tay tôi không còn giữ đúng lễ độ con người bình tĩnh, thì Y Sao nắm chặt lấy và nàng kêu trong hơi thở:

- Đừng thế!

Rồi nàng kéo tay tôi xuống, đặt nó cẩn thận ở trên mình tôi và còn giữ chặt như thế rất lâu, ý muốn tập luyện cho nó chịu quen tình thần kỷ luật. Sau cùng, nàng bảo:

- Ngủ đi.

Thở dài, tôi đáp:

- Không ngủ được đâu.

- Sao thế?

- Nằm bên Y Sao, tôi không ngủ được.

Nàng nhìn tôi sửng sốt:

- Thế à?

- Thực đấy.

Nàng trối ngay dậy, có vẻ hơi buồn:

- Y Sao đi ngủ chỗ khác.

Tôi kéo nàng lại:

- Y Sao đi ngủ chỗ khác thì tôi càng không ngủ được.

- Chẳng hiểu.

- Gì mà chẳng hiểu? Y Sao hãy nằm xuống đi.

Y Sao ngoan ngoãn nằm xuống. Tôi vuốt má nàng.

- Thương Y Sao lắm.

- Y Sao thương các anh lắm.

- Cứ thế! Không thương tôi à?

- Thương chứ. Thương nhiều lắm đấy.

- Y Sao làm vợ tôi đêm nay nhé?

- Chẳng hiểu.

Tôi nghĩ: "Trời ơi! Gì mà chẳng hiểu, chẳng hiểu! Ngốc đến thế này thì thôi!" Và bèn đổi giọng nài nỉ:

- Tôi mở cái *cà tiu* nhé?

- Đừng!

- Không cho thì tôi chết đấy.

- Chẳng có chết đâu.

- Ghét Y Sao lắm.

Y Sao không nói. Mặt nàng đọng lại trong dáng trầm ngâm khó hiểu. Thấy dùng văn hóa chẳng ăn thua gì, tôi quyết định dùng quân sự. Tôi vỗ về nàng, rồi thừa dịp nắm *cà tiu* của nàng và giằng mạnh xuống. Lập tức, người đàn bà co lại như bị điện truyền và nàng xô mạnh người tôi, kêu lên hốt hoảng:

- Không được!

Tôi chồm người tới, cổ giăng kéo nàng lại gần, nhưng nàng đã ngồi ngay dậy, xếp hai đùi lại và co hai tay trong tư thế phòng vệ. Trong ánh lửa đêm, tôi thấy mắt nàng long lên sòng sọc, miệng nàng mím chặt, cương quyết lạ lùng.

Những ý nồng nhiệt trong tôi phút chốc đã tiêu tan hết. Nhưng lòng tự ái vội vàng thế vào chỗ trống, khuyến khích tôi đừng bỏ cuộc. Tôi liền sấn lại ôm choàng lấy nàng siết chặt trong đôi cánh tay hung hãn cố làm ra vẻ tha thiết yêu đương. Để trợ lực sự chiếm đoạt, tôi bèn phát triển ý thức tò mò bằng cách khuyên mình cố gắng đến cùng để đo xem sức phản ứng của cô gái Thượng có thể chịu đựng đến mức độ nào mới phải đầu hàng. Hình như một thứ mặc cảm tự tôn của kẻ sống ở miền xuôi tự hào văn minh hơn dân rừng núi đã củng cố thêm cho tôi ôm chặt lấy nàng. Y Sao chuyển hết sức mình cố đẩy tôi ra một cách tuyệt vọng, nhưng không kêu cứu lời nào, hình như nàng phải nhận lấy trách nhiệm đối với chính nàng cho đến phút cuối. Tôi hỗn hển bảo:

- Y Sao nghe lời tôi đi.

Nàng đáp phều phào:

- Không đâu, không đâu, không đâu...

Nhưng nàng lừa người, mềm hăn cả sức kháng cự. Tôi nới vòng tay, đặt nàng nằm xuống, vừa toan cúi xuống mình nàng thì nhanh như con sóc rừng, Y Sao đã lộn người lại, nhào tới phía trước. Tôi thấy nàng đứng thẳng dậy, rút vội trên sàn chiếc áo, quỳ xuống chĩa mũi nhọn hoắt về phía ngực tôi, trợn trừng cặp mắt nói như tiếng rít:

- Đừng bắt Y Sao làm xấu cái buồn... Y Sao không quen, không biết anh đâu!

Bây giờ nàng không phải là Y Sao dịu dàng bên suối hôm nào, cũng không phải là Y Sao hiền lành ban tối vừa qua. Đây là Y Sao uy nghi của cảnh núi rừng hùng vĩ, Y Sao đông dặc của những phong tục ngàn đời giữ vững lấy sự tồn tại con người giữa lòng thiên nhiên hiểm độc. Sự chống đối của nàng không phải là sự phản ứng của

một người đối với một người, mà chính là sự bênh vực của nhiều con người tập trung trong cá nhân nàng. Thấp thoáng sau nàng Y Sao im lặng, hung dữ như một vị thần bảo vệ, có cả cuộc sống âm thầm dai dẳng của nhiều dân buôn, và cả màu xanh tươi thắm của núi rừng trùng điệp.

Nàng cứ ngồi yên như thế hồi lâu, sắc diện dần dần dịu lại. Tôi ngồi thẳng dậy, cố nói bình tĩnh với nàng:

- Y Sao có giận tôi không?
- Không có giận đâu.
- Y Sao giận đấy.
- Không giận đâu mà.
- Không phá Y Sao nữa đâu. Ngủ với tôi, nhé?

Rồi muốn cho nàng yên tâm, tôi quờ tay lấy que củi bẻ đôi đưa lại cho nàng:

- Tôi đã thề rồi.

Y Sao lại nở nụ cười hiền dịu, nhẹ nhàng dựng chiếc giáo nhọn nơi liếp rồi nàng ngoan ngoãn nằm xuống cạnh tôi, kéo lấy tấm *dồ* phủ lên người tôi. Một lát, tôi ngủ thiếp đi.

Không biết ngủ được bao lâu thì tôi nghe lạnh, giật mình tỉnh giấc. Tôi thấy Y Sao đang cúi lom khom thổi trên đồng lửa sắp tàn. Ngọn lửa từ từ sáng lại, gieo tỏa hơi ấm khắp nhà. Nàng thêm củi vào rồi nhẹ nhàng, rón rén như sợ kinh động giấc ngủ của tôi đi lấy tấm liếp che cửa để ngăn hơi lạnh rừng khuya ồ ạt ùa vào. Xong, nàng lại rón rén, nhẹ nhàng đi lại bên tôi. Tôi vờ ngủ yên. Y Sao sửa lại tấm *dồ* cho tôi, vuốt trên tóc tôi, vỗ nhẹ lưng tôi y như người mẹ, người chị săn sóc giấc ngủ cho con em mình. CỬ CHỈ ÂU YẾM CỦA NÀNG THỰC LÀ VỤNG VỀ NHƯNG RẤT TỰ NHIÊN LÀM CHO LÒNG TÔI RỪNG RỪNG CẢM ĐỘNG. Rồi nàng kéo trải một mí tấm *dồ* ra sàn, nằm đè người lên, vòng một tay qua ôm lấy mình tôi. Tôi nằm trong một lớp vải bọc kín, một đầu có người của nàng chèn giữ, một đầu có bàn tay nàng bó

lấy. Tin ở lời thề, Y Sao vẫn phải luôn luôn phòng vệ cho danh dự nàng!

Tôi nằm yên, tâm hồn trở lại bình tĩnh. Nhìn cô gái Thượng xinh xắn đang nằm bên tôi, nhỏ bé hơn tôi rất nhiều nhưng cố áp ủ lấy tôi bằng một tấm lòng bộ lạc rộng lớn, tự nhiên tôi thấy xấu hổ. Sự hối hận này của tôi chẳng tốt đẹp gì, đây chỉ là phản ứng để hồng vớt vát thể giá sau khi thất bại, một cách che đậy những sự tầm thường, trơ trẽn của mình, nhưng tôi thấy mình trong giây phút này vẫn còn hiểu được phần nào Y Sao là cả một sự an ủi. Bây giờ Y Sao là hiện thân sự chiến thắng của phong tục đối với bản năng, hiện thân sức mạnh giáo hóa tập thể đối với sức mạnh hoành hành của con người ích kỷ. Trong khi tôi ép Y Sao phải chiều theo sự thỏa mãn nhất thời và cố vẽ vờ gọi là thương yêu thì Y Sao vẫn cương quyết bảo vệ lấy danh dự nàng. Và nàng "chẳng hiểu" không phải là nàng ngu ngốc. Bởi vì điều tôi xem chẳng có ý nghĩa gì, chỉ là một sự tò mò khoắc ở trên mình bộ lông da thú nhưng đối với nàng lại là tất cả, là danh dự, là cuộc đời, là nếp sống tinh thần, là tập quán cổ truyền.

Một lát, Y Sao chừng đã ngủ say nhưng nàng vẫn còn ôm giữ lấy tôi, cánh tay vừa nói lên ý chở che, vừa nói lên sự đề phòng. Đợi cho hơi thở của nàng trở lại điều hòa, tôi khẽ trở mình gỡ nhẹ tay nàng, cẩn thận lật ngược mảnh *dồ* mà tôi đang đắp phủ lên mình nàng. Y Sao nằm gọn ở trong tấm vải. Tôi bỏ tay qua, ôm trở lại nàng, như ôm núi rừng bao la cô đọng trong một thân xác nhỏ bé, và thấy rõ rệt từ trong đáy lòng nổi niềm vui sướng của người yêu thương núi rừng, yêu thương vì có niềm tin...

Khi tôi thức giấc thì trên người tôi lại phủ tấm *dồ*, và ở bên mình không thấy Y Sao. Bên ngoài trời đã sáng rõ. Có lẽ nàng đi xuống suối lấy nước. Tôi vội ngồi dậy, gỡ liếp che cửa. Ánh sáng ủa vào tung bừng. Núi rừng ngồn ngộn khoe khoang sắc lá tươi non, chim chóc phô màu lông mới trong buổi bình minh dạt dào sức sống của một khung cảnh thiên nhiên vĩ đại.

Một thời gian sau, chúng tôi được lệnh lên đường. Anh em rủ nhau lên buôn từ giã đồng bào. Chúng tôi tìm đến Y Sao, gặp nàng đang giã gạo ở cuối nhà. Thấy chúng tôi, nàng buông chày chạy ra mừng rỡ kêu lên:

- Đến rồi!

Tôi gọi:

- Y Sao ơi!

- Gì à?

- Tối nay tôi ngủ lại nhé?

- Ủ, ngủ lại buôn đi.

- Y Sao! *Cuôi ba dùm* với tôi một đêm nữa nhé?

- Ủ, một đêm nữa đấy.

- *Cuôi ba dùm* ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa nhé?

- Ủ, ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa đấy.

Nàng gạt đầu lia lịa trả lời, vừa nhoẻn miệng cười rất vui.

- Y Sao ơi!

- Gì à...

- Cám ơn Y Sao, chúng tôi nói đùa đấy mà. Hôm nay chúng tôi lên chào đồng bào, lên chào Y Sao, sắp sửa đi rồi...

Nàng như kêu lên:

- Đi à?

Rồi nàng đứng yên như thế rất lâu.

- Y Sao ở lại cho mạnh giỏi nhé!

Y Sao ngập ngừng:

- Bao giờ các anh về lại cái buôn?

- Không biết bao giờ, không biết bao giờ, Y Sao à... Nhưng chúng tôi không quên đồng bào, không quên Y Sao, không quên cái rừng, cái núi của chúng ta đâu.

- Y Sao nhớ hết các anh, nhớ lắm lắm mà.

Khi rời khỏi buôn, chúng tôi gặp nàng đứng đợi ở lưng chừng dốc. Tôi nắm tay nàng:

- Đi nhé! Y Sao!

Nàng gật đầu, nhoẻn cười, nhưng trên đôi mi long lanh những giọt nước mắt. Nụ cười và giọt lệ, đó là tấm lòng đưa tiễn của Y Sao.

1964

(Viết lại một kỷ niệm của bạn L.T.N, thanh niên xung phong thời chống Pháp

[1](#) Ngủ đoàn kết.

[2](#) Ngủ thân ái một đêm.

[3](#) Hút thuốc.

Con ma học trò

Ma quỷ tìm đến gặp ông Cửu Hiền vào lúc đêm khuya, khi ông mất ngủ, ngồi dậy uống một tách trà. Trăng đã ngả hẳn về tây, chiếu màu ánh sáng nhợt nhạt qua khe cửa sổ khép hờ. Một ngọn gió lạnh từ đâu thổi lại rạt rào, lay chuyển chòm tre đầu ngõ, gởi đến nơi ông đang ngồi một mùi oi nồng sót lại từ chiều của lớp đất gò vừa bén một trận mưa đông ngấn ngủi. Ông Cửu nhăn mũi, tưởng nghe một mùi mồ hôi ẩm mốc trên một tấm áo quên giặt nhiều ngày.

Khi ông đứng lên, vịn nhỏ ngọn đèn định lại giường nằm, bỗng thoáng thấy một bóng người lướt nhẹ bên mình. Hơi nồng vắng nhẹ rồi tan. Ông không kịp nhận rõ được tất cả sự ẩn hiện ấy, tưởng mình trong lúc mệt mỏi có những rối loạn tâm thần. Nhưng vừa sờ soạng bước lại gần giường, ông thấy bóng người lướt qua, cọ vào tay phải của ông rồi vượt tới trước, vòng lại, cọ vào tay trái. Ông Cửu quay hẳn ra sau, không thấy gì hết. Một hơi lạnh lẽo của chốn mồ hoang phảng phất mùi nồng ẩm mốc bây giờ như tràn lan cả gian phòng. Tự nhiên ông Cửu run rẩy, loạng choạng tiến lại phía giường. Ông muốn kêu lên, nhưng hai hàm răng tê cứng không mở ra được. Vừa ngã xuống chiếu, ông có cảm giác như thấy một cái bóng người đang nằm nhòm dậy nhìn ông, nham nhở nụ cười quái gở rồi khuôn mặt ấy lớn dần đến độ nhòe tan, biến vào bóng tối. Ông Cửu nằm yên, giường mắt thao láo trần trần nhìn lên nóc màn tưởng nghe trong đêm nhiều tiếng xôn xao từ đâu vắng lại mỗi lúc một rõ. Trong những vang động mơ hồ như có tiếng cười, tiếng khóc, những tiếng rên rỉ oán hờn.

Qua đêm thứ hai, ông Cửu giật mình vào lúc nửa khuya, cảm thấy đau nhức như có ai đang trói chặt chân mình. Ông gượng ngồi dậy, ngơ ngác nhìn quanh không thấy một ai, nhưng khi nằm xuống nghe một bàn tay lạnh buốt đè nặng lên trán và ấn đầu ông xuống chiếu mỗi lúc một mạnh. Trong cơn vật vã đuối liệt, ông có cảm tưởng như bàn tay kia lần xuống cổ họng của ông và bóp thật mạnh, khiến ông giãy giụa kêu lên một cách tuyệt vọng. Giữa lúc mê tỉnh chập chờn, mơ hồ ông nghe nhiều người nhón nháo lòng chạy quanh nhà,

những tiếng sàn sạt kéo lê ở trên mái ngói, những đồ chén bát loảng xoảng, rơi vỡ tứ tung do một bàn tay hung hăng phá phách.

Sự phá phách ấy mỗi đêm một tăng khiến ông Cửu Hiền như muốn điên loạn. Ông gầy rạc hẳn, đôi mắt hõm sâu, dáng đi lạc lõng như người mất trí. Mỗi lần xô nhẹ cánh cửa ông nghe tiếng rít cãm hờn sau đấy, và lúc ngồi xuống, đứng lên, luôn luôn có một bóng người im lìm nhại theo điệu bộ của ông với một dáng điệu ủ rũ hoặc đang sôi sục giữa cơn thịnh nộ. Ông Cửu dần dần sợ mọi tiếng động, mọi bóng dáng người, kể cả hình bóng của ông.

Người phù thủy đầu tiên là ông Hộ Liệu, được mời đến xua ma quỷ, đã cúng ba đêm liên tiếp và giết hết ba con gà lấy huyết bôi vào cột nhà. Trong suốt thời gian thầy ê a đọc phù chú, ma quỷ dừng hẳn hoạt động. Nhưng khi thầy bước ra về, ngay đêm hôm ấy, những sự phá phách càng mạnh hơn lên. Ông Cửu tưởng chừng căn nhà như muốn sụp đổ và các góc cột bắt đầu lung lay, nhảy múa liên hồi. Mùi hôi nồng ảm lan đầy và một bàn tay sù sì, lạnh ngắt từ đâu xen vào tay áo, cổ áo của ông như muốn tìm đúng mạch sống để siết thật chặt. Ông Cửu mời thầy phù thủy thứ hai, ông Tư Ngải, ở tận trên làng Đồng Thượng xa xôi. Thầy đến xem vết máu gà đã khô trên cột và các bùa ếm ở bốn góc nhà, cười khẩy nhiều lần ra vẻ hết sức khinh bỉ. Vợ chồng ông Cửu, dẫn đo một lát, mới dám thưa lời:

- Chẳng hay phép cúng của ông Hộ Liệu không thiêng sao thầy?

Ông Tư Ngải nhíu mắt, làm thinh giây lâu, rồi mới cất giọng khàn khàn trả lời:

- Trong chỗ đồng nghiệp với nhau, lẽ nào tôi lại đi nói anh ta dốt nát hay sao? Ông bà hiểu giùm, dù cho anh ta chẳng biết cóc khô gì hết, tôi cũng không nỡ chỉ trích.

Và ông làm thinh không chịu nói thêm gì nữa để khỏi mang tiếng nói xấu người bạn đồng nghiệp, sau khi đã cho vợ chồng khổ chủ hiểu rằng Hộ Liệu vừa rất dốt nát, vừa không hiểu biết cóc khô gì cả. Ông Tư Ngải cho rửa sạch hết máu gà và truyền giết con chó mực lớn nhất của ông Cửu Hiền lấy huyết bôi vào chỗ ấy. Ông Cửu rất thương con chó khôn ngoan nhưng chỉ tiếc thẳm trong ruột. Con chó

mỗi đêm thường nằm đầu gối dựa vọng về nơi nghĩa địa xa xôi, canh chừng giấc ngủ của ông, và khi ma quỷ lục đục phá phách, nó thường chạy rảo quanh nhà tru lên từng hồi ghê rợn như muốn xua đuổi oan hồn quấy nhiễu nơi ăn chốn ở của ông. Máu của con mực bôi lên đỏ sẫm trên cột và ở chân tường. Ông Tư còn lấy chất máu vẽ bùa trên những miếng thiếc dựng ở nhiều nơi trong nhà, ông bắt lập đàn cúng tế hết sức công phu và không quên dặn mua hai lít rượu để phun vài ngụm vào các mền chiếu - trừ tà - còn lại bao nhiêu ông dùng lai rai đưa tiễn vào trong bao tử suốt mấy ngày liền.

Trong một tuần lễ có ông Tư Ngải trong nhà, ma quỷ im hơi, lặng tiếng. Ông Tư lộ vẻ đắc thắng rõ rệt, ra vào, lên xuống một cách hiên ngang, không ngớt đòi rượu và đòi thức nhắm. Ông bảo:

- Ma quỷ là giống không bị đau ốm bao giờ cho nên chúng mạnh khỏe lắm. Nếu mình không nhậu, làm sao mà đối phó được?

Nhưng tối hôm ấy, ông Tư sửa soạn hành lý để sáng về sớm thì bỗng ma quỷ hiện lên. Ban đầu có tiếng loảng xoảng ở trên bàn thờ và đồ tam sự, ngũ sự nhào lăn xuống đất lổn nhổn. Cả nhà Ông Cửu choàng tỉnh, hướng về ông Tư cầu cứu. Ông Tư vội vàng rút cái khăn ấn, hối hả thắp mấy cây hương gài lên mái tóc, đứng ở giữa nhà bất quyết. Nhưng sự hiện diện của ông Tư Ngải gần như không làm ma quỷ mảy may xúc động. Tiếng cười lạnh lẽo, tiếng rít khô khan vẫn cứ văng vẳng quanh nhà, tiếng kéo sà sạt ở trên mái ngói vẫn còn tiếp diễn, tiếng khua lổn cốn, lạch cạch trong các kho lúa vẫn không chịu dừng, mỗi lần sự phá phách mỗi gia tăng cường độ. Người ta có cảm tưởng rằng ma quỷ có vẻ khinh thường các vị pháp sư rõ rệt, và sự đình chỉ hoạt động trong mấy thời gian vừa qua chỉ là giai đoạn nghỉ ngơi của chúng mà thôi.

Ông Tư Ngải cuốn gói ra về như một chiến tướng bại trận. Sau đó, còn đôi vị pháp sư nổi danh khác lại được mời đến, nhưng không vị nào có thể đàn áp nổi giống ma quỷ lộng hành trong nhà ông Cửu.

Giữa lúc gần tuyệt vọng ấy, may thay, còn có một người.

Đó là một vị pháp sư du học nhiều năm ở tại nước ngoài, theo lời của thầy tự giới thiệu mình. Ông đã qua Xiêm, qua Miên, qua Lào,

qua cả Ấn Độ nghiên cứu pháp thuật, làm như là mấy nước đó độc quyền về môn bắt ma, trừ quỷ và chỉ chuyên môn về một món ấy mà thôi. Để kỷ niệm những năm du học vất vả, ông lấy biệt hiệu là "Ba Da Ka Lu Tu Na", một cái biệt hiệu mà khi nói lên người ta thấy sự ngân nga của Lào, của Xiêm, và của Ấn Độ. Nhưng muốn cho hợp thời hơn, ông Ba Da... còn để một bộ râu Tây - đúng hơn là râu Ăng lê - cốt để tăng thêm sự quan trọng của nghề nghiệp mình. Đối với bà Cửu thì vị pháp sư có râu hay không có râu cũng chẳng quan hệ gì lắm, bởi lẽ ma quỷ có thừa lông lá đầy mình, đâu có kiêng nể một đôi chòm lông bé nhỏ ở trên môi mép, nhưng với ông Cửu thì bộ râu ấy thật đáng kính trọng, cụ thể phải thêm rượu, thịt vào các bữa ăn. Ông Ba... - từ nay xin gọi vắn tắt như thế, miễn là vẫn giữ nguyên sự thành kính với người - ngay từ hôm đầu đã tỏ ra một bản lĩnh cao cường. Suốt đêm, ông ta không ngủ, thỉnh thoảng lâm râm khấn niệm như đang cầu khẩn một sức thiêng liêng độ trì, thỉnh thoảng lại nói lảm nhảm như đang trò chuyện với kẻ khuất mặt. Sáng ngày, với một dáng điệu ưu tư, ông bảo khổ chủ:

- Tôi đã gặp oan hồn rồi.

Ông Cửu giật mình, kêu lên:

- Gặp rồi? Gặp hồi nào?

Ông Ba chậm rãi trả lời:

- Hồi khuya.

- Nó là hạng nào?

Ông Ba nghiêm nghị:

- Là ma, là quỷ. Nhưng vốn tiền thân là một học trò.

Ông Cửu cau mặt:

- Tôi có quen biết với hạng học trò nào đâu? Nhưng sao ma quỷ học trò mà lại phá phách quá vậy?

Ông Ba quắc mắt:

- Cụ làm... Trong các loài ma, loài quỷ xưa nay, chỉ có ma quỷ học trò là đáng sợ nhất. Hãy nghĩ mà xem, người ta ai cũng vì sự sinh kế ở đời mà hóa hiền lành nhu nhược, chỉ có một loại hạng người được sống lành lặn mà không bận tâm về chuyện áo cơm, do đó không hiểu cuộc đời, dễ thành nông nổi, là hạng học trò. Một khi họ hóa thành ma, thành quỷ, thì họ không biết kiêng sợ gì cả. Nhưng khốn, tên ma học trò phá phách ở đây lại là một học trò nghèo có mỗi nợ nần từ trước với cụ, cho nên xem y còn định báo oán lâu dài...

Ông Cửu làm thỉnh, vân vê bộ râu, lục lọi ở dĩ vãng cố tìm bóng dáng một người học trò. Hai người cùng ngồi đối diện rất lâu, không ai mở miệng nói một lời nào. Ở ngoài, gió thổi rạt rào qua các bờ tre, có tiếng chim kêu rất nhỏ mơ hồ như tiếng nhắc thềm vắng lại từ một không gian xa vắng. Bỗng nhiên ông Cửu giật mình, tái mặt:

- Một học trò nghèo... tôi nhớ ra rồi.

Ông đưa bàn tay gầy guộc, lấy bầy vớ lấy bình rượu đặt trên tử trà, rót vội vào chén khiến rượu tạt cả ra ngoài mặt chiếu. Ông đưa hai tay bưng chén rượu lên, không ngăn được sự xúc động và nốc một hơi cạn sạch.

Ông Ba chăm chú theo dõi khổ chủ, rồi bảo:

- Cụ không cần nói với tôi chuyện ấy làm gì. Tôi đã biết rồi...

Ông Cửu kêu lên:

- Biết rồi?... Hồn ma đã nói cho thầy biết rồi?...

Ông Ba gật đầu. Ông Cửu có vẻ lo lắng:

- Tôi không chắc gì ma đã nói thật...

- Chính vậy, ma cũng nói dối như thường. Trong nhiều năm trời tôi đã tiếp xúc ma quỷ, tôi thấy chúng có gần đủ tật xấu như người. Có lẽ chúng còn tệ hơn người nhiều. Nhưng cụ đừng lo, tôi biết phân tích lời thật lẫn dối, ma quỷ không lừa tôi được. Nỗi khổ mà hỏi nhỏ cụ đã gây cho người học trò thật là quá sức lớn lao khiến y phải giã từ đời, bỏ cả tương lai hứa hẹn, bỏ cả tình yêu tươi đẹp, bỏ hết, bỏ

hết. Ngày nay, y đã vượt được bao nhiêu trở ngại ở dưới cõi âm về đây đòi lại món nợ ngày xưa. Đó là một món nợ máu...

- Nó định làm gì?

- Đẩy cụ vào một cái chết thâm, cái chết lần mòn...
chết cả gia đình, dòng họ...

Ông Cửu lặng điếng giây lâu, mới nói:

- Không có cách gì trừ được nó sao?

- Nó không cần nghe ai nữa.

- Hay nhờ hồn ma các thầy dạy nó ngày xưa can thiệp?

Học trò chắc phải biết nghe lời thầy.

Ông Ba lắc đầu:

- Bây giờ, biết những ma thầy ở đâu mà tìm kiếm được? Tôi chắc mấy ông thầy dạy đều bị nhốt dưới địa ngục cả rồi... Vả lại... việc làm của nó là vì lẽ phải, không ai mà can thiệp được.

- Còn thầy đành chịu thua sao?

Ông Ba đáp gọn:

- Chịu thua. Nhưng nếu cụ chấp nhận cho điều kiện sau đây, tôi cũng thử liều một nước cuối cùng.

- Thầy hãy nói đi.

- Chia nửa gia tài...

- Trời ơi! Nửa phần gia tài?

- Thế là mất ít đó cụ... Không thì cụ sẽ mất hết, cả người lẫn của. Còn một điều kiện sau đây rất là cần thiết: cụ phải làm giấy nhường lại cho tôi tất cả gia tài càng sớm càng hay, nhưng để khỏi điều ngờ vực cụ cứ giữ mảnh giấy đó. Chừng nào xong việc, sẽ giao cho tôi cũng được. Xin cụ đừng tưởng là tôi tham lam. Tôi quyết cùng ma giao đấu một phen sống mái, nếu tôi không hưởng gia tài của cụ thì ma sẽ không đời nào tranh chấp với tôi... Đã dọ thử ý nó rồi...

- Dọ như thế nào?

- Tôi tỏ lòng muốn đấu phép với nó, nó cười bảo rằng: "Tôi có can dự gì đến ông đâu mà bày ra sự xung đột cho thêm rắc rối. Tôi chỉ thêm cái mạng sống của thằng..."

- Của tôi...?

- Của cụ, chính thế.

Ông Cửu suy nghĩ suốt ngày hôm đó, không biết quyết định ra sao. Đến chiều, thấy bóng đêm đã đem màu đen tối nhá nhem phủ lên vạn vật và nghe gió lạnh từ xa thổi về rạt rào qua các chòm tre trước ngõ như lời than oán căm hờn, ông bỗng nhận rõ tất cả ý nghĩa quái gở của sự giàu sang mà ông không ngừng chạy đuổi gần trọn cuộc đời. Ông rút mảnh giấy, trình trọng mời vị pháp sư lại gần, chính thức chia đôi cho ông "Ba Da Ka Lu Tu Na" tất cả những gì ông có, tất nhiên không kể đứa con và người vợ già.

Ngay đêm hôm ấy, ông Ba tổ chức giao đấu để quyết diệt loài ma quỷ.

Ông bảo mọi người ngủ sớm và đem nhiều đạo bùa linh chôn bốn góc nhà. Ông đã cho tìm mỡ chó đổ vào bảy chiếc đĩa đất làm đèn, đặt sẵn quanh nhà, cắt đặt một số gia nhân đợi hễ khi nào nghe ông hô xướng thì phải nhất tề đốt lên cho sáng. Ngoài ra, ông còn đem một bình nhỏ đựng chất bột xám bốc mùi hăng hắc rưới nhẹ thành một lối đi ra vườn và còn vẽ nhiều hình thù kỳ dị trên khắp mặt đất.

Gia đình ông Cửu tuy đi ngủ sớm nhưng không ai nhắm được mắt. Nửa đêm, họ nghe một tiếng cười dài rất đỗi lạnh lùng văng lên ở trên nóc nhà và một tiếng rít rùng rợn tiếp theo. Một lát, nghe tiếng huỳnh huých trên đất, tiếng thở hào hển, tiếng xô, tiếng đẩy phát ra từ sự giằng co quyết liệt. Những tiếng động ấy kéo dài không biết bao lâu, cuối cùng chỉ còn những tiếng thở gấp và giọng rên rỉ văng lại mỗi lúc mỗi yếu rồi tắt lịm hẳn. Gia nhân ông Cửu đợi hoài không nghe tiếng hiệu tắt đèn, nên cứ đợi mãi và ngủ gục trên mấy chiếc đĩa đất lúc nào không hay. Vợ chồng khổ chủ yên trí pháp sư toàn thắng, nhiều lần định ngồi hẳn dậy coi thử có sự ra sao nhưng

không có lệnh ông Ba đành phải nằm chặt trên giường. Mờ sáng, họ thấy ông Ba nằm yên trên đất như một đồng thịt mềm dẻo. Lay mãi ông mới dần dần tỉnh dậy, cố gắng đứng lên rồi lại té xuống. Người nhà khiêng ông lên giường thấy mình mẩy ông tím bầm, hai bên khoe môi tứa máu đông thành hai vệt đen sì. Đến trưa, ông Ba mới ngồi dậy được. Ông phều phào nói:

- Nếu tôi không đem tất cả các món bí truyền đổi phó thì hóa kiếp rồi. Gớm thật! Tên này bản lĩnh cao cường tốt bụng. Tôi đã chơi thử ma Án, ma Xiêm, đủ loại đủ cỡ mà chưa gặp một hạng nào đánh hiểm thế này.

Ông Cửu lo lắng:

- Thế lỡ tối nay nó đến thì sao?

Ông Ba trả lời mệt nhọc:

- Thì chết... Nhưng nó có bảo tôi trả gia tài cho ông và rời gấp khỏi nhà này. Tôi xin triển hạn năm ngày cho lại sức đã.

- Nó bằng lòng không?

- Tên này vốn có ăn học nên đối xử khá. Nó đã bằng lòng. Từ đây đến năm hôm nữa, tôi chắc nó không có mặt nơi đây.

- Bây giờ phải liệu thế nào?

- Để tôi nghỉ khỏe vài hôm rồi lo liệu cách đổi phó.

Ông Ba nằm vật ra giường mà thở hổn hển. Suốt hai ngày liền ông chỉ uống sữa, đôi mắt nhắm nghiền, thỉnh thoảng trần trọc qua lại có vẻ mệt nhọc. Đến ngày thứ ba ông mới tỉnh hẳn, đứng lên đi lại trong nhà. Ông mở tráp, lấy một lá bùa hộ mạng đeo cổ, rồi cầm chiếc gậy phòng thân chào hai vợ chồng ông Cửu:

- Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi, chỉ có ma quỷ mới loại trừ được ma quỷ. Tôi đi trễ lắm độ chừng hai ngày là tôi trở về, ông bà đừng ngại. Tôi sẽ tìm một đối thủ của nó, và gây một trận thư hùng để tiêu diệt nó mới xong.

Đúng hai ngày, ông Ba chống gậy trở về. Ông nói:

- Đáng lẽ tôi còn ở lại thêm vài ngày nữa nhưng sợ ông bà chờ đợi.

Ông Cửu vội hỏi:

- Có kể gì chưa?

- Có rồi. Tên học trò này mới chỉ thuộc về loại ma vừa lên hạng quỷ, nhưng chưa thật sự là quỷ thâm niên. Tôi đã dò khắp các nơi hiểm hóc may mắn gặp được một loài ác quỷ, một thứ đại tinh hiện đang phá phách gia đình ông Hương Lý Bình trên xã Tứ Hải. Đáng lẽ tôi phải thử sức với nó một phen nhưng tôi chưa được mạnh lắm, và phải ở thêm lại một đêm nữa, e nỗi ông bà sốt ruột ở nhà.

- Bây giờ phải làm thế nào?

- Tôi đã có cách.

Suốt ngày hôm sau, ông Ba bố trí một cái võ đài đặc biệt ở phía sau vườn. Ông ếm thật kỹ các ngõ sau nhà, sai đốt mỡ chó bốn góc và bôi huyết trâu vào các chân cột. Ông dùng hình nhân trấn đóng quanh vườn và trên chóp nóc ngôi nhà năm gian lợp ngói của ông Cửu Hiền, ông cho hai vị thiên sứ - thất bằng lụa điều cầm hai thanh kiếm - trấn giữ. Trên mặt đất, trên nền tường đều có vẽ hình bát quái trập đồ, chẳng chịt mê lộ, u cung để cho hồn ma, vía quỷ không biết lối nào mà đặt chân tới. Cuối cùng, ở ngay trong góc võ đài ông dựng hai cái hình nhân phỏng đúng theo hình của ông và ông Cửu Hiền. Ông bảo ông Cửu:

- Tôi đã ghi dấu của tên đại tinh đại yêu tác quái trên nhà ông Hương Lý Bình, rồi đem dấu của ma quỷ ở đây xáo trộn trên ấy, cốt gây một sự khiêu khích và dùng ám hiệu dẫn nó xuống đây. Đêm nay thế nào cũng có một trận quyết liệt.

Cả nhà hồi hộp chờ đợi như mong một sự giải thoát cuối cùng. Chuyến này không được thành công thì cầm bằng như chịu chết. Đợi cho bóng tối tràn đầy khu vườn, ông Ba một mình ra ngồi trong một bụi rậm sau khi cẩn thận gài kỹ bên mình gần mười đạo bùa. Gia đình ông Cửu nằm yên thao thức, lo âu, lắng nghe tiếng động âm thầm quanh nhà và cứ hình dung ra những hoạt động quái đản của giống yêu ma.

Nửa khuya, vẫn không có động tĩnh gì. Đang nằm trần trọc, ông Cử bỗng nghe ông Ba gõ cửa gấp rút. Lập tức ông choàng dậy liền, mở cửa, ông Ba hấp tấp chạy vào. Ông Ba không giấu được sự vui mừng cố đè nén lại:

- Trời ơi!

- Sao đó? Sao đó? Sao đó?

- Chúng gặp nhau rồi.

- Đánh nhau dữ chưa?

- Chẳng đánh khỉ khô gì hết.

- Úy cha mẹ ơi! Làm sao mình sống cho nổi?

- Đừng lo. Ai ngờ con tinh ở trên Tứ Hải là con quỷ cái...

- Chết cha! Quỷ cái thế thì dữ lắm?

- Nhưng con quỷ này trước kia vốn là người yêu của thằng học trò phá phách nhà ông. Hai đứa lấy không được nhau nên cùng nhau chết, bây giờ gặp nhau tình cờ chúng mừng rú lên ôm quần lấy nhau như sợi dây neo. Ban đầu, tôi tưởng chúng sẽ một còn một mất ai ngờ sau đó thấy cả hai đứa ra ngồi ở góc võ đài tỉ tê tâm sự, tôi mới ngã ngửa.

Ông Cử lo lắng:

- Nguy lắm, rồi chúng hiệp sức hại mình, làm sao đối phó cho đặng?

Ông Ba cười xoa trong bóng tối dày, vỗ vai ông Cử:

- Đừng lo! Tôi đã bảo ông bọn ma quỷ này thuộc loại học trò, vốn quen mơ mộng, bây giờ đã sụp trong hố ái tình thì chúng chết ngột trong đó chứ còn phá phách gì nữa! Rồi xem, chúng còn nỉ non tâm sự, chúng còn hò hẹn gặp gỡ, rồi nhớ rồi thương, rồi sầu rồi mộng, thế là sinh con đẻ cháu, lo mệt một đời chứ còn hung hăng sao nổi?

Rồi ông nói tiếp, bằng một giọng trầm:

- Ông chẳng thấy sao, xưa nay muốn đẩy cho một xã hội sớm đi vào chỗ suy thoái thì cách tốt nhất là làm cho đám thanh niên tê liệt, mê

muội dần đi bằng lối cổ võ, gieo rắc ái tình liên tục, qua những tiếng nhạc, lời ca, qua các sách báo và bằng mọi thứ gợi cảm có thể tạo được. Dìm chúng xuống dưới bể tình thì chúng chết chìm, chết nghệt hết thôi.

Nói xong, ông Ba yên lặng dặt tay ông Cửu rón rén cùng ra sau vườn. Ông Ba dán lên trán ông Cửu một đạo bùa và cả hai ông cùng vào trong một bụi cây ngồi nhìn hai con ma trẻ đang quần vào nhau không chịu buông rời.

Một lát, ông Ba dặt tay ông Cửu rón rén trở vào.

Ông nói:

- Để yên cho chúng yêu nhau, chúng sẽ quên hết sự đời. Tôi cam đoan mười ăn một với ông là chúng ngồi đây cho đến gà gáy mới đi, và cho đến già chúng không phá phách gì nữa.

o o o

Ông Ba nói chẳng sai lời. Ba tháng đã qua không còn thấy bóng ma quỷ gì nữa. Một năm sau đó, nhà ông Cửu Hiền vẫn được yên ổn như thường. Ông Cửu vui lòng chia đôi gia sản và ông "Ba Da Ka Lu Tu Na" hể hả nhận lấy món tiền khổng lồ, sau khi không ngớt ca ngợi tình yêu là thứ quyền lực có đủ khả năng vật ngã mọi loài ma quỷ và khiến người ta quên hết mọi sự quan trọng trên đời.

Bút máu

Lương Sinh người đất Mân Châu, con nhà thế phiệt, nổi tiếng thông minh đĩnh ngộ từ khi tóc để trái đào. Lên tám đã giỏi thơ ca, từ phú, ai cũng ngợi khen là bậc thần đồng. Lên mười, có bài *Tơ liễu* trong trắng được tán thưởng nhất mấy câu:

Trăng cũ phô đầu bạc

Liễu tơ chuốt mi dài

Trăng, liễu xa ngàn dặm

Một tối hẹn vườn ai.

Năm lên mười hai, gặp thời loạn ly, cha mẹ đều bị giặc giết, Sinh sầu thảm mấy tháng liền, mất ăn mất ngủ, lại thêm căn tạng yếu đuối nên lâm bệnh nặng, thần kinh hốt hoảng luôn luôn giật mình, nằm mơ thấy toàn máu lửa, sọ xương. May có người cậu đem về săn sóc đêm ngày, sau nhờ đạo sĩ họ Trình ở núi Hoa Dương cho bài *Hi-di-ninh-thần* dùng toàn thảo tủy một giống bạch hầu trong núi Nga Lâm, uống thuần với nước viển chí nên được lành bệnh, tâm thái trở lại an tĩnh, điều hoà. Khi lên mười lăm, Sinh được người cậu gởi đến Lã Công, một quan Thủ hiệu bãi chức từ lâu, ở nhà mở trường dạy võ. Sinh học rất chóng, nửa năm lâu thông mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã. Lã Công quý mến, một hôm lấy thanh bảo kiếm của mấy mươi đời họ Lã lập công trao cho luyện tập. Giữa buổi, Sinh đang múa kiếm bỗng dừng phắt lại, đưa kiếm lên ngửi, cau mày kêu lên:

- Máu người tanh quá!

Đoạn đem thanh kiếm nộp trả, cáo từ mà về.

Đến nhà, lạy cậu thưa lên:

- Võ nghệ không phải là con đường cháu nên theo. Máu người chảy trong cơ thể quý báu vô cùng nhưng vẩy ra ngoài lại quá hôi tanh. Kẻ cầm lưỡi đao trọn đời sao cho khỏi đổ máu người! Điều tàn nhẫn ấy, cháu không làm được.

Người cậu giận lắm, bảo rằng:

- Mày thật cặn nghĩ, phụ cả lòng ta trông đợi lâu nay. Đành rằng máu người là quý nhưng để máu ấy chảy trong đầu bọn ác nhân thì càng tác quái cho người, lại càng có tội!

Lương Sinh cúi thưa:

- Ai cũng cho mình là phải, lấy đâu để nói xấu tốt rõ ràng? Làm thiện một cách hăm hở mà không ngờ đấy là gây điều ác, lại càng có tội vì đã lừa mình, lừa người. Trộm nghĩ binh đao là nghề dứt khoát, cháu chưa dứt khoát trong người, tự thấy không dám theo đuổi.

Cậu nói:

- Hoài nghi như thế, e rồi không khéo mày tự mâu thuẫn với mày. Không phân biệt được giả, chân, thiện, ác làm sao có thể tự tin mà sống trên đời? Xã hội chưa đâu có thể là chốn thiên đường, bên cạnh nhà trường còn có nhà ngục, bên cạnh ngòi bút còn có lưỡi dao, không thể chỉ thấy một chiều, chỉ yêu một cạnh. Vị tất nhà trường đã không tội lỗi, ngòi bút đã không oan khiên! Ta không có con, từ lâu kỳ vọng nơi mày, nhân thời tao loạn những mong cho mày múa gươm trận địa hơn là múa bút rùng văn. Bây giờ, thế thôi là hết. Từ nay tùy mày định lấy đời mày, ta không nói nữa.

Từ đấy, Lương Sinh sẵn có nếp nhà phú túc, chuyên nghề thơ văn, tiêu dao ngâm vịnh tháng ngày. Lời thơ càng gấm, ý thơ càng hoa, tiếng đồn lan xa, lan rộng như sóng trên biển chiều nổi gió. Quan lệnh trấn mới đổi đến địa phương vốn người hâm mộ văn chương, cho vời Sinh đến. Thấy Sinh tướng mạo khôi ngô, lòng quan cảm mến, tiếp đãi hết sức trọng hậu. Sau đó, quan lệnh mượn những thi tuyển của Sinh trong một tháng trường, nhiều khi bỏ cả xử kiện để mà bình thơ. Khi quan giao trả, Sinh thấy sau những bài đắc ý nhất của mình đều có bài họa, văn từ tao nhã, ý tứ thâm trầm, nét chữ uyển chuyển, dưới đề: "*Tuyết Hồng tiệp nữ chuyết họa*". Hỏi, biết Tuyết Hồng là gái đầu lòng của quan. Theo lời nha lại tán tụng thì nàng tài sắc vẹn toàn, khiến Sinh đêm ngày tư tưởng, cứ thấy giai nhân chập chờn trong cơn mộng ảo. Càng ngày Sinh càng tương tư mê mệt tưởng không có nàng thì không thể nào sống được. Nhiều

lần lảng vảng sau tư thất quan để nhìn cho được Tuyết Hồng, chỉ thấy hoa sau rèm lá chập chờn, lại càng mê mẩn tâm thần hơn nữa. Dịp đâu may mắn, quan mời Sinh đến uống rượu, ngỏ ý muốn kén Sinh làm giai tể. Sinh mừng run, tưởng có thể đội mái nhà bay lên. Bấy lâu ước ao người đẹp, bây giờ thế là thỏa nguyện.

Trong lễ hôn phối, Sinh mới nhìn rõ Tuyết Hồng: mặt nàng hơi gầy, mũi nàng hơi to, lưng nàng hơi cong. Sinh rất buồn lòng, song nghĩ duyên số tại trời, nhan sắc của nàng tuy kém nhưng tài nàng cao cũng là một điều an ủi. Suốt tuần trăng mật, nhiều lần Sinh ép Tuyết Hồng làm thơ xướng họa, nàng đều chối từ. Hỏi sao hồi xưa thi tứ của nàng dồi dào là thế, mà bây giờ chẳng cho nghe lời nào, thì nàng cúi đầu, ngập ngừng giây lâu mới đáp:

- Chàng kén thiếp để làm vợ đâu phải để làm thơ? Đạo vợ lại là đạo lớn, e rằng đem hết trí lực chu toàn chưa chắc đã tròn, đâu dám lấy chuyện thơ văn mà làm chệnh mảng. Dù chàng nài ép bao nhiêu, thiếp cũng cam đành chịu lỗi.

Đã thế, nhiều lần Sinh đọc thơ cho nàng nghe bảo nàng góp ý, nàng cũng có vẻ hết sức dửng dưng. Sau cùng, Sinh đâm nghi hoặc, nghĩ thầm có lẽ những bài thơ họa ngày xưa không phải của nàng mà chính là của quan lệnh. Nghĩ thầm, chứ không nỡ nói, cũng không dám nói, vì khi giận dữ Tuyết Hồng thường khóa chặt buồng nằm riêng, hai ba đêm liền không tiếp.

Càng ngày Sinh càng chán nản khôn khuây, ảo tưởng vỡ tan, tưởng như tuyệt vọng tình đời. Thiếu thốn hình ảnh giai nhân, cuộc sống tự nhiên cằn cỗi, y như nuốt toàn thuốc đắng không có mật đường trợ vị. Nhân tết Nguyên đán, Tuyết Hồng về thăm song thân, Sinh bèn thừa dịp xuân nhật, noi gương Tử Trường ngày xưa phiếm du sơn thủy, tiếp lấy sinh lực muôn vẻ thiên nhiên nuôi cho văn khí thêm phần phong phú, siêu dật.

Bước ra khỏi nhà, Sinh chọn con đường hai bên cỏ non phơi phới, quanh co theo một dòng suối trong veo, lơ thơ bắc đôi nhịp cầu nho nhỏ, mơ màng lá đào rơi rắc vào chôn thiên thai. Xuân ý, xuân tình chứa chan ở trong cảnh sắc, màu trời, như theo giác quan dào dạt

thấm vào mạch tuỷ khiến Sinh ngây ngất. Đi đã ba ngày mà không nghĩ đến đường về. Đi được sáu ngày thì sức nhớ đến vợ nhà, nhưng vợ cách xa đến sáu ngày đường cũng không đáng sợ bằng những cơn giận dữ. Đi đến mười ngày, tiền lưng muốn cạn, túi thơ chùng đầy. Chợt đến một miền tiêu điều, dân cư thưa thớt, Sinh chán nản muốn quay về nhưng ruột đói, lưỡi khô bèn đi tìm một tửu quán nghỉ chân. Qua ba dặm đồng trơ trọi vẫn chưa thấy bóng một người để hỏi thăm nơi. Bỗng nghe phảng phất tiếng trống, tiếng chiêng lẫn tiếng reo cười. Dò theo âm thanh vọng lại, lần bước tới nơi thấy đám hội ở trước chùa, bèn vào quán nhỏ gần đấy ăn uống. Chủ quán cho biết đã mấy năm rồi ở đây mới có một ngày hội lớn vì quan Khâm sai triều đình sắp về địa phương nên quan Tổng trấn họ Lý bày ra trò vui để cho dân chúng thỏa thuê ít bữa. Đang ngồi nhấm rượu lại nghe reo hò rồi thấy đám người trước cửa giạt ra hai bên có vẻ hết sức sợ hãi. Từ xa tiến đến một chiếc kiệu hoa do bốn người khiêng và thêm chừng mười lính hầu áo màu loè loẹt, tiền hô hậu ủng. Kiệu đến trước quán thì bị nghẹt người, dừng lại. Sinh ngược mắt lên, nhìn thấy khuôn mặt đàn bà tuyệt đẹp. Hỏi kẻ chung quanh, biết đấy là Lý Duyên Hương con quan Tổng trấn vùng này. Người đẹp nhìn thẳng về trước, mặt hơi vênh lên, như không muốn thấy một ai quanh mình. Vẻ kiêu kỳ và nét sắc sảo của khuôn mặt tươi hồng khiến Sinh ngây ngất, tưởng như gặp tiên giáng trần, sửng sốt chiêm ngưỡng, tay cầm ly rượu buông lơ lửng lúc nào không biết. Ly rượu chạm vào mặt bàn vỡ tan, tỏa hơi nồng ra bốn phía. Người ngọc nghiêng đầu liếc xuống, thấy vẻ mặt Sinh ngây nhìn, chợt hiểu, bỗng nhoẻn miệng cười. Nụ cười lộng lẫy như hé sáng một trời tình. Sinh lão đảo đứng lên, không phải say vì rượu, trả tiền cho chủ quán rồi tiến về phía kiệu hoa. Người xem đã giãn, kiệu vào trong chùa. Sinh vội bước theo, cố quên rằng mình đã có vợ nhà.

Trong chùa chật ních những người. Phần đông quần áo mùa xuân thơm tất nhưng đều mặt mày hốc hác mang nhiều vết hằn đau khổ. Ai cũng cố gắng mà vui, hình như không có dịp nào để vui hơn nữa. Lương Sinh chen vào, nghe mùi mồ hôi xông lên khó thở, gượng nghĩ vẫn còn hương thơm người đẹp đi qua sót lại phần nào. Khổ nhọc rất lâu, bước đến thềm trong thì đã thừa người. Thấy Sinh có

vẻ nho nhã, người gác để Sinh đi qua. Vào tận trong xa vẫn chưa gặp được người ngọc. Thoạt nhìn lên một bụi cao, hương trầm nghi ngút sức nức mùi thơm, thấy Lý tiểu thơ vẻ mặt thành kính, đang cùng mấy vị tăng già đàm đạo. Lương Sinh hậm hực đứng nhìn, giận mình từ xưa chẳng chịu thể phát quy y.

Một lát, tiểu thơ quay vào bàn lễ, Sinh ngại nàng vội đi về nên bỗng nảy ra một ý. Lại gần biệt phòng bên cạnh sẵn nghiên bút và hoa tiên để khách thập phương đề vịnh, Sinh bèn thảo phóng mấy câu:

Lá gió sâu xuân, đưa đầy duyên trời hẹn ước,

Tiên hoa gài mộng, vẫn vương đèn Phật bằng khuâng.

Động biếc, thoáng cười tiên nữ

Rêu xanh, ngẩn lồi Lưu Thần.

Mặt nước hồ im, xao động bốn mùa sóng gió

Bóng đêm hang thẳm, long lanh một vẻ giai nhân.

Rồi bẻ cành hoa kẹp vào. Khi Lý tiểu thơ lễ xong, khoan thai xuống thềm, mọi người sợ hãi giạt ra hai bên thì Sinh vội vã đi theo. Đến lúc nàng vừa lên kiệu, Sinh ném cành hoa lên chỗ nàng ngồi. Lính hầu thoáng thấy, kêu lên:

- Có người ám hại tiểu thơ!

Lập tức, hai, ba, rồi chín, mười lượt gươm dài vung lên, lính hầu vây lấy Lương Sinh. Những người xem hội thất sắc lùi lại, dồn dập ép đẩy vào nhau kêu la náo động. Tiểu thơ ngồi trên, vén rèm nhìn xuống, không nói một lời, vẻ mặt hết sức kiêu kỳ. Lương Sinh đã toan mở lời chống chế nhưng lính xông vào trói chặt lấy chàng.

Đám đông có tiếng thì ào:

- Anh ta chỉ ném có một cành hoa thôi đấy.

- Bấy nhiêu cũng đủ héo cuộc đời rồi!

- Qua dinh Tổng trấn không lấy nón xuống là đã bay đầu, nói chi xúc phạm tiểu thơ vàng ngọc!

Lúc ấy, Lương Sinh sực nhớ đã quên từ lâu mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã.

Về đến nha môn, lính dẫn Lương Sinh nhốt vào trại giam rồi tâu trình lên Tổng trấn. Nằm trong bốn vách tường đá, Sinh nghĩ cuộc đời bằng phẳng của mình bấy lâu mà lòng rầu rĩ không yên. Chắc là phen này không thể sống thoát, tiếng vang danh sĩ ngày nào bây giờ phải chịu hoen nhục vì không nén được tấm lòng bùng bột phút giây. Đang mơ màng về thế giới bên kia, chợt nghe tiếng người gọi dậy, lập tức được lính dẫn đến công đường. Tổng trấn ngồi giữa, vóc dáng phương phi, hàm én râu hùm, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa tiên.

Sinh cúi đầu thi lễ, toan tìm lời kêu oan gỡ tội thì quan ra lệnh mở trói. Trước sự kinh ngạc của Sinh, quan bước xuống thềm, dắt Sinh vào trong, kéo ghế bảo ngồi. Sinh từ chối hai ba lần không được. Quan nói:

- Ta thường ước ao được gặp một người tài đức, nay biết người là danh sĩ nên thực hết lòng hâm mộ. Lính hầu sơ suất phạm điều vô lễ vừa rồi, ta sẽ nghiêm trị. Gác Đằng thuận nẻo gió đưa, người hãy ở đây với ta hưởng mấy ngày xuân, vui câu xướng họa, cho thỏa tình ta khao khát lâu nay.

Đoạn truyền đem rượu ngon, thịt béo thết đãi nồng hậu. Lương Sinh tự thấy tài năng của mình thực đã bảo đảm cái mệnh vô cùng vững chắc, hết sức cởi mở tấm lòng, uống rượu say khướt từ sớm đến chiều, mỗi khi chập chờn thức tỉnh Sinh lại ngâm thơ sang sảng, tưởng như lúc nào sau rèm cũng có người đẹp nép nghe. Tổng trấn có vẻ đặc biệt kính trọng tài năng của Sinh, luôn luôn nhường lời cho Sinh thành ra Sinh phải độc xướng, độc họa, độc ngâm suốt ngày. Đôi lúc Sinh muốn hỏi thăm tiểu thư định trao duyên nơi nào chưa, nhưng thấy Tổng trấn đãi mình như bậc thượng khách nên phải giữ ý làm thinh.

Độ vài hôm sau, quan tổ chức cuộc du xuân đưa Sinh đi xem cảnh trí trong miền. Nơi nào quan cũng cho thấy kỳ công đại lực của quan tạo lập cho dân: kia là dòng suối quanh co quan đã khai thông để

dân lấy nước cấy cày, nọ là đồng ruộng bao la trước kia toàn là rừng rậm hoang vu quan đã tốn công khai phá cho dân trồng trọt.

Ngồi trên kiệu cao, Sinh nhìn theo ngón tay quan trở phía xa xa, mơ hồ thấy suối, thấy đồng nhiều vẻ khác màu mà miệng không ngừng tán tụng. Hơi men nồng nàn, lòng Sinh chan chứa nhiệt tình đối với những bậc "dân chi phụ mẫu" mà xưa Sinh thường tỏ ý rẻ khinh.

Đến đâu quan cũng xin Sinh lưu bút để cho khắc vào bia đá, cột đồng. Sinh phóng bút thao thao bất tuyệt, hết lòng ngợi ca tài đức của quan. Mực thơm bút quý, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu. Trước khi giã từ, Sinh còn lưu lại bài tán tổng kết công đức của quan để khắc ở chốn công đường và bài minh ký để ghi tạc vào mấy cổ hồng chung tại các tháp đèn quy mô trong hạt. Quan ân cần tiễn Sinh ra khỏi nha môn, đưa tặng một cỗ ngựa bạch và mấy nén vàng nhưng Sinh một mực chối từ để giữ vẹn lòng thanh khiết.

Giữa mùa xuân ấy, Sinh lâm bệnh nặng, nằm liệt suốt một tháng liền. Tuyết Hồng hết sức săn sóc thuốc thang, nhiều đêm không ngủ. Bây giờ Sinh có lòng mừng là nàng không biết làm thơ, nhưng Sinh ngày đêm khắc khoải vì không cầm được cây bút. Một ngày không viết được một câu nào, Sinh có cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Ngoài nỗi bệnh tật giày vò, Sinh còn bị nỗi băn khoăn sáng tạo hành hạ. Bệnh cũ như muốn tái phát, thần kinh rạo rức không yên, giấc ngủ chập chờn ác mộng. Mấy lần chống tay ngồi dậy, nhưng lại bủn rủn nằm xuống, hơi thở nóng ran như lửa. Một sớm, đang nằm nghe tiếng chim hoàng anh hót ngoài vườn vụt tắt, thấy một tia nắng lọt qua khe cửa chột tàn, Sinh bỗng hốt hoảng tưởng chừng mùa xuân bỏ mình mà đi, bèn gượng ngồi lên, xô mạnh cửa sổ. Mấy nụ hoa thắm cười duyên trước thềm, lá xanh tươi màu nhựa mới. Sinh bèn gọi đem nghiên bút và tập hoa tiên. Vừa cầm bút lên, Sinh bỗng kinh ngạc: nghiên mực đỏ tươi sắc máu. Thử chấm bút vào, lăn tròn ngọn bút đưa lên, bỗng thấy nhỏ xuống từng giọt, từng giọt thấm hồng như rỉ chảy từ tim. Khiếp đảm, Sinh ngồi sững sờ, tâm thần thác loạn. Cố viết đôi chữ lên giấy, nét chữ quánh lại, lộn cợn như vệt huyết khô trên cát. Sinh vội buông viết, tưởng chừng bàn tay cũng thấm máu đầy. Đưa lên ngang mũi,

mùi tanh khủng khiếp. Quệt tay vào áo, đau nhói trong người. Sinh nằm vật xuống, mê man bất tỉnh. Sau mấy ngày Sinh tỉnh dậy, lòng lại khát khao cầm bút. Nhưng nhớ hình ảnh vừa qua, tự nhiên đâm ra e ngại. Sinh cố tập trung thần lực, men đến án thư, nhưng vừa cầm bút lại thấy lảng vảng sắc máu, không đủ can đảm vạch được nét nào. Sinh ném bút, hất giấy, vô cùng khiếp sợ tưởng như xôn xao chung quanh vô số oan hồn đòi mạng. Từ đó, Sinh gầy rạc hẳn, liệu không sống thoát.

Người cậu của Sinh từ lâu đã vào trong núi Hoa Dương ở với đạo sĩ họ Trình, một hôm tạt về thăm nhà thấy cháu suy nhược, rất là lo lắng. Sau khi nghe Sinh thuật hết những điều quái dị vừa qua, ông suy nghĩ hồi lâu, rồi nói:

- Ta từng bảo cháu ngồi bút không phải không có oan khiên. Lưỡi gươm tuy ác nhưng mà trách nhiệm rõ ràng, lỗi lầm tác hại cũng có giới hạn. Mượn sự huyền hoặc của văn chương mà gây điều thiệt hại cho con người, tội ác của kẻ cầm bút xưa nay kể biết là bao, nhưng chẳng qua tội ác mờ mịt nên không thấy rõ hay không muốn rõ mà thôi. Làm cho người gái lớn lên băn khoăn sầu muộn, làm cho trai trẻ đang hăng khinh bạc, hoài nghi, gợi cho người ta nghĩ đến vật dục mà quên ái tình, kêu cho thiên hạ tiếc điều tài lợi mà xa đạo nghĩa, hoặc cười trên đau khổ tha nhân, hát trên bi cảnh đồng loại, đem sự phù phiếm thay cho thực dụng, lấy việc thiển cận quên điều sâu xa, xuyên tạc chân lý, che lấp bản hàn, ca ngợi quyền lực, bỏ quên con người, văn chương há chẳng đã làm những điều vô đạo? Tội ác văn chương xưa nay, nếu đem phân tích, biết đâu chẳng dồn chất thành ngàn dẫy Thiên Sơn? Thần tượng của cháu kinh động thất thường, nhưng mà bản chất huyền diệu có thể cảm ứng với cõi vô hình, chắc cháu làm điều tổn đức khá nặng nên máu oan mới đuổi theo như vậy. Hãy xem có lỗi hững bút đi lệch đường chẳng? Soát lại cho mau, soát lại cho mau, chớ để chầy ngày.

Lương Sinh nghe xong, bồi hồi tác dạ, trí tuệ xem như minh mẫn hơn nhiều. Căn bệnh do đó lui được khá xa. Sinh đem mấy tập thi tuyển của mình đọc lại từng câu, dò lại từng chữ, thấy toàn là ý bướm tình hoa, phát triển cảm xúc mà xao nhãng trí tuệ, tán tụng

thiên nhiên mà bỏ mất cảnh đời, trốn tránh thực tại, từ chối tương lai, nhưng nghĩ lại chưa tìm được lối máu từ đâu. Bỗng sực nhớ đến những bài phóng bút viết cho Tổng trấn, không ghi lại trong thi tuyển, tâm não trở nên bàng hoàng. Đồng thời bao nhiêu gương mặt hốc hác trong ngày hội chùa lại hiện lên rõ, mấy cánh đồng dài trơ trọi, những tiếng thì thầm hai bên kiệu hoa, vẻ người nhón nhác sợ hãi, những đòn dây trói, mấy dãy nhà giam, lần lượt sống lại trước mắt. Những cảnh ấy thực trái ngược làm sao với những bài tán, bài minh đã viết. Mồ hôi toát ra như tắm, Sinh đứng lên được, quyết định trở về chốn cũ tìm hiểu sự thực.

Sinh đến chốn cũ vào một buổi chiều nắng vàng thê lương phủ trên cảnh vật tiêu điều, xơ xác. Qua khỏi dòng suối khô cạn, Sinh bước vào một thôn trang vắng vẻ, thưa thớt những mái tranh nghèo, không một bóng người thấp thoáng. Đến một gò cỏ úa héo chợt thấy một người nông phu ủ rũ trước nắm mộ mới, hiu hiu mấy nén hương tàn. Sinh dừng bước, lại gần ngồi xuống một bên, khẽ hỏi:

- Bác khóc thương người thân quyền nào vậy?

Người kia ngược lên không nói, ngẩng nhìn lớp bụi đường trường bạc thếp trên quần áo Sinh, dịu đôi mắt xuống:

- Người nằm dưới mồ không phải bà con quyền thuộc của tôi.

Sinh nghĩ: "Chẳng lẽ người này cũng là một kẻ thi nhân khóc thương cho kiếp hồng nhan bạc mệnh nào chăng?" Chưa kịp dò ý, người kia chợt hỏi, ra vẻ hoài nghi:

- Ông từ đâu mà đến đây?

- Tôi từ chốn xa, nhân bước phiêu lưu ghé tạt qua thôi. Buồn thấy miền này có vẻ tiêu điều hơn các nơi khác.

Người nông phu bỗng long lanh đôi mắt như không dần được tấm lòng dòn nén, bật lên những tiếng cảm hờn:

- Nói hết cho muôn ngàn khách qua đường cũng chưa hả được dạ này. Ví dù phải chết ngày nay, thân này chẳng tiếc, miễn sao bọc bạch cho được sự thực uất hận từ lâu. Đã bao năm rồi, sống dưới nanh vuốt của tên Tổng trấn họ Lý, chính sự độc dữ hơn hùm beo,

đồng ruộng gầy khô, dân làng đói rách. Đầu xuân này có Khâm sai đi về, cụ thôn trưởng chúng tôi, mặc dù già yếu cũng quyết vì dân làm bản trần tình, cấn đầu ngựa, nịu bánh xe mà tỏ bày sự thực. Thế nhưng Khâm sai đi khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy bia đá, cột đồng đầy lời hoa mỹ tán dương công đức Tổng trấn của thằng danh sĩ chết khốn nào đó, nên đã ném bản trần tình, không xét, bảo rằng: "Muôn ngàn lời nói của lũ dân đen vô học, đâu bằng mấy vản từ điệu cao xa của kẻ danh nho. Danh sĩ bao giờ cũng biết tự trọng. Tổng trấn đã được hạng ấy tôn xưng, hẳn không phải bất tài vậy". Thế đã thôi đâu, Khâm sai đi rồi, Tổng trấn phái sai nha về tróc nã những người đã đầu đơn tố cáo nó. Bao người đã chết vì nổi cực hình thảm khốc, vợ goá, con cô, một trời nước mắt, ruộng đồng từ đây đành để nuôi loài cỏ dại mà thôi.

Sinh chết điếng cả người, giây lâu mới gượng gạo hỏi:

- Chẳng hay bác có biết... danh sĩ ấy tên là gì không?

Người nông phu trợn trừng cặp mắt, gào lên:

- Làm gì mà biết! Mà biết làm gì? Những hạng hiếu lợi hiếu danh, trốn trong tù chương để tiếp sức cho kẻ ác mà cứ tưởng mình thanh cao, hạng ấy thì đâu chẳng có? Dân làng đây ai cũng nguyên rửa hần, mà hần nào có biết đâu! Nghĩ thương cho cụ Trưởng tôi, mấy lần đứng ra chịu nhận hết tội để cứu bao người mà bọn chúng chẳng chịu tha, cứ việc tàn sát thẳng tay, lôi đi lớp này rồi đến lớp khác, nên khi bị dẫn qua đây cụ tự móc họng cho trào máu ra mà chết để khỏi bị người đầy đọa. Trước khi nhắm mắt, cụ còn gượng nói: "Được chết trên cánh đồng đã đầm mồ hôi của ta, của bà con xóm làng ta, thế là quý rồi. Chôn ta ở đây, cho ta được gần gũi với các người". Hơi thở gần tàn, cụ còn nói tiếp: "Tội ác là ở lũ vua quan. Tên danh sĩ kia chỉ là cái cớ để chúng vin vào che lấp sự thực. Đừng oán hờn tên danh sĩ. Đáng thương cho nó, đáng thương cho nó".

Người nông phu dừng lại, nghẹn ngào rồi tiếp:

- Nhưng bao người khổ ở đây, bao kẻ chết nơi kia nghĩ còn đáng thương đáng xót gấp trăm ngàn lần!

Đoạn, gục đầu trước mồ, khóc than thảm thiết. Sinh cũng sụp xuống, hòa tiếng khóc theo. Bóng đêm xóa nhòa, gió lạnh như từ cõi âm thổi về rung động bờ lau bụi cỏ. Sinh tưởng như theo cơn gió oan hồn của người đã khuất hiện về chứng kiến cho những giọt lệ chảy ra từ một tấm lòng hối hận chân thành.

12-1958

Người khách không tên

Hồi đó - ông Trần Thế Kỷ kể lại - vào dịp nghỉ hè tôi về Quế Sơn, quê của người bạn, ở chơi đôi tuần gần mạn núi rừng. Vừa đến, tôi nghe có một võ sư tên là Bảy Quý chuyên dạy các môn võ Tàu, võ ta cho các thanh niên trong vùng. Bảy Quý ở miền duyên hải, sống nghề thuyền chài nên có sức mạnh, lại nhờ đi đây, đi đó trong ngành nghiệp mình nên học võ vẽ được ít côn quyền. Vào năm quân Nhật kéo sang Đông Dương và các phi cơ Đồng Minh oanh tạc đường biển, Bảy Quý không thể sống đời ghe chài như trước, lại gặp liên tiếp những mùa biển động không có cách gì nuôi sống, anh bèn từ giã vợ con lên mạn nguồn này tìm cách sinh nhai bằng nghề làm mướn.

Lúc mới đến đây Bảy Quý chỉ còn da bọc lấy xương, vì trải nhiều ngày đói khổ, nên phải làm thuê cho các địa chủ trong vùng. Lần hồi nhờ ăn no đủ, Bảy Quý hồi phục sức khỏe như xưa. Thấy nghề làm mướn không sao nuôi đủ vợ con, anh bèn tìm cách dạy võ. Nhưng một kẻ quá lam lũ như anh, xưa nay phục dịch nhà chủ một cách vất vả, làm sao nhất đán có thể trở thành sư phụ cho các thanh niên con nhà giàu có trong vùng? Để leo lên vị trí ấy, Bảy Quý loay hoay tìm một nấc thang. Và nấc thang ấy xuất hiện, vào đêm ba mươi, cuối mùa đông lạnh.

Đêm ấy, nhà ông Chánh Nghị thức khuya để nấu bánh chưng, bánh tét, và sau khi đã làm lễ giao thừa mọi người mệt mỏi lăn ra ngủ vùi. Ngày xưa, đêm ba mươi tháng chạp là cái thời khoảng rất tốt để cho đạo chích làm ăn. Một phần vì đêm tối trời, một phần vì đa số nhà đều tích lũy sẵn bánh thịt, áo quần ăn Tết, và một phần nữa là do không khí thoải mái, rộn rịp đón chờ xuân đến dễ khiến cho họ hờ hênh. Gia nhân của ông Chánh Nghị đều ngủ, ngoại trừ Bảy Quý. Anh nằm thao thức nhớ vợ con ở miền bể xa xôi đang sống trong sự thiếu thốn, nghèo nàn. Tết đến, con anh chỉ có những tấm áo rách tả tơi trước ngọn gió lộng từ khơi thổi vào. Gia đình của anh chỉ có cháo loãng, ngô khoai và đọt rau lang chấm muối...

Bỗng Bảy Quý nghe một tiếng động nhẹ ngoài tường và anh nghiêng đầu hướng về phía ấy. Một bóng đen từ cổng sau men theo vách tường nhà bếp tiến vào. Bóng đen khá lớn nhưng rất lạnh lẽ, thoáng chốc đã mất hút sau bể cạn đặt chỗ nhà ngang. Bảy Quý áp tai xuống đất dò theo tiếng động. Lát sau, anh nghe một mùi hăng hắc xông nồng rồi có những tiếng đào đất kín đáo vội vàng, ở mé vách sau của ngôi nhà trên. Bầy chó đông đảo, hung dữ của ông Chánh Nghị không nghe lên tiếng, có lẽ chúng bị đánh bả nằm chết ngoài vườn. Bây giờ tiến đến bắt lấy kẻ trộm thật là khó khăn vì nó có thể vọt chạy. Hơn nữa bắt nó khi chưa có những tang vật thật không đủ lý vững mạnh mà cái thành tích của mình cũng kém vẻ vang. Bảy Quý nhẹ nhàng ngồi dậy, rón rén vòng quanh sân trước và men bờ tường bò ra phía sau. Tên trộm đang cúi đào đất, thỉnh thoảng đứng dậy nghe ngóng, đảo đầu nhìn chung quanh mình. Nhiều lần y dán cặp mắt vào chỗ bụi cây đình lăng, nơi anh đang núp, nhưng y không trông thấy gì. Cuối cùng, y lấy chiếc cây đội chiếc nồi đất luồn qua lỗ gạch cho vào bên trong để dò động tĩnh. Nếu người nhà núp bên trong chờ đợi có thể tưởng lầm đầu của tên trộm ngoi vào đã vội ra tay thì y có thể nhanh chân tẩu thoát. Giây lâu, vẫn thấy im lìm, y bèn chui vào. Đợi cho tên trộm lọt hẳn vào trong, Bảy Quý bê một tảng đá nhẹ nhàng đến lấp lỗ gạch rồi vòng ra phía cửa hông ngôi chờ. Độ một giờ sau, cánh cửa hé mở, tên trộm bước ra hai tay xách đầy đồ vật. Trong bóng tối mờ, Bảy Quý nhìn thấy miệng gã cắn ngang một lưỡi dao dài nhọn hoắt.

Khi tên trộm qua chỗ anh đang núp, Bảy Quý chuyển hết gân lực đánh đòn chí mạng vào sau gáy gã khiến gã ngã chúi về trước, nhả văng lưỡi dao loảng xoảng trên gạch. Tuy vậy hai tay gã vẫn giữ chặt xách đồ và gã gượng dậy rất mau, vọt chạy về phía sân sau. Bảy Quý hô lớn "Ăn trộm! Ăn trộm!", rồi chạy rượt theo. Anh cũng biết rằng đã đánh một đòn chí tử mà không hề hấn gì đến tên trộm là nhờ y choàng nơi cổ một vòng khăn dày.

Người nhà nghe kêu có trộm, trỗi dậy vội vàng và cùng ủa chạy đuổi theo. Biết rằng ham của sẽ khó thoát thân, tên trộm đợi cho Bảy Quý đến gần, cầm hai xách đồ ném mạnh vào anh. Nhưng sức lực hai cánh tay thạo nghiệp thuyền chài đủ đánh bật tung hai xách đồ nặng

giật ra hai bên. Thừa cơ hội ấy, tên trộm vọt lên bờ tường toan leo ra ngoài. Nhanh như chớp, Bảy Quý kịp nắm lấy chân anh ta kéo mạnh. Bấu chặt tường thành, tên trộm chuyển sức xuống cả đôi chân cố đá những đòn độc hiểm vào người Bảy Quý. Vừa né tránh đòn, vừa nghiêng răng lại chịu đựng, Bảy Quý cố trì kéo mạnh không cho tên trộm trốn chạy. Lúc ấy người nhà ùn ùn kéo đến, đã có đôi người nổi đuốc sáng lòe chạy tới vây quanh.

Tên trộm lấy đà ở nơi bức tường nhảy ập trở xuống cố dùng sức mạnh đè ngã Bảy Quý. Hai người cùng té xoài ra mặt đất, cùng xoắn lấy nhau, kẻ nắm, người gỡ, tung bụi mù mịt. Bên ngoài, những tiếng la ó vang dậy nhưng không một ai dám xáp lại gần. Một lát, tên trộm rút khỏi đôi tay Bảy Quý chồm dậy phóng đến đánh ngã một người gia nhân, đoạt lấy chiếc gậy cổ mở đường thoát. Bảy Quý trườn chạy đuổi theo. Ánh đuốc chói lòa, soi rõ bộ mặt đầm ướt mồ hôi cùng lớp áo quần lấm bết bụi đất của hai đối thủ. Thấy Bảy Quý không nao núng, lớp người đứng ngoài siết vòng vây lại. Bây giờ tên trộm mới đứng dừng lại, múa tít cây gậy để buộc mọi người giật ra, rồi y đồng dục nói lớn:

- Để cho tao đi yên ổn thì thôi, nhược bằng đũa nào cản trở thì Mươi Thẹo này đập cho bể sọ!

Nghe tên Mươi Thẹo, đám đông vội giật hấn ra. Đó là tên trộm khét tiếng từ lâu ở cái vùng này. Y đã giỏi võ lại rất gan lì nên mọi người đều khiếp sợ. Nhưng Bảy Quý đã cười lớn, bảo y:

- Được lắm. Tao nghe tiếng mày từ lâu, nay mới gặp mặt. Anh em cứ đứng dang ra để tôi bắt sống thằng này cho coi.

Mươi Thẹo trợn mắt:

- Mày mà hạ nổi được tao thì tao nguyện làm con mày.

Bảy Quý liền đáp:

- Ai thêm cha con với mày! Tóm được cổ mày tao sẽ gông đầu mà giải lên quan để mày ở tù rục xương cho biết.

Bảy Quý hươ quỳen nhảy tới, nhưng Mươi Thẹo đã lui lại, ném gậy xuống đất, rồi bảo:

- Mày đánh tay không thì tao cũng đánh tay không với mày.

Cả hai hươ quyền xông vào đánh đấm loạn xạ. Mười Thợ vạm vỡ, râu ria, trông tướng thật là hùng hổ, tiến thoái hết sức nhẹ nhàng. Bảy Quý vóc dáng nhỏ hơn nhưng đôi cánh tay rắn rỏi của anh vùng quyền một cách chắc chắn, thủ thế rất mực kín đáo. Cả hai đón đỡ linh hoạt, tỏ ra bất phân thắng bại. Nhưng trong cuộc đấu, thế trận tinh thần Bảy Quý lấn áp Mười Thợ khá nhiều, bởi anh đứng vào vị trí của kẻ chủ nhân có một đám đông ủng hộ bên ngoài. Mười Thợ vốn sẵn đa nghi, luôn luôn hoảng hốt trong cảnh bị động nên dù đã cố liều lĩnh tạo cách thoát thân rồi cuộc đón đỡ lúng túng bị Bảy Quý đánh một quyền vào ngay mạng mỡ, loạng choạng ngã quỵ xuống đất.

Đám đông reo hò, ủa đến, kẻ gây người hèn đánh đập túi bụi. Mười Thợ quá đau vì bị cú đánh vừa rồi nên không cách gì đỡ gạt chỉ biết ôm bụng lăn tròn trên đất. Có người cầm cả bó đuốc đang cháy phừng phực thui đốt người y, miệng vẫn không ngừng chửi bới. Mười Thợ cắn răng không nói một lời, không rên một tiếng, quần quai, giãy giụa ở trên mặt đất. Giây lâu, y nằm bất động, đôi mắt trợn trừng, miệng thở hồng hộc. Có người đề nghị đóng bốn cây cọc để căng y ra, qua mồng một Tết phơi nắng một ngày rồi mồng hai sẽ giải y về huyện.

Bảy Quý đứng giữa những tiếng trầm trồ tán thưởng của kẻ chung quanh, cảm thấy vô cùng sung sướng nhưng không tránh khỏi xúc động trước cảnh Mười Thợ bị người hành hạ. Anh nói:

- Đánh đập như thế đủ làm cho nó thành tàn phế rồi. Bây giờ còn tính đem ra phơi nắng thì nó chết gấp. Chúng ta hãy trói y lại bỏ ngoài vựa trấu sau vườn, đến sáng trình làng quyết định.

Giọng nói của Bảy Quý bây giờ là giọng kẻ có uy quyền. Trước mắt mọi người, anh là một kẻ đáng nể. Mười Thợ xuất hiện đã làm đổi thay vị trí của anh, và ông Chánh Nghị cho rằng anh nói chí lý, bảo lớp gia nhân tuân hành.

Khi mọi người đã lục đục kéo nhau nổi lại giấc ngủ dở dang thì Bảy Quý, tuy mệt rã người, vẫn không sao nhắm mắt được. Chỗ nằm

mọi lúc bây giờ không còn xứng đáng với anh, và anh nghĩ ngợi về một ngày mai có thể tốt đẹp đang còn đợi chờ. Gần sáng, anh ngồi nhồm dậy ra vườn, ghé lại vựa trấu, muốn nhìn ngắm lại nạn nhân vừa là kỳ công của mình.

Anh thấy Mười Thạo nằm yên, bèn lấy bàn tay lay thử. Một chút cựa mình khó khăn, vài tiếng rên nhẹ, đôi mắt chùng như hé mở trong bóng tối mờ. Rồi một tiếng nói yếu ớt cất lên:

- Cho... xin... hớp... nước.

Bảy Quý quay ra ảng nước, múc một gáo lớn, sờ soạng tìm miệng Mười Thạo đổ vào. Anh nói:

- Ráng mà uống đi để rồi ngày mai chịu đòn.

Mười Thạo phều phào:

- Đói khổ mới ra cái nông nổi này. Tôi chết cũng đành, nhưng vợ con tôi sẽ ra sao đây...

Bảy Quý lặng yên nhìn vào bóng tối, nơi những tiếng nói phát ra. Anh nghe hơi thở hào hển mệt nhọc của gã ăn trộm:

- Thằng Chánh Nghị này ác đức... lấy bớt của nó chẳng sao... Anh cũng khốn khổ như tôi... Tôi đã nguyện làm con anh... Anh là cha tôi... Anh cứu tôi với.

Tiếng nói đứt quãng, hụt hơi như kẻ sắp sửa xuống mồ. Bảy Quý cảm thấy khó chịu, lặng lẽ bước ra.

- Cứu con với, cha ơi...

Giọng nói mệt nhọc, nhưng thật khẩn thiết chùng nào! Giọng nói có một vẻ gì tồi tàn, tuyệt vọng và thật quái gở. Bảy Quý bỗng nghĩ đến vợ con mình, đến cảnh tình mình.

- Cha ơi... Cha cứu con với, cha ơi!

Bảy Quý dừng lại, nghe nhói ở trong gan ruột. Rồi anh lặng lẽ quay lại:

- Đừng kêu... Hãy nghe tôi hỏi: liệu còn đủ sức chạy không?

Mười Thợ nín thinh không đáp, nhưng anh tưởng như thấy gã lắc đầu. Bảy Quý suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Ráng lết theo ngõ cửa sau ra phía bờ sông. Có một bờ lau rậm lắm. Chun vô trong đó, ngâm mình xuống nước. Đợi cho trời tối rồi đi. Nhớ đừng lai vãng làm ăn đây nữa.

Anh sờ soạng cời trói cho gã, nhưng gã vẫn không nhúc nhích. Tiếng gà gáy sáng bắt đầu vang dậy xóm thôn, và ở đâu đây xao xác tiếng người. Bảy Quý cuống quýt như chính anh là kẻ phải chạy trốn. Anh cúi xuống ôm Mười Thợ bồng lên chạy ra ngã sau, nhét gã trong một bồ lúa bỏ trống, rồi kéo thúng hư, giở nát gần đầy phủ tấp lên trên. Xong, anh giả như vừa ra đằng sau nhà tiểu tiện và làm cái bộ chệnh choạng của kẻ ngái ngủ lần mò về chiếc chõng tre của mình. Khi đặt lưng nằm xuống chiếu, Bảy Quý mới nghe tim mình đập mạnh như muốn phá vỡ lồng ngực.

Câu chuyện Mười Thợ bị đánh gần chết, bị đốt cháy mình, bị trói gô lại như đòn bánh tét, vậy mà tự tháo chạy được làm cho mọi người khiếp hãi. Nhất là những kẻ đã có chia phần đánh gã, bắt đầu run sợ. Người ta cho rằng gã có bùa phép, thư phù gì đó rất đổi linh thiêng, và dù bị cột bằng những dây sắt thì gã chỉ cần niệm chú đôi câu là thoát nguy liền. Bởi vậy, không ai còn nghĩ đến việc lùng kiếm vì gã được coi như biết cả việc tàng hình.

Nhưng càng lo sợ Mười Thợ bao nhiêu, người ta lại càng hướng về Bảy Quý bấy nhiêu. Anh thành võ sư trong nhà ông Chánh, lo chuyện kết nạp đồ đệ, mở các lớp dạy côn quyền. Tài nghệ ông thầy đã được thử thách, chứng minh, không ai còn hồ nghi nữa.

Tất cả thanh niên trong vùng kéo đến thụ giáo mỗi ngày một đông, cuộc sống Bảy Quý cũng được mười phần sung túc. Mỗi lần về quê thăm nhà, anh không lủi thủi một mình với mo cơm nguội dưới nách như xưa, mà bây giờ anh che dù, mặc áo xuyên đen, có hai hoặc ba đệ tử gánh gồng gạo nếp, vịt gà kịt kịt theo sau. Uy tín Bảy Quý càng tăng vì từ khi anh dạy võ không còn xảy ra trộm đạo, cả đến Mười Thợ, tài nghệ như vậy, mà cũng không thấy bén mảng trở lại. Đời sống thôn xóm nhờ có Bảy Quý thổi vào nguồn sinh lực mới dần

dần đã bớt những cảnh tụ họp rượu chè, cờ bạc. Những người trai trẻ nỗ lực tập dượt để cùng đua sức tranh tài. Cả những chuyển sản cũng có kết quả hơn xưa, bởi các tay giáo đâm mồi đã được tăng cường bản lĩnh. Bảy Quý rất được trọng vọng, tên tuổi của anh vang dậy khắp vùng.

Nhưng giữa lúc ấy, tôi đã đi tới. Tôi ở cái tuổi sung sức lại rất hiếu thắng, khao khát được người bàn tán về mình, nghe dân trong vùng nói đến Bảy Quý với lời tán tụng nhiệt tình, tôi rất nao nức tìm gặp.

Vào một buổi chiều, qua cái cổng hậu đưa vào sân sau của ông Chánh Nghị tôi thấy Bảy Quý đang đứng chỉ dẫn cho đám học trò luyện tập. Người y lùn thấp, đó là một nhược điểm lớn. Y ở trần, phô bộ ngực nở nang và hai cánh tay gân guốc, cánh tay bền bỉ của kẻ thuyền chài. Tướng mạo y hiền nhưng trong lời nói, dáng điệu, y có một vẻ nặng nề. Đôi khi y bắt học trò ngừng tập, coi y biểu diễn thế đánh hoặc múa thảo côn, đường quyền.

Hỏi đó tôi chưa học tập võ ta, võ Tàu, và sẵn có ý coi rẻ các môn võ này. Tuy tôi không biết thảo, thế của y nhưng tôi cũng thấy dễ dàng là y nhờ cậy sức mạnh hơn là tài võ. Đường quyền của y chẳng được kín đáo và các cú đánh rời rạc. Đặc biệt là y trở bộ không lanh và các thế chân di chuyển thường không ăn nhịp vững chãi với sự biến hóa đôi tay. Đã vậy, theo lối võ ta, võ Tàu, y thường vênh cao chiếc cằm, nhưng vênh một cách trống trải, chỉ cần một cú *đĩa-réc* là y loạng choạng.

Nắm vững các nhược điểm của Bảy Quý, tôi rất nôn nóng muốn vào thử sức. Lại thêm thái độ người ta trọng vọng anh ta cùng đám đệ tử đông đúc là những yếu tố kích thích tinh thần hiếu chiến của tôi. Tôi nghĩ mình sẽ thắng cuộc, và sự hiểu biết quyền Anh bấy giờ cho tôi mặc cảm tự tôn của kẻ nghĩ mình mới là văn minh, hợp thời, còn hạng người như Bảy Quý là lớp nhà quê, cổ lỗ. Tôi tiến đến gần anh ta, cười nói:

- Chào ông thầy!

Bảy Quý nghiêng đầu theo lối bái tổ:

- Chào ông.

- Nghe thầy dạy võ ở đây đã lâu, nay mới gặp mặt. Muốn được thử sức với thầy để học thêm ít ngón nghề.

- Chẳng hay ông chuyên về môn võ nào?

- Mới học chút đỉnh quyền Anh.

Bảy Quý có vẻ không hiểu hai tiếng "quyền Anh" có ý nghĩa gì. Tôi bèn cắt nghĩa:

- Là môn "bốc xơ" đó mà.

- A! Vậy thì ông học khác tôi, đừng ai nấy bước, thử thách làm chi.

Nhận thấy Bảy Quý có vẻ lo âu, tôi bèn khiêu khích:

- Hay là thầy sợ đánh đá giữa chỗ đông người bất tiện?

- Có gì mà bất tiện đâu!

Đám bạn của tôi thuộc những gia đình khá giả, được ra Huế học, tự coi là lớp tân tiến, văn minh có ý khinh thường ông thầy dạy võ và các học trò quê kệch, đều muốn cho tôi giao đấu. Võ nghệ của tôi sẽ là món đồ trang sức cho họ. Chiến thắng của tôi, nếu có, sẽ là một thứ giá trị củng cố thêm những ưu thế tinh thần và cả vật chất của họ ở tại địa phương. Vì vậy họ thúc đẩy tôi: "Đánh đi! Đánh đi! Sợ cái gì *toa*?" Học trò Bảy Quý cũng nôn nóng muốn anh ta giao đấu vì họ bị cái mặc cảm thấp kém giày vò. Vốn là quê mùa, chất phác, ít học hơn bọn chúng tôi, nay thấy bọn tôi ăn mặc chải chuốt, nói năng nghênh ngang có vẻ xa lạ và coi thường họ, tất nhiên họ sinh oán ghét và muốn tôi bị thầy họ đánh bại.

Do đó, Bảy Quý và tôi bắt đầu giao đấu.

Khi tôi cởi chiếc áo ngoài và chiếc quần dài trao cho người bạn cầm hộ, tôi thấy Bảy Quý vẫn còn tần ngần, vẻ mặt không vui. Tôi nghĩ y đã thua cuộc ngay từ lúc đó. Bất cứ cuộc giao đấu nào, cuộc thử thách nào, thái độ tinh thần tham dự có một ý nghĩa quyết định. Tuy vậy, Bảy Quý không thể chần chờ lâu hơn. Khi người ta là võ sư, khi đám môn đệ vây quanh đều hướng về mình với sự tin tưởng và sự

chờ đợi, khi cái vị thế của mình ở nơi chốn ấy là phải chứng tỏ, biểu dương, người ta không còn cách nào khác hơn là phải tiến tới.

Sau khi Bảy Quý bái tổ và đảo vòng người, trở bộ, theo trào mã tấn vừa khuynh tay trái xuống che một bên thái dương và đưa tay mặt ra trước với hai ngón chĩa theo lối song xỉ, tôi đã muốn tấn công ngay và hạ y liền. Nhưng nơi tôi có một sự tính toán: đánh thắng cấp tốc hay là kéo dài trận đấu? Đánh gấp, thắng mau, đó là thành tích vẻ vang, một cách xác nhận Bảy Quý là kẻ bất tài, nhưng nếu kéo dài cuộc đấu để mà đùa cợt sự bất tài đó, lại là điều thú vị hơn.

Tôi nghiêng về ý sau này. Tôi muốn thường thức đầy đủ thắng lợi của mình. Hạ ngay đối thủ thì làm cho y tê liệt về mặt cơ thể nhưng chưa làm y trầy trụa về mặt tinh thần. Thắng mau, có thể gọi sự hồ nghi ở đám khán giả vì họ dễ nghĩ là ông thầy võ không đánh thật lòng, và tôi tạo được chiến thắng nhờ sự bất ngờ nào đó.

Bởi vậy tôi quyết làm cho đối thủ khổ sở, lao đao, khắc khoải cầu xin một sự thất bại, để cho chính y và cả mọi người hiểu rằng sự kiện tôi đánh gục y là ân huệ lớn cho y. Tôi không vội vàng để khởi thế công. Quyền Anh có lối phòng vệ rất chắc, rất ít tổn sức, mỗi cánh tay mặt của tôi ngăn đón nhẹ nhàng phía trước khiến tôi trở nên bất khả xâm phạm. Thoạt đầu tôi thấy Bảy Quý diều võ dương oai hơn là giao đấu thật sự. Có lẽ y muốn thủ hòa để giữ uy tín. Tôi sẽ làm cho điều mong mỏi đó của y trở thành một nỗi tuyệt vọng lớn lao.

Một lát, Bảy Quý đã cảm thấy mệt trong những cách thế trở bộ liên tục. Còn tôi thì sự di chuyển rất ít chưa phải hao sức chút nào. Bảy Quý bèn quyết định đánh thắng mau, và ý thức được nhược điểm của mình là sự thấp lùn, y cố lặn vào nhập nội thật sát, đánh vào phần dưới của con người tôi. Nhưng các cú đánh *đĩa-réc* liên tục của tôi đã gạt y ra một cách dễ dàng. Mỗi lần y nhào lặn đến là tôi để lại trên khuôn mặt y một dấu vết đậm. Sau khi một bên mắt trái bị bầm, đến mũi bị xẹp, rồi môi bị dập, y mím miệng lại cố nuốt sạch dòng máu đỏ rỉ chảy xuống cằm.

Mỗi lúc thấy y dừng lại, có lẽ để thở, thì tôi xốc tới, như một *đĩa-réc*, móc một *cờ-rốt-sé*, bắt y lúng túng đỡ gạt, nạp y vào thế phải phản

công lại. Nhưng khi y lăn xả vào thì tôi lui về phòng thủ, dù biết rõ rằng nếu tôi tấn công thì hạ y ngay. Ngại rằng kéo dài quá lâu rồi đánh bại y để khiến nhiều người hiểu lầm tưởng tôi đã thắng được y một cách khó khăn, tôi bèn làm vẻ như không gắng sức chút nào, và các cú đánh cũng giữ cái vẻ dễ dàng, phóng túng, đôi khi làm ra bất chợt, đờm chút giấu cợt, khinh thường. Bây giờ Bảy Quý không còn là đối thủ của tôi nữa. Y thành con chuột và tôi là một con mèo. Một con mèo rất sung sức nên chưa cảm thấy đói lòng quá sớm.

Trong khi đấm đá, tôi đủ thời giờ để nhìn thiên hạ chung quanh. Mọi sự chiến thắng sẽ kém ý vị biết bao nếu không thưởng thức được hết tinh thần tham dự của đám khán giả. Nhưng sự thật không như tôi đợi chờ. Trừ một số ít bạn hữu thân thiết của tôi tỏ rõ sự tán thưởng tôi một cách nồng nhiệt, còn thì hầu hết đều giữ im lặng, trong đó chừng như có cả ái ngại và nổi bất bình. Bảy giờ điều đó làm tôi tức giận. Tôi nghĩ cái số đông ấy thiên vị, và còn cho rằng họ vốn mù lòa không biết tán thưởng tài nghệ của tôi. Tất nhiên, tôi không thể đánh họ được, nhưng tôi phải đánh Bảy Quý để trả thù họ.

Và lần này tôi tấn công thật sự. Khi tôi xáp đến giáng những cú đấm liên tiếp vào người Bảy Quý, tôi thấy anh ta đã rối loạn rồi, hơi thở hào hển, gấp rút, khuôn mặt nhợt nhạt, méo mó, đôi mắt hờ hải, kinh hoàng. Rồi đến một lúc bỗng nhiên anh ta trỗi dậy. Nghiến chặt lấy răng, tròn tròn đôi mắt, anh ta hàm hè lao tới, cúi đầu chịu hết đòn đánh của tôi và tung liên tiếp quyền cước vào tôi.

Bảy Quý phải cứu danh dự của y, đời sống của y, cơm áo của vợ con y. Bây giờ anh ta liều mạng thật sự và tôi bắt đầu nhận thấy đôi tay của gã thuyền chài dày dạn thật khó coi thường. Cũng có đôi lúc y đánh trúng vào mạng mỡ, thúc được cùi chỏ vào hông, vào sườn của tôi, đôi khi ngọn cước của gã cũng phóng được vào ngực tôi, nhưng các sự đụng chạm ấy gã đều mua bằng giá đắt. Tôi đã khai thác lập tức các điểm hớ hênh, và những cú móc chính xác của tôi phải làm cho gã khốn đốn.

Từ giai đoạn vờn nhau như để biểu diễn bây giờ chuyển sang giai đoạn giao đấu quyết liệt, một sống một chết. Cuối cùng, cú *cờ-rốt-sé*

tôi đã đồn y ngã. Bầy Quý hự lên một tiếng ngán ngủi, máu họng trào ra và gã khuyu xuống, nằm bẹp trên vạt đất nện lấm tẩm tro trấu, phân gà, phân vịt đã bị chân người cày nát. Máy người học trò của gã ào đến để vực gã dậy. Trong sự rối loạn lúc đó, tôi có nhìn thấy một đôi ánh mắt căm hờn phóng về phía tôi. Nhưng tôi là kẻ thắng thế, làm gì tôi được? Thầy của chúng bay tao còn đánh bại, kể chi một lũ học trò tẹt nhẹp! Và tôi ung dung ra về, thật không thấy lòng hào hứng bao nhiêu.

Không khí lạnh lẽo sau trận đấu ấy khiến tôi giã từ vùng quê của đám bạn bè rất chóng. Ở đó không còn những cảnh thân mật, tự nhiên như trước. Mọi người tỏ ra dè dặt với tôi và đôi khi sự dè dặt còn lộ rõ vẻ khó chịu. Rõ ràng tài năng của tôi không làm xúc động đến họ chút nào. Nhưng tài năng ấy đã gây xáo trộn, đã làm đổ vỡ, tạo những lệch lạc, tổn thương đến các sinh hoạt đã được đặt thành nề nếp từ bấy lâu nay.

Tuổi trẻ quên đi rất mau những sự phá phách của nó. Rồi miền quê ấy, tôi không còn nhớ đến Bầy Quý nữa. Y chỉ là một con số trong cái bản dọc kê những nạn nhân, thành tích của tôi, và tôi đâu tổn hơi sức tìm hiểu về y cho thêm bận lòng!

Mãi về sau này tôi có được nghe bạn tôi kể thêm về đoạn kết đó. Bầy Quý phải nằm liệt giường, liệt chiếu gần hai tuần lễ mới ngồi dậy được. Một người thầy võ đã bị đánh bại không còn là thầy võ nữa. Không cần một lời phán định nào khác, Bầy Quý lạng lẽ gói mớ quần áo của mình và gom góp các món gì có thể mang đi, âm thầm giã biệt vùng ông Chánh Nghị vào một buổi sáng tinh sương, khi trên các nẻo đường mòn thôn xóm chưa hề có bóng một người.

Về đến quê nhà, phải sống trong cảnh túng thiếu, Bầy Quý bị đau trở lại. Bệnh phổi không thể sống với gió sóng biển khơi, y nằm vạt vĩa trên giường nhiều tháng, sống trong đói khổ, rách rưới và chết không có một lời trời trắng. Bầy Quý còn có gì đâu để phải trắng trời trên cuộc đời này? Vợ con của y tả tơi, xơ xác, lại sống trong cảnh đói nghèo cùng cực.

Sau khi Bảy Quý qua đời độ chừng vài tháng thì buổi trưa nọ, người vợ Bảy Quý thấy có một người khách lạ bước vào nhà mình. Khuôn mặt dạn dày của khách đầy những râu ria và thẹo. Khách hỏi:

- Đây có phải nhà của ông Bảy Quý không?

Vợ Bảy Quý đáp:

- Dạ phải. Nhưng ông đã qua đời rồi.

- Trời ơi! Qua đời hồi nào?

- Mới vài tháng trước.

Khách cúi đầu xuống, nước mắt chảy dài trên đôi gò má sạm đen, đọng thành vũng nhỏ nơi các vết sẹo, lóng lánh ánh nắng trưa hè lọt xuống từ mái nhà tranh dột nát. Khách ngồi rất lâu và khóc âm thầm như vậy. Vợ của Bảy Quý thấy người khách lạ thương khóc chồng mình cũng lại lặng lẽ khóc theo. Nước mắt, cũng như nụ cười, vẫn có cái sức lôi cuốn ngàn đời của nó.

Giây lâu, khách mới đứng dậy, lễ phép thưa rằng:

- Tôi biết tin quá chậm trễ, thật là có lỗi với ông ở nhà. Có một món quà xin được gửi cho các em.

Khách lôi từ trong túi áo một cái gói nhỏ khá dày, hai tay cung kính đưa cho người vợ Bảy Quý. Chị Bảy ngơ ngác, sượng sùng, không dám cầm lấy.

- Tôi đâu có biết ông là...

- Xin bà đừng ngại. Tôi là một người chịu ơn ông nhà. Ơn ấy thật là to lớn, còn hơn cả công sinh đẻ ra tôi. Tôi đã nhớ lời ông nhà dặn bảo nên đi làm ăn nơi xa, không dịp về thăm chốn cũ, nay mới tìm lại biết ông đã trở về quê, đến viếng thì ông đã mất. Xin bà cho tôi được thắp nén hương trước bàn thờ ông.

Người khách tượng mạo hung dữ nhưng ăn nói thật hòa nhã, cử chỉ cũng đầy thành kính. Chị Bảy cầm lấy gói quà, gạt giọt nước mắt, đưa khách lại cái bàn thờ xiêu vẹo cạnh đấy, thắp một nén hương.

Khách quý rất lâu và khóc nức nở, rồi khi lạy xong vội chào chị Bảy ra đi.

Chị Bảy đợi khách đi khuất mới gỡ mảnh giấy bọc ngoài gói quà. Tay chị bỗng run, mắt chị hoa lên khi nhìn thấy một xấp bạc khá dày. Một số tiền lớn mà chị chưa hề được cầm lấy trong đời mình. Chị cũng không hiểu khách làm nghề gì, và chồng của chị đã gia ơn gì đối với kẻ đó để sau khi anh lìa đời, vợ con của anh lại được đền đáp thế này. Sau đó, mỗi tháng hay cách vài tháng, khách lại đến thăm gia đình chị Bảy một lần. Khách luôn giữ sự cung kính, mặc dù có vẻ lớn tuổi hơn cả chồng chị mà cách xử sự như là em út, con cháu trong nhà.

Bao giờ khách cũng đến thăm một cách đột ngột, cũng không chịu nán lại lâu. Sau khi hỏi han đủ điều về chuyện làm ăn, về sức khỏe chị cùng lũ con cái, khách lại bàn thờ cung kính thắp một nén hương rồi quỳ quả đi. Mỗi chuyến viếng thăm như vậy đều có một gói quà tặng khá dày, những gói quà mà chị Bảy chưa bao giờ dám ước mơ trong cuộc đời mình.

Nhiều tháng như thế rồi không thấy khách đến nữa. Có lẽ khách đã đi xa, hay đã chết rồi. Chị Bảy cùng với lũ con vẫn không biết khách là ai, chỉ nghe khách bảo thuộc về thứ mười ở trong gia đình. Ông Mười, hay chú Mười, đó là cái tên mà gia đình chị còn nhớ về khách.

Bây giờ chị Bảy đã khá giả rồi, có thể nuôi dưỡng bảy con trong sự sung túc, hơn cả những người khá giả chung quanh.

Miếng thịt vịt

Tám Gàu cố ngủ nhưng vẫn không sao ngủ được. Trống ngực còn đập thình thình, hai vai ê mỗi, cặp chân bủn rủn, rụng rời. Anh thấy lại mình đang đi trong đêm, cặp mắt lắc lảo, lò mò bước theo anh em Năm Đực. Anh nghe lại tiếng vịt kêu, tiếng dao mác chạm loảng xoảng, tiếng thét "Ồi trời" của thằng Đực Nhỏ, thấy lại máu phụt từng vòi, bóng thằng Đực Lớn luồn rào chạy trốn, và anh cũng thằng Đực Nhỏ bươn chạy, lội bừa trong gai lướn long, nhiều lần quỳnh chân muốn ngã sấp trên bờ thổ.

Anh ôn lại phút trở về tới ngõ thằng Đực... anh té quỵ xuống, Đực Nhỏ rời khỏi lưng anh, ngã lăn ra đất, rên rỉ, quằn quại, hai chân giãy giụa trong cát. Giữa lúc ấy, bóng thằng Đực Lớn từ đâu hiện ra miệng cười nham nhở trong đêm: "Tưởng mi bị nắm đầu rồi", và hất chìa một con vịt: "Phần của mi đó". Tám Gàu khoa tay: "Tao không lấy mô" rồi anh lết bết, lúi lũi chạy về.

Anh ngồi rất lâu ngoài ngõ trước khi mò vào chiếc giường tre ọp ẹp này. Anh vừa nghĩ gì, anh không nhớ nữa... Hình như từ nhà Cửa Thượng, nơi anh nghe theo lời hai anh em thằng Đực mò vào trộm vịt, có tiếng kêu lên: "Thằng Gàu! Đích thị thằng Gàu!" Anh chạy bỏ cả hơi tai, được một quãng xa mà hình như những tiếng ấy còn vọng đuổi theo.

Bỗng anh cảm thấy rin rít sau lưng. Khi anh cựa mình, một chất nhầy nhụa như quánh lại trong lớp áo... Lập tức anh ngồi thẳng dậy. Cởi xong chiếc áo, anh quờ tay vuốt sau lưng. Bàn tay xoè trong đêm tối như nhuộm mực đen. Anh đưa gần mũi, một mùi tanh ói.

Tám Gàu loạng choạng đi lần ra bờ ao ở góc vườn. Anh ngồi vò áo rất lâu, hai tay mỗi rụng. Khi đoán chừng đã sạch rồi, anh đưa lên ngửi, nhưng mùi tanh vẫn còn hoài. Sau cùng anh thả chiếc áo xuống nước, chậm chạp vào nhà.

Anh ngồi bệt xuống vệ hè, dựa vào gốc cột, ý nghĩ loạn xạ ở trong đầu óc. Thằng Đực Nhỏ chắc không sao sống nổi, hoặc sẽ tàn tật

suốt đời. Làng ngoài, ai cũng sẽ biết Tám Gàu là thằng ăn trộm.

Tám Gàu biết điều là vậy, chăm chỉ là vậy mà ăn trộm sao? Rồi bao nhiêu vụ mất cắp từ trước và về sau này người ta cũng sẽ đổ riệt cho anh. Đến mỗi bữa ăn, ông Cấn sẽ vác chổi cùn đánh vào đầu anh, vừa réo vừa chửi mẹ anh đã đẻ cho ông thằng con chết dịch. Mẹ anh, người mẹ hiền lành, qua đời trước đây vài năm chỉ vì đang đau mà phải dầm mình trong nước suốt mấy buổi liền để vớt rong rêu... Đạo này nắng gắt, làm ăn gì được? Đồng khô cỏ cháy, những nhà giàu cũng gác bớt công việc, không dám thuê mướn. Muối cũng không còn bán để mua đem lên nguồn đổi lấy sắn, khoai. Mấy chiếc ghe buôn đi vào miền trong mắc kẹt đâu đó, không thấy trở về. Những người trong xóm dậy từ mờ sáng xuống bến chợ đến trưa hoang mới về, đòn gánh tòn ten hai chiếc mủng không. Anh đã nằm khoèo mấy hôm nay rồi. Cả ngày ngủ miết cho đến xế chiều mới dậy, lục lợi trong rá vài củ khoai nguội ăn ngón ăn ngấu rồi nốc ba ngụm nước lạnh, ngủ lại. Ngủ cho khỏi thấy thèm ăn. Nhưng ngủ mãi rồi cũng chán, không ngủ được nữa. Anh trỗi dậy đi thất thơ thất thường trong xóm. Ai xui anh bước vào nhà thằng Đực vào lúc đầu hôm?

Từ chân trời xa, phía đông, rừng rưng một vệt sáng trắng. Tám Gàu chống hai tay vào đầu gối, đứng dậy đi lần vào nhà. Anh đứng rất lâu, trong tối, lơ mơ nhìn cái thân hình ông già Cấn nằm chèo queo, ngủ giấc nặng nề trên căn ván bằng gỗ tạp trải manh chiếu nát. Gần bên, anh Hai Cấn nằm chàng hảng, tiếng ngáy khò khè. Tám Gàu đi lại tấm phen, sờ soạng tìm một chiếc áo, mặc vào rồi bước xuống bếp. Chị Ba Lèo nằm ngủ yên trên một chiếc chõng cụt chân, đặt sát mặt đất. Thằng Cờ, con chị, lẫn xa ngoài đất. Anh cúi xuống lay chân chị:

- Nề, chị Ba nề...

Chị Ba ứ hự đôi tiếng, rồi rặn ì ì... Chị nói lảm nhảm, chép miệng trong giấc mệt mề. Tám Gàu thôi không kêu nữa. Anh lắc mạnh vào vai chị. Chị Ba tỉnh giấc, lơ mớ:

- Ai đó?

Tám Gàu đáp khẽ:

- Chị dậy, tôi nói cái này...

Người đàn bà nằm im một lát mới từ từ trỗi dậy, ngả đầu lắc qua lắc lại cho mớ tóc rối dồn ra sau vai, vừa ngáp vừa nói:

- Trời đã sáng đâu...

Chị lại làm thình, nhìn em đang ngồi một cục trước mặt.

Giây lâu, Tám Gàu từ từ đứng dậy. Anh nói:

- Tôi đi.

- Đi đâu?

- Chưa biết đi đâu. Không thể ở nhà được nữa thì đi.

Chị Ba tưởng mình nghe lầm, trố cặp mắt đã tỉnh ngủ, nhìn chăm chặp mặt người em nhập nhèm trong tối chỉ trừ cặp mắt long lanh. Tám Gàu rầu rầu nói tiếp:

- Thôi, tôi đi. Chị ở nhà được bình yên.

Chị Ba gần như kêu lên:

- Chớ không nói cho cha ông biết *na*?

Tám Gàu thấp giọng:

- Nói làm chi. Để yên ông ngủ. Thôi, tôi đi đây kéo trời sáng ra, không tiện. Chưa biết chừng nào tôi mới về được.

Anh lụi thụi bước ra cửa. Anh ngược mắt nhìn quanh quất, như ghi lại lần cuối cùng cảnh quê xơ xác tiêu điều rồi làm lụi bước. Vết sáng rùng rợn ở chân trời xa như theo chân anh lan rộng dần ra nhưng anh cảm thấy những ngày sắp đến cũng sẽ mập mờ, đen tối như đầu óc anh bây giờ.

Khi chị Ba Lèo chạy theo ra ngõ thì Tám Gàu đã đi xa. "Có lẽ hắn đã lội suối và đổ lên đồng", chị nghĩ như thế, rồi bước vào nhà.

Chị không hiểu rõ tại sao mình không ngăn cản Tám Gàu đi vong như vậy. Tám Gàu đi đâu? Chính anh ta cũng không biết. Tám Gàu

ra đi, trong túi không có một đồng xu nhỏ, trên người chỉ mặc một cái quần cụt và một áo cánh cũ nát. Chị ngồi thừ nhìn thẳng Cờ nằm lẩn ngoài đất. Chị không bỗng nó lên giường, sợ nó tỉnh giấc, khuấy rộn tâm trí chị trong lúc này. Thằng Cờ dầu sao cũng là mối an ủi lớn cho chị. Năm nay chị đã ba mươi mấy tuổi, có lẽ gần bốn mươi rồi, chị không nhớ nữa. Đàn bà Xóm Cát ít ai nhớ rõ tuổi mình. Tám Gàu ra đi, một nỗi vắng vẻ hiện ra, khiến chị nghĩ lại đời mình. Từ khi lớn lên cho đến bây giờ, chưa có người đàn ông nào hỏi chị làm vợ. Thỉnh thoảng trong số thợ gặt, giữa lúc chị đang lọ mọ theo sau để mót mấy bông lúa rớt, cũng có đôi lời đùa cợt sỗ sàng... Nhưng đã xa lắm rồi... chị chưa bao giờ được nghe một lời tình tứ. Những lời tình tứ cũng như xuyên vàng, nhẵn ngọc là thứ quý giá chỉ những con nhà thông thả mới có. Tuy vậy, chị vẫn mong mỗi được gặp một người đàn ông cần cù, siêng năng, dù rằng thô lỗ nhưng thỉnh thoảng biết dịu ngọt với vợ. Mỗi ngày giữ bò ven suối, chị vẫn mong đợi người đàn ông ấy. Nhưng không có người đàn ông nào chịu tìm đến người đàn bà xấu xí, tuổi đã bộn bề mà còn bận quần sát háng, da xám như chì, trên mình chỉ mặc độc chiếc yếm rách, lênh thênh cả ngày theo sau một con bò cái gầy còm.

Cuối cùng, vẫn có một người.

Người ấy, chị không bao giờ biết mặt.

Cách đây chín mươi năm rồi, một đêm trăng sáng, chị đánh bò ra bãi sau cho ăn cỏ sương đọng sáng cày sớm. Suốt ngày làm việc mệt nhọc, nên dựa vào gốc dương liễu trên bờ một đám thổ khoai chốc lát thì chị nằm lẩn ra ngủ. Không biết bao lâu, chị có cảm giác như bàn tay ai nắn khắp người mình. Chị làm ra bộ ngủ mê, ú ớ đôi tiếng, rồi nằm chài bài người ra. Một người đàn ông, có lẽ không to lớn lắm trong lúc vội vàng nhẩn tâm xé rách phía dưới cái quần cụt đen đã cũ của chị...

Người đàn ông ấy đem lại cho chị một đôi cảm giác là lạ, chua xót, khó nói làm sao, nhưng cũng ngán ngủ, chóng tàn hết sức. Chị nhớ như mình có cảm thấy nỗi đau đớn nhưng chị không dám kêu lên, sợ người đàn ông càng mất bình tĩnh hơn nữa. Suốt trong giây phút gặp gỡ, chị không hé mắt để nhìn. Khi người kia đã đi rồi, chị mới úp

tai xuống đất, nghe những tiếng chân bải hoải bước gấp rút đã khá xa, chị mới nhồm dậy nhìn theo. Một người nào chị không rõ, hấp tấp đi về lối xóm.

Hai ba đêm sau, rồi suốt cả con trăng ấy, suốt cả những đêm tối trời tiếp theo, rồi suốt cả hai ba con trăng nữa, chị vẫn ra ngồi ở nơi bờ thỏ đêm nào. Người đàn ông kia không thấy trở lại. Nhiều lần chị cố nghĩ rằng đây là một người lái buôn giàu có đi lạc vào trong động cát mà chút duyên nợ tình cờ đã xui gặp gỡ. Sau này, chị đoán chừng thằng Đực Lớn đi ăn trộm vật về khuya. Đôi lúc chị có cảm giác như đây là lão Chín Bường, một người bà con của chị, một gã đàn ông nghèo cực, đã bốn mươi mấy tuổi rồi vẫn sống một mình cuối xóm trong ngôi nhà tranh lụp xụp, nhỏ như chiếc chòi.

Ít tháng sau đó, bụng chị mỗi ngày một lớn. Chị không hề nghĩ đến sự phá thai, không nghĩ đến sự giấu diếm. Bà Cấn chửi đời ba ngày rồi cũng làm thình. Ông Cấn đòi đánh cho một cán cuốc bể óc chết tươi, nhưng vẫn không hề thấy đánh. Anh Hai Cấn, thằng Tám Gàu, không thấy nói gì. Trời ơi! Đứa con trong bụng, chị yêu quý nó biết là chừng nào! Đứa con, dù gái hay trai, là một cái gì quý nhất đời chị. Dù gái hay trai, nó là vật sống mang ở trong mình khí huyết và linh hồn chị. Nó sẽ lớn lên, sẽ là hình bóng của chị, là nguồn an ủi, là chỗ nương tựa cho chị sau này, trong lúc chiều tà xế bóng. Chị tìm luộc những ngọn khoai non nhất để ăn, hút vụng trứng gà sau chái, không dám gánh nặng, không dám thức khuya, toàn là công phu, ý tứ, để dưỡng chiếc thai. Bao nhiêu những lời xỉa xói, bóng gió, mỉa mai, giễu cợt của người lối xóm đối với chị nào có nghĩa gì đâu, khi chị khát khao có một đứa con!

Trong lúc sinh đẻ, quặn đau mấy lần, nhưng chị không hề cảm thấy khổ nhọc. Ngày thằng bé ra đời, chị mừng không sao kể xiết. Ông Cấn đặt cho nó tên Cờ. Càng ngày thằng Cờ càng lớn, chị nom nó giống Trưởng Liệu như đúc. May thay, Trưởng Liệu không có bà con với chị. Đó là một ông già goá vợ từ hồi còn trẻ, sống với một người cháu dâu tàn tật, giữa xóm. Nhưng nó giống ai cũng mặc, miễn là con chị, thuộc hẳn về chị, do chị cưu mang, sinh đẻ mà ra.

Sau khi thức dậy, nghe chị Ba Lèo áp a áp ứng kể lại cái tin Tám Gàu bỏ nhà ra đi, ông Cấn đã toan rửa lên "Có mà đi ăn cướp!" nhưng ông dần lòng lại được. Ông lúng búng định hỏi gì nữa, nhưng rồi nín thinh. Tám Gàu là đứa con út của ông, linh hoạt, mạnh bạo nhưng vốn hiền lành. Từ ngày nó lớn, ông vẫn hy vọng nó được cuộc đời lành lặn nhưng chưa lúc nào nó sống thư thả, thông dong, trừ những tháng ngày đói kém. Lúc này, ở nhà cũng chẳng làm gì. Cùng lắm, có ai thuê mướn cũng đủ phải lủm. Thôi thì đi đâu thì đi, biết đâu nó chẳng làm ăn nên nổi sau này. Ông già cảm thấy cay nơi khoé mắt, buồn buồn tủi tủi trong lòng, rồi những cảm giác ấy tan nhoè đi như vệt khói thuốc.

Anh Hai Cấn cũng không nói gì. Anh nhớ lại bao lần anh đã muốn bỏ xứ ra đi, nhưng nghĩ rồi thương cha già, em dại, quyến luyến vật thổ, mảnh vườn, anh lại nguôi ngoai. Biết đâu ra đi, bây giờ anh đã chẳng có vợ con, vui về đề huề. Nhưng đây là bao nhiêu chuyện ước ao của ngày xa xưa xa xưa... Năm nay bốn mươi mấy tuổi, anh vẫn sống đời cô độc, chưa dám nghĩ đến lấy vợ, vì sợ tốn kém. Vẫn biết gặp người vợ giỏi có thể giúp đỡ làm ăn nhiều đó, nhưng lấy gì mà sắm sửa cưới xin, ăn hỏi bây giờ? Sự đòi hỏi của cơ thể nhiều khi cũng giày vò anh, nhưng đè nén mãi nó thành cùi đi. Vả lại, thổ vườn mỗi ngày làm anh tê liệt rụng rời, đâu còn sức lực tư tưởng như kẻ rảnh rang thông thả. Con heo đực luôn luôn kêu nái là vì nó vốn ăn không, ngồi rồi trong chuồng.

Tám Gàu ra đi, anh Hai tuy thấy buồn nhớ, nhưng ở nơi lòng hình như có gì vui nhẹ. Phải chăng từ đây một phần của anh cũng được dong ruổi ở nơi xứ lạ đường xa theo với Tám Gàu? Cái cảm giác ấy mơ hồ, mong manh quá đổi, anh không làm sao mà nhận biết được.

Hai cha con ngồi đối diện ở thềm cửa, im lặng hồi lâu, mỗi người theo đuổi ý nghĩ của mình. Rồi chậm chạp, ông Cấn đứng dậy, ra sân. Ông toan ra vườn bồng nhìn thấy những dấu chân trên cát còn tươi đi về phía ao. Ở miền đất cát, người ta nhận biết dấu chân cũng như nhận biết mặt người. Ông ra phía ấy. Vạt nước đỏ lợt chảy trên mặt ao, và ở dưới ao, cái áo vắt tròn. Ông già lụm thum lội xuống,

vớt lên. Ông đứng trên bờ nhìn kỹ dấu đỏ, rồi vắt áo cho ráo nước, cầm vào. Trong óc ông già thoáng hiện những nỗi hồ nghi, lo ngại.

Bỗng con chó mực gầy còm nằm ở đầu hè hực lên một tiếng. Ông Cấn ngược lên và thấy từ ngõ, Thủ Tụ lững thững đi vào. Ông vội vào nhà bưởi giắt chiếc áo ở trong bồ trâu, rồi làm vẻ mặt tỉnh khô, ngồi vắn một điệu thuốc lá. Thủ Tụ đi tới đầu hè, dừng lại nhìn quanh nhìn quất khắp vườn theo như thói quen, rồi mới nện chân thành thịch cho sạch bớt cát trước khi chui xuống mái tranh mà vào trong nhà. Kể trong Xóm Cát, Thủ Tụ là người khá giả hơn hết. Ba gian nhà tranh rộng lớn hơn tất cả nhà nào trong xóm. Cái sân cũng lớn nhất xóm, đắp bằng đất bàu, dện rất kỹ lưỡng. Thủ Tụ có được bốn con bò cái, tuy rằng gầy còm nhưng cũng là bốn con bò. Bò cái tuy cày hơi yếu, nhưng vùng đất cát người ta chỉ cần sức cuốc. Nuôi bọn bò cái vì nó đái nhiều, tốt phân. Hai anh bò đực thiệt lớn, ráng sức đái dào một trận không bằng một chị bò cái xề xề đái rất ơ lững. Bò cái lại còn dễ giữ, có thể giao cho con nít lên mấy cũng được. Món lợi khác nữa là bò cái còn sinh đẻ. Thỉnh thoảng đến mùa, thả nó lên đồng, thế nào nó cũng gặp gỡ đôi anh bò đực thả rông. Tuy là gầy còm, yếu đuối, nhưng được một điểm dễ dãi, không hề làm bộ nhảy queo, nhảy quanh nên có lắm anh bò già quỵên luyến và cả những anh bò tơ nhút nhát cũng dám mon men lại gần.

Thủ Tụ có khá nhiều con, cả trai lẫn gái đã trên mười lần sinh đẻ. Hai Sanh là con đầu lòng, có vợ và ba con, ở riêng trong một ngôi nhà trước ngõ để cả hai bên cùng gần gũi sự nhờ đỡ. Anh ta làm đủ thứ nghề lật vặt, trong đó có nghề thiến heo, lái bò và sửa cối xay. Ba Kinh được xem cứng đầu nhất nhà thì theo về bên quê vợ làng ngoài, dựa thế ông gia bà gia làm ăn. Sau Ba Kinh là chị Tư Mãng, năm nay ba mươi mấy tuổi nhưng vẫn chưa chồng. Ông Trưởng Nhi ở cuối xóm, cách đây ba năm có mượn mai mối đến hỏi cho con trai ông, anh Hai Cồ, nhưng sau đó chừng mấy tháng, vào một buổi sớm mùa đông người ta gặp xác Hai Cồ trong một cái đầm gần suối. Hai Cồ chết trong nước cạn, chẳng biết vì sao. Chị Tư trở thành goá bụa sau khi chỉ ăn một cái lễ hỏi hết sức đạm bạc. Sau chị Tư Mãng là Sáu Cường, người con thứ năm bị bỏ từ khi sanh được ba tháng. Sáu Cường tiếp đến Bảy Đáng là hai anh trai linh lợi. Còn cả một

bầy lút chút ở sau, nào là thằng Dứa, thằng Thời, thằng Tre, con Một...

Gia đình Thủ Tự gần như ai làm nấy ăn, ngoại trừ những đứa nhỏ. Đến bữa, ai nấu trước thì người khác gỏi nấu nhờ đôi ba củ khoai, luộc nhờ đôi ba bó rau, có khi không hái kịp rau thì ăn xía một vài dĩa. Chỉ trừ mẹ của Thủ Tự là bà Thủ Tộ, trên bảy mươi tuổi, ở riêng, ăn riêng trong một cái chái phía ngoài. Cái chái hẹp ché, chỉ vừa đủ kê một cái giường con thấp cẳng và đủ đặt ba ông táo lùn tịt, nặn bằng đất bàu. Bà già khúm rụm nhưng sống không nhờ vả ai. Suốt ngày bà lò mò trong các thổ khoai, là rà dọc các bờ đìa, lượm thum sau vườn và lui cui trong cái chái hẹp. Bà ăn không tốn mấy chút và chỉ một om khoai nhỏ bà để dành ăn hai ba ngày liền khỏi phải tốn công nấu nướng. Những củ khoai cuối cùng ở trong om bao giờ cũng đóng lớp nhựa nhờn nhờn và bốc nặng mùi thiu ảm, nhưng không mấy khi bà Thủ bỏ phí của trời. Thỉnh thoảng, Hai Sanh có tát được cá, luộc một đĩa với dưa cải, sai lũ con mang vào cho bà cố thì dọc đường từ ngõ vào sân, thằng Chai và con Miếng đã bốc lúm hết những con trộm nhát.

Thủ Tự liếc nhìn trong nhà, rồi hỏi:

- Ủa! Chớ thằng Tám đâu rồi?

Ông Cấn liếc nhìn trên mặt Thủ Tự dò đoán ý nghĩa câu hỏi, trả lời:

- Không rõ hấn đi đâu từ từng mừng sáng... Có việc chi *na*?

Thủ Tự thông thả:

- À... Thằng Đực Lớn có ra nhờ bầy trẻ tôi giúp một đòn khiêng thằng Nhỏ lên táng trên đồng.

Anh Hai Cấn vội hỏi:

- Chớ thằng Đực Nhỏ chết hồi nào rứa?

- Đâu hồi khuya. Chẳng là bầy trẻ của tui nó mắc đi xuống dưới bến chực muối từ hồi gà mới gáy tan, nên thằng Đực Lớn nhờ ra nói với thằng Tám, không thì anh Hai...

- Lạ hỉ? Thì đang mạnh ù mà nhè chết rằng vội rứa?

Thủ Tự làm thình, lấy thuốc vấn hút. Rồi nói:

- Mình nghe nói chết thì hay rằng chết, chớ biết chi mô. Kể rứa cũng khỏe. Biểu sống, lấy chi ăn chừ.

Ông ta đứng dậy:

- Có siêng vô giúp hấn ta một tay!

Ông Cán thấy thoáng một ý nghi hoặc. Không những bà con với thằng Đực Lớn mà còn là người gánh chịu trách nhiệm công việc của xóm, Thủ Tự phải lo là việc đương nhiên. Có lẽ ông ta sợ bị liên lụy, không muốn cho con dính líu đến cái chết này nên mới ra gọi con ông. Ông liếc sang nhìn anh Hai. Anh Hai thản nhiên đi theo Thủ Tự ra ngõ. Ông Cán lẩm bầm: "Hôm nay cũng chẳng làm chi. Nó kiếm một bữa ăn sáng, một bữa ăn trưa cũng được".

Xác thằng Đực Nhỏ được bó trong ba bốn manh chiếu cũ, ở ngoài nẹp chặt sáu bảy thanh tre, buộc ba dây lạt - dây trên đầu, dây giữa người, dây dưới chân - và được đặt trên một tấm cửa tre đã cũ. Công việc gói ghém ấy làm đầu từ hồi khuya, nên khi mấy người đi tới thì bọn kiến vàng đã bu dày đặc trên mấy kẽ chiếu.

Thủ Tự giục giã:

- Không còn có ai nữa hả? *Bôn* đi mà táng cho rồi chứ ở trên đồng lúc này đào ra cái huyết cũng bỏ hơi tai.

Đực Lớn, sắc mặt ráo hoảnh, nhưng cũng lấy giọng rầu rầu trả lời:

- Dạ, có nhờ Hương Đại. Chắc cũng sắp qua bây chừ. Phải chi có người nhờ khoét lỗ trước thì cũng đỡ nhọc cho những người khiêng, nhưng ngặt ai cũng đi theo muối hết.

Anh ta ngừng lại, đổi giọng nói lớn:

- Tôi có biểu mụ Đực ở nhà làm thịt con vịt nấu cháo... Có trễ cách chi mình về cũng cứ kịp trưa.

Anh Hai Cán nghe tiếng "thịt vịt" rất rõ nhưng vẫn tưởng mình nghe lầm, liếc nhìn trên mặt Đực Lớn rồi ngó xéo xuống dưới nhà. Mụ vợ Đực Lớn quả đang lui cui dưới bếp. Có tiếng dao chặt rầm rập trên

thót. Bây giờ thấy người kéo đến, chị bèn đem ra băm lại, chứ thực chị đã lo làm từ sớm từng mung. Phải băm nát vụn xương ra, khuấy vào trong cháo, để không còn ai phân biệt thịt cánh, thịt cẳng hay là thịt đầu, bởi vì hai cái phần mình con vịt và hai chiếc đùi đã được chị cắt một nơi rất kỹ. Chị cũng không quên lấy cái đòn kê gỗ bừa để băm thực mạnh. Gỗ bừa mềm hơn xương vịt. Vì thế, chỉ có nhúm xương mà băm một lát đã thấy bộn bề.

Hương Đại vừa vào, nghe tiếng chặt thót, vội cười xề xề... Anh ta cúi nhìn cái xác gói chiếu, bông đùa:

- Nhiều thiệt. Đã có cả đồng mà cũng cứ còn để băm...

Thấy không một ai hưởng ứng, Hương Đại rút điều thuốc tàn giắt trên mép tai, xuống bếp. Anh ngồi thấp thuốc bì bập, vừa liếc nhìn người đàn bà, hỏi khẽ:

- Vịt đâu rứa?

- Mua.

- Xì! Mua cái ngừ quỳ! Nói thiệt, ăn cái thịt vịt của bà cho thêm mang họa mà cũng là nuốt ba cái xương không.

Anh liếc rất nhanh lên nhà rồi véo dưới lưng chị ta, vừa cười ồm ờ:

- Có phải không *hề*!

Người đàn bà làm bộ giận, hươi con dao lên:

- Đồ chết dịch! Tui cho một dao bây chừ!

- Ủ, băm luôn tui mà ăn *nhé*!

Anh đứng dậy, xê cái đít lại phía chị ra tường thách đồ, cúi véo thấp hơn ở chỗ ban nãy một cái đích đáng, rồi vừa đi lên, vừa nói ra kiểu phân trần:

- Ba cái thuốc này vô món phân gà mà dở lửa quá, hút cứ tắt miết.

Rồi đứng dừng lại, bập bập rất mạnh, nhả khói từng luồng.

Trước khi khiêng đi, Đực Lớn còn lấy thêm hai sợi lạt buộc bó chiếu vào tấm cửa. Anh Hai Cấn lúi húi cột giúp. Hương Đại đứng chống

nạnh, cố nói một câu để bào chữa sự ở không của mình:

- Còn chạy đi đâu mà ràng mà rịt cho nhiều. Bó chặt cách ấy, bữa sau cũng đánh cần cứng gối nữa. Xuống được dưới đất thì nằm liệt luôn dưới đó chứ có về cái ngử quỷ!

Ràng rịt xong, mặt trời lên đã khá cao. Đực Lớn rút ít vạt giường đã cũ, chặt đôi, bó lại làm đuốc lấy lệ. Đoạn, quay xuống nhà nói lớn:

- Lo cháo vịt nghe! Nửa buổi là về kịp đó!

Rồi quay về phía hai người - Hương Đại và Hai Cấn - anh ta dọn một bộ mặt rầu rĩ:

- Đáng lẽ tôi cũng khiêng một đòn với mấy anh, để đưa em nó lên đồng, nhưng ngặt tôi đi gánh bồi hôm qua cho lão Năm Dật, bị treo xương vai... Kể thẳng Đực nó cũng nhẹ...

Anh xây qua phía Thủ Tự:

- Cậu Thủ nằm chơi, chúng tôi về liền chừ đó.

Thủ Tự không nói không rằng, nằm khểnh trên chiếc giường tre, Đực Lớn giục giã:

- Thôi, đi ta!

Rồi vác hai chiếc cuốc, hươi đuốc dưới nắng, đi trước.

Hai người khiêng từng tøn bó chiếu theo sau.

Anh Hai Cấn vừa đi vừa nghĩ đến nồi cháo vịt, cố tìm một sự liên lạc giữa vịt và cái xác chết. Hương Đại vừa đi vừa nghĩ đến mụ Đực Lớn, vừa nghĩ đến mớ xương bằm nát vụn. Hai hình ảnh ấy lớn vồn trong óc, cái nào cũng gọi cho anh nổi vui ngờ ngợ. Hương Đại là lán giềng của Đực Lớn. Anh ta không có bà con với ai ở xóm này cả. Vào số những người nghèo khổ nhất xóm, Hương Đại có một lối sống hơi khác mọi người. Anh ta chưa hề làm lý hương gì, nhưng vốn tên Đại, anh đặt tên đứa con gái đầu lòng là Hương để mọi người trong xóm theo lối gọi quen cha mẹ bằng tên của con, gọi anh là anh Hương. Dần dần để phân biệt với những người trùng tên, người ta gọi thêm tiếng Đại. Từ đấy cái tên Hương Đại được gọi

quen đi, nhiều lúc Hương Đại cũng có cảm giác như mình đã từng có thuở làm lý hương thiệt. Không ai biết rõ tường tận trước khi đến ở xóm này anh đã làm gì, nhưng theo anh nói thì từng đi lính và biết tiếng Tây! Chỉ có khi nào nài nỉ nhiều lắm anh mới nói thử đôi câu để những đàn bà con gái trong xóm nghe qua cho biết cái tiếng nước ngoài. Thực ra, quốc ngữ trong xóm cũng không ai biết, nữa là tiếng Tây! Chữ nho thì Thủ Tự nhờ thuở nhỏ cha mẹ gởi lên giữ trâu cho ông nghề Vỹ trên làng để mong kiếm năm ba chữ, nên cũng biết được một nắm, một mớ, nhưng đã lâu ngày rơi rụng chỉ còn đủ để thủ ký trong các văn khế vay nợ. Bởi vậy Hương Đại tự do nói tiếng ngoại quốc, không sợ một ai. Mỗi lần như thế anh đứng chàng hảng, hai tay chống nạnh, mặt vách ngược lên, môi hơi xẹo lại một bên, rồi anh bắt đầu "bà lù xù, bà lù y xùy" cả tua, sùi cả bọt mồm bọt miếng trên mặt những người chung quanh. Đàn bà con gái thấy cười rúc ra rúc rích, lấy tay che bùm mặt lại, nhưng vẫn hé dòm qua những kẽ tay để hở. Còn bọn trai trẻ thì cười hả hả, hươi chân, múa tay hết sức thích chí. Một điều đáng kể là không một ai phục Hương Đại cả. Ở Xóm Cát này, trên cái cảnh sống nghèo nàn, trơ trụi do những con người gom góp từ đâu giạt đến, ít ai thực lòng tin một điều gì, ngoại trừ rau muối, lúa khoai.

Cứ xong một trận phát thanh như thế, Hương Đại đứng thở hào hển, tưởng như ngút hơi. Một lần, Hai Sanh đi qua, thấy vậy bèn nói chỗ vào:

- Ông Tây đã đói bụng xẹp hông rồi! Bỏ lô xí là, ai có khoai chạc dư không, đem cho ít khúc, bà lù xù, bà lì xì!

Tức thì Hương Đại trợn dọc mắt lên, chỉ tay vào mặt Hai Sanh, ba xí ba tú một hơi rất dài đủ các thứ tiếng kỳ lạ mà người Xóm Cát chưa từng nghe đến. Mọi người ngơ ngác nhìn anh, không ai cười nữa. Xong, Hương Đại chấp tay sau đít, đầu cúi gằm xuống, dặng chân đi từng bước lớn, trịnh trọng trở về nhà mình, về mặt hầm hầm như một ông Tây bất mãn.

Mà Hương Đại bất mãn thực. Là bởi Hai Sanh nói đúng gan ruột anh ta. Ông Tây đói lắm, vì trọn cả ngày hôm đó ông Tây chỉ ăn có mỗi một chỗ khoai trừa.

Qua suối, lên đồng, Đực Lớn dẫn đến một cái gò nhỏ ở giữa mấy đám ruộng trì khô nẻ. Lơ thơ những mồi đất đỏ, lệt tệt, cỏ mọc lòi còi, y như những miếng bánh đúc để khô bu đám ruộng nhặng.

Đực Lớn ném đuốc và bỏ cuộc xuống:

- Thôi, chôn đây được rồi.

Hương Đại chống nạnh nhìn quanh ra vẻ quan sát, rồi đưa ngón tay chỉ đông, chỉ tây, lên giọng:

- Nên đem chỗ nào cao cao mà chôn cho nó phát tướng sau này, con cháu mới mong ăn trên ngồi trốc thiên hạ. Kỵ nhất là mấy chỗ trũng trũng này. Táng mấy chỗ trũng phát đình dữ lắm. Mình còn không đủ phỉ lủm, phát cái thứ con cho đông, có mà chết sớm.

Nói thế, nhưng sau ai cũng đồng ý nên đào huyệt ở chỗ trũng vì đất mềm hơn. Hương Đại chống nạnh, cố tìm một việc để khỏi cảm cuộc nên lấy ngón chân kẻ kẻ dưới đất, vạch hướng cho người đào theo. Anh Hai Cấn cặm cùi bở những lát cuộc nặng trĩu. Anh không dám nghĩ đến sự mệt mỏi, bởi vì đòn khiêng vừa rồi cũng như những lát cuộc này vốn là chút tình của anh đối với người chết. Đực Lớn cuộc được vài lát, dừng lại ra vẻ sức nhớ điều gì, bỏ cuộc, chạy lại nắm lấy bó đuốc, thổi phì phì cho bùng lên ngọn lửa, rồi nói:

- May quá, cứ tưởng tắt *ngին* mất rồi. Để thắp thuốc chớ.

Anh Hương giúp một tay cuộc đi ề! Tui vẫn thuốc cho.

Anh ta làm bộ lục lạo khá lâu ở trong túi áo, rồi lôi ra những lá thuốc vàng sậm. Hương Đại đành cầm lấy cái cán cuộc. Đực Lớn ngồi vẫn chậm chạp, về đi về lại điều thuốc, lăn giữa lòng hai bàn tay, tém đầu, tém đuôi ra vẻ hết sức chu đáo. Xong, anh ta thắp thuốc. Bập vài hơi thầu óc, anh mới đem lại tra vào nơi môi Hai Cấn. Rồi lọ mọ anh vẫn điều khác cho phần Hương Đại. Xong điều của Hương Đại rồi, anh mới vẫn lấy điều mình. Vừa vẫn, anh nói:

- Cái nghề cầm cuộc nghỉ tay mấy bữa là đã sút rồi. Nhưng ông Hai đây, ai cũng phải chịu là tay cừ nhất. Cuộc không biết mệt, đường cuộc đi đều mà thiệt nặng tay. Còn như ông Hương ngày trước đã từng đi lính bên Tây bên Tàu thì chắc có tài bắn súng, cỡi ngựa chứ

chuyện cuốc cày dù sao cũng không thuận bằng. Nhưng nghe đồn ông có cuốc đất đấu thử sức với lão Ba Thế hai ngày, phải không? Ông hơn Ba Thế, phải không?

Hương Đại không dừng tay cuốc, đáp trong hơi thở hổn hển:

- Sá gì Ba Thế. Tui chấp cả hai anh em nhà nó cũng cứ ăn đứt liền liền.

Đực Lớn lại kể lể đến những người đàn bà cuốc giỏi. Nào con Sáu Lường, con Hí, con Huê... cuốc thực dịu dàng mà rất dai sức, đàn ông ít người hơn nổi. Anh ta nói mãi, nói mãi cho đến một lúc Hương Đại ném cái cuốc xuống, phán rằng:

- Được rồi. Sâu lắm nó hăm cái xác, hồn ma lục đục, mình ở không yên.

Anh Hai Cấn bèn dừng tay, cúi nhìn cẩn thận, rồi nói:

- Chưa lút đầu gỏi. Cạn quá, không nên.

Anh định bảo rằng: "Chôn cạn sợ chó đánh hơi đào xác" nhưng nghĩ nói vậy nghe tội tình quá. Cho đến người sống, dù họ hung hăng gấp mấy, anh Hai cũng không muốn nói một tiếng mất lòng, nỡ nào bạc miệng bạc mồm đối với người đã nhắm mắt.

Hương Đại xì một tiếng lớn:

- Nên với không gì! Đủ sức thì thôi chớ *hị*. Tui bần vét lại thì vừa. Anh Hai chịu khó vét sơ sơ đi. Mình nghĩ, chôn dưới động cát có khỏe hơn không? Công sức đào một cái huyết trên đồng có thể đào được mười lăm, hai mươi cái ở dưới cát.

Anh Hai Cấn nhú mày:

- Nói nghe lạ quá. Nắm xương mình gởi trên đồng nó cũng hơn chớ. Đất đồng nó dễ dặt hơn, nó ấm áp hơn. Từ hồi ông bà đến chừ ai cũng muốn chôn được gần làng, xã, chớ ai nỡ đem cái xác bỏ vùi, bỏ lấp dọc *động* như mả cô hồn.

Suốt buổi, đây là lần thứ nhất anh Hai nói nhiều như thế. Đòi anh, anh chỉ ao ước sau này có được nắm mộ trên đồng, nắm mộ ở giữa

lúa ruộng, gần với mồ mả ông bà, mồ mả người xóm, người làng, được gởi mình giữa lớp đất dễ dặt mà trọn cuộc đời anh cày một cách cực khổ, lam lũ, nhưng vẫn thiếu trước hụt sau chịu kiếp cô đơn.

Đức Lớn im lặng giây lâu, có vẻ suy nghĩ, rồi cũng phụ họa:

- Phải rồi. Anh Hai nói phải. Cực nhọc bao lăm mà gởi được xác trên đồng cũng yên ổn hơn. Phải, thôi, anh Hai chịu khó vét sơ rồi ta hạ huyết.

Trong khi vội vàng lùa cháo vào họng, nhiều lần anh Hai Cẩn có cảm tưởng những thứ cứng cứng và khô xảm ấy không phải thuộc về loài vịt, nhưng cũng cố nghĩ đây là thịt vịt. Đặt đĩa xuống rồi, anh vẫn thòm thèm nhưng nhìn nồi cháo sạch quẹt sau khi Hương Đại cúi vét sần sật tường lưng đáy nồi, anh bỗng nhớ đến ông Cẩn, mẹ con thằng Còi... Phải chi mỗi người được một bát cháo để ăn, họ sẽ thỏa dạ biết là bao nhiêu!

Suốt trong bữa ăn không ai nói gì đến người đã chết. Mọi người làm thinh, làm thế mà húp sùm sụp, cánh tay cầm đĩa ngoáy đều, cặp mắt lảo liên đảo vòng từ nơi đáy nồi đến những cái bát của người bên cạnh. Ăn xong, anh Hai nghĩ rằng trước khi về nhà nên nói một câu dích lú đến người đã chết cho hợp đạo trời, nhưng ngồi tìm mãi không có câu nào nghe được, anh bèn đứng lên chào hết mọi người, quày quả bước ra. Hương Đại hai lần xuống bếp thấp thuốc nhưng nhìn quanh quất không thấy mẹ vợ Đức Lớn nên cũng bước theo. Thủ Tự những muốn bắt chước hai người, nhưng nhớ lại sự chờ đợi của mình suốt cả buổi sáng, bây giờ ăn xong về liền coi ra không tiện, đành ngồi rón lại giảng giải:

- Con người sống chết là do cái số, đó chú Đức à... Thằng Nhỏ chết đúng cái ngày cũng tốt, lại được cái mồ cái mả trên đồng, rứa là mọi bề cũng được êm đẹp...

Thủ Tự đột ngột dừng lại. Mới quay sang nhìn, ông thấy Đức Lớn ngồi dựa vào cột, đầu ngoẹo một bên ngủ từ bao giờ, khóe mồm nhô ra một dòng nước dãi. Thủ Tự nhẹ nhàng đứng lên, rón rén bước ra.

Vừa qua khỏi ngõ ông Trà, bước sang vườn của bà Đầy, Thủ Tụ nghe nhiều tiếng chửi vọng ra. Rồi ở dưới vườn Hai Trí có tiếng chửi đồng trả lại. Theo đúng quy luật phát triển của loài ngôn ngữ, họ bắt đầu bằng tiếng một, sau tiến lên đến câu dài, rồi mới thành chương, thành bài tuôn ra một lượt, không có bên nào chịu nghe bên nào. Ban đầu cả hai cùng ở trong nhà chửi qua kẻ phen, nhưng sau vì cùng đua nhau nói lớn không ai nghe rõ được mình nói năng những gì, nên đồng tiến ra phía sau, lựa chỗ ảng nước để làm thế đứng, chỗ miệng sang rào, chửi nhau kịch liệt hơn trước. Thủ Tụ toan vào can thiệp để họ nể mình im đi nhưng sau thoáng nghe trong câu họ chửi có nhắc nhở hoài hai tiếng "thịt vịt", Thủ Tụ chợt dạ làm thinh đi luôn. Được một quãng, gặp bóng cây trâm ở góc vườn khá mát, Thủ Tụ bèn ngồi xuống chỗ tai nghe. Bây giờ quá mệt, họ thôi làm bài, và trở về từng câu ngắn. Tiếng bà Đầy gào khan:

- Tao đào mả cha mi ra cho mi coi!

Lập tức, vợ Hai Trí the the đáp lại:

- Mả cha tao chôn trên đồng, đổ thằng-lằng-cha đứa nào có giỏi thì lên mà đào. Nói mà không làm được là đồ uống máu đẻ!

Thủ Tụ nghĩ thầm: "Cũng may mà đem chôn cả trên đồng, nếu chôn dưới cát thì chắc người chết ăn nằm không yên".

Tiếng bà Đầy găng gượng:

- Máu đẻ đem đổ trên đầu cao tăng cổ tổ nhà mi!

Giọng vợ Hai Trí không chút nao núng:

- Quơ mà nuốt hết đi rồi chứ đâu có còn mà đổ trên đầu đứa nào. Ôi chào! Thèm lắm! Thèm lắm lắm mà! Ăn cái của dơ, của nhớp vô rồi chửi thì mạnh miệng lắm mà!

- Không biết đứa nào thèm! Không biết đứa nào thèm!

- Ừ, không biết đứa nào thèm. Cái của bất lương, phi nghĩa là cái của dơ, của nhớp, còn vực đầu vô mà ăn, không biết xấu hổ, lại hả hê ra mà nói nữa tề!

- Người ta cho tao ăn thì tao ăn. Tao không ăn cắp, ăn trộm. Đừng ăn không được rồi canh nanh, sửa hoài, điếc đít!

Thủ Tự nhớ như lúc nãy có nhìn thấy mẹ Đực Lớn tay cầm cái bát, đi bằng theo ngõ rào dưới về nhà. Đầu đuôi câu chuyện chửi bởi nguyên do là thế: Mẹ vợ Đực Lớn đem cho bà Đầy bát cháo. Nhưng không đi bằng ngõ trước, mà cố tình bằng ngõ sau cho mẹ Hai Trí nhìn thấy. Chẳng là tháng trước, khi cắt rạ đêm trên đồng về bỏ chuồng bò, vợ của Đực Lớn có hốt trộm của ông Trà mất một đầu gánh. Đem về chưa lọt thì bị ông Trà bắt được quả tang. Sau này mẹ vợ Đực Lớn dò biết là tại mẹ Hai Trí mách, và ông Trà thưởng cho mẹ này nửa gánh rạ. Đã lâu hậm hực trong lòng nay mới có dịp trả thù, bởi vì cho cháo bà Đầy tức là khiêu khích mẹ vợ Hai Trí.

Trong khi ngồi nhìn bà Đầy húp cháo, mẹ vợ Đực Lớn kể lể tất cả thói xấu của con gái lão Bàng - một cách gọi vợ Hai Trí. Bà Đầy vừa lừa cháo, vừa gục đầu. Chưa bao giờ hai người tỏ ra tương đắc như thế. Họ ngồi chò hờ ở nơi cửa sau nên từ nhà của Hai Trí trông lên rất rõ. Vợ Hai Trí mới ăn một rổ rau luộc từ nửa buổi nhưng đến bây giờ thấy đói hung rồi. Nhìn thấy mẹ Đầy vừa ăn, vừa nói, mà ghét. Đến lúc vợ của Đực Lớn đứng dậy ra về, còn thấy bà Đầy kêu lại nói những chuyện gì, vừa chỉ tay xuống nhà mình, tức thì mẹ vợ Hai Trí đứng lên, chạy rút đũa bếp, giáng mạnh xuống lưng con Vện ốm đã lòi xương, chửi đồng:

- Mẹ cha mi! Biết ăn mà không biết liếm cái bát cho sạch!

Lập tức, bà Đầy hiểu ngay là vợ Hai Trí nói đùa nào rồi.

Vội vàng, bà ta cũng quơ đũa bếp, đập túi bụi vào con Vàng nhỏ chút cho kêu ăng ăng, vừa nói thật to:

- Cố tổ mi! Có mà liếm cái ngử cứt ngoài gò!

Thế là cuộc chiến bắt đầu. Từ chỗ nói bóng, nói gió, hai người đi dần vào trong cuộc đời tư riêng của nhau, lôi cả dĩ vãng không lấy gì làm tốt đẹp của nhau ra nói. Có nhiều chuyện hoặc đã rõ, hoặc chưa biết rõ, bây giờ được đem phổ biến hết sức hăng hái. Nào là mẹ vợ Hai Trí vào dịp năm ngoái đi cấy cho nhà Cửu Thưởng làng ngoài,

ăn vụng cá kho dưới bếp, sau đổ thừa cho chó... Nào là vợ chồng Hai Trí là bọn vô đạo, năm ngoái hạ bàn thờ cha chúng xuống, để làm giường nằm...

Tiếng vợ Hai Trí thét lên:

- Cái đồ ăn bậy nói xàm. Nghèo thì tao chịu, chứ tao không làm cái chuyện vô đạo, vô *lương*!

Vợ của Hai Trí nhất định không bao giờ làm những chuyện vô đạo, vô luân. Chỉ có hồ sơ bà Đầy - theo vợ Hai Trí - thiệt mới đáng nên truy cứu rõ ràng: nào là mấy lần moi trộm khoai của ông Hòa... nào là đã già khú để mà còn gái trai với lại Thủ Tụ...

Thủ Tụ vụt đứng thẳng lên, bước đi rất nhanh. Những mục đàn bà điên loạn không còn nể nang ai nữa. Thủ Tụ thấy mình chưa hề có chuyện lằng nhằng với bà Đầy, thế mà con vợ Hai Trí cứ việc ám xác nói điều bậy bạ thiệt là xấu hổ quá sức. Đúng ra, không phải Thủ Tụ không có ý nghĩ ấy đâu. Nguyên bà Đầy rất thèm có một đứa con. Lần đầu bà nuôi một đứa con gái, không biết con ai, lạc loài vào trong động cát. Được đôi ba năm, con bé quả gánh xuống sông mua muối rồi lên ngồi luôn trên ghe một gã thuyền chài. Bà Đầy chờ đợi mãi mòn, dáo dác đi tìm nhưng không biết chiếc thuyền tình trôi giạt bến nào. Cho rằng con gái là đồ bội bạc, bà xin một đứa con trai, con út của lão Ba Chỉ. Ba Chỉ nghèo quá mà người vợ lại cứ để năm một nên khổ tâm lắm. Mỗi lần biết mình có thai là bà ngồi khóc bù lu bù loa và mỗi lần đẻ không quên réo chửi bằng đủ danh từ tòi tẹ cái "thằng chồng già chết dịch, chết toi". Đẻ đến thằng Đò thì bà Ba Chỉ hằm hằm cầm dao chỉ vào dưới rún ông Ba độ chừng hai tấc, bảo rằng nếu lúc đêm khuya canh vắng mà còn mon men tính chuyện vợ chồng chung chạ, thì bà... cắt đứt một phen cho tiết giống nòi. Ông Ba tỏ vẻ bình tĩnh, xem thường mọi lời dọa nạt công khai như vậy. Theo ông, khi người ta nói toạc hoạc mọi điều đáng lẽ phải nên chôn giấu trong ruột, thì nhất định là người ta vô hại. Hơn nữa, dù có phải bị "cắt đứt" thật sự, thì giống nòi ông với bảy đứa trai và hai đứa gái lúc nhúc hiện giờ cũng khó mà tiết cho nòi. Ông còn thách đố trở lại, và hứa sẽ còn đẻ nữa cho xem. Tuy vậy, kể từ ngày đó thì bà Ba Chỉ đã đình chỉ được công việc đẻ chữa mà bà

chăm chỉ thực hiện trong mấy mươi năm. Gặp mùa đói kém, vợ chồng ông Ba ưng thuận để cho thằng Đồ về làm con nuôi bà Đầy. Nhưng được ít năm, thằng Đồ về thăm cha mẹ và được cha nó gửi lên trên làng học nghề thợ mộc. Bà Đầy tuyệt vọng, bắt đầu hoài nghi những đứa con nuôi. Giữa tình cảnh ấy, Thủ Tụ nhiều phen cũng thấy động lòng thương xót. Trong cuộc gặp gỡ chuyện trò với bà Đầy, nhiều lần Thủ Tụ cũng than thở rằng mình tốt giống quá, "cựa đâu để đó" không sao mà nuôi cho xiết. Bà Đầy liền cười hô hố, đáp lời:

- Sao không chia sớt cho kẻ thiếu thốn, ông Thủ!

Ông Thủ cũng cười hô hố, ra vẻ thông cảm. Tuy vậy, Thủ Tụ là người phải chịu trách nhiệm việc xóm cho nên Thủ Tụ cần phải giữ gìn. Nhất là sau khi đôi bên đã bày tỏ được ý tứ của mình, Thủ Tụ nhận thấy cần phải giữ gìn hơn nữa. Công việc mới đi tới đó, vậy thì có gì là bậy bạ đâu? Con vợ Hai Trí là đồ trời đánh trật búa, ăn nói điên khùng.

Thủ Tụ hối hận tại sao lúc nãy mình không nhảy vào nạt thét một trận cho chúng im đi. Bây giờ thì muộn quá rồi. Về phần Thủ Tụ thì không còn mặt mũi nào để vào nói nữa, mà phần hai người đàn bà thì đã quá say máu ngà, không còn cách gì ngăn lại cho được. Không những chửi vì giận nhau, họ còn chửi vì có biết bao nhiêu mối giận với biết bao người trong xóm. Lại thêm không thể làm gì hơn nữa trong cảnh túng đói cùng quẫn, nên sự chửi rửa giúp họ trút bớt những nỗi căm hờn không đâu, đem lại cho họ ít nhiều ảo tưởng về cái sức mạnh của mình.

Nhưng bỗng Thủ Tụ dừng bước đưa tay lên véo một cạnh râu mép, nghiêng tai nghe ngóng... Mặc dù giọng của bà Đầy cố sức phá đám nhưng tiếng mụ vợ Hai Trí trẻ hơn, thanh hơn, nên rõ mồn một. Bây giờ mụ vợ Hai Trí đang kể đến khúc bà Đầy có mang với lão Hai Nguyên, một người lái bò què quặt. Nào là bà Đầy quán cái bụng lại không cho ai biết, tới kỳ sinh đẻ, đem con bỏ trên bờ suối. Nào là bà Đầy lập mưu cho lão Hai Nguyên giả đồ tình cờ qua suối bắt gặp "con ai không biết" rồi mang nó về rêu rao khắp xóm, nhờ người ta nuôi lấy phúc, lấy đức. Thế rồi lại chính bà Đầy chạy ra, vừa chửi

"cái bọn chữa hoang, đẻ bậy", vừa xin thằng nhỏ về nuôi. "Bây giờ đã rõ cái mặt ra chưa? Bà con khắp xóm ai không nhìn biết cái tướng thằng Đà! Cái miệng tòa loa như miệng mụ Đầy, con mắt ti hí như mắt lão Nguyên..."

Đã đến cái độ không ngăn cản được nữa rồi. Chưa có bao giờ hai người giận nhau đến thế. Cũng chưa bao giờ họ lại tỏ ra có sức đến thế. Chuyện xưa, chuyện nay đã nói cả rồi. Bà con trong xóm, trên làng, cũng được nhắc đến cả rồi. Tới những người chết từ đời thuở nào cũng được gọi lên để dự những đám cỗ lớn gồm toàn các thứ dờ nhóp nhát trong thiên hạ. Chỉ còn một nước cuối cùng: đánh nhau.

Hai người áp tới một lượt, và gặp nhau chỗ bờ cát. Họ đánh đấm túi bụi, xô nhau, kéo nhau, lôi tóc nhau, cào cấu trên quần trên áo của nhau, miệng thở phè phè. Khi hai người té nhoài ra, mỗi người mỗi ngã, thì trên khoe miệng ai cũng có một ít máu và lớp quần áo không còn là những thứ dùng che đậy thân thể. Mụ vợ Hai Trí chồm chồm ngồi lên, cố hét bằng giọng đã khàn:

- Tao đốt nhà cho mi coi!

Bà Đầy cũng vội trườn lên gào lại, giọng khàn hơn:

- Đố mười mặt mi. Tao cũng đốt nhà mi coi!

Thế là hai người lạch ạch ai về nhà nấy. Phút chốc mỗi người chạy ra thối phì phì trên con cuối bằng rơm. Họ nhìn nhau, liếc quanh mong có người nào can gián, nhưng không một ai có mặt đấy cả. Họ lại nhìn nhau rồi làm vẻ rất cương quyết hì hụi chạy dí lửa vào mái tranh của nhau. Những ngôi nhà tranh giòn rụm dưới nắng hạ như đói lửa, cháy lên ngùn ngụt. Hai người đàn bà, ai vội chạy về nhà nấy, kêu cứu, la làng inh ỏi. Nhưng giọng của họ hầu như đã tắt hẳn rồi.

Đến lúc Hai Trí chạy về tới sân và thằng Đà lùa con nghé đến ngó thì hai ngôi nhà chỉ là hai nhúm tro tàn. Cạnh mỗi đống tro tàn ấy, mỗi người đàn bà xờ xạc, lỏa lồ, mồ hôi muối đầy cát trắng, tro đen, nằm thở hào hển như sắp chết gập.

1.1957

Một chuyến xe

Chiếc xe Dodge lù lù bò lên dốc, tiếng máy rú dài như một con vật mệt nhọc bị vây đuổi gáp. Qua một khúc eo và gặp quãng đường bình hơn, người tài xế đổi tốc độ, dận thêm ga cho xe vượt khỏi chặng đường đèo khuất gió, hằm hơi vì nắng xế chiều nung đốt và mùi khói xăng khét lẹt.

Trong xe, ngoài người tài xế và người phụ máy, có sáu hành khách chiếm trọn ghế trước và ghế thứ nhì. Ban đầu chỉ hai hành khách - một người chủ tiệm và gã con trai - thuê trọn chuyến xe để chở hàng nhà. Nhưng vừa ra khỏi thành phố, có người Hoa kiều đón xe, chủ hàng nhận biết là người buôn bán quen thuộc, sợ bỏ lỡ một dịp tốt để trao đổi việc mua bán, chủ hàng đồng ý để người tài xế rước khách. Hai ông cùng ngồi ghế trước, bên cạnh bác tài. Người con trai ông chủ nằm dài trên ghế thứ nhì cố tìm giấc ngủ sau một đêm thức trắng để hành lạc ở chốn thị thành. Những tiếng cười của người Hoa kiều và giọng nói rất lớn của cha anh cố át tiếng máy làm anh tỉnh dậy. Anh bỗng nhận thấy tiếng cười của người Hoa kiều có một vẻ gì rất đổi vô duyên, và cha của anh có lối hứng thích nói chuyện không mấy hợp thời. Anh định ngủ lại, nhưng giấc ngủ có lẽ đã tụt khỏi xe và đang đuổi theo không kịp chiếc máy xả hết tốc lực. Anh ngồi dậy, cho rằng người ta chỉ có thể tìm được giấc ngủ khi tỏ ra không cần đến nó. Nhưng vừa nhìn ra phía trước anh thấy hai người vẫy xe một cách vội vã dưới ánh nắng trưa. Có lẽ là hai mẹ con. Người con mặc chiếc áo hồng thực đẹp. Người tài xế liếc nhìn sang người chủ hàng, thấy ông này vẫn yên lặng nên định chạy luôn nhưng người thanh niên đã đập vào vai anh ta và bảo dừng lại. Người cha tỏ vẻ không được bằng lòng, toan giục chạy đi, nhưng ông chợt thấy người đàn bà còn nhiều duyên dáng trong cái xuân tàn và ăn mặc khá sang trọng. Ông làm thỉnh, giữ vẻ nghiêm nghị. Nhưng khi bà kia vừa bước lên xe, ông nhìn khuôn mặt thon thon phản chiếu vào tấm gương ở trước mặt, cảm thấy phải nói một câu có lợi, vừa để thanh minh thái độ của mình với người tài xế, vừa để gọi sự chú ý của bà khách nọ:

- Thôi, chạy đi kéo trễ giờ rồi!

Cô gái lên xe, thấy người trai trẻ nhìn mình chòng chọc, toan lùi xuống nhường cho mẹ vào trước nhưng nghe hối chạy nên phải vội vàng ngồi xuống một cách ép uổng. Người con trai cảm thấy cha mình xử sự rất là hợp thời. Bây giờ, anh không thấy buồn ngủ nữa. Trái lại, anh đang tỉnh táo hơn bao giờ hết.

Được một đoạn đường, chiếc xe đang xả hết tốc lực bỗng dừng lại trước một căn nhà nhỏ bên đường. Người tài xế bóp còi, rồi quay sang ông chủ:

- Tôi gọi nhà tôi.

Một người đàn bà đi ra, chậm chạp, uốn éo. Chị lên xe nhìn quanh, hình như phật ý vì phải ngồi xa bác tài, nhưng sau nhận thấy ai cũng có vẻ sốt ruột, chị đành ngồi xuống phía ngoài người đàn bà kia.

Xe lại chạy.

Sau khi vượt hết quãng đường trường vắng vắng, chiếc xe lại hồng hộc vượt đèo. Ông chủ hàng đã hết nói chuyện, thỉnh thoảng nhìn lên tấm gương trước mặt. Người Hoa kiều có vẻ bồn chồn như sự nhớ một điều gì không được an tâm. Ở ghế sau, cô gái và chàng trai trẻ đã đi qua được giai đoạn mở đề và họ bắt đầu chung góp ý kiến để chỉ trích những sai lầm của tất cả nam nữ thanh niên sống trong xã hội ngày nay. Hai người đàn bà kia, không ai bảo ai, cũng cảm thấy rất tự nhiên rằng xe hơi là loại máy ru ngủ rất tốt. Ở phía sau, người phụ máy bám chặt thành xe, mồ hôi nhễ nhại, sẵn sàng vồ lấy cục canh để nhảy vọt xuống mỗi khi chiếc xe tắt máy giữa dốc.

Lên đến đỉnh đèo, người tài xế dừng xe, nghỉ cho mát máy. Trong lúc người phụ máy rẽ đám cỏ tranh bước xuống chân cầu mức ít nước suối đổ vào "két" nước, mọi người đã bước xuống xe, khoan khoái nhìn cảnh trời bể bao la trước mắt.

Ông chủ hàng vừa đứng gần mẹ cô gái, vừa xem xét lại hàng hóa, cố tìm một chỗ sơ hở trong các nọc dây dưa cột chằng chịt. Ông xây lại người đàn bà, thấy cần phải giải thích thêm một điểm mà ông đoán rằng bà này chưa được rõ ràng:

- Bà rất có duyên đi sớm được chuyến xe này, vì tôi thuê trọn để chở hàng nhà. Đáng lý là xe không chở một ai.

Người đàn bà hơi nghiêng đầu, hơi nhếch môi, nhưng không biết tỏ thế nào cho hợp lẽ hơn nên đành làm thinh. Tuy vậy, cặp mắt bà ta có vẻ dịu dàng hơn trước và bấy nhiêu đó cũng làm ông chủ khoan khoái trong lòng.

Người con ông chủ leo lên một mỏm đá lớn gần đường, đôi tay chống nạnh, nhìn ra bể xa với vẻ chăm chú của một thi sĩ say đắm cảnh vật. Thỉnh thoảng anh không quên rằng trong cảnh vật ấy có người thiếu nữ. Và người thiếu nữ lấy chiếc khăn tay màu xanh cột rất lâu lên mái tóc bồng phát phơ trước gió, cố giữ mãi dáng điệu ưỡn ngực một cách rất là tự nhiên.

Anh tài xế dựa vào thành xe lấy thuốc thơm hút, âu yếm nhìn người đàn bà mà anh gọi là "nhà tôi" lúc nãy. Người đàn bà lấy tay véo vào sườn anh, nở một nụ cười không thể tìm thấy trong các bà vợ. Khi ngược lên, thấy mọi người chăm chú ngó mình, anh ta đưa tay chỉ về một dốc núi xa và nói:

- Các người trông cái sườn dốc xa kia... Chỗ mảng núi sụp lở kia. Ấy đấy! Nơi đó bao nhiêu chuyến xe đổ đèo đã nhào xuống biển.

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng tay anh chỉ, im lặng một cách ý nghĩa.

Anh tài xế nói tiếp:

- Bao nhiêu chiếc xe cùng với bao nhiêu mạng người tan tành chỉ vì sơ ý một chút mà thôi.

Anh rút một hơi thuốc dài, phun khói rất mạnh, mỉm cười như không chú ý mấy đến câu nói vừa rồi. Mọi người vẫn còn trầm ngâm nhìn về phía núi cheo leo khuất bóng nắng chiều, bắt đầu nhuộm màu xanh sẫm. Họ lấy cặp mắt đo từ sườn xa xuống dưới vực thẳm và tưởng chừng như linh hồn những người tử nạn vẫn còn phảng phất chung quanh.

Người trai trẻ cố nói một giọng tự nhiên:

- Vừa rồi báo chí đăng một tai nạn xe hơi hết sức thảm khốc xảy ra ở tại Bokor, bên Miên. Một chiếc xe đồ và chiếc xe nhà chạm nhau ở trên đầu núi rồi cùng lăn xuống biển sâu. Chưa rõ bao nhiêu người chết.

Mọi người lại đứng trong sự im lặng. Trời bắt đầu chiều. Gió biển thổi vào mạnh hơn, rung chuyển ngàn cây. Ai nấy cảm thấy rờn rợn.

Người phụ máy đã đổ nước xong.

Mọi người lên xe. Lần này, tuy không có ai giục giã nhưng cô gái thấy không cần phải đổi chỗ nữa. Khi xe nổ máy, người ta mới nhớ thiếu người Hoa kiều. Sau một hồi còi của tài xế, ông ta mới từ bụi rậm vội vàng bước ra, nét mặt bình tĩnh hơn trước khá nhiều.

Xe bắt đầu xuống dốc. Mọi người nghe gió vun vút đập vào thành xe, núi rừng vọng lại tiếng máy nổ đều. Sức chạy nhanh như kích thích, khiến mọi người say sưa, một nỗi say sưa xen lẫn kiêu hãnh thường tìm thấy trong con người thời đại máy móc những lúc bị quay nhanh trong tốc độ.

Giữa phút miên man ấy, những câu nói vừa qua của người tài xế và hình ảnh tai nạn thảm khốc ở Cao Miên như lờn vờn trong óc mọi người. Ông chủ hàng bỗng nhiên nghĩ rằng một tai nạn có thể xảy ra và gia đình ông sẽ lâm vào cảnh đau thương hết sức. Ông và con ông sẽ chết gục bên sườn núi, trong một chiếc xe gãy vụn hoặc nằm bẹp dí dưới một hố sâu. Hàng hóa ông sẽ tan tác, cửa tiệm ông sẽ phá sản. Vợ ông đầu quần hai lớp khăn tang khóc lóc, trọn đời thủ tiết thờ ông. Hay là nó sẽ đi lấy chồng khác? Ông lại nghĩ thâm như thế. Biết đâu nó không lấy tên chủ tiệm góc phố giàu có, góa vợ từ mấy năm nay? Biết đâu nó lại chẳng lấy lão Hoa kiều này, nếu lão sống sót? Ủ, lão này sống sót sẽ tìm vợ ta để báo cái tin đau đớn và sẽ giả vờ méo mặt chia buồn, thỉnh thoảng lại đến viếng thăm an ủi. Trông nó cũng không đến nỗi xấu người, xem chừng đàn bà cũng có thể ưa nụ cười hềnh hếch, đi đôi với cặp mắt hin hít này. Chắc là khi lấy nhau xong nó sẽ dẹp gấp bàn thờ của ta và của con ta. Không, nó sẽ để đấy nhưng thu dẹp lại một xó vì sợ miệng thế chê cười. Khi ấy có lẽ ta đã thành chồng con mẹ ngồi ở ghế sau. Đến lúc vợ ta

chết xuống, nó sẽ ghen đấy, nhưng ai bảo nó lấy lão Hoa kiều?... Lão này thừa dịp trục lợi những công việc ta bàn tính ban nãy và làm giàu chẳng mấy chốc. Bây giờ lão đang lúng túng, nhưng người Hoa kiều vốn buôn bán giỏi. Thực ra, cũng không đũa nào giỏi hơn ta được. Nhưng một người ít may mắn như cái lão này, làm sao thoát được tai nạn hiểm nghèo mà ta không thể vượt khỏi? Nếu một trong hai người này phải chết, nhất định không phải là ta.

Tự nhiên ông thấy rằng ông không sao chết được. Có chết chẳng là người Hoa kiều này. Thời vận của ông rất tốt, không thể có sự vô lý xảy ra giữa lúc thuận buồm xuôi gió. Chính người thầy Tàu nổi tiếng nhất về tướng số đã bảo đến năm bốn mươi tám tuổi ông sẽ phát đạt tột bậc. Còn những ba năm. Có rủi ro chẳng cũng chín, mười năm nữa kia. Nhưng nghĩ cũng vô lý nốt. Mạng ông rất thọ. Bao nhiêu lá số tử vi đều nói giống y như vậy. Ông còn bao nhiêu dự định trong đầu, toàn là mưu lược kinh doanh tuyệt vời, nhất định cuộc sống phải cần đến sự có mặt của ông không biết bao nhiêu năm nữa. Biết đâu ông lại chẳng sống dai như một người lột xác, để chứng kiến cuộc bể dâu dòn dập này đây. Điều này cũng có lý lắm vì sức khỏe ông dồi dào và gia đình ông phúc hậu. Ông chẳng phải người phúc đức là gì? Ông vẫn thỉnh thoảng giúp đỡ những người túng thiếu bằng cách cho vay nhẹ lãi đấy ư? Ông đã vui lòng để cho mẹ con người đàn bà này lên xe khởi phải chờ đợi giữa lúc trưa nắng đấy ư? Ông mỉm cười, tự thấy bằng lòng cho mình nhiều lắm. Tiếng máy xe nổ giòn giã nghe vui tai lạ. Ông liếc sang người Hoa kiều, chú này vẫn giữ vẻ mặt tự nhiên. Sau khi trút sạch được mỗi bản khoán ở một lùm cây bên rừng, bây giờ chú thấy dễ chịu, yên lòng. Chú không nghe người tài xế nói chuyện, cũng không nghe người trai trẻ kể lại tin tức. Con đường này đối với chú quen thuộc quá rồi. Chú đang lơ mơ nghĩ lại câu chuyện mua bán mà người chủ hàng vừa nói, cố tìm xem thử có phải là sự lừa phỉnh hay không. Nếu hợp tác được với hắn, mình sẽ có cách sinh lợi nhiều bề mà hắn không sao ngờ được. Nhưng chắc là phải lên xuống con đường này luôn thì cũng hơi phiền. Bỗng nhiên nhớ đến hai má phình phính của xẩm Lìn, chú thấy vui vui. Chuyển sau mình xuống, nhất định ngủ lại nhà nó. Chú ngược nhìn lên tám gương trước mặt. Hình như

người chủ hàng cũng nhìn lên tấm gương và mặt người đàn bà thon thon kia bỗng nhiên cúi xuống. Chú quay lại sau, nhìn vào khuôn mặt tròn mập và trát đầy phấn của "vợ" bác tài. Chị này quay nhìn ra ngoài. Sau cùng chú cúi xuống nhìn cái ruột mình và thấy đói bụng.

Trong khi đó, ở ghế sau cặp trai trẻ qua những phút im lặng rất phong phú đã bắt đầu nói chuyện lại. Nàng buột miệng nói:

- Xe chạy nhanh quá nhỉ...?

Chàng không hiểu được ý nghĩa sâu xa trong câu nàng nói, nhưng vội trả lời một cách sẵn đón:

- Vâng, hơi mau nhưng không hại gì. Anh tài xế này vững lắm. Và lại những hôm nào đi xe nhà, tôi thường chạy nhanh hơn nhiều.

Sự thật anh ta không có xe nhà. Tuy nhiên, anh thấy cần phải nói thêm để cho có vẻ khiêm tốn và đủ ý nghĩa.

- Xe nhỏ bao giờ cũng dễ đi hơn, cô ạ. Lại ít xảy ra tai nạn.

Đó là câu nói không chút căn cứ, nhưng người con gái không chú ý đến sự phân tích. Tiếng tai nạn bỗng gọi lại trong óc của nàng những hình ảnh tưởng đã xóa nhòa. Nàng có thể chết vì chuyến xe này, hồng nhan vốn thường bạc mệnh. Nàng sẽ có một nắm mồ bên đàng và mỗi chiều thu lá rụng sẽ có những người yêu nàng, cả chàng trai trẻ này nữa, khóc nàng ở đấy. Nàng sẽ hóa thành yêu tinh chòu ghẹo những khách qua đường. Nàng sẽ hát trên ngọn núi, bay ngoài mặt biển, chạy trên cây rừng. Những đêm trăng sáng về khuya, nàng sẽ xõa tóc ở bên bờ suối và cặp tình nhân lạc loài nào đó sẽ nghe tiếng nàng thở dài... Tự nhiên, người con gái thấy lòng mình xúc động và nghe cay trên khóe mắt. Nàng còn yêu đời và chưa thực sự yêu ai... Trinh nữ ít khi bị chết vì họ còn trả nợ đời. Và lại, có bao nhiêu người yêu nàng, nàng phải sống chứ!... Nàng tự trách mình sao khéo lãng mạn, suy nghĩ viễn vông... Người trai lịch thiệp, con ông chủ hàng hiền lành đã biết địa chỉ của nàng và hứa sẽ đến nhà nàng một hôm nào đây. Hôm nào? Có nên hỏi rõ ngày không? Như thế nghe vô duyên lắm. Tự nhiên, nàng nghĩ có thể ngày kia nàng là vợ của người này... Không, anh ta dù sẽ hết sức tỏ

tình, ta vẫn từ chối, ta không thể yêu ai hết, vì ta có một nỗi lòng u ẩn, xa xôi...

Nàng liếc qua người trai trẻ để xem nếu thế thì anh ta sẽ thất vọng ra sao. Anh chàng thấy người con gái im lặng triền miên nên đã quay nhìn ra phía biển khơi. Anh đang nghĩ đến một sự rủi ro. Có thể xe này rớt xuống biển sâu và mọi người sẽ chết hết, trừ một mình anh. Anh cũng thấy ngòai ở chỗ anh đây khó lòng mà tìm lối thoát. Biết đâu anh không kịp thời vọt ra khỏi cửa hẹp này? Biết đâu khi xe lăn lông lốc trên sườn non anh không bị rớt ra ngoài, bám kịp vào một ngọn cây? Biết đâu xuống dưới biển khơi anh không nín thở tìm cách bơi ra... Như thế, anh là một người đặc biệt, có một vận mệnh lạ lùng, một người như thế sau này có thể thành một vĩ nhân. Chắc sau tai nạn, báo chí sẽ in hình anh, sẽ nói đến anh như người có một bản lĩnh phi thường. Anh sẽ viết bài tường thuật những phút rùng rợn vừa qua, hoặc anh sẽ kể lại cho một đôi nhà báo, sau cùng nếu họ muốn hỏi cảm tưởng lúc đó, anh chỉ mỉm cười, làm như không để ý tới, rồi sẽ trả lời vắn tắt:

- Không có cảm tưởng gì lạ. Chỉ hơi ngạc nhiên ít phút ban đầu. Nhưng luôn hiểu rằng cần phải chiến đấu, vượt mọi hiểm nghèo để sống. Chỉ tiếc tai nạn xảy ra quá sức đột ngột, không cứu sống được ai hết.

Ý nghĩ sau này làm anh vừa kiêu hãnh vừa hơi buồn. Như thế, anh đành mang khối hận tình. Người con gái này chết đi sẽ làm cho anh đau khổ không bao giờ nguôi. Suốt đời anh quyết sẽ không lấy vợ, mặc dù bao nhiêu người đẹp yêu anh. Anh nghĩ: Có lẽ ta thành thi sĩ để khóc thương nàng. Đời sau sẽ nói: "Đó là một mối tình cao thượng nhất từ cổ chí kim".

Anh chống tay ra ngoài lề cửa, chuẩn bị để đối phó với tai nạn. Bỗng anh mang máng thấy rằng từ xưa đến nay anh chưa tỏ ra cao thượng lần nào đối với phụ nữ, có thể cao thượng là điểm mà anh ghét nhất cũng nên. Vậy cô gái này có thể thoát khỏi tai nạn để cùng ta thành vợ chồng. Ta cứu được nàng chuyển này nàng sẽ lấy ta nhất định. Nàng sẽ yêu ta không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng e rằng có một lúc ta không còn yêu nàng nữa. Vóc nàng hơi gầy, nếu

để ít lần thế nào cũng phải tiêu điều nhan sắc. Biết đâu để xong, nàng lại chẳng mập sồ sề? Anh lại loay hoay tự tạo ra những điều kiện thuận lợi trong óc đặng cứu sống nàng. Dù sao cũng phải cứu nàng, như thế nàng mới chung thủy với ta. Anh không hề nghĩ đến sự phải cứu người khác, kể cả cha anh, có lẽ vì ông ngồi xa anh quá.

Anh quay sang nhìn cô gái hết sức thương cảm. Nhưng anh bắt gặp cặp mắt người mẹ, cặp mắt có vẻ soi thấu gan ruột của anh. Khuôn mặt bà ta bỗng có đủ nét cương quyết của một người tướng giữ thành. Anh lại quay nhìn ra ngoài. Tự nhiên anh thấy yên lòng, bởi vì với một người mẹ như thế hẳn cô gái này chưa có dịp để yêu ai. Ta sẽ tạo nhiều dịp đến thăm nàng, sẽ coi mẹ nàng như là mẹ ta, hơn cả mẹ ta. Ý nghĩ sau này khiến anh tự thấy có đủ can đảm để nhìn mặt người đàn bà. Quả thực, cặp mắt bà ta đã dịu hơn trước. Đây là cặp mắt của một tâm hồn xao xuyến, vì hơn ai hết, người đàn bà này vẫn mang những nỗi thắc thỏm về sự rủi ro mà bà đã nghe nhắc đến ở trên đỉnh đèo. Bà thăm oán trách người tài xế kia đã không biết giữ mồm miệng trong khi đi đường. Nhưng câu nói của người thanh niên kia mới thực đại dột. Họ đều còn trẻ, ăn chưa no, lo chưa tới. Cũng như những người đi rừng không nên nhắc đến "ông thầy", những người đi xe, đi thuyền không nên nhắc đến tai nạn. Đó là những điều đáng lẽ mẹ họ phải răn dạy họ từ khi còn nhỏ. Bà nhìn mọi người với vẻ ái ngại, nghĩ ngợi rất lâu về đứa con gái của bà... Nếu con gái bà chết đi, thì đời bà sẽ khổ lắm. Nhưng bà có sống sót không? A di đà Phật! Không nên nghĩ bậy như thế! Trăm năm mới có một lần. Bà thấy xe chạy mau quá. Lạy Trời, lạy Phật sao cho chuyến này đi được yên ổn. Trời Phật đã từng phù hộ bà nhiều lần rồi và bà chỉ cần cầu khẩn các ngài là qua mọi nỗi lo âu. Thỉnh thoảng bà cũng có đi lễ chùa, lòng thành của bà có lẽ động đến quỷ thần. Phúc phận nhà bà rất lớn, con bà ai cũng bảo sẽ có chồng sang trọng, bà sẽ có nhiều cháu ngoại đều là quý tử... Con gái bà kể cũng xinh đấy chứ? Rất xinh chứ lại. Nó phải cái tự nhiên quá, gặp ai cũng nói chuyện được, cũng làm quen được. Đó là kết quả của mấy năm học xa nhà. Nhưng đây là đứa con trai của ông chủ, ông này kể ra cũng giàu, cũng là người có ý tứ. Biết đâu chuyến này

người ta sẽ không lấy tiền xe mẹ con bà? Cha con nhà này đã chẳng thuê trọn cả chuyến đấy ư?

Chiếc xe vòng lên, vấp phải ổ gà trên đường. Người mẹ giật mình đánh thót, buột miệng: "Mô Phật!" Chị đàn bà ngồi bên bật cười. Chị nheo mắt lại nhìn người đàn bà đang giương cặp mắt lo âu. Người đàn bà kêu lên: "Cho xe chạy chậm bớt lại, bác tài!", bác tài có vẻ không nghe. Chị đàn bà ngồi bên nói bằng một giọng hiểu biết:

- Thôi đi, cụ ơi! Người ta lái xe đã bao nhiêu năm trên đường này rồi.

Và chị thấy người đàn bà quả thực buồn cười. Bà này có lẽ ít đi đâu xa, cũng là một thứ nhà quê. Chị đã từng đi bao nhiêu con đường hiểm nghèo gặp mấy đàng này mà nào chị có biết sợ là gì. Vận mạng của chị ở đâu, là sự tốt lành ở đó. Có chị là y như xe có được yên ổn hơn lên. Chị cũng như một thứ bùa khiến ma quỷ phải kiêng nể. Nhưng chỉ có lão Tư tài xế này chẳng biết kiêng nể gì mình. Hôm nào mình lên đến nơi nó cũng phá phách không ngủ yên được. Chị thoáng nghĩ đến một người khiến chị kiêng nể: đó là vợ của lão Tư, một người đàn bà mà chị thấy là xấu xí, lỗ mãng nhất đời, không bao giờ đi cùng một chuyến xe với chồng nhưng hình như luôn có mặt ở các phòng ngủ để theo dõi chồng. Chị lan man nhớ những đêm gặp gỡ đã qua với người tài xế. Không hiểu tại sao mình lại dễ dãi như thế? Đáng lẽ phải làm mặt nghiêm hơn nhiều. Đôi khi phải làm như không cần đến, phải kháng cự lại. Thỉnh thoảng phải giả vờ đau, đau đầu hay là đau bụng, để từ chối lúc ban đầu. Giả vờ đau đầu thì lịch sự hơn. Bỗng nhìn thấy người tài xế quay lại, chị trở bà ngồi bên cạnh và bảo: "Bà cụ bảo anh đi chậm lại đấy".

Bà này có vẻ như không chú ý câu nói của chị. Bà thấy rõ ràng giữa mình và chị đàn bà ngồi sát bên mình có một khoảng cách rất xa. Người tài xế vẫn cho xe chạy hết tốc lực. Không khi nào xe anh lái mà có thể nguy hiểm được. Anh là tay lái sành sỏi, lành nghề. Một thời gian nữa, anh sẽ bỏ lái, anh sẽ mua xe, làm chủ, sẽ thuê tài xế. Anh thấy rằng trừ anh ra thì bọn tài xế bây giờ chẳng có mấy ai ra dáng. Sau này chắc có nhiều người đi xe vẫn còn nhắc đến tên anh khi qua những con đường dốc hiểm nghèo.

Anh nhìn bóng người tình nhân của anh phản chiếu ở nơi tấm gương trước mặt. Mắt anh dừng lại hơi lâu một chút ở nơi bộ ngực nở nang của người đàn bà. Nhưng rồi con đường bắt anh phải chăm chú vào tay lái. Anh điều khiển xe lượn quanh sườn núi, vượt qua những khúc cầu hẹp, rẽ ngoặt theo những con đường chữ chi một cách tài tình. Anh thấy trong sự điều khiển máy móc ngày nay, chỉ có lái xe ở những đường này là khó khăn nhất. Mình phải đến nơi cho sớm. Liệu có xuống sớm được không? Tối nay sẽ dắt con Sáu đi ăn tiệm nào?

Mảng núi sụp lở hiện ra bên đường. Người tài xế thấy đủ tự tin để cho xe bám nhanh theo triền dốc quanh co và ép sát theo đường vòng rất ngặt. Mọi người trong xe đều ngã hẳn về một phía. Người trai trẻ có dịp đề sát mặt mình vào đầu cô gái và anh người thấy trong tóc mùi thơm nồng dịu. Anh cố nghĩ rằng đó là mùi da cô nàng...

Người phụ máy, khi xe đổ dốc, ngồi ở một chỗ phía sau ép mình vào đồng hàng hóa và mở rộng cánh cửa sau để có thể duỗi thẳng chân chỗ bọc lên xuống. Anh nhìn chiếc quần ka ki đã sờn hai gối và cả chiếc áo bê bối dầu máy, tự hỏi bao giờ mình mới được sống những ngày thông thả? Anh nghe ngóng tiếng máy chạy, nghe nhịp quay nhanh vùn vụt trên đường, cảm thấy đời mình quay lông lốc trong cuộc sống dồn dập xô bồ, mệt nhọc. Làn khói bụi tỏa sau xe cũng mờ mịt như tương lai của anh. Anh có cảm giác lơ mơ đời anh như một chiếc xe chạy cho đến ngày mòn mỏi, không biết nơi đâu là bến cuối cùng... Khi xe quanh ngặt anh bị ngã vẹo người qua một bên khiến anh cau mặt. Anh nghĩ không tội gì phải nôn nả trên những quãng đường vất vả thế này, khi chở hàng nhà không cần tranh khách với xe nào khác. Lúc đó, ở hàng ghế đầu, bác tài mỉm cười nhìn vào tấm gương trước mặt. Chị đàn bà cũng nhìn anh mỉm cười, mắt như ra dấu rằng người ngồi bên cạnh chị đang còn sợ hãi chưa yên. Anh thấy cần phải quay lại nói đùa một câu cho được lòng chị đàn bà:

- Cụ ời, xe qua khỏi chỗ núi sụp rồi đấy. Bây giờ đã gần hết dốc. Chuẩn bị mà ăn cơm nhà.

Anh dặn thêm ga, nhấn kèn, định cho xe vòng rộng ra con đường rồi bẻ quặt lại đột ngột để những kẻ yếu bóng vía có thêm đôi chút cảm tưởng về tài năng anh. Nhưng chiếc xe đã quá trớn, đầu xe húc vào một mô đá nhỏ ven đường, dội lại, hất mạnh mọi người vào thành ghế sau. Người phụ máy nhanh như cắt, nhảy vọt xuống đường, trong khi chiếc xe thẳng đà rượt tới, trườn xuống sườn núi cheo leo...

Người phụ máy bị té sấp xuống lề đường, chân xóc vào tảng đá nhọn. Vốn luôn tỉnh táo như đã thường xuyên chuẩn bị đối phó với những trường hợp bất trắc, anh chồm ngay dậy sau phút bàng hoàng choáng ngợp, chỉ kịp nghe vọng một tiếng rất xa. Anh thoáng nhìn thấy chiếc xe như hộp thiếc nhỏ lăn từ một mỏm đá lớn dưới núi xuống biển rồi mất tăm dạng. Giây phút hãi hùng qua mau như một lần chớp khiến anh sửng sờ, tê liệt hết cả cảm xúc. Khi cúi nhìn thấy máu chảy ròng từ chân mình, anh vội ngồi quỵ xuống một tảng đá bên cạnh. Thoáng trong giây phút, anh có cảm tưởng tảng đá ở dưới vực kia cũng bắt máu đỏ như chỗ mặt nước khỏa bằng đá vùi giấu những mạng người trong chiếc xe kia.

5-1958

Mụ Tư Cò

Gia đình bà Bảy vào ở miếng đất khi nó còn là bãi hoang chen chúc đủ loài cây dại. Một người Hoa kiều mua để cải táng ngôi mộ tổ phụ, cần người coi mộ và coi miếng đất. Bà Bảy nhờ một người con lấy chồng Hoa kiều có mối liên hệ cách bảy tám đời với người chủ đất, giới thiệu để nhận cái nhiệm vụ đó. Quyền lợi được hưởng là nhà bà ở khỏi trả thuế đất hàng năm và gia đình bà có thể trồng trọt ở đấy để hưởng hoa lợi.

Một số gia đình sau đó đã được bà Bảy cho đến tạm trú. Trước nhà bà Bảy, dưới một bụi tre rậm rạp là vợ chồng của Tư Cò ẩn núp trong một mái tranh xiêu vẹo. Tư Cò sống bằng nghề xích lô đạp, là người nghèo nhất xóm này. Mái nhà của họ một bên gác lên thành mộ, một bên treo vào bụi tre nhưng thấp đến phải chui vào chứ không thể đứng hay khom người mà bước vào được. Đó là tiệm hút rẻ tiền cho nhiều dân nghiện trong xóm thừa cơ đêm tối lén vào kéo đỡ ít hơi cho đã cơn ghiền. Buổi sáng, khi lão Tư Cò chệnh choạng đẩy chiếc xích lô cũ kỹ ra ngõ thì mụ Tư Cò vẫn còn nằm ngay thẳng cẳng đến ngoài chín giờ mới dậy. Rồi mụ lão đảo bước như người say, ra một tiệm nước đầu ngõ, dùng món bánh mì, xíu mại và cà phê sữa, rồi vừa xỉa răng quếch quác vừa lão đảo về. Mụ gầy còm, hom hem, da trở đồi mồi sủi lên từng vệt trông thật gớm ghiếc nhưng cái miệng mụ trong cơn giận dữ có một năng lực phi thường. Theo người lối xóm mụ hay tức giận và duyên cớ nào cũng làm mụ nổi sùng lên được. Có người hiểu lai lịch mụ cho biết trước kia mụ là con gái nhà giàu, xinh đẹp, thích chuyện ăn chơi đua đòi, lần lượt bị bọn Sở Khanh móc hết tiền của rồi bỏ bê, dẫn mụ đến cảnh đường điếm khốn cùng. Lúc xuân sắc đã phai tàn, đeo cảnh nghiện ngập, phải đi xin ăn ở nơi bạn bè lối cũ, nhưng của bố thí đầy vế khinh bạc làm sao nuôi mụ cho được nhiều ngày! Một vài nhân tình ngày trước, khi mụ quay lại, có kẻ còn muốn khắc nhổ vào sự tàn phế của mụ. Nhưng cuộc chiến tranh Việt Pháp càng ngày càng bùng nổ mạnh, bọn Tây lê-dương kéo sang càng đông, mụ lại kiếm được thị trường, và từ sĩ quan tụt xuống binh lính, từ lớp da trắng chuyển

sang da đen, mẹ lại có rượu, có thuốc suốt trong mười năm dân tộc đổ máu, phơi xương để quét những nhân tình mẹ về quê cha chúng. Khi tên lê-dương cuối cùng về nước thì mẹ gả nghĩa với lão Tư Cò, một gã ma cô ngày xưa dặt mối cho mẹ. Lão Tư Cò về ở nơi đây là nhờ người chồng bà Bảy đã ủng hộ ngầm để ông có chỗ lui tới hút xách cho tiện.

Tất nhiên bà Bảy không ưa mẹ Tư. Cái cảnh chồng bà mỗi bữa chui vào trong cái chòi nát tối tăm ở dưới bụi tre trước nhà để nằm hút với một con điếm già không gây nơi bà chút ghen tức nào, nhưng làm cho bà nhòm gớm. Thà là nó nằm ở đâu khuất mắt. Nhưng đuổi mẹ Tư ra khỏi sào huyệt của mẹ là chuyện khó lòng. Bà Bảy, dù có thừa sự hỗn ầu vẫn không sao đối địch lại với một con điếm có nanh, có sừng. Mỗi lần bà Bảy muốn chửi xa gần vài câu cho hả cơn giận là mẹ Tư Cò chui ra khỏi lều và mẹ phạch áo, vén quần, xông đến trước cửa nhà bà chửi lại bằng đủ danh từ tục tĩu nhất trần gian này và hỏi một cách sống sượng: "Tao có hiếp thằng chồng già mi đâu mà mi nổi ghen, hờ con đĩ chó?" làm cho bà Bảy tức trào cả người run lên bần bật, mặt xám miệng câm, không sao có thể mở môi để nói nửa lời. Tiếng "con đĩ chó" ném vào cuộc đời thủy chung đầy rẫy khổ đau của bà nặng nề hơn chiếc búa tạ giáng xuống một ngọn cỏ non, và chỉ có sự chịu thua ở đây mới có ý nghĩa tồn tại cho một thanh danh.

Nhưng bà Bảy không phải là người có thể ỉn nhẫn nuốt nhục trước một người đàn bà khác, khi đó là kẻ bà coi dơ hơn dòi bọ. Nhờ sự buôn bán giao thiệp hay ngồi lê la trò chuyện đó đây bà biết được một địch thủ lợi hại của mẹ Tư Cò, đó là mẹ Bích. Mẹ này cùng chung tiền kiếp với mẹ Tư Cò, biết gốc gác mẹ và đã từng làm chủ chứa qua nhiều chế độ. Trong cuộc cạnh tranh nghề nghiệp, mẹ Bích đã có nhiều lần sai bọn em út đánh đòn hội chợ mẹ này, đã từng buộc mẹ hạ xuống nước nhỏ lạy xin mẹ Bích tha cho mạng sống. Tây về nước rồi mẹ Bích cũng lâm vào cảnh bơ vơ và không tiên liệu được nổi tình hình là Mỹ sẽ kéo qua đây nên mẹ hỏi hỏi gấp một người chăm sóc ngựa đưa ở gần Phú Thọ để gọi nhờ cái xuân tàn, và để cho thằng Rờ Nê, con trai của mẹ, có người cha hờ. Khi bà Bảy nghe tin mẹ Bích sục sạo tìm chỗ đất rộng để cho Tám

Béo, chồng mụ, mở mang chuồng ngựa, bà liền sốt sắng cho mụ dõng về ở cạnh nhà mình. Mụ Bích hiển nhiên là một loại thần hộ mệnh cho bà và cái biện pháp "lấy độc trị độc" xem ra kết quả khá tốt. Vợ của Tư Cò như cúp đuôi trước uy thế mụ Bích. Mụ này tự biết mình cũng đã hết thời rồi nên không hống hách quá độ, cốt giữ cho cái uy thế tàn tạ khỏi bị sút mẻ nhiều hơn.

Một buổi sáng nọ, nhiều người còn trong giấc ngủ thì ở nhà mụ Tư Cò chiếc xích lô đạp cũ kỹ chở một bó chiếu từ từ tiến ra. Không phải là lão Tư Cò ngồi đạp mà mụ Tư Cò đẩy xe một cách chậm chạp, vụng về.

Ông Sáu Lửa đi uống cà phê sớm trở về, mới bước vào ngõ thấy vậy kêu lên:

- Chở cái gì đó bà Tư?

Mụ Tư dừng lại, một tay chỉ vào bó chiếu, một tay quét ngang đôi mắt, trả lời bằng giọng thiếu não:

- Ông Tư nhà tôi đó mà.

- Trời đất! Giả chết rồi sao?

- Dạ...

- Chết hồi nào vậy?

- Đâu hồi khuya nay. Đang ngủ tôi nghe tiếng nấc. Tôi dậy, không có đèn lửa tôi quơ tay qua phía ổng thì thấy ổng lạnh ngắt rồi. Tôi lay một hồi, ổng không cựa cựa. Rờ tay lên mũi thì nghe im xò. Hết thở.

- Giả đau cái gì?

- Hôm kia đi xe mắc mưa, về nhà cứ ho sù sụ, tối rên hừ hử, kêu lạnh, sáng dậy không nổi. Nhưng đến nửa buổi thì phải đạp xe.

- Sao không biểu giả nằm nhà?

- Có biểu nhưng đâu có nghe. Lúc này ế lắm, đạp thấy mồ tở mà chẳng có khách. Mấy lần định đi dinh điền nhưng tôi không chịu.

- Thì bán cái gì ăn đỡ, chớ đã cảm mạo mà còn xông pha ngoài nắng thì bứt ngay liền, chịu sao cho nổi?

- Còn gì mà bán được đâu. Ăn sạch, hút sạch cả rồi.

- Bây giờ đem chôn ở đâu?

- Bó sơ sơ lại đem lên nghĩa địa xin gởi ở trên nhà xác cái đã.

- Đâu được. Đừng có tưởng dễ. Ở Sài Gòn này sống không có tiền đã khó mà chết không tiền lại khó hơn. Mụ chớ lòi thoi ngoài đường cảnh sát nắm cổ bỏ bót thì rầy rà lắm. Rồi lại khai xác lão ra, khám lên, khám xuống, còn tội cho lão thêm nữa.

- Chớ biết làm sao? Chẳng lẽ để ông nằm thúi trong nhà?

- Đẩy lão trở về cho lão nằm đó một bữa nữa đi. Rồi báo cáo với liên gia, xong lên nghĩa địa Đô Thành xin đất thí trước. Đâu vô đó rồi mới chôn cất được. Chết mà không có giấy tờ thì để thúi rục thành dòi chớ ai cho chôn.

Mụ Tư đứng lên thở dài. Hóa ra thằng chồng của mụ tới chết mà còn rắc rối. Bây giờ mụ mệt rã rời, mà chuyện giấy tờ thì mụ không quen.

- Nhờ bác giúp hộ cho cháu. Cháu không biết liệu làm sao. Chẳng là ở đây cháu không có ai bà con, thân thích. Bây giờ thằng chồng của cháu nó không sống nữa, cháu nhờ...

- Đ... mẹ, cũng mệt đó nghe. Để coi thử nà!

Ông Sáu Lửa gãi sau ót, rồi nói về mình:

- Mẹ cha, thất nghiệp đã lâu, nay cái thằng Cột Ti Ni ở dưới Khánh Hội gọi xuống không lẽ lại không lo đi... Thôi, ừ, để đó.

Rồi ông Sáu Lửa lòi cái mô bi lết cà tàng xanh xạch chạy đi lo việc chôn cất lão Cò.

Cũng kể từ đó, mụ Tư lâm cảnh túng thiếu cùng cực. Có ngày không ăn được miếng cơm nào, mụ nằm ngủ mê mệt trong chòi nhỏ, đôi lúc tỉnh dậy bò ra ngồi ở góc me trước nhà bà Bảy, đầu ngoẹo một bên, mồm chảy dãi ra, cặp mắt nhắm nghiền. Thỉnh thoảng một đôi

dân hút chui rúc vào chòi với mụ, và mụ lại soạn bàn đèn dọc tầu ra hầu hạ khách. Được bữa no nê, mụ lại tỉnh táo, phe phẩy đi ra ngoài đường, lượn một đôi vòng mới trở về nhà. Nhưng các khách ghien dần dần xa mụ để tìm một địa điểm khác có lẽ vui hơn và ít tốn hơn. Mụ Cò mỗi ngày mỗi hốc hác thêm, da nổi sần sùi gớm ghiếc. Bây giờ mụ ngửa tay xin tất cả mọi người trong xóm và ai cũng muốn cho mụ một lần để có cái cơ về sau từ chối một cách quyết liệt.

Nằm lì ba ngày không có hột cơm trong ruột, mụ Cò bỗng nhớ lão chồng của mụ hồi sống có nói về những người bạn của lão bán máu ở dưới bệnh viện Đồn Đất. Một buổi sáng nọ, mụ gượng ngồi dậy thất thểu tìm xuống bệnh viện. Con đường không xa nhưng mụ đi gần nửa buổi mới đến vì phải ngồi nghỉ ở các gốc cây ven bờ đại lộ.

Dưới những cây me rợp bóng mụ thấy rải rác từng nhóm đôi ba người ngồi. Cũng có vài kẻ ngồi riêng một mình, ra chiều tư lự. Nhìn cái vẻ mặt khô róc, áo quần xốc xếch của họ, mụ đoán họ là lớp người bán máu ở đây.

Mụ sán lại một thiếu phụ xanh xao, gọi chuyện làm quen:

- Này chẳng là tôi cứ đau rề rề, tôi muốn xin vào nhà thương nằm có được không hở chị?

Thiếu phụ nhìn mụ Tư Cò như nhìn một thứ quái vật rồi nói:

- Răng lại không được? Cứ hễ có tiền là vô, chớ răng không được?

- Nói chi có tiền. Tôi có các bạc nào đâu, nghèo chết đây mà.

- Vậy thì tìm nhà thương thí, chớ vô chỗ ni sao lọt. Đây là chỗ cho nhà giàu chữa bệnh. Ở đây đâu có chữa cho những bọn không tiền.

- Vậy hả? Tôi đâu có biết. Bây giờ khổ quá, thiệt đi hết nổi. Từ sáng đến giờ chưa có miếng nào trong bụng. Bà chị chờ ai đó vậy?

- Chờ khách.

- Ủa, buôn bán gì mà chờ khách?

- Tôi có hơn chi chị mô. Tui tui ở ngoài miền Trung bị bắt đưa vô mấy sở dinh điền trên Ban Mê Thuột. Chồng con tui đều bị sốt rét

rừng chết hết. Tui trốn mà đi xuống đây. Đói quá, có người bảo xuống tại đây bán máu. Chớ có vốn liếng chi đâu mà làm ăn chừ?

- Bán được chuyện nào chưa chị?

- Chưa, mới ngồi hôm qua bị cảnh sát đuổi chạy tới, chạy lui mấy lượt, chẳng thấy ai hỏi han đến. Đói xé ruột gan đây nè.

- Chị có nghe nói giá cả sao không?

- Cũng không nhứt định, vì còn tùy người. Nhưng có mấy chả ngồi ở đằng tê cũng chuyên bán máu để sống, các chả dạn là mỗi lít năm trăm. Đưa nào phá giá các chả đâm liền.

- Ôi, ai mà phá giá làm chi. Đồng nghiệp với nhau cả mà!

Bỗng người thiếu phụ kêu lên:

- Cảnh sát đó tề!

Hai người cảnh sát cưỡi mô bi lết từ xa đi tới. Đến gần cổng của bệnh viện cả hai dừng lại, dựa xe nơi lề rồi xách dùi cui lăm lăm tiến tới chỗ mấy người ngồi. Thiếu phụ bảo mục Tư Cò:

- Đi xuống dưới tê. Không thì họ xúc đó bà!

- Xúc thì xúc chớ. Xúc thì nuôi cơm chớ sợ nỗi gì?

- Thôi đi, đừng có nghĩ rứa mà làm. Mấy chả bị xúc nói nó nhót đói gần chết mới thả, chớ có cơm nước chi mô. Có một thằng cha hôm kia nói có được ăn cơm đĩa một lần. Nhưng ăn xong rồi họ bắt trả tiền. Nó đâu có một cắc nào, bị đánh một trận quá chừng.

Thiếu phụ đứng lên, rẽ xuống con đường chạy thẳng trước cổng bệnh viện. Mấy người cảnh sát tiến đến các nhóm tụ tập, đưa dùi cui lên dọa dẫm:

- Ê, đi chỗ khác mau, cấm tụ tập trước bệnh viện.

Một người đàn ông có râu lún phún trả lời:

- Bọn tôi ngồi ở ngoài đàng chớ có tụ tập trước bệnh viện đâu?

- Mà còn bướng hả? Đi ngay!

Người kia đứng yên, hai tay chống nạnh, vẻ mặt gườm gườm nhìn viên cảnh sát.

- À! Thăng này chì ta. Được lắm.

Vừa nói người cảnh sát quất một cây dùi cui vào lưng của gã. Gã hét:

- Tại sao mà lại đánh tui?

- Tao bảo mày đi mà còn cứng đầu là tao đánh đó.

Vài người trong bọn của gã đi về hướng khác.

- Thôi mà, ở đó lý sự làm chi cho khổ.

- Cái đời dân chủ mà sao ngang ngược quá ta. Chẳng coi nhân vị 1 vào đâu hết cả.

- Lạy ông nội đi. Còn khuya mới có dân chủ. Lại còn nhân vị, nhân vẹo. Tránh đi cho rồi không lại khốn đốn bây giờ.

- Nhưng mình ngồi đây chớ mình có làm chi đâu.

- Biết vậy, nhưng họ đã không cho ngồi thì mình hãy đi. Lát nữa, họ không còn đứng ở đây thì mình lại đến, mất gì. Chỉ tại ba thằng viết báo làm hại tui mình. Nó làm phóng sự điều tra chi đó, ở trên các chả hay ra nên bắt dẹp đuổi bọn mình.

Một người góp thêm:

- Cái bọn ký giả nhiều khi chúng bắt nhân lắm.

- Đi mày.

Mấy người bạn gã kéo gã về hướng mà người thiếu phụ đã đi. Mụ Tư thừa lúc đôi bên sừng sộ đến ngồi sau một gốc me đủ lớn để che khuất mụ. Mụ đã đói lả, không còn hơi sức xê dịch nơi khác.

Mụ nghe một người cảnh sát gằn giọng:

- Đ... mẹ, mấy cái thằng này! Coi bộ ba đá lắm ghen.

Người kia lên tiếng:

- Được rồi. Mình xuống kia uống cà phê rồi quần trở lại. Hễ thấy tụi nó còn lảng vảng đây là cứ cho xe cây đến, xúc mệ nó đi cho xong.

Tiếng xe hai người xa dần. Mụ Tư ló đầu ra xem. Con đường trở nên vắng vẻ hơn. Một vài người bán hàng rong chậm chạp đi qua. Chỗ xe nước mía gần đây có mấy nữ sinh mặc đầm từ trong thư viện của Văn hóa Pháp bước ra ghé lại. Đôi chiếc xe nhà lạng lẽ quanh vào cổng chính của bệnh viện. Lá me lát phát theo cơn gió thổi rụng đầy mặt đường.

Mụ Tư chống vào gốc me ngồi dậy. Bây giờ chỉ còn có mụ độc quyền bán máu ở đây. Ít nhất cũng được mười phút hay nửa giờ. Mụ phải cấp tốc tranh thủ khách hàng. Nếu để chậm trễ, lát nữa mụ không sao giặt được mồi cho lại với đám ban nãy.

Mụ lồm khồm lại sát nơi cửa bệnh viện, dáo dác nhìn quanh. Chẳng thấy ai ra về cần đến mụ. Bỗng mụ thấy một tắc xi chạy đến. Lại một con bệnh đi vào nhà thương.

Nhưng xe ngừng lại gần mụ. Một người đàn ông gầy gò trạc bốn mươi tuổi bước ra, và một người nữa trẻ hơn, gầy gò không kém, ra theo. Chiếc xe chạy đi, cả hai đứng trên lề đường hút thuốc.

Người lớn tuổi hơn quay sang người kia:

- Thôi, anh cứ tìm mua một ít, nửa lít càng tốt. Tôi thì... thôi vậy.

Người trẻ tuổi hơn đáp lại:

- Việc gì mà anh cứ ngại. Tôi có đủ tiền đây mà.

- Không phải về chuyện tiền nong. Tôi có nói chuyện với anh hồi nãy rồi đó. Chỉ ngại...

- Mình có uống máu đồng bào đâu mà anh sợ. Mình cũng không ép buộc họ lấy máu, hay cắt cổ họ. Mình mua hàng hoàng. Họ giúp mình mà mình cũng giúp cho họ. Nếu không thì họ cũng phải tìm bán cho một kẻ khác.

- Thà là họ bán cho những kẻ khác. Nhưng dù mua bán sòng phẳng chẳng nữa mà lấy máu người khốn khổ cho vào cơ thể của mình coi nó bất nhẫn làm sao.

- Vậy cứ để họ và mình cùng chết mà chẳng ích gì cho ai được cả. Có lẽ anh cố chấp quá.

Người lớn tuổi hơn nín lặng, không trả lời lại.

Người kia bước tới ít bước, ra dáng tìm tòi.

- Lạ quá, mấy hôm người ta ngồi đông lắm mà. Sao hôm nay vắng vẻ thế?

Mụ Tư ra khỏi gốc cây tiến tới:

- Thưa ông...

- Bà hỏi cái gì?

- Tôi bán máu.

- Trời ơi, gầy nhom như bà...

- Tôi gầy vậy chớ dư máu nhiều lắm. Chính ông bác sĩ bảo thế.

- Thật à?

- Tôi không dối đâu. Tôi cần bán lắm. Nếu không bán được thì tôi sẽ chết.

Người đàn ông trẻ nhìn mụ Tư Cò với chút thương hại pha lẫn nhòm gớm. Rồi quay về phía người lớn tuổi hơn:

- Anh nghĩ thế nào?

- Anh cứ mua đi. Tôi sẽ chạy chữa cách khác.

Người kia quay về phía người đàn bà đang lấm lét nhìn về các ngã đường sợ lớp đồng nghiệp kéo lại đoạt mất mỗi hàng.

- Tôi ngại là bà ít máu quá đi.

- Trời! Tôi cam đoan mà. Muốn mua bao nhiêu cũng được, đừng ngại.

- Tôi chỉ cần độ nửa lít mà thôi.

- Vậy thì dư xài, khỏi lo. Một lít tôi cũng có đủ, nói gì nửa lít.

- Bà tính bao nhiêu?

- Thầy cho ba trăm. Thầy coi, ba trăm chưa ăn được một tuần lễ. Có nhiều nhận gì đâu thầy?

- Ủ, thì ba trăm.

- Thầy bao luôn xe nghe thầy?

- Tôi đưa bà lên Chợ Rẫy nhưng chuyển về thì tùy bà.

- Được rồi. Thầy kêu tắc xi kia kìa. Ê! Tắc xi!

Chiếc xe dừng lại. Người đàn bà lên phía trước, hai người đàn ông phía sau:

- Cho chúng tôi lên Chợ Rẫy.

Chiếc xe khởi chạy, đến ngã tư Hồng Thập Tự và Công Lý, người lớn tuổi nói:

- Cho tôi xuống đây.

Xe dừng lại.

- Thôi anh đi nhé. Tôi xin về trước.

Hai người bắt tay rồi xe lại chạy. Mụ Tư thấy đói và mệt. Gần tới Chợ Lớn thì mụ đã ngủ thiếp rồi, ngã người ra cái băng xe, đầu ngoẹo một bên.

- Xuống đi bà ơi!

Người tài xế gọi làm mụ giật mình, xô cửa bước ra. Người đàn ông chờ bên đường.

Cả hai đi vào trong cổng, theo lối đi rộng ở giữa, thẳng vào bên trong bệnh viện. Bóng cây che rợp, mát mẻ, mụ Tư nhớ lại một thời xa xưa mụ đã có lần đi dạo như thế với gã tình nhân khi mụ dưỡng bệnh ở đây.

Theo bảng chỉ dẫn, hai người rẽ vào tay mặt, đến một dãy nhà hơi thấp nằm ở cuối khu. Người đàn ông bảo mụ Tư Cò đứng ở ngoài rồi gã xô tấm cửa ngăn vào trong.

Một lát mụ Tư được gã gọi vào.

Ở ngay giữa phòng có chiếc bàn nhỏ, một người có tuổi mặc bờ lu trắng, đầu chụp mũ vải màu trắng đang ngồi sục sạo trong đồng ống chích. Sau lưng người này có một cái kệ sắp đầy những lọ màu đỏ chắc là chứa các loại máu. Bên trái và bên phải, là những tủ lớn đóng kín không biết chứa chấp những gì ở trong. Một mùi nồng nồng, hăng hắc bốc tỏa đầy đó khiến mục Tư Cò nhớ các vết thương, các mụn ghẻ lở. Bỗng mục cảm thấy lợm giọng, buồn nôn. Từ sáng mục chưa có chút gì bỏ bụng.

Nhưng vừa lúc ấy, cửa phòng sịch mở. Một đàn bà béo, son phấn lòe loẹt dìu một đàn ông to bự, ăn mặc sang trọng, ì à, ì ạch đi vào. Sau lưng có một cô gái khá xinh, mặc đầm, đưa cánh tay ra đỡ hờ người đàn ông này đang thở mệt nhọc.

Người mặc bờ lu ngừng tay sục sạo ống chích, ngược lên cung kính:

- Chào cụ.

- Không dám, chào ông, nhà tôi lại mệt quá rồi.

Người mặc bờ lu hồi hải kéo ghế:

- Xin mời cụ ngồi. Ấy, để cụ dựa vào ghế này. Mời cụ bà và cô ngồi.

Ông ta kéo ghế sột sột, mấy lần tưởng xô ngã mục Tư Cò để có chỗ rộng đặt ghế cho ba người kia.

- Lại tăng huyết áp cao độ. Cụ mệt là phải. Để tôi sẽ lấy bớt ra. Tôi lấy bây giờ.

Người đàn ông to mập với hai má sệ, cổ bạnh, bụng lớn tay chân béo ụ đang thờ phì phì. Da thịt ông ta đỏ tươi, tưởng chỉ bấm nhẹ là máu sẽ vọt ra ngay. Cả người đàn ông toát ra một sự no nức dồn tụ tất cả những gì màu mỡ béo tốt.

Người đàn bà son phấn hẳn là vợ ông ta, nói bằng một giọng kéo dài:

- Ông xem, mới có năm ngày thôi đấy. Mấy lúc phải là nửa tháng hay cũng mười ngày.

Người mặc bờ lu vội vã tiếp lời:

- Dạ vâng, chuyến này huyết áp tăng mau chắc là cụ nhà dùng nhiều đồ bổ dưỡng quá. Tôi đã thưa với cụ bà...

- Ô, ông ấy đã bớt cả thịt lẫn rượu kia đấy. Ông liệu cho lấy máu đi kéo nhà tôi mệt.

- Vâng, vâng, kể ra cụ đã làm ơn cho nhiều người lắm, không có những người như là cụ đây làm sao mà có đủ máu cung cấp cho biết bao nhiêu người bệnh. Mỗi tháng riêng mỗi mình cụ đã cho bệnh viện trên ba lít máu. Kể ra, đó cũng là một hy sinh.

Rồi quay lại phía cụ Tư và người đàn ông đã đưa cụ đến:

- Các người ra ngoài chờ một lát nghe. Việc của cụ đây gấp lắm không thể trì hoãn.

Người đàn ông lặng lẽ đi ra phía cửa, về mặt làm lì cổ nên một sự khó chịu. Cụ Tư cũng bước theo sau. Ra ngoài, cụ nghe dễ thở hơn nhiều nhưng quá mệt mỏi vì cơn đói dài khiến cụ ngồi quỵ xuống dưới mặt thềm.

Một lát khá lâu, cánh cửa sịch mở, người đàn bà và cô gái dìu người đàn ông to béo ra chiếc xe hơi Huê Kỳ đậu sát mé hiên. Cả ba lên xe một cách nặng nhọc. Cánh cửa đóng lại và người tài xế chực sẵn nổ máy cho lướt đi trên con đường đá cuội mát mẻ.

Cụ Tư ngược mắt nhìn theo cho đến khi chiếc xe kia mất hút sau mấy dãy nhà. Nhưng người đàn ông đã vẫy bàn tay ngoắt cụ rồi đẩy cửa bước vào trong.

Người nhân viên bây giờ mới nhìn cụ Tư, có vẻ bây giờ mới thấy rõ cụ:

- Ốm quá, làm gì có máu.

Cụ Tư nài nỉ:

- Tôi chỉ bán có nửa lít thôi mà.

- Đâu được. May lắm là bà cho lấy độ phần tư lít.

- Ông cứ rút thêm. Tôi chịu được mà.
- Chúng tôi biết việc mà chúng tôi làm. Bà đừng có cãi.

Mụ quay sang người đàn ông để dò xem ý của gã:

- Thầy tính làm sao?

Gã đáp:

- Thì được bao nhiêu cũng tốt. Chờ sốt ruột quá.

Mụ chìa tay về phía người nhân viên:

- Thôi thì ông cứ lấy đi.

Người nhân viên hất hàm ra dấu cho mụ xắn tay áo lên, vẽ mặt anh ta có vẻ nhồm góp về những cái ghét đóng đen trên lớp vải đã cũ nhàu. Bàn tay run rẩy, lật bật, mụ lôi ngược tay áo lên một cách chậm chạp.

- Mau lên.

Người nhân viên giục, lộ vẻ sốt ruột.

Mụ Tư chìa cái cánh tay khẳng khiu, lớp da mốc cọt lộ rõ những đường gân xanh. Rồi mụ quay đầu nhìn về nơi khác để khỏi trông thấy mũi kim đâm vào. Khi nghe đau nhói, mụ cau mặt lại, rồi nhắm đôi mắt tưởng như tất cả sự sống ở trong người mụ cuộn cuộn thoát ra từng luồng.

Mồ hôi của mụ chảy giọt xuống từ hai bên thái dương. Mụ nghe như người teo lại, nhẹ đi, tim đập liên hồi, không biết bao lâu nhưng mụ cảm thấy dài dặc, nặng nề bứt rứt khó chịu.

Tiếng người nhân viên:

- Xong rồi.

Mụ quay đầu lại nặng nhọc, đưa mắt lơ lơ nhìn bình máu đang được người nhân viên đưa lên.

Người này nói:

- Một phần tư lít. Độ một xí thôi.

Mụ nói bằng giọng yếu ớt:

- Ông lấy ở tay bên kia thêm một xị nữa. Tôi muốn bán chừng nửa lít.

Người nhân viên cười:

- Tay nào cũng là máu của bà cả, cũng lấy từ trong người bà. Lấy nhiều chịu không nổi đâu.

Người đàn ông đưa mụ tới, lộ vẻ phàn nàn:

- Chà, ít quá! Ông có thể nhường cho tôi nhiều hơn cái số ấy không?

Người nhân viên lắc đầu:

- Nhường cách nào được? Số máu dự trữ ở đây bắt đầu khan hiếm. Người ta đã đánh đá nhau dữ dội khắp các miền quê, máu không đủ cung ứng cho bệnh viện. Ông hãy bằng lòng bấy nhiêu. Rồi sau sẽ tìm người khác mua thêm.

Rồi người nhân viên lật cái toa của người ấy ra xem, tiến lại chiếc tủ, mở lấy một chai máu nhỏ đưa ra.

- Đây, phần máu của ông. Loại A.

- Xin cảm ơn.

- Ông để cho tôi làm các giấy tờ.

Người nhân viên ngồi bàn hí hoáy ghi vào một đồng sổ sách và trên nhiều mảnh giấy rời. Đoạn trao cho người đàn ông:

- Xong rồi, ông có thể về.

Mụ Tư vịn ghế đứng lên, cúi lượm chiếc nón đặt ở góc phòng, lặng lẽ theo người đàn ông ra ngoài. Mụ thấy mệt mỏi choáng váng, và bỗng cảm giận người nhân viên nọ nên không muốn chào.

Ra ngoài, người đàn ông kia dừng lại, đặt cái bình máu xuống thềm và móc ví ra:

- Tưởng là nhiều nhận, nào dè ít quá, thật là mất công. Đây, tôi trả tiền. Bao nhiêu vậy hả?

- Ông cứ tính đi.
- Chỉ có một xị, vậy là một trăm.
- Một lít sáu trăm kia mà.
- Năm trăm là hết giá rồi. Vậy một phần tư là một trăm hai mươi lăm đồng. Tôi trả tiền. Tôi trả thêm năm đồng nữa cho bà đi xe.

Mụ không trả lời, uể oải ngồi xuống bậc thềm, lưng dựa vào cây trụ vôi, cảm thấy buồn ngủ. Người đàn ông chìa tiền trước mặt mụ. Một lát mụ mới nhìn thấy. Cái gì trông cũng lờ mờ không có góc cạnh gì hết.

Mụ đưa tay cầm số bạc, nắm lại thật chặt và khi mụ chống hai tay vào cây trụ vôi đứng dậy trên hai đầu gối run run thì người đàn ông đã cầm chai máu đi khá xa rồi.

Mụ Tư Cò nhét tiền vào túi, cẩn thận đẩy lên trên một lớp khăn, rồi mới lê bước ra ngõ. Tới đường nhìn lớp người qua kẻ lại, xe cộ nhộn nhịp, mụ thấy bớt được mệt mỏi. Nghĩ mình đã có tiền trăm trong túi, mụ cũng vui vui.

Mụ đi lại trạm xe buýt, đứng chờ. Bây giờ ruột đói còn cao, chịu đã hết nổi. Phải ăn cái gì cho khỏe rồi mới về nhà. Mụ Tư toan lê bước vào một quán hủ tiếu ở ngã ba đường nhưng lại cảm thấy xây xẩm phải vịn vào một cột đèn gần đấy. Tiếng ồn mỗi lúc một tăng báo hiệu chiếc xe đã dừng chỗ trạm. Mụ cố mở mắt nhưng mở không nổi. Trong nỗi mệt mỏi mụ bỗng hốt hoảng ngỡ mình đã hóa đui mù. Nhưng chính là sự tê liệt do đói, do mệt, do sự căng thẳng vừa qua gây nên. Mãi một lúc sau mụ mới hé được đôi mắt. Người ta chập chờn lên xuống, tiếng nói tiếng cười ồn ào. Mụ lết về phía tiếng động, miệng kêu:

- Cho đi... cho tôi đi với.

Mụ nghe có người nắm mạnh cánh tay của mụ kéo lên. Rồi mụ bị đẩy vào một đám đông gồm đủ loại người đang chen chúc đứng, bầu tay lên các thanh sắt chạy ngang trên đầu. Tiếng xúp lê thối. Xe rồ máy chạy. Những cái thân người va đập vào nhau. Một đôi tiếng

hét, một vài tiếng cười. Rồi tiếng khàn khàn của người bán vé vang lên.

Hơi người nòng nặc càng làm mục Tư xây xẩm. Một lát, mục nhớ là tiền của mục đang ở trong cái túi áo bà ba. Ở trên xe buýt không thiếu những bọn móc túi. Hoảng hốt, mục Tư đưa bàn tay xuống sờ nắn túi áo. Mấy tờ giấy bạc cuộn lại còn nằm nguyên đấy, ép sát dưới lớp mùi xoa chôn kỹ bên trên. Một chút vui mừng thoáng dậy trong đầu. Mục giữ nguyên cái bàn tay bóp chặt mấy tờ giấy bạc, cảm thấy vững tâm hơn bao giờ hết. Mục có thể sống cả tuần với số tiền này rồi sẽ tìm kiếm kế khác để xoay xở nữa.

- Tới rồi! Chợ Sài Gòn đây bà con!

Người bán vé chỏi miệng la trong lúc xe từ từ vòng bùng binh và đổ hẳn lại. Người ta ùn nhau, lục đục bước xuống.

Mục Tư bị lớp người ở phía sau xô đẩy và mục cố gượng lại rất khó nhọc để khỏi ngã nhào về trước. Nhiều lần mục chửi:

- Quỷ hà! Làm gì mà cứ thúc đại vào mông con người ta thế.

Nhưng mục bỗng nhớ là mục đã già, đã cằn cỗi rồi, và quá xơ xác tiêu điều như một bóng ma giữa cái sinh hoạt luôn luôn cuồng nhiệt của Sài Gòn này.

Xuống được dưới đất mục phải ngừng lại để thở, rồi lết lại nơi nhà trạm ngồi nghỉ, chờ đợi chuyến xe Hòa Hưng mới về tới bến.

Lại cái quang cảnh nhả vội người ra, nuốt vội người vào. Mặt trời đã lên đỉnh đầu, ánh nắng chói chang, không khí hừng hực sức lửa trong cái toa xe như một lồng nhốt chật hẹp phơi giữa nắng trưa.

- Chạy thôi bác tài!

- Trời nóng thấy mồ, chạy đi.

- Đông nghẹt rồi mà. Chờ cái gì nữa!

Người tài xế xếp một cánh tay trên vô lăng, một tay cầm cái mũ kết quạt quạt, mong kiếm một chút hơi mát bé nhỏ phát lên da mặt. Nhưng ông ta cũng mệt mỏi, đờ đẫn, không buồn trả lời mọi người.

Cuối cùng xe cũng chuyển bánh. Mụ Tư đã lên tìm được chỗ ngồi, bây giờ có thể dựa ngửa ra sau, cặp mắt lim dim nghe sự di chuyển đưa đẩy mình về một cõi lơ mơ, chập chờn. Không biết bao lâu, mụ đã ngủ thiếp, rồi lạc vào trong thế giới đầy những ma quái và những xô xát kinh hoàng.

- Hòa Hưng!

Tiếng người bán vé hét lên.

- Tới Hòa Hưng rồi, bà con. Hòa Hưng đây...!

Mụ Tư choàng mắt với nỗi nặng nhọc như cũ. Khi mụ tỉnh người hành khách xuống xe đã hết. Đây là trạm cuối, người ta sắp sửa quay đầu.

Người lơ la lên:

- Xuống đi chớ bà!

Mụ Tư càu nhàu:

- Chớ ai thềm ở lại đây làm gì.

Mụ đưa tay nắn lại tiền, yên tâm là nó vẫn còn. Mụ lại lạch bạch đi về ngã rẽ con đường vô xóm. Sự mệt làm cho cơn đói êm đi nhưng nó biến thành một nỗi rã rời khắp cả châu thân. Mấy lần mụ muốn tạt vào một tiệm hủ tiếu hoặc một tiệm cơm nhưng dằn lòng được. Đã về tới đây, tội gì mà chui vào đó. Ráng một chút nữa tới quán Hai Xỏn hãy ăn. Ăn ở đầu ngõ có lợi: cho bà con ở lối xóm biết mình có tiền. Sau đó thanh toán sòng phẳng với lão Hai Xỏn là cái cơ hội để có thể ăn chịu được về sau vào lúc thiếu hụt.

Mụ Tư tới quán Hai Xỏn thì hai đầu gối gần rụng. Nhìn quanh mụ lấy làm tiếc vì lúc xế trưa, quán chẳng có người, chỉ có mỗi mình chủ quán đang ngồi ngủ gục trên cái ghế gỗ. Nếu có người ta ra vào tấp nập, mụ Tư ăn uống sẽ ngon hơn nhiều.

- Cho tô hủ tiếu, ông Hai.

Hai Xỏn mở to cặp mắt, nhưng vừa thấy mụ lại sụp mí xuống.

- Cho lệ lên đi, đói bụng quá rồi.

Hai Xỏn lại mở mắt nhìn lần nữa, giọng mụ Cò nghe hách quá. Ở Sài Gòn này khi đã đổi giọng là tất có chuyện. Cái mụ đói rách, ăn chịu, ăn thiếu lâu nay bây giờ hẳn đã có tiền rồi chắc? Nhưng mụ làm gì mà có tiền được? Nhan sắc không còn, làm đĩ ai thèm? Sức khỏe không có, ăn trộm đâu nổi? Vậy mụ có tiền thật không? Đó là chuyện đáng dè dặt.

Mụ Tư Cò chùng hiểu ý:

- Có tiền đây mà, không ai thèm ăn chịu đâu.

Nói xong mụ vỗ bạch bạch lên cái túi tiền của mụ. Ông Hai Xỏn vẫn nghi ngờ. Biết đâu là giấy nhét trình chứ tiền bạc gì.

Mụ Cò lôi cái khăn ra một cách thận trọng và kéo từng tờ giấy bạc vuốt lại thẳng thăn trên cái đùi vế gầy lép. Đó là một cách trả lời gián tiếp mỗi ngò vức của Hai Xỏn. Mụ ủi giấy bạc bằng da tay khá chậm chạp và làm cho ông chủ quán không sao biết được là mụ hiện có bao nhiêu, nhưng nhất định phải có nhiều. Hai Xỏn ngạc nhiên:

- Giàu có dữ ta!

- Xì! Giàu gì mà giàu. Có mấy trăm bạc mà đủ thiếu gì.

- Nhét đầy hai túi mà có mấy trăm!

- Giấy lộn trong đó, ông ơi!

- Giấy lộn đó liệng ra khỏi người lượm.

- Nè, cho người ta ăn đi chớ cứ đứng nói hoài kỳ hông? Có tiền đây mà.

Hai Xỏn đứng dậy, kéo dép lệt bệt lại chỗ bếp lửa. Ông ta quơ cái vá lớn hốt bánh bỏ vào rồi thọc vào thùng nước sôi để nhúng cho mềm. Mụ Cò đã cất hết tiền vô túi ngòì nhìn chăm chăm vào các động tác ông Xỏn mà thấy lâu lác quá chùng.

- Ông nội này làm hủ tiểu còn chậm hơn rùa.

Hai Xỏn nhăn răng coi bộ như cười nhưng không thành tiếng.

- Đó, ăn đi.

Ông ta đặt mạnh cái tô xuống trước mặt Cò, rồi gác ngang lên đôi đũa đã được nhúng vào nước sôi trước đó.

Mụ Tư như con mèo đói vồ mồi, chộp tô hủ tiếu kéo sát vào mình rồi cúi đầu xuống ngoáy đũa lia lịa lùa vào trong cái cổ họng mở rộng. Vừa thổi súp vừa húp, vừa nhai lỏng lỏng, vừa nuốt ừng ực, mụ đẩy một hơi hết liền nửa tô. Mụ ngẩng đầu lên, trán ửng mồ hôi, nước mắt giàn giụa vì miếng ớt cay, đưa cái cánh tay dơ hầy quẹt ngang dưới mũi vừa hít nước mũi ròn rột, mụ nói:

- Cho một xí đế, ông Hai. Rồi làm tiếp một tô nữa.

- Được rồi. Bữa nay tui em tui ở Cần Giuộc có đem lên loại đế này, uống đã hết sức. Lâu lâu, say một bữa cho tới chứ.

Mụ Cò lại cúi xuống bát hủ tiếu. Nước mắt nước mũi lại túa dài ra. Đũa mụ ngoáy lia ngoáy lịa mấy vòng, tô hủ tiếu đã sạch quẹt chỉ còn lỏng lỏng một ít nước cạn. Mụ bỏ đũa xuống mặt bàn, bưng cái tô lên húp một tiếng sột rất mau, không hiểu là tiếng húp nước hủ tiếu hay húp nước mũi.

- Nhậu lần, rồi tôi làm tiếp.

Mụ Tư Cò đổ ồng ọc ra ly rồi đưa lên nốc. Cơ thể của mụ như một khoảng trống đang cần thu hút tất cả những gì có thể thu vào. Cái đói thật còn cao, cái khát cũng quá vồ vập, tưởng như ăn vào bao nhiêu, uống vào bao nhiêu cũng không sao thỏa mãn được.

Bây giờ mụ uống đến ly thứ ba. Phải say một bữa cho đảo đất trời rồi về ngủ cho đã đời đến tận sáng mai. Từ trước đến nay mụ vẫn nhậu rượu nhưng uống rất ít, mỗi lần cao hứng làm hai phần ly, hoặc đến nửa ly là cùng. Uống xong ba ly mụ thấy choáng váng. Xí đế còn chừng một ly nữa là cạn sạch. Tô hủ tiếu đã làm xong. Hai Xỏn bưng lại, đặt trước mặt mụ và nói:

- Cui bộ nước nhậu bà Tư cũng tươi quá mà.

Mụ không trả lời, cúi xuống ngoáy đũa.

- Chà! Ăn nhậu ngon lành quá ta!

Hai Xỏn ngó ra thấy thằng Rờ Nê đứng dán ngoài cửa ngó vào. Thằng Nê - người ta quen bỏ bớt cái chữ Rờ - con của mẹ Bích, bây giờ đã lớn nhiều lần Tám Béu muốn cho nó nghỉ nghề này ². Mẹ Cò ngẩng lên, thấy nó lơ mờ qua cặp mắt đã đỏ ngầu vì rượu. Mẹ vừa nhồm nhoàm nhai ngón vừa hỏi:

- Nê đó hả mẹ?

- Ừ, tui đây bà Tư. Coi cái mặt bà đỏ khiếp.

- Mới... uống có mấy... ly nhỏ... Uống rượu không mà?

- Thôi đi, đừng có xúi dại. Ai mà biết rượu chè đâu.

- Mà hiền quá mà!

Mẹ nhai ngấu nhai nghiền. Hai Xỏn vừa đốt điếu thuốc vừa hỏi:

- Ăn thêm nữa không?

Mẹ đáp không ngẩng đầu lên:

- Cho một tô nữa.

Thằng Nê nhăn hàm răng cười:

- Ăn mấy tô rồi bà Tư?

- Mới có hai mà.

- Nhiều tiền dữ ta!

Hai Xỏn nói vào:

- Chà, hôm nay thì bả "cổ tại" ³.

Thằng Nê nheo mắt:

- Nhiều không?

Hai Xỏn chỉ tay vào túi, gật gật đáp lại:

- Nhiều mà.

Mẹ Tư đã ăn xong tô hủ tiếu thứ ba, thấy trong người bớt trống rỗng và nghe bị đốt rần lên bởi cái chất rượu hăng nóng lạ thường. Mẹ

rót phần rượu còn lại ra ly nhắm mắt nốc cạn. Đầu mụ choáng váng, mụ tưởng mình đang quay như chong chóng.

- Bao nhiêu...?

Mụ líu cả lưỡi và hỏi như đang mê ngủ.

- Ba tờ hũ tiếu là mười lăm đồng. Xì đế năm đồng là hai chục.

Mụ lật đặt giờ chiếc khăn, lôi mấy tờ giấy bạc. Có ba chục lẻ, đi xe hai chạng mắt ba đồng rồi, vậy còn hai mươi bảy đồng cả thảy. Trả đi hai chục còn đúng một trăm lẻ bảy.

- Cho bảy đồng thuốc bao xanh.

Mụ lôi tất cả số lẻ đặt hết lên bàn. Như vậy còn chẵn một trăm. Mụ hơi lo lắng về sự tiêu pha quá trớn của mình. Một trăm sẽ đảm bảo mụ sống được mấy ngày trong khoản tiền bạc khan hiếm, sinh hoạt trở nên quá đổi khó khăn?

Mụ Cò loạng choạng đứng dậy, đưa tay run run vịn vào chiếc bàn gần đấy, bước ra phía cửa. Cặp mắt của mụ nhìn thấy mọi vật chập chờn. Bây giờ hình như có đến ba, bốn thằng Nê đang đứng trước mặt.

- Tổ sư mày, Nê... để cho bà đi.

Tiếng thằng Nê nghe xa vời:

- Ở hay, bà chửi ai đó? Đường bà, bà đi, đứa nào cản trở bà đâu.

- Tao nói... tao nói... Tiên sư cha chúng...

Mặt mụ đỏ như là mặt trời mọc. Cặp mắt mụ mở tròn trừng, môi mụ lắp bắp run run, lưỡi mụ líu lại.

Trời vẫn còn trưa, nắng gắt, không một tí gió. Oi nồng bao phủ khắp nơi. Mụ Cò loạng choạng bước ra ngoài đường, tưởng như mình đi giữa một lò lửa. Hơi nóng của rượu trong người xông lên hừng hực.

- Tiên sư cha chúng... cứ tưởng là bà không tiền...

Mụ lại chửi rủa líu tíu trong họng, loạng choạng bước tới nghe như có tiếng người ở đâu đó xì xồ.

- Tiên sư cha chúng...

Rồi mẹ vấp vào cục đá, nhào tới, hai tay quơ đũa không khí rối loạn, cái thân xác mẹ nằm lẩn kèn trên mặt đường. Trong cơn lơ mơ mẹ nghe có tiếng chân bước rón rén, tiếng người thì thầm quanh quẩn. Rồi mẹ chìm trong cơn mê. Mẹ thở nặng nề, miệng nói lảm nhảm.

Không biết mẹ nằm bao lâu rồi lại lơ mơ tỉnh giấc, ngơ ngác nhìn quanh. Đầu óc vẩn vù nhức nhối, hai vai ê ẩm, cả người mệt mỏi, mồ hôi ướt đầm, mẹ hé mắt ra đã vội nhắm lại. Ánh sáng chói chang đổ xuống từng luồng.

Mẹ cố chống tay khó nhọc, ngồi dậy. Từ ruột nghe quặn từng cơn, cổ họng buồn nôn. Mẹ toan đứng lên nhưng phải ngồi xuống ôm ngực mưa thốc ra cả mặt đường. Hủ tiếu và rượu quện lại trong chất nước vàng sền sệt.

Mẹ ngồi ọc mưa một lát mới thấy tỉnh táo phần nào; nhưng ruột quặn thắt và ngực tức ran.

Nhìn đồng đồ ăn vãi ra ngoài đất, mẹ tiếc quá chừng. Ba tô hủ tiếu mưa sạch, một xị đế cũng tiêu luôn. Cơn đói dai dẳng không dung nạp kịp một lần bao nhiêu món đồ khó chịu dồn vào trong cái dạ dày yếu đuối.

Bây giờ thì phải cố gắng lết về. Mẹ gượng chống tay, đứng dậy, thấy cái khăn tay thò lòi ở ngoài túi áo. Chợt tỉnh, mẹ kéo vội nó ra ngoài thọc mấy ngón tay run rẩy vào trong. Không có gì hết.

Trời ơi, mẹ Cò giữ mạnh chiếc khăn, trợn mắt dớn dác nhìn quanh. Mặt đất khô cằn, đây đó điểm những lá khô, bã mía, tàn thuốc, những que tre nhỏ để ghim các miếng cà rem.

Không có một tờ bạc nào, không có gì hết. Mẹ lùa cả hai bàn tay vào hai túi áo trống rỗng, sục sạo một cách tuyệt vọng, rồi rờ rẫm khắp mình mẩy tưởng như còn sót đâu đó một chỗ chưa mò tìm tới.

Rồi mẹ ngẩn người, mắt đờ đẫn nhìn chung quanh. Đoạn mẹ đứng im, không thấy gì nữa. Và mẹ òa lên, khóc rống như một đứa bé bị đòn oan ức.

Mụ Cò khóc lớn một hồi rồi bắt đầu chửi.

Tiếng chửi của mụ nhập nhèm nước mắt nhòe ra, đôi lúc nghe như giọng cười cố ý ở trong một tường tích nào. Vài người trong xóm ló đầu ra nhìn. Thấy mụ, ai nấy thất vọng thụt vào. Mụ Cò chửi bới, khóc lóc, mồm ấy chẳng có gì là đặc sắc.

Một người đi đường đứng lại, ngắm nghía một lúc, rồi như ghê tởm cảnh ấy, vội đi rất mau. Một người đàn ông cút kít đạp chiếc xe qua:

- Ê, cái gì mà khóc lóc vậy?

Mụ hăm bốt tiếng hu hu, ngược nhìn người kia, trả lời:

- Nó lấy sạch tiền tôi rồi.

- Mất hết bao nhiêu?

- Chỉ một trăm rưỡi.

Mụ đã kịp thời thêm vào năm chục để cho món tiền lớn hẳn, như thế mới xứng với sự khóc lóc chửi bới giữa đường dưới nắng. Biết đâu người ta lại không cảm động cho mụ được cái lẻ kia thì cũng đỡ thiệt phần nào.

- Một trăm rưỡi à?

Người đàn ông bỗng gằn giọng hỏi lại.

- Dạ...

Tiếng dạ của mụ thật là bi thảm.

- Khéo vẽ chuyện lắm. Làm gì mà mất đến một trăm rưỡi. Tiền đâu nhiều thế?

Rồi ông ta cút kít đạp xe đi, ra vẻ bức tức như mình bị lừa.

Mụ Cò đã dứt tiếng khóc, loạng choạng lê bước về nhà.

Ngủ vùi mấy hôm, mụ mới ngồi dậy, đầu nặng, bụng đói. Mụ đưa cánh tay khằng khiu lên nhìn, rồi kéo ống quần để coi da thịt ống chân. Gầy tép, khô cằn, không còn máu đâu để bán. Và không chắc gì xuống nổi nơi đó để tranh được mối với đám người kia.

Khi mẹ lê bước ra khỏi ngôi chòi, mẹ gặp con Nhiều đi qua. Năm nay con bé đã lớn, trở mã dễ coi, mái tóc óng mượt, cặp mắt long lanh, đôi môi đỏ hồng, ngực cũng bắt đầu nở nang, eo lưng thắt lại để hông tròn ra. Mẹ Bích đứng ở đầu ngõ, thấy con bé đi ngang qua, nói với bà Bảy đang xách nước ở chỗ giếng:

- Coi cái con Nhiều, nó lớn quá cỡ.
- Biết rợn rồi đó. Tối nào cũng dớn rật rật với bọn "cô bồi" trong xóm.
- Nó xinh đó chứ.
- Cái nghề con gái mới lớn nó vậy. Lấy chồng có đôi mắt con là xệ xuống liền.
- Đàn bà mau già quá há!
- Bởi làm đàn bà nó khổ đủ thứ.
- Làm đàn ông ở thời này cũng khôn đốn lắm. Cái thì đi lính, cái thì ở tù. Còn bọn ôn hoàng dịch lệ xóm này sao mà không ai chịu hốt đi giùm, để nó phá làng phá xóm chịu không có nổi.

Bà Bảy bắt trớn câu chuyện, để gàu ở trên thành giếng, chống nạnh như phân bua với mẹ Bích:

- Bà coi, hai cây khế nhà này trái thôi vô kể mà tôi có ăn được trái nào đâu. Hôm qua có bọn "cô bồi" xóm dưới kéo lên, sáng nay cái bọn "cô bồi" xóm trên kéo xuống, leo lên bứt hết. Nó làm như là của cha tui nó không bằng.
- Sao bà không la chúng nó?
- La cho chúng đốt nhà đi phải không? Bây giờ sư sãi đấu tranh, lính tráng xúm vào ba cái chùa lớn, ở đây cái lũ ôn con này nó hoành hành chẳng coi ai ra gì hết.

Mẹ Bích chặc lưỡi:

- Đây rồi, con Nhiều nó lớn, nó lại dễ coi, thôi thì bọn quỷ nó có cho mình ngủ yên được đâu. Mà mấy hôm nay chúng nó kéo đi hết trớn, xóm mình mới vắng hoe đó.

- Chúng kéo đi đâu?

- Xuống ở dưới chùa Xá Lợi. Ồi chào, thiên hạ kéo đi đông cả hàng ngàn, hàng vạn. Máy cái ông sư coi vậy mà cứng ghê ta, lính và cảnh sát đàn áp cách mấy cũng không có sợ. Lựu đạn cay thả mịt mù, dùi cui họ đánh có kể ai đâu. Vậy mà thiên hạ cứ nhào đại vô, đồ đạc rớt thối vô số, giày dép la liệt đầy đường.

Mụ Tư Cò nghe được câu chuyện trao đổi bên giếng giữa mụ Bích với bà Bảy. Mụ liền bỏ bụng câu nói sau cùng và mụ vào nhà rửa mặt, tết lại đầu tóc, lựa bộ áo quần thơm tất mặc vào. Rồi nén cơn đói và cơn thèm thuốc cào cẩu, mụ cố lê bước đến chùa Xá Lợi.

Đến trưa, mụ Cò về với giỏ xách khá nặng. Trong giỏ đầy áp giày dép, có cả những đôi guốc sơn còn mới. Những lúc đàn áp, người bị khủng bố bỏ chạy hất văng các món đồ mang dưới chân thì mụ Tư Cò liềm mạng xông vào để lượm. Đôi lúc mụ cũng hứng được đôi cây dùi cui tưởng gãy xương sống nhưng mụ cắn răng, lết vào với một tinh thần bất chấp nguy hiểm để mà thủ lợi. Nhưng trong các lúc lộn xộn như vậy, những chiến lợi phẩm thu được lại không có giá. Một phần giày dép đã bị hư hại, chiếc này lộn với chiếc kia nên lượm được nhiều mà ghép thành đôi chẳng được bao nhiêu.

Những lúc bình thường đồng bào các giới vì lòng căm thù chế độ nhà Ngô kéo đến nghe các Thượng tọa, Đại đức thuyết giảng, bỏ dép ở ngoài bước cả vào trong thì mụ Tư Cò có dịp lựa chọn bằng thích. Mụ cũng bỏ dép, một đôi dép đã vệt gót và đáng cho vào thùng rác, ở bên đóng giày, đóng guốc la liệt và ngấm ngấm lần đôi nào vừa ý nhất. Rồi mụ vào trong, thành khẩn chấp tay lên ngực, lim dim nghe thầy thuyết giảng. Thỉnh thoảng mụ quay sang người bên cạnh, bình phẩm "Thầy Thích Thiện Hoa nói nghe được quá, hả cụ?" hoặc là "Thầy Thích Hộ Giác sao mà trẻ vậy, có phải không cô?"

Rồi mụ rón rén đi ra với tất cả lòng thành kính trên mặt, vừa đi vừa niệm mô Phật khi gặp bất cứ một ai. Đến chỗ bậc thềm, nơi để giày dép, mụ Tư tiến đến một đôi vừa ý mang vào hết sức tự nhiên, nhẹ nhàng bước ra. Đến một chỗ vắng mụ bỏ vào giỏ. Rồi lại quay vào,

quay ra ít lượt như thế. Trước khi thiên hạ giải tán ra về mụ đã có năm bảy đôi thật là lý tưởng để bán giá hạ cho các chị em trong xóm mang chơi.

Suốt mùa tranh đấu của chị em Phật tử chống lại ông Ngô Đình Diệm, mụ Tư Cò bỗng trở nên no đủ nhờ có nguồn lợi giày dép dồi dào. Thỉnh thoảng có người bắt gặp mụ mang đôi dép của mình, kêu lên:

- Trời đất, bà mang làm rồi.

Thì mụ Tư Cò làm vẻ sững sốt rồi cười xuề xòa:

- Xin lỗi, xin lỗi. Cứ nghĩ đâu đâu mà chẳng để ý gì cả, thật là tệ hại, xin cô cảm phiền.

Rồi mụ vội vã nhả đôi dép ra, trao lại cho chủ, vừa làm bộ đi vòng quanh tìm kiếm đôi dép của mình. Cố nhiên là mụ tìm ngay được một đôi khác cũng giống như thế và tốt hơn thế, mang vào:

- Đây rồi. Đây rồi, thế mà tìm mãi, khổn khổ cho tôi.

Đôi dép của mụ rõ ràng là tốt hơn nhiều, không ai có ý nghĩ xấu về sự nhầm lẫn vừa rồi. Nhưng rồi mọi việc ở trên đời này phải bước tới đoạn kết thúc. Ông Diệm, ông Nhu, một tối bỏ chạy khỏi dinh, rồi bị đâm chết. Đoạn kết những kẻ độc tài thường rất bi thảm. Trong số những người còn tin ông Diệm vẫn chưa chịu chết và còn mong mỗi như vậy, phải kể đến mụ Tư Cò. Sao mà chết gấp như vậy? Đâu có dễ dàng thế được? Phải còn sống thêm để cho thiên hạ đấu tranh nữa chứ? Thiên hạ phải đi hội họp, cầu nguyện, đọc kinh, nghe các Thượng tọa Đại đức thuyết giảng, bỏ giày bỏ dép cho mụ Tư Cò lựa chọn với chứ.

Rồi mụ Tư Cò không thể sống sót nhiều ngày sau khi ông Diệm qua đời. Một số chị em trong xóm lại tiếc thương mụ về khoản giày dép từ đây không còn đem bán với giá đại hạ như trước. Một sáng, mụ không dậy nữa. Suốt ngày hôm ấy, chẳng ai hay biết. Ai mà có thể hay biết được sự sống chết của mụ Tư Cò?

Nhưng vào lúc tối một người bạn ghien của mụ đã đến tìm mụ. Gã đã trôi dạt nhiều năm lên mạn Cao Miên, làm ăn chẳng khấm khá

nổi nhưng người ta vẫn thích mặc áo gấm về làng. Áo gấm của gã là một hộp thuốc hiệu hai Con Rồng. Gã mang đến mộ vì nghe tin lão Tư Cò qua đời, mộ Cò còn đấy, có thể nhờ đến bàn tay thành thạo của mộ tiêm thuốc và nằm bên nhau nói chuyện tâm tình rĩ rả một đêm cho ấm cõi lòng.

Lúc gã bước đến thì cái chòi mộ tối tăm, im lặng như một nhà mồ. Gã lại bước ra, gặp vợ Hai Đỉnh xách nước ở giếng, lão hỏi:

- Bà Tư còn ở đây không hở bác?

- Vẫn ở đấy mà.

- Tôi thấy tối mò...

- Ngủ ở trong đó chớ gì.

Người đàn ông trở vào, gọi khẽ:

- Chị Tư!

Gã gọi lớn hơn:

- Này chị Tư Cò!

Vẫn không có tiếng trả lời.

- Chị Cò! Chị Cò!

Gã đập bịch bịch vào cửa, gọi lớn liên hồi, nhưng chẳng có ai đáp lại. Gã liền sờ soạn tìm chỗ cái liếp che tạm, chúi vào. Bên trong không có tiếng ngáy, không nghe hơi thở. Gã chạm bàn tay vào một cái xác lạnh ngắt quắt queo. Giật mình gã rút tay lại, nhưng rồi gã lay thực mạnh. Mộ Cò đã chết, đã chết từ lúc nào rồi.

Người đàn ông hoảng hốt chun vội ra ngoài, không quên giữ chặt hộp thuốc cho khỏi rơi mất. Gã muốn im lặng đi luôn, coi như không có việc gì xảy ra. Gã nào dính líu gì đến cái chết của mộ Tư đâu? Nhưng lúc ban nãy, gã có gặp người đàn bà bên giếng, đã hỏi về mộ Tư Cò và khi gã chun vào đấy có thể là mộ đã nhìn thấy rồi. Nay mai biết mộ Tư Cò đã chết, người ta có thể nghi ngờ cho gã.

Gã tiến về chỗ ánh đèn, tìm đến cửa ngõ gọi vào:

- Bác ơi!

Mụ Bích nhìn ra:

- Gì đó?

- Thừa cái căn nhà trước đây là của chị Cò?

- Đúng rồi.

- Tôi gọi cửa mãi mà vẫn không thấy ai hết. Chắc là chị ấy đi chơi đâu rồi. Phiên bác lúc nào có gặp nói hộ có lão Hai Toàn đến thăm. Mai một rảnh rồi, tôi sẽ ghé lại, cảm ơn bác ạ.

Gã bịa cái tên Hai Toàn theo đúng truyền thống cho địa chỉ ma của người Sài Gòn vẫn quen dùng đến. Rồi không kịp đợi mụ Bích trả lời, gã bước một mạch ra ngõ, luồn vào hẻm tối, lủi qua lối khác, tìm vẫn còn đập thành thịch.

Một ngày sau đó không ai thấy mụ Tư Cò thấp thoáng. Lại một ngày nữa trôi qua và bây chớ xóm đã thấy chui rúc vào lều mụ Tư giành nhau gầm gừ. Nhiều người nghe mùi hôi thối, tanh tưởi xông lên. Ai cũng đoán mụ Tư Cò đã chết nhưng không ai dám bước vào. Người ta lại nhờ đến ông Sáu Lửa và ông Sáu Lửa lại nhờ đến rượu. Có rượu làm một lực lượng đồng minh, ông Sáu hùng hổ chui vào rồi ông hùng hổ chui ra, lấy tay khoát lia lia trên mặt mũi mình, nhăn nhó một cách thảm hại. Mụ Tư Cò đã chết, đã thối và không ai đủ can đảm để lo những việc như thế. Ông Lửa nói lớn:

- Phải báo cáo gấp.

Ông lại khịt mũi:

- Thối quá!

Và ông nôn ọc chạy về một mạch.

1970

(Trích truyện dài *Lối xóm*

[1](#) Đảng lãnh đạo của chế độ Ngô Đình Diệm có tên đảng *Cần Lao Nhân Vị*.

2 Nghề cỡi ngựa đua.

3 Tiếng lóng của du đãng, nghĩa là có tiền.

Người chồng thời đại

Chồng của cô Bông, gọi là anh Dương, trước kia đã giữ kết tiền cho một hãng buôn. Gần gũi phát sinh tình yêu, tình yêu đưa đến lấy nhau, lấy nhau tạo ra đau khổ, cái quy luật ấy thật đúng với anh trong chuyện bạc tiền. Bởi cứ giữ tiền nên lâu ngày anh mê nó, và đã lấy nó khá đậm, rồi đau khổ vì vô tù. Anh được ra tù trước cái thời hạn luật định khá lâu, nhờ luật pháp cũng có bệnh si mê tương tự như anh. Lấy được cô Bông về thuê nhà sống cạnh gia đình vợ, anh không còn dám bước ra khỏi ngõ. Tình thế, cảnh ngộ, ái ân, bạc tiền, bao nhiêu là thứ đã tạo ra cho thời đại chúng ta nhiều loại ẩn sĩ. Khác với ngày xưa ẩn sĩ được xem là rất thanh cao, ngày nay ẩn sĩ thường là những người xấu hổ hoặc là sợ hãi.

Tất cả các sự tình đó khiến anh dần dần đổi thay nghề nghiệp và trở thành đầu bếp gia đình. Vợ anh từ đây xuất hiện ở ngoài xã hội, đua chen kiếm tìm sự sống về nuôi cả nhà. Tình trạng giam hãm của anh như vậy đưa đến kết quả rất đối nguy hiểm trong giai đoạn này là chị vợ anh liên tiếp mang bầu. Để xong chưa được mấy tháng, đã mang bầu lại. Cứ thế lặp đi lặp lại như một điệp khúc tình ca vào loại giạt gân nhưng không kém phần ai oán.

Ở Sài Gòn này mang một cái bầu ra giành sự sống thật là khó khăn, bởi vì cuộc sống chụp giựt đòi hỏi càng nhẹ càng tốt, càng lạnh càng hay, không thể lấy sự bầu ruột làm một giá trị như là ngày xưa để tự sắp xếp vào một vị trí khả kính sau sự có râu ¹. Do đó, mỗi lần chị Bông đẻ con là mỗi lần chị có dịp chửi rửa chồng mình nát mồm nát mắt. Thằng chồng khôn nạn, thằng chồng trời đánh, thằng quý, thằng chó, một hai đẩy ra nó cứ ửi vào, bà mà phen này có xấp lại gần thì bà bữa sợ mày ra... Đại khái trong nhà bảo sanh người ta vẫn thường phát biểu bằng loại văn chương hùng hồn như thế.

Nhưng trong cái nhà bé nhỏ, chật chội, chỉ kê được một giường hẹp cho hai vợ chồng thì muốn hay không họ cũng phải gần gũi nhau hàng ngày. Và những cái đáng lẽ không đến lại cứ xảy ra. Trong những đợt đầu, nghe tiếng chửi rửa, anh chồng có vẻ lo âu, khổ sở,

nhưng về sau này anh cười hì hì một cách thông cảm. Trong đạo vợ chồng, theo anh, vẫn có những cơn chửi rửa cần thiết, bởi lẽ cuộc sống lứa đôi vốn có lắm nỗi bất bình, nhiều ngày dồn chứa nếu không thỉnh thoảng mở xú bấp cho xả ra thì dễ tích tụ sinh nhiều biến chứng hiểm nghèo. Chửi xong, tình nghĩa lại càng đậm thắm, cũng như một cái máy xe thỉnh thoảng được súc dầu cặn và được cạo lò, chạy càng êm hơn, có trớn nhiều hơn.

Anh Dương, chồng của cô Bông, sau khi chuyển sang nghề bếp lại chuyển sang nghề vú em. Nấu nướng, giữ con, anh làm rất giỏi và nhận thấy rằng đàn bà thường quá tự hào về những công việc mà nếu để cho đàn ông thay thế thì sẽ kết quả hơn nhiều. Cố nhiên là đừng kể tới chữa đẻ.

Lâu ngày thành một thói quen ăn sâu đến nỗi anh Dương chỉ thích nấu ăn và giữ con thôi. Anh cũng trở thành mềm mỏng, cũng thành chi li vụn vặt như là vợ anh ngày xưa. Cứ lo tính toán tiền chợ, bán khoản về khoản tương ớt, xì dầu, hồ tiêu, bột ngọt, lâu ngày trí não cũng nát vụn như cơm tấm, và quanh quẩn mãi trong mấy thức bếp chật chội, tâm hồn cũng ứ đọng lại như nước ao tù. Nhưng nước ao tù thường sinh ra muỗi, muỗi thì hay chích và kêu vo vo. Anh chỉ giống muỗi một phần, vì anh không kêu gì hết.

Bây giờ chị Bông cũng đã đổi khác. Chị giao thiệp rộng, toàn quyền giao thiệp với bất cứ ai mà không bị chồng kiểm soát, bởi không có gì hạn chế uy quyền một người đàn ông hơn là khi anh phải sống nhờ vợ. Người ta cho rằng anh Dương cũng to mập ra. Cử chỉ anh Dương hóa thành uyển chuyển, dịu dàng, còn chị Bông lại thô bạo, cứng nhắc. Rồi anh để tóc dài phủ xuống gáy trong lúc vợ anh cắt ngắn gần như húi cụt. Đã vậy, chị mặc áo *mông-tê-gu*, quần tây, lại càng có vẻ đàn ông một cách hăm hở. Giao thiệp với bà con ở trong xóm chị Bông cười nói nghiêng ngửa, hả họng thật to, và hươi cái tay, cái chân để giúp diễn đạt ý mình. Anh Dương, trái lại, mắt anh nhìn xuống chóp rất nhẹ nhàng khi cần phải trả lời ai, và anh cố gắng trả lời người ta cho vừa đủ nghe, khỏi dư khỏi thiếu. Nếu cần thì anh nói nhỏ hơn mức bình thường chút đỉnh. Đàn bà nên biết giữ thiếu hơn là cho thừa.

Một khi quyền lợi đổi thay, bản chất cũng lại thay đổi và cái bản chất thay đổi làm cho tương quan giữa vợ chồng họ cũng đổi thay theo. Người vợ tự cho mình có công nuôi gia đình, tự thấy mình quan trọng hơn và không có mình thì "thằng chả" phải chết đói. Càng về sau này chị Bông lại càng ý thức nhiều hơn về cái vị trí lớn lao của mình đối với chồng con. Bởi lẽ đồng tiền chuộc cái mạng sống cho anh lại cũng là tiền mồ hôi nước miếng của chị. Cứ thế, địa vị anh Dương càng ngày càng bé nhỏ lại một cách thảm hại. Giống như tất cả các bà vợ phải lệ thuộc chồng, anh không còn dám phát biểu ý kiến độc đáo nào nữa, về bất cứ vấn đề nào, và trước kẻ khác anh cũng dần dần tập cái thói quen yên lặng một cách tội nghiệp.

Khi đẻ đứa con thứ năm, người chồng đáng thương hại ấy đã quen cuộc sống thấp thòm, hèn mọn, như một con gián trong nhà. Và đến một lúc, chị Bông coi như mình chưa có chồng. Ban đầu người trong xóm cũng thương tâm khi thấy mỗi đêm về khuya, anh Dương ra đứng đầu ngõ chờ vợ đi làm về trễ và chị thường về trên chiếc hông đa của một gã đàn ông khác.

- Em đi về với ai thế?

Chị sùng sộ nói:

- Hỏi để làm gì?

- Để biết...

- Biết mà làm gì? Dẹp đi, ở đó mà nhiều chuyện lắm. Người ta chịu khổ, chịu sở, lo làm cho có miếng ăn còn muốn thứ gì nữa chứ? Nói cho mà biết, đừng có giờ cái giọng ghen mà xấu với tôi đó nghe.

Người chồng làm thinh không dám nói một lời nào. Sau đó, mỗi tối anh bồng con nhỏ mới đẻ vài tháng thẩn thờ đầu ngõ đón vợ vốn thường khuya lơ khuya lác mới về. Khi thấy bóng vợ thấp thoáng đằng xa nơi yên xe sau một chiếc hông đa, anh vội thụt vào trong ngõ, và lúc đến kịp bên anh, chị gắt:

- Trời ơi! Đêm hôm khuya khoắt mà bồng nó ra phơi sương thì bỏ bỏ tôi.

Anh lại ôm sát đứa bé vào lòng, ngoan ngoãn theo chị về nhà. Trong lúc chị cởi tung cả quần áo, xối nước tắm rửa ròn rột thì anh sửa soạn mâm cơm, giới thiệu các món xào nấu:

- Hôm nay cá rẻ, em à. Mua được mấy miếng cá chép kho tương đấy nhá. Món này hẳn là em ăn vừa miệng. Còn đây là thịt nai xào cà chua. Ngộ quá, thỉnh thoảng lại có một con nai lớn mang xuống trong chợ, không biết nai đâu mà nhiều lắm thế. Thịt ngọt mà rẻ hơn thịt bò nhiều. Còn món canh chua nấu me đó em...

Khi người vợ cầm đũa xơi ít miếng, anh mới ngồi vào xới cơm và bắt đầu ăn. Cách ăn của anh cũng khá nhỏ nhẹ, hiền lành. Anh luôn nhường đũa cho vợ và tự coi như bắt nhả khi gắp một miếng khá lớn hoặc gắp quá vội.

Cuối cùng người vợ buông đũa, đứng dậy lại giường nằm ngửa ra để rửa răng thì anh ăn nốt những gì còn lại với một dáng điệu gắp rút hơn trước, rồi rót một ly trà nóng đem lại bên chị đặt lên một cái ghế đầu gần giường. Đoạn, công việc của anh là lau bàn ghế và rửa chén bát.

Đứa con thứ sáu được chị Bông đẻ trong sự im lặng dù rằng chuyển sinh nở này cũng khó khăn. Người chồng không bị réo chửi, nhưng đó chính là nỗi khổ tâm lớn cho anh. Ngày xưa, nghe chị chửi rửa thì anh có thể nhăn răng ra cười hì hì. Ngày nay chị không nói một lời nào xúc phạm, thì anh lại ngồi ở một góc tối mà chảy nước mắt. Bởi những gì anh chờ đợi như một chứng cứ hiển nhiên đã được xuất trình đầy đủ và quá rõ ràng.

Thằng bé vừa mới chào đời không giống anh một chút nào.

Nó chẳng giống một ai hết thì cũng không sao. Người ta có thể đăng trí trong lúc thụ thai, và không nghĩ đến ai khác nên đứa bé con không chép đúng lại mặt mũi người nào. Nhưng khốn khổ thay, nó lại giống hệt như đúc cái gã hàng đêm chở chị về khuya, với đôi mắt lộ và khuôn mặt gầy. Dù người kém óc quan sát đến đâu, nhìn đứa bé cũng biết ngay nó được xuất xứ từ nguồn gốc nào, nó là bản sao trung thực của cái nguyên bản từ đâu. Có thương yêu nhiều mới giống đủ đầy như thế. Đó cũng là lời chửi rửa hết sức hỗn xược hơn

là bất cứ lời chửi rủa nào mà chị đã sản xuất được từ trước đến giờ. Bởi vậy, chị đâu cần phải mở miệng cần nhằn anh nữa?

Anh Dương ngồi yên mà khóc rất lâu rồi chùi nước mắt nhìn vào cửa kính trước mặt. Nước mắt đàn bà có thể là bản hiệu triệu, kêu gọi sức mạnh tập hợp, nhưng thường nước mắt đàn ông lại có dấu hiệu của một sụp đổ thảm thương. Nhất là khi đàn ông ấy khóc ở trong góc một nhà bảo sanh hạng thường. Anh rút mù-xoa chùi mạnh lên mắt lần nữa, và liếc vào trong tấm kính. Kể ra anh cũng đẹp trai đấy chứ? Nhất định đẹp hơn thằng kia gấp cả trăm lần. Nhưng biết vậy, nào có ích gì? Rõ ràng đàn bà không phải thích sự đẹp trai như thiên hạ vẫn lầm tưởng.

Nhấn nhục quen rồi, anh Dương chấp nhận sự thực một cách yên lặng. Và đã yên lặng dễ dàng trước một sự việc như vậy, người ta có thể yên lặng trước nhiều việc khác tiếp theo.

Một buổi sáng kia người chồng cô Bông có dịp ra ngoài đầu ngõ, thấy chiếc xe hơi vụt qua, trên đó vợ mình đang cười ngả ngớn với một anh chàng to lớn như đã được nứt sinh ra từ cái lỗ nào ở Phi Luật Tân.

Anh đã trở mắt, ngạc nhiên, dù đó chỉ là sự kiện chẳng mới mẻ gì. Từ lâu anh đã đoán rằng vợ anh thường làm cái việc kiếm tiền chẳng mấy tốt đẹp. Và với quân đội Huê Kỳ ồ ạt kéo sang, giữa cái tình trạng vật giá leo thang theo đà gia tốc, nhiều người đàn bà coi nhẹ liêm sỉ đã làm cái việc trục lợi bằng vốn riêng của da thịt mình. Nhưng thà là nó khuất mắt. Theo anh, khuất mắt là được tất cả. Các tiệm ăn kia nấu nướng dư dấy biết chừng nào, các ngài có biết cho chẳng? Khi các ngài đến tiệm ăn, các ngài chỉ ngồi ở các phòng trên có mùi dầu thơm và những tiện nghi sáng loáng, chứ các ngài có tận mắt nhìn thấy những gì xảy ra sau bếp được đâu? Các ngài có biết, rau sống các ngài đang ăn được rửa ở chỗ nào không? Ở trong một cái chậu giặt của bà chủ đấy. Lúc vội vàng quá không ai được quyền bắt khách đợi chờ. Cầu tiêu bị dồn ứ lại nghẹt kín, người ta đại tiện bừa bãi lên trên và đám ruồi nhặng bay đến đông vô số kể. Tất cả nằm ngay chỗ bếp, và ở đầu cống sau hè có mấy con chuột chết phơi đỏ ló bên một rổ thịt vừa thái vội vàng. Mọi sự có thể trộn lẫn

vào nhau một cách cố ý hay là vô tình. Các vị khách vẫn có thể nhai nuốt một cách ngon lành. Nhưng không riêng gì ăn uống mà chuyện ân tình cũng vậy. Anh chồng bảo vợ là đi tới sở, nhưng anh ấy ghé vào đâu, ăn nằm với ai, làm những việc gì, trời cũng chào thua. Phần người đàn bà cũng thế, anh chồng chẳng biết cóc gì. Loài người vẫn cứ tưởng làm là họ biết hết mọi sự, thật ra họ có thể biết nhiều điều, trừ những điều họ không biết. Nhưng mọi người đã vui sống, đã hạnh phúc, đã nâng ly lên và chúc tụng nhau bằng những danh từ đẹp đẽ. Miễn khuất mắt là xong tất, đó là bí quyết để sống của nhiều người trong chúng ta. Chỉ có những kẻ không có phương tiện che giấu mới đáng thương thôi. Người ta nghĩ đến những vụ xúc phạm thuần phong mỹ tục của các anh xích lô đạp bị bắt quả tang giữa đường và các vụ tình tay ba, tay tư triền miên xảy ra êm thấm trong những biệt thự có vòng rào sắt vây quanh và bảng "chó dữ" trang trí ở nơi cổng chính.

Trong nỗi đau khổ như vậy, anh Dương bất đắc dĩ thành triết gia, một loại triết gia bi đát của thời đại này.

Rõ ràng hằng ngày vợ của anh Dương có những đồng tiền rộng rãi như vậy là đã có những tiếp xúc dơ bẩn ngoài sự kiểm soát của anh. Nhưng nếu chị che đậy hộ cho anh, có phải dễ chịu chừng nào! Đằng này, chị cho ra đời đứa bé thứ sáu với một bản mặt gầy gập của cái thằng bố là đã khinh anh thái quá. Giá cứ dùng những viên thuốc ngừa thai, rồi cười tỉnh bơ, coi có ngộ không? Và giá chỉ cười ngả ngón trên xe của một người khác dù đó là Phi Luật Tân hay là Đại Hàn hay là con cháu Long Nôn chẳng nữa, mà lựa một con đường khác để đi, chứ đừng biểu diễn chấp chới trước ngõ nhà chị thì đã êm đẹp biết là chừng nào.

Chiếc xe đã vút qua rồi nhưng bụi bặm ở trên đường bay vãi vào mặt anh Dương từng đám nặng nề như những cái tát kỳ lạ, cái tát nhẹ nhàng mà chụp kín hết người anh. Chưa kịp đợi lành vết thương do cái thằng con thứ sáu ra đời gây nên, anh bị một vết thương khác chồng lên, và vết thương này lạ thay đã xóa lành vết thương kia. Thì ra thằng cỡi hồng đa chở chị đi trong đêm cũng chưa phải chiếm thượng phong nơi người vợ anh và điều đó lại an

ủi anh nhiều. Vô tình gã Phi Luật Tân nào đó đã báo thù hộ anh rồi, và anh vững tin sẽ có một tên Đại Hàn, hay một tên Mỹ nào đó sẽ lại báo thù giúp anh đối với tên Phi. Anh Dương cứ việc im lặng đợi chờ, khỏi cần ra tay, sẽ có liên tiếp kẻ này xuất hiện đánh bại kẻ khác, anh khỏi làm một đối thủ cho thêm khổ sở. Trên chiến trường đó, anh được là một khán giả từ đây. Một loại khán giả yên lặng, vì từ đau khổ quá mức, đã thành thản nhiên, nghĩa là đắc đạo. Mới biết con người luyện cho thành đá mới thực gian nan. Và quý Sa Tăng rất là cần thiết cho sự tu trì chóng thành viên mãn. Từ đó anh cảm thấy rõ hơn bao giờ hết rằng cái tiếng "chồng" là tiếng vô nghĩa lạ lùng. Đôi khi nằm trên sàn nhà lau sạch, anh lẩm bẩm lặp tiếng "chồng". Chồng là cái gì? Nghe vang lên một âm thanh quái gở, xa lạ, như là một thứ thổ ngữ mà anh không sao hiểu nổi ý nghĩa cho được tình huống.

Rồi một buổi sáng, chị Bông chạy về hốt hoảng gọi anh:

- Này, cưng ơi, lên đây em bảo cái này.

Sao giọng cô ả hôm nay ngọt xót như đường phèn vậy? Người chồng đâm ra cảnh giác, không dám tỏ bày lộ liễu một sự hưởng ứng nhiệt nồng. Chị vợ vẩy tay:

- Lại đây, em nói cho nghe.

Anh lại tiến đến, ngập ngừng chờ đợi. Chị tiếp:

- Này, chẳng là có một thằng cha giàu lắm, gặp em dưới Tax, hỏi em đã có chồng chưa. Em mới đáp lại là chồng... này, đừng buồn nghe cưng, là chồng em đã chết rồi.

Chị Bông ngừng lại, bẹo vào má anh một cái:

- Thì em nói đại, vậy mà. Nhưng lão một hai đòi đến thăm nhà, hôm nay lão lên thăm đấy.

Anh Dương nhìn vợ ngơ ngác, tự hỏi vợ anh định giờ trò gì.

- Sao mà vẻ mặt anh trông lạ thế?

- Thế cô muốn gì?

- Muốn lúc chín giờ anh qua bên ông Sáu Lửa nằm chờ một lát. Độ mười một giờ sẽ về. Mà thôi, để lúc nào em qua kêu hăng về tốt hơn. Lỡ nó đến trễ hay nó thích ngồi nói chuyện con dê, con ngỗng, biết đâu.

Chị thấy vẻ mặt của anh vẫn cứ bất động làm lì, chị bèn giải thích:

- Máy thằng giàu nó ngu lắm. Tội gì mà không khoét túi nó lấy tiền xài! Nó hẹn mười giờ nhưng sợ nó đến sớm hơn để bắt chộp mình, nên khoảng chín giờ anh liệu dẫn mấy đứa con qua bên hàng xóm chơi đi. Ở nhà chỉ để thằng nhỏ với em mà thôi. Em làm một người đàn bà đau khổ, góa bụa, ở vậy thờ chồng, nuôi con giữa lúc tuổi xuân, trong cảnh nghèo nàn. Nó tán tỉnh mấy em cũng không nghe, em cứ thờ dài, bảo nó: "Tội nghiệp em lắm, anh ơi, anh đừng làm em xiêu lòng mà lỗi đạo với chồng em yên nghỉ dưới suối vàng". Phần anh, thì anh cứ việc yên nghỉ bên ông Sáu Lửa, chờ em gọi nhá.

Thấy chồng không nói gì, chị bèn cho lộ bí mật cuối cùng, nhưng lộ phân nửa:

- Nó dám nhả ra cho mình nửa triệu là ít. Bảo là giúp vốn cho em buôn bán.

Lần này chồng chị vẫn cứ khoằm mặt, không chịu nói một tiếng nào. Trông cái bộ mặt thiệt là hăm tãi quá xá. Chị gằn giọng hỏi:

- Sao đó? Sao không ừ hử gì cả?

- Ừ hử cái gì?

- Chà! Lại chất vấn tôi nữa chứ. Người ta đã biết điều lắm, gọi lại bàn bạc, vậy mà cứ làm cái bộ ta đây không nói không rằng gì hết. Con chó nó cũng biết sủa nữa là con người.

- Thì cô làm gì cô cứ việc làm.

Chị Bông thét lên:

- Làm gì? Làm đĩ chứ làm gì nữa? Làm đĩ để nuôi lũ con của mày. Mày tưởng tao sung sướng lắm đấy hử! Tao khổ sở hơn con chó là khác. Tao ngoắc đuôi với thằng này, tao cọ mõm với thằng kia, đứa

thì tao sửa, đũa thì tao gặm, cả ngày tao phải lang thang đây đó chứ đâu có khỏe như mày hờ đồ khốn nạn mặt dày? Mày thì nằm ườn ra đây, cơm ngày hai bữa no nê, đâu có bữa nào bắt mày nhin đói? Giặt ít cái đồ, rửa ba cái chén, chứ có làm gì vất vả cho cam? Thế mà bảo mày qua bên hàng xóm nằm chơi ít tiếng đồng hồ, mày lại không thèm ư hử một tiếng. Mày tưởng tao rước người ta về nhà là để phục vụ cho tao đó hử? Cũng mời, cũng chài năm phen bảy lượt mới dẫn dụ nó tới đây chứ phải dễ đâu! Mà trong lúc tao ở nhà làm đủ tuồng trò để moi cho ra đồng tiền mày tiêu, thì mày chỉ có qua nhà thiên hạ nằm khênh ra ngủ. Mẹ kiếp, thế mà mày còn làm bộ khinh khỉnh với tao nữa chứ. Thiệt là đồ ngu, thấy người ta xuống nước nhỏ lại tưởng người ta khiếp sợ chỉ toan lên mặt làm bố ông trời. Này, tao hỏi thiệt, mày có đi không? Hờ? Hờ?

Chị xĩa xối đứng lên, sấn tới. Anh Dương thụt lùi, da mặt từ đỏ như gấc lúc đầu đã thành xanh mét.

- Thì đi.

- À. Nói nhẹ không ưng lại ưng nói nặng. Đồ con lừa!

Thế là anh chồng theo đúng lời vợ qua nằm bên nhà của ông Sáu Lừa để mặc vợ mình tiếp lão chủ tiệm giàu có vừa đóng vai người đàn bà đau khổ đang chống chọi lại một cách đau đớn trước sự hấp dẫn lạ lùng của một ông già đa tình. Cố nhiên là vợ anh Dương phải làm một kẻ chiến bại, sau những giằng co tuyệt vọng giữa ái tình và bổn phận. Ái tình thiêng liêng và mãnh liệt quá nên chiến thắng bổn phận một cách rực rỡ.

Tất cả khó khăn ở đây là phải làm sao cân lường cho mọi sự việc xảy ra theo những ni tắc cần thiết để bắt lão già chờ đợi đúng mức mà lão có thể đợi chờ, đặng lão chịu xù tối đa đồng tiền chụp giựt của lão trong cái thời buổi loạn ly. Lão già phải được chị Bông biến thành một người tình nhân bản lãnh, và sự việc lão chinh phục được chị coi vẻ vang hơn người ta cấm cờ trên ngọn Hy Mã Lạp Sơn.

Khi lão hoan hỉ ra về, sau sự hứa hẹn chu tất cho chị mọi bề, kể từ cửa tiệm chị buôn cho đến đồ lót chị dùng, thì chị mới qua gọi cái thằng chồng khốn nạn. Nhưng bước vào nhà ông Sáu, chị thấy

chồng chị đã nốc rượu để say mềm và nằm ngay đơ ngáy như kéo gổ.

- Sướng thiệt!

Chị nói một cách ngao ngán, không biết ngao ngán cho mình hay cho thằng chồng. Nhưng thời gian sau, chị Bông đã tiêu hết tiền của lão già rồi, thì đến bị bắt vì tội buôn lậu bạch phiến. Chị nhấn chồng chị vào bót, và trao địa chỉ, bảo phải cấp tốc đến tìm cả hai lão già một lượt. Bây giờ anh Dương ngã ngựa người ra. Tưởng phải đương đầu với một lão già, nào ngờ lại phải đối phó với cả hai lão già một lúc. Anh quên rằng sự hồi xuân ở đất Sài Gòn đã được xuất hiện như một bệnh dịch, và các dược liệu dồi dào càng ngày càng có khả năng kích thích cho bệnh phát triển mỗi ngày một mạnh mẽ hơn. Chưa có bao giờ các loại thuốc men, thực phẩm lại được khai thác một cách sốt sắng tận tình trên cái ý hướng bổ thận tráng dương như thế. Nói về các món sâm nhung thì lạc hậu rồi. Có trăm món ăn kỳ dị, có ngàn thức uống quái đản, và vô số kể các loại sinh tố pha chế, bày đặt, cùng các môn thuốc gia truyền kỳ bí đã được lôi ra từ các sách vở và các bộ óc giàu sự tưởng tượng của đủ loại hạng lang băm, để mong cải lão hoàn đồng. Ngay trên Chợ Lớn, ở một đại lộ mang tên của bậc đạo đức khả kính là ông Khổng Tử, vậy mà lại có một tiệm chuyên bán thứ rượu ngâm với bộ phận của loài cẩu đực. Cứ theo như lời quảng cáo thì các dược phẩm của các danh y thời này được tung ra trên thị trường có thể giúp cho các bậc già lão hom hem trở nên cường tráng gấp ba bốn lần thanh niên vào cỡ sức khỏe trung bình. Còn việc các loại thuốc ấy đồng thời có giúp các bậc trưởng thượng quá yêu đời kia được chạy mau hơn trong chuyến về châu tiên tổ hay không, thì chẳng thấy nghe nói tới. Nhưng việc sống chết là do số mệnh cả mà!

Chị vợ anh Dương trong chuyện làm ăn đã tìm đúng được thị trường tiêu thụ món hàng màu mỡ của mình, bởi vì tuổi chị thích hợp đặc biệt cho các nhu cầu loại đó: không còn khờ khạo trong tuổi thơ ngây mà cũng chưa đến cần cỗi, khô khan ở buổi xế chiều. Nhưng những đồng tiền thu hoạch theo ngã lối ấy dễ tạo điều kiện cho người dấn thân vào những cuộc phiêu lưu khác. Chị Bông đã đem

nướng vào sòng bài với các bồ trẻ của chị, những kẻ đã dùng tuổi trẻ để khai thác chị như chị đã lợi dụng lớp già lão. Đó cũng là một loại vòng luẩn quẩn, trong cái hệ thống của muôn ngàn vòng luẩn quẩn làm nên xã hội chúng ta.

Bây giờ chồng chị bị bắt buộc phải phản ứng như một đồng lõa của chị, bởi không còn có cách nào khác nữa. Anh phải tự nhận là anh ruột chị, đến nhờ các gã tình nhân của vợ xù tiền để cứu vớt. Có được dịp tốt tỏ lòng hào hiệp với đàn bà, hy vọng bắt họ cam kết một niềm thủy chung bền chặt, các cụ bô lão bỏ tiền ra thật mau chóng. Đồng tiền đã đem năng lực cứu rỗi chị Bông sớm đưa chị Bông về với gia đình.

Khi chị hớn hờ bước vào trong nhà, anh đã tiếp chị hoàn toàn như tiếp một gã đàn ông nào đó chưa quen thân lắm. Chút xiu ảo tưởng tình cảm còn lại đâu đó bây giờ cũng đã tan rồi. Chuyển ở tù này đã gạt lọc sạch những gì gọi là tình nghĩa cuối cùng nơi họ, và một lần nữa, người ta được thấy bất trắc cũng có cái mặt hữu ích lớn lao là làm sáng thêm lòng dạ con người. Từ cái địa vị người chồng, anh Dương chính thức thành một người ở với cái đặc điểm là có được con với bà chủ nhà, khi nào hai bên hay chỉ một bên nhà chủ xét thấy cần thiết.

Đó cũng là đặc điểm lớn của thời đại này. Không có cái gì chính thức là cái gì hết. Tất cả đều được phá phách, sao chế, nhập nhằng hỗn độn, với một nhãn hiệu nào đó bên ngoài.

1970

(Trích truyện dài *Lối Xóm*)

¹ Tục ngữ: "*Nhất có râu, nhì bầu ruột*"

Mỗi tác giả
Một tác phẩm

chất ngọc

vũ hạnh tuyển truyện ngắn



nhà xuất bản trẻ